

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

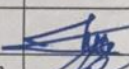
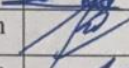
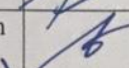
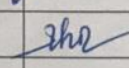
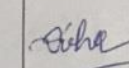
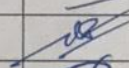
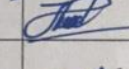
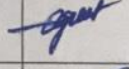
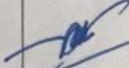
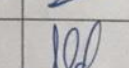
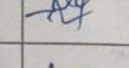


BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 12 năm 2020

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

(Kèm theo Quyết định số: 514 /QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	GS.TS. Trần Văn Chữ	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Trần Quang Bảo	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	PGS.TS. Bùi Văn Thắng	Viện trưởng Viện CNSH LN	Phó Chủ tịch TT	
4	ThS. Nguyễn Thị Thơ	Trưởng phòng Tổng hợp	Thư ký	
5	ThS. Dương Thị Việt Hà	Phó Trưởng khoa Nông học (Phân hiệu Đồng Nai)	Thành viên	
6	PGS.TS. Phạm Minh Toại	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	ThS. Nguyễn Hữu Cương	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
8	PGS.TS. Nguyễn Văn Việt	Phó Viện trưởng Viện CNSHLN	Thành viên	
9	PGS.TS. Vũ Quang Nam	Phó Viện trưởng Viện CNSHLN	Thành viên	
10	TS. Vũ Kim Dung	Trưởng BM Công nghệ Vi sinh – Hoá sinh	Thành viên	
11	Nguyễn Thị Hà Phượng Loan	Sinh viên k62 CNSH	Thành viên	

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
<i>a. Nội dung tự đánh giá CTĐT</i>	<i>1</i>
<i>b. Mục đích tự đánh giá</i>	<i>1</i>
<i>c. Phạm vi tự đánh giá</i>	<i>2</i>
<i>d. Công cụ đánh giá</i>	<i>2</i>
<i>e. Hội đồng tự đánh giá</i>	<i>2</i>
<i>f. Phương pháp đánh giá</i>	<i>2</i>
<i>g. Quy trình tự đánh giá</i>	<i>3</i>
<i>h. Phương pháp mã hóa minh chứng</i>	<i>4</i>
2. Tổng quan chung	4
<i>a. Tổng quan về Trường Đại học Lâm nghiệp</i>	<i>4</i>
<i>b. Tổng quan về Viện CNSH LN</i>	<i>9</i>
<i>c. Tổng quan về ngành CNSH</i>	<i>10</i>
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	11
<i>Tiêu chí 1.1.</i>	<i>11</i>
<i>Tiêu chí 1.2..</i>	<i>14</i>
<i>Tiêu chí 1.3..</i>	<i>18</i>
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	21
<i>Tiêu chí 2.1..</i>	<i>22</i>
<i>Tiêu chí 2.2.</i>	<i>26</i>
<i>Tiêu chí 2.3.</i>	<i>29</i>
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	32
<i>Tiêu chí 3.1.</i>	<i>32</i>
<i>Tiêu chí 3.2.</i>	<i>37</i>
<i>Tiêu chí 3.3.</i>	<i>40</i>
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	44
<i>Tiêu chí 4.1.</i>	<i>44</i>
<i>Tiêu chí 4.2.</i>	<i>46</i>
<i>Tiêu chí 4.3.</i>	<i>50</i>
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	56

Tiêu chí 5.1.	56
Tiêu chí 5.2.	60
Tiêu chí 5.3.	63
Tiêu chí 5.4.	67
Tiêu chí 5.5.	69
Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	72
Tiêu chí 6.1.	72
Tiêu chí 6.2.	78
Tiêu chí 6.4:	83
Tiêu chí 6.5.	86
Tiêu chí 6.6.	88
Tiêu chuẩn 6.7.	90
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	93
Tiêu chí 7.1.	95
Tiêu chí 7.2.	103
Tiêu chí 7.3.	106
Tiêu chí 7.4.	109
Tiêu chuẩn 7.5.	113
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	118
Tiêu chí 8.1.	119
Tiêu chí 8.2.	121
Tiêu chí 8.3.	123
Tiêu chí 8.4.	126
Tiêu chí 8.5.	128
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	131
Tiêu chí 9.1.	132
Tiêu chí 9.2.	134
Tiêu chí 9.3.	138
Tiêu chí 9.4.	140
Tiêu chí 9.5.	142
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	146

<i>Tiêu chí 10.1.</i>	146
<i>Tiêu chí 10.2.</i>	150
<i>Tiêu chí 10.3.</i>	154
<i>Tiêu chí 10.4.</i>	157
<i>Tiêu chí 10.5.</i>	160
<i>Tiêu chí 10.6.</i>	162
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	165
<i>Tiêu chí 11.1.</i>	166
<i>Tiêu chí 11.2.</i>	169
<i>Tiêu chí 11.3.</i>	172
<i>Tiêu chí 11.4.</i>	177
<i>Tiêu chí 11.5.</i>	181
PHẦN III. KẾT LUẬN	189
1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành <i>CNSH</i>	189
2. Tóm tắt những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành <i>CNSH</i>	192
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	194
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT	194
PHẦN IV. PHỤ LỤC	198

BẢNG KÝ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT

BGH	- Ban giám hiệu
CBVC	- Cán bộ viên chức
CGCN	- Chuyển giao công nghệ
CNSH LN	- Công nghệ sinh học Lâm nghiệp
CNSH	- Công nghệ sinh học
CĐR	- Chuẩn đầu ra
CNTT	- Công nghệ thông tin
CSVC	- Cơ sở vật chất
CTDH	- Chương trình dạy học
CTĐT	- Chương trình đào tạo
CVHT	- Cố vấn học tập
ĐHLN	- Đại học Lâm nghiệp
ĐN	- Đồng Nai
ĐT	- Đào tạo
GD&ĐT	- Giáo dục và Đào tạo
GS, PGS	- Giáo sư, Phó giáo sư
GVCN	- Giáo viên chủ nhiệm
GV	- Giảng viên
GDDH	- Giáo dục đại học
HN	- Hà Nội
HSSV	- Học sinh - sinh viên
HTQT	- Hợp tác quốc tế
KH&CN	- Khoa học và Công nghệ
KH&ĐT	- Khoa học và đào tạo
KQHT	- Kết quả học tập
KT&ĐBCL	- Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
KTHP	- Kết thúc học phần
KTX	- Ký túc xá
K0	- Không có bằng cấp
KS	- Khảo sát

LĐHĐ	- Lao động hợp đồng
NCKH	- Nghiên cứu khoa học
NCS	- Nghiên cứu sinh
NTD	- Nhà tuyển dụng
PH	- Phân hiệu
QLDD	- Quản lý đất đai
QLTNR	- Quản lý tài nguyên rừng
QTKD	- Quản trị kinh doanh
SV	- Sinh viên
TCCB	- Tổ chức cán bộ
TH, TN	- Thực hành, Thí nghiệm
TW	- Trung ương
XTTS&TVVL	- Xúc tiến tuyển sinh và Tư vấn việc làm

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển lâu dài một ngành học nói riêng và của Trường Đại học Lâm nghiệp nói chung. Trong xu thế phát triển của đất nước, với những đòi hỏi về cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, việc nâng cao chất lượng đào tạo ngày càng trở nên cấp thiết. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong những năm qua, Trường Đại học Lâm nghiệp đã luôn quan tâm đến chất lượng và đã áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Viện và Nhà trường. Mặc dù, được thành lập chưa lâu nhưng Viện Công nghệ sinh học Lâm nghiệp đã có những đóng góp đáng kể cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của Nhà trường. Từ khi được thành lập đến nay, Viện CNSH LN thường xuyên quan tâm và áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo và chương trình đào tạo của các ngành do Viện quản lý. Chính vì vậy, Trường ĐHLN đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Công nghệ sinh học theo Thông tư số 04/2016/TT - BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a. Nội dung tự đánh giá CTĐT

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành CNSH bao gồm 11 nội dung như sau: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá KQHT của người học; Chất lượng đội ngũ GV và NCV; Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

b. Mục đích tự đánh giá

Xác định được tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề khác có liên quan; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng Viện trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về CNSH đứng đầu cả nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế;

Tự đánh giá giúp xây dựng thái độ, nhận thức đúng đắn của lãnh đạo, nhà quản lý, các chuyên viên, cán bộ, giảng viên và nhân viên về nhu cầu và trách nhiệm trong việc nâng cao và duy trì chất lượng đào tạo ngành học;

Thông qua hoạt động tự đánh giá đã thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Viện trong việc thực hiện các cam kết về CDR của ngành, về trách nhiệm thực hiện các sứ mệnh, mục tiêu chung của Nhà trường trong công tác đào tạo.

c. Phạm vi tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành CNSH theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

d. Công cụ đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019, công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

e. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH được thành lập theo Quyết định số 866/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHLN và Quyết định số 514/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020 V/v điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH, Hội đồng gồm có 11 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký gồm 04 thành viên và 5 nhóm công tác chuyên trách gồm 23 thành viên được thành lập theo Quyết định số 866/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHLN và Quyết định số 514/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 4 năm 2020 V/v điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH.

Trưởng các nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của các nhóm như: Phân công các thành viên thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí, khớp nối các báo cáo tiêu chí và hoàn thiện các tiêu chuẩn theo đúng quy định. Ban thư ký tổng hợp báo cáo của các nhóm, góp ý kiến và chỉnh sửa báo cáo. Trong quá trình viết báo cáo, Ban thư ký thường xuyên tổ chức các cuộc họp Hội đồng tự đánh giá, họp ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách để trao đổi, thảo luận về nội dung của từng tiêu chí giúp cho việc hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

f. Phương pháp đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành CNSH được dựa theo hướng dẫn của:

(1) Thông tư số 04/2016/TT-BGĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(2) Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng);

(3) Công văn 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

(4) Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn chung tự đánh giá CTĐT.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá CTĐT đại học được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Hợp nhóm phân tích nội hàm của mỗi tiêu chí;
- Xác định danh mục minh chứng cần thu thập;
- Thu thập và tổng hợp MC;
- Mô tả thực trạng: mô tả tiêu chí căn cứ vào các MC thu thập được;
- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;
- Lập kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

g. Quy trình tự đánh giá

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng (MC);

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thành báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Viện và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Sau khi hoàn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá ngành CNSH, dự thảo báo cáo tự đánh giá sẽ được công bố trong nội bộ Viện và Trường để các thành viên của Nhà trường: cán bộ, GV, nhân viên, SV có thể đọc và cho ý kiến trong thời gian 2 tuần. Sau đó, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách hoàn thiện báo cáo theo các góp ý của các bên liên quan và lưu giữ báo cáo tại phòng Tổng hợp của Viện và Trường. Tiếp theo là triển khai các hoạt động khắc phục các tồn tại đã nêu trong báo cáo tự đánh giá ngay sau khi hoàn thiện báo cáo.

h. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự; bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết và trùng với thứ tự của tiêu chuẩn
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 12 viết 12,...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp số 1.

H5.05. 01. 11: là MC thứ 11 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 5, được đặt ở hộp số 5.

2. Tổng quan chung

a. Tổng quan về Trường Đại học Lâm nghiệp

Trường ĐHLN được thành lập theo Quyết định số 127/CP ngày 19/8/1964 của Hội đồng Chính phủ.

- Tên giao dịch:

+ Tiếng Việt: **Trường ĐHLN** - viết tắt là LNH

+ Tiếng Anh: **Vietnam National University of Forestry** - viết tắt là VNUF.

Địa điểm: Trường ĐHLN có Trụ sở chính tại Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Phân hiệu tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và Phân hiệu tại phường Chi Lăng, tp Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Sứ mạng của Trường: “Trường ĐHLN là trung tâm đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ hàng đầu ở Việt Nam về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Là trung tâm giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ có uy tín cao về các lĩnh vực kỹ thuật và kiến trúc cảnh quan, kỹ thuật - công nghệ. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến nguồn nhân lực lâm nghiệp của cả nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước”.

Tầm nhìn của Trường: “Trở thành trường đại học đầu ngành của cả nước về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, về Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai ngang tầm các trường đại học tiên tiến trong khu vực châu Á về các mặt: Môi trường làm việc, học tập và nghiên cứu, chất lượng đào tạo, trong đó chú trọng đào tạo đại học hệ chính quy, sau đại học và liên kết đào tạo quốc tế, kết quả NCKH và chuyển giao công nghệ. Phát triển một số ngành theo định hướng nghiên cứu, một số ngành theo định hướng ứng dụng hoặc thực hành. Các yếu tố tạo thương hiệu cho Trường là môi trường văn hóa trí thức, chất lượng đào tạo sau đại học và đại học chính quy, xuất bản ấn phẩm khoa học (đặc biệt là ấn phẩm khoa học quốc tế và giáo trình), chuyển giao công nghệ, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, thành tích khoa bảng của SV, danh tiếng của cựu SV và của đội ngũ GV, nhà khoa học. Mở rộng thêm nhiều ngành nghề ngoài lĩnh vực lâm nghiệp để Trường phát huy tốt hơn các tiềm năng, thế mạnh và tận dụng cơ hội, khắc phục các điểm yếu và giảm thiểu thách thức, qua đó góp phần thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Trường là "đầu ngành của cả nước về lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn,...". Động lực phát triển của Trường nằm ở ba yếu tố căn bản nhất: (i) Tính hấp dẫn của Trường và của hệ thống ngành nghề đào tạo (có tác dụng thu hút đầu vào và cung cấp đầu ra có chất lượng tốt), (ii) Năng lực quản lý, điều hành của của đội ngũ cán bộ chủ chốt, (iii) Tâm huyết, tài năng và sức vươn lên của GV, nhà khoa học trong trường. Trong Trường ĐHLN, SV là nhân vật trung tâm; việc xây dựng đội ngũ GV và nhà nghiên cứu giỏi là trọng tâm; việc gắn kết đào tạo với nghiên cứu là tất yếu”.

Mục tiêu chung của Trường: “Tạo ra bước phát triển đáng kể về chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế và thứ hạng của Trường, thông qua các hoạt động giáo dục, đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ, HTQT; tạo ra môi trường sáng tạo, chuyên nghiệp, đổi mới, văn hóa tri thức và tự do học thuật; góp phần tích cực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội”.

Các mục tiêu chiến lược cụ thể của Trường: (1) Tạo ra môi trường làm việc mà ở đó phát huy được tối đa năng lực và tính năng động của mỗi tổ chức cấu thành, mỗi cá nhân cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý và phục vụ; (2) Phát triển nội lực và mối quan hệ chiến lược với các đối tác trong và ngoài nước để xây dựng năng lực thực hiện các nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội về đào tạo, nghiên cứu và tác động chính sách; (3) Xây dựng bộ máy và cơ chế quản lý có khả năng dự báo nhu cầu, xác định điểm mạnh, điểm yếu, các khoảng trống trong hệ thống để có thể phản ứng một cách năng động với những thay đổi của môi trường hoạt động; (4) Đến năm 2020, thứ hạng của Trường ĐHLN thuộc top 50 - 60 trong tổng số trường đại học ở Việt Nam; đến năm 2030 thuộc top 40-50.

Giá trị cốt lõi của Trường: (1) Chất lượng và hiệu quả: ĐHLN luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu trong mọi hoạt động phát triển của Nhà trường (chất lượng); Định hướng phát triển đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV (hiệu quả); (2) Đổi mới và sáng tạo: ĐHLN luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và tôn trọng sự khác biệt và đa dạng trong quản trị Nhà trường, trong giảng dạy và nghiên cứu, trong định hướng phát triển Nhà trường; (3) Kế thừa và phát triển: ĐHLN luôn tôn trọng và kế thừa truyền thống phát triển của Nhà trường; luôn ưu tiên phát triển và nâng cao chất lượng các ngành truyền thống. Truyền thống là bệ phóng cho sự phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai; (4) Hợp tác và thân thiện: ĐHLN luôn mở rộng hợp tác với tất cả các đối tác trong nước và quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao KHCN. Quan hệ hợp tác trên nền tảng bình đẳng, cùng có lợi, lâu dài và bền vững; (5) Trung thực và trách nhiệm: ĐHLN luôn yêu cầu sự trung thực và trách nhiệm trong công việc. Mỗi thành viên của ĐHLN phải luôn cống hiến, tôn trọng luật pháp và quy định của Nhà trường.

Trường ĐHLN hiện có tổng số 1.017 công chức, viên chức và người lao động (đội ngũ nhân viên phục vụ: 385 người; đội ngũ giảng dạy: 632 người, chiếm 62% trên tổng số công chức, viên chức và người lao động toàn Trường). Về chất lượng đội ngũ:

Tiến sĩ: 168 người; Thạc sĩ: 502 người; Đại học: 253 người; Khác: 95. Trong đó đội ngũ giảng dạy: 07 Giáo sư, 37 Phó Giáo sư, 117 Tiến sĩ, 369 Thạc sĩ và 102 Đại học.

Nhà trường hiện đang đào tạo 32 ngành học bậc đại học, 10 ngành học bậc thạc sĩ và 06 ngành học bậc tiến sĩ.

Hiện tại, hệ thống CSVC, trang thiết bị của Nhà trường ở cả ba địa điểm Hà Nội, Đồng Nai, Gia Lai đều đáp ứng tốt quy mô đào tạo và NCKH cho HSSV và cán bộ của Nhà trường.

Vấn đề nâng cao chất lượng ngành đào tạo được Nhà trường hết sức quan tâm để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, NTD, GV được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có tính hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT, CSVC và đội ngũ cán bộ của Nhà trường. Quá trình dạy và học được rà soát, đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Các đề tài NCKH của cán bộ GV, phong trào NCKH SV được quan tâm đáng kể. Các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng và lồng ghép vào chương trình giảng dạy các môn học. Tăng khả năng tiếp cận với thực tiễn cho SV và giúp nâng tầm ảnh hưởng của ngành học đối với xã hội. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và cải thiện nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc dạy và việc học.

Cho đến nay, Nhà trường đã đào tạo được hơn 70 tiến sĩ, trên 3.000 thạc sĩ và trên 40.000 kỹ sư và cử nhân. Các cán bộ tốt nghiệp từ Trường ĐHLN đã và đang góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển ngành, phát triển toàn diện KTXH trên địa bàn cả nước, trong đó có nhiều đồng chí đã và đang đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt của Đảng và Nhà nước từ TW tới các địa phương. Ngoài ra, Nhà trường còn đào tạo trên 200 kỹ sư, thạc sĩ cho các nước bạn: Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Campuchia.

NCKH luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường, được xác định rõ trong sứ mạng, mục tiêu phát triển Trường. Trong giai đoạn từ 2016 - 2020, Trường ĐHLN là cơ quan chủ trì 22 nhiệm vụ cấp quốc gia trong đó có: 03 nhiệm vụ Quỹ gen; 04 đề tài độc lập cấp Quốc gia; 01 nhiệm vụ do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; 01 nhiệm vụ thuộc

chương trình Tây Bắc; 02 nhiệm vụ thuộc Chương trình Công nghệ sinh học và 11 đề tài thuộc Quỹ Nafosted.

Đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, giai đoạn 2016-2020 Nhà trường là đơn vị chủ trì thực hiện 30 nhiệm vụ trong đó có 11 Đề tài NCKH cấp Bộ, 01 dự án Sản xuất thử nghiệm, 04 dự án thuộc Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020, 02 nhiệm vụ Bảo vệ Môi trường và 12 nhiệm vụ xây dựng tiêu bản chuẩn quốc gia. Trong giai đoạn này, Trường ĐHLN cùng cán bộ, GV cũng đã chủ động hợp tác mở rộng lĩnh vực hoạt động KH&CN với sở, ban, ngành của địa phương – đây là thế mạnh của Nhà trường cụ thể như sự hợp tác với UBND Bắc Giang, UBND Hoà Bình, UBND Thanh Hoá, UBND Nghệ An, UBND Quảng Trị, UBND Lai Châu. Đây là tiền đề để phát triển NCKH và chuyển giao công nghệ, cụ thể giai đoạn 2016-2020 Nhà trường đã và đang thực hiện 10 nhiệm vụ cấp Tỉnh, 15 hợp đồng dịch vụ KH&CN với các địa phương.

Trong 5 năm qua (2016-2020), toàn thể cán bộ, GV của Trường ĐHLN đã thực hiện 195 nhiệm vụ cấp cơ sở (do Trường quản lý). Trong đó, lĩnh vực quản lý tài nguyên rừng và môi trường thực hiện 58 nhiệm vụ; lĩnh vực công nghiệp rừng và chế biến lâm sản 36 nhiệm vụ; lĩnh vực giống và công nghệ sinh học 21 nhiệm vụ; lĩnh vực kinh tế, chính sách lâm nghiệp có 38 nhiệm vụ, lĩnh vực lâm sinh 19 nhiệm vụ, lĩnh vực kiến trúc cảnh quan và nội thất 9 nhiệm vụ, lĩnh vực đào tạo 9 nhiệm vụ, lĩnh vực ứng dụng CNTT 05 nhiệm vụ. Các nhiệm vụ đã đáp ứng và giải quyết các vấn đề của Nhà trường về đào tạo, chính sách cũng như là tiền đề để xây dựng các nhiệm vụ mới góp phần giải quyết các vấn đề của Bộ, ngành, địa phương, và Nhà nước.

Đối với công bố kết quả nghiên cứu và các ấn phẩm khoa học: giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường công bố 145 công trình trên các tạp chí, hội nghị, hội thảo nước ngoài và 933 bài đăng trên các tạp chí, hội nghị, hội thảo trong nước (danh mục cụ thể được đăng tải trên cổng thông tin điện tử trường ĐHLN <http://vnuf.edu.vn/danh-muc-bai-bao-quoc-te1>);

Về công tác sở hữu trí tuệ: trong 05 năm từ 2016-2020, Nhà trường đã được cấp 05 Giấy chứng nhận quyền tác giả và 02 Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích; đã được Bộ NN và PTNT công nhận 07 Tiến bộ kỹ thuật;

Về hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho cán bộ trẻ và SV: nhằm tạo môi trường phát huy ý tưởng khởi nghiệp cho cán bộ trẻ và SV của trường ĐHLN, hằng

năm Nhà trường đều tổ chức cuộc thi khởi nghiệp lâm nghiệp do Nhà trường chủ trì tổ chức và lựa chọn các dự án tham gia cuộc thi khởi nghiệp quốc gia. Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đã trở thành hoạt động thường niên của Nhà trường, thu hút được nhiều cán bộ trẻ và SV của Nhà trường cũng như một số đơn vị khác tham gia. Kết quả, tính đến năm 2020 đã có 55 dự án đã được hỗ trợ.

Công tác quản lý tài chính của Trường trong những năm qua đã được cải tiến mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Nhà trường và tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Trường điều hành tập trung và điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu đáp ứng yêu cầu công việc của Nhà trường, đồng thời quan tâm đến việc cải thiện thu nhập cho người lao động.

b. Tổng quan về Viện CNSH LN

Viện CNSH LN là đơn vị chính thực hiện CTĐT ngành CNSH được thành lập năm 2013 trên cơ sở sát nhập Trung tâm Giống và CNSH với Bộ môn Sinh học thuộc Khoa Lâm học (theo quyết định số 258/QĐ-BNN-TCCB ngày 06 tháng 02 năm 2013).

Viện CNSH LN là một trong 7 đơn vị tham gia đào tạo của Trường ĐHLN, Viện CNSH LN với 14 năm kinh nghiệm trong đào tạo có sứ mạng: “Đào tạo nguồn cán bộ chất lượng cao và cung cấp các dịch vụ khoa học - công nghệ thuộc các lĩnh vực Sinh học, Công nghệ sinh học, Giống cây lâm nghiệp, chăn nuôi và thú y nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Nông - Lâm nghiệp và đất nước”.

Viện CNSH LN thuộc cơ sở chính tại Hà Nội của Trường ĐHLN gồm có tổng số 06 bộ môn, 01 trung tâm và 01 phòng Tổng hợp với tổng số viên chức, lao động hợp đồng là 42 trong đó có: GS: 01, PGS,TS: 05; TS: 12, Thạc sỹ: 21 (trong đó có: 5 NCS nước ngoài và 3 NCS trong nước), Bác sỹ thú y: 01; kỹ sư/cử nhân: 02; khác: 01. Tại phân hiệu Đồng Nai, CTĐT ngành CNSH được quản lý trực tiếp tại Bộ môn CNSH thuộc khoa Nông học, bộ môn gồm 5 cán bộ trong đó có: TS:01, Thạc sỹ: 01 và kỹ sư: 03.

Viện CNSH LN có trụ sở làm việc, các phòng THPTN là toàn bộ tầng 2 nhà A3 gồm: 13 phòng phục vụ thực hành, thí nghiệm, thực tập và NCKH; 7 văn phòng bộ môn và trung tâm; 01 phòng tổng hợp; 01 phòng làm việc của Ban lãnh đạo Viện và 01 phòng họp.

Tính đến thời nay, Viện CNSH LN cùng bộ môn CNSH thuộc phân hiệu Đồng Nai đã đào tạo hơn 10 thạc sỹ CNSH và hơn 600 kỹ sư. NCKH là một trong những thế

mạnh của thầy và trò Viện CNSH LN, trong giai đoạn từ 2015-2020 các thầy/cô Viện CNSH LN đã và đang chủ trì 12 đề tài cấp Nhà nước, 07 đề tài cấp Bộ, 52 đề tài cấp cơ sở và tương đương, 02 bằng độc quyền giải pháp hữu ích và 10 lượt thầy/cô được nhận các giải thưởng về NCKH trong nước và quốc tế. Ngoài ra, Viện cũng là một trong những đơn vị có thành tích nổi trội về hoạt động NCKH SV cụ thể từ năm học 2014-2015 đến năm học 2019-2020 đã có 155 đề tài đã và đang thực hiện, nhiều đề tài đạt các giải cao cấp Trường cũng như cấp Bộ.

c. Tổng quan về ngành CNSH

Ngành CNSH là một trong bốn ngành đào tạo bậc đại học của Viện CNSH LN, với thời gian đào tạo 4 năm, số tín chỉ 135 và 68 học phần thuộc các lĩnh vực kiến thức khác nhau. Viện CNSH LN xác định chất lượng CTĐT là một trong số những yếu tố quan trọng bậc nhất tác động đến chất lượng đào tạo của Viện nói riêng và trường ĐHLN nói chung. Chính vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNSH là hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng CTĐT cho phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực hiện nay của xã hội.

Hiện nay, ngành CNSH có 04 chuyên ngành: Công nghệ tế bào thực vật, Công nghệ gen, Công nghệ vi sinh & hóa sinh và Chọn tạo giống cây trồng. Số lượng GV của ngành (gồm cả cơ sở Hà Nội và các Phân hiệu) là 45 GV (kể cả kiêm giảng), gồm có 1 GS, 7 PGS, 15 TS, 22 Ths. Số lượng GV quy đổi hiện nay là 55,6 người. Số lượng SV chính quy là 726 SV (từ năm 2015-2020). SV ngành CNSH luôn đứng top đầu trong Trường về thành tích học tập và NCKH.

Qua quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập và xử lý MC, viết bản thảo, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, Viện CNSH LN đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT của ngành. Báo cáo tự đánh giá ngành CNSH đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, khó khăn cùng với kế hoạch khắc phục của ngành.

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mở đầu

Viện CNSHLN là đơn vị quản lý đào tạo ngành CNSH được thành lập năm 2013 trên cơ sở sát nhập Trung tâm Giống và CNSH với Bộ môn Sinh học thuộc Khoa Lâm học. Trải qua 14 năm đào tạo đại học ngành CNSH, sứ mạng, mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành CNSH luôn được phổ biến, quán triệt sâu sắc trong tập thể lãnh đạo, GV, nghiên cứu viên và người học; được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển theo định hướng chiến lược kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. Viện CNSHLN đã huy động các GV, nhà khoa học là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ, các nhà khoa học có kinh nghiệm chuyên môn lâu năm, các nhà quản lý và các nhà tuyển dụng kỹ sư CNSH trong và ngoài Viện tham gia xây dựng CTĐT một cách bài bản. CTĐT ngành CNSH đã thể hiện được mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu và CĐR của ngành CNSH cũng nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao của các thành viên trong Viện; được các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước ủng hộ, hỗ trợ và đóng góp ý kiến để ngày càng hoàn thiện hơn.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT ngành Công nghệ sinh học (CNSH) được xác định một cách rõ ràng, được thể hiện ở mục tiêu đào tạo trong “Chương trình giáo dục đại học ngành CNSH” được ban hành theo các Quyết định số 566/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 29/12/2015, Quyết định số 1427/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 08/8/2017 và Quyết định số 2053-1/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Trường ĐHLN của Trường ĐH Lâm nghiệp: “Đào tạo kỹ sư CNSH có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu về CNSH; có năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng phân tích và đánh giá vấn đề; có năng lực nghiên cứu khoa học và có khả năng tiếp cận, ứng dụng các thành tựu CNSH mới vào thực tiễn nghề nghiệp; Đào tạo kỹ sư CNSH có chuyên môn vững, có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm; có khả năng

giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế; Kỹ sư Công nghệ sinh học sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp tục theo học các chương trình đào tạo sau đại học ngành CNSH và một số ngành liên quan tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.” [H01.01.01.01].

Mục tiêu của CTĐT cũng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐH Lâm nghiệp được thể hiện trong Chiến lược phát triển Trường ĐH Lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 “*Trường Đại học Lâm nghiệp là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng đầu ở Việt Nam về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Là trung tâm giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ có uy tín cao về các lĩnh vực kỹ thuật và kiến trúc cảnh quan, kỹ thuật - công nghệ. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến nguồn nhân lực lâm nghiệp của cả nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước” [H01.01.01.02].*

Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành CNSH cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục 2005 tại điều 2 về đào tạo con người Việt Nam và mục tiêu của GDĐH được quy định tại điều 5, Luật GDĐH 2012 “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” [H01.01.01.03], [H01.01.01.04].*

Mục tiêu của CTĐT ngành CNSH được xây dựng trên cơ sở ý kiến góp ý của các bên liên quan bao gồm giảng viên, nhà khoa học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng [H01.01.01.05]. Các nội dung khảo sát bao gồm: mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, thời lượng và sự phù hợp với quy định cũng như điều kiện học tập, tiến trình tổ chức, phương pháp đánh giá kết quả đào tạo, sự phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, nội dung các học phần đảm bảo yêu cầu, nội dung và thời lượng của các học phần thực tập nghề nghiệp, sự phù hợp của đào tạo tin học và ngoại ngữ trong CTĐT đều đạt được kết quả rất đồng ý và đồng ý rất cao (>90%), một tỷ lệ rất nhỏ

người khảo sát có ý kiến phân vân, không chắc chắn (< 6%) và không có ý kiến nào không đồng ý.

CTĐT của ngành CNSH cũng đã được Nhà trường tiến hành rà soát điều chỉnh định kỳ hai năm một lần. Cụ thể là các năm 2015, 2017, 2019 [H01.01.01.06] và ra quyết định phê duyệt CTĐT chính thức của ngành CNSH cho từng giai đoạn [H01.01.01.07]. Việc rà soát, sửa đổi CTĐT qua các năm 2015, 2017 và 2019 đều được tổng hợp và so sánh sự khác biệt sau các lần sửa đổi [H01.01.01.08].

Mục tiêu của CTĐT ngành CNSH được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức như Hội nghị đào tạo của Trường; Hội nghị CB, viên chức của Viện CNSHLN hàng năm, qua tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học, sổ tay sinh viên, qua các phương tiện thông tin của Viện và qua các hội nghị, hội thảo [H01.01.01.09], [H01.01.01.10].

Căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu thị trường lao động của Trường ĐHLN thực hiện năm 2019 [H1.01.01.11] cho thấy mục tiêu của CTĐT đã phản ánh rõ nét được nhu cầu của thị trường lao động đó là nhu cầu tuyển dụng kỹ sư CNSH làm nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, sản xuất trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chất lượng giáo dục sau các lần rà soát, sửa đổi CTĐT ngành CNSH được thể hiện trong kết quả so sánh các tiêu chí của CTĐT ngành CNSH với CTĐT ngành Quản lý đất đai (là ngành đã được kiểm định chất lượng năm 2019). So với ngành Quản lý đất đai, mục tiêu của CTĐT ngành CNSH đạt được đầy đủ các tiêu chí đặt ra và thường xuyên cập nhật, sửa đổi để phù hợp với sự thay đổi của từng giai đoạn phát triển của xã hội. Qua đó một lần nữa khẳng định rằng mục tiêu đào tạo của ngành CNSH luôn được xác định rõ ràng, có sửa đổi bổ sung, và công bố rộng rãi đến nhiều đối tượng liên quan.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo ngành CNSH của Viện CNSHLN được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường cũng như của Viện. CTĐT của ngành CNSH đã làm rõ mục tiêu đào tạo và CDR. CTĐT cũng thể hiện rõ nét nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với mục tiêu của luật GDĐH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT của cựu SV và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khảo sát ý kiến của cựu sinh viên đã tốt nghiệp các khóa từ 2015 -2020 và ý kiến của nhà tuyển dụng về mục tiêu CTĐT	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020– 2021
2	Tổ chức các buổi Hội thảo, tọa đàm để giới thiệu ngành nghề, mời các doanh nghiệp, cựu sinh viên thành đạt chia sẻ cũng như lấy ý kiến về mục tiêu đào tạo và nhu cầu thị trường	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020– 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

Trong 5 năm gần đây, CĐR của ngành CNSH được ban hành vào 3 thời điểm 2015, 2016, và 2019. CĐR của ngành luôn được gắn với mục tiêu đào tạo của ngành, được thể hiện trong quyết định về việc ban hành CĐR các ngành đào tạo trình độ đại học [H01.01.02.01]. CĐR của ngành CNSH được xây dựng bài bản và được công khai thông qua các văn bản, quyết định cũng như trên website của Nhà trường và các kênh thông tin dựa trên văn bản hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT. CĐR của ngành CNSH phản ánh được sứ mạng của Viện CNSHLN là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực CNSH; phát triển năng lực học tập, nghiên cứu của sinh viên; rèn luyện kỹ năng làm việc và lối sống trong môi trường hiện đại; chuyển giao những kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [H1.01.02.02].

CĐR ngành CNSH được xác định rõ ràng, bao quát các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt của sinh viên tốt nghiệp ngành CNSH về chuẩn kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học sau khi tốt nghiệp [H1.01.02.01];

[H1.01.02.03]. CĐR của ngành CNSH gồm 7 nội dung cụ thể và rõ ràng bao gồm chuẩn đầu ra yêu cầu về kiến thức, năng lực nghề nghiệp, kỹ năng (kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), yêu cầu về thái độ, yêu cầu về ngoại ngữ, vị trí sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Mỗi nội dung trong CĐR đã được cụ thể hóa bằng những yêu cầu cụ thể đối với người học sau khi tốt nghiệp: CĐR về kiến thức bao gồm những kiến thức chung như kiến thức về nhận thức tư tưởng, chính trị, kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học cơ bản, tin học và ngoại ngữ; kiến thức cơ sở khối ngành khoa học kỹ thuật như vi sinh vật học, hóa sinh học, sinh học phân tử, tin sinh học,...; kiến thức chuyên ngành đào tạo như công nghệ tế bào thực vật, công nghệ tế bào động vật, công nghệ vi sinh-hóa sinh, kỹ thuật di truyền,... CĐR về kỹ năng được xác định rõ bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm, trong đó kỹ năng cứng yêu cầu sinh viên sau khi tốt nghiệp phải có kỹ năng thành thạo các kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong các phòng thí nghiệm CNSH hiện đại, có khả năng đọc tài liệu, tổng hợp, mở rộng kiến thức chuyên môn và phát triển năng lực nghề nghiệp, có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức trong nghiên cứu và ứng dụng, có khả năng áp dụng các kỹ thuật CNSH truyền thống và hiện đại để phát triển sản phẩm mới, tổ chức và quản lý nghiên cứu, sản xuất sản phẩm thương mại về CNSH; kỹ năng mềm yêu cầu sinh viên sau khi tốt nghiệp phải có khả năng giao tiếp và làm việc tốt; sử dụng thành thạo công cụ tin học cơ bản trong hoạt động chuyên môn và xã hội; có kỹ năng phân tích và tư duy sáng tạo, linh hoạt, có khả năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình lưu loát... Đây chính là các kỹ năng cần đạt được của một sinh viên tốt nghiệp đại học nói chung để có thể đảm nhiệm được công việc đúng chuyên môn được đào tạo. CĐR về thái độ, yêu cầu người học phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và các quy định của các tổ chức nơi làm việc; Có tác phong công nghiệp, tinh thần thái độ nghiêm túc và có trách nhiệm cao trong công việc; có ý thức học tập và sáng tạo trong công việc. CĐR cũng chỉ rõ yêu cầu cụ thể về ngoại ngữ, tin học và khả năng nâng cao trình độ chuyên môn (thạc sĩ, tiến sĩ). Đặc biệt, CĐR ngành CNSH còn mô tả rõ vị trí công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp, người học sau tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc trong các doanh nghiệp, nhà máy, khu công nghệ cao, công ty tư vấn, công ty thương mại, xí nghiệp, trang trại, v.v. liên quan đến việc sản xuất và thương mại, dịch vụ các sản phẩm CNSH; các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có liên quan

đến sinh học và CNSH; các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp giảng dạy ngành sinh học và CNSH; các trung tâm y tế phân tích, xét nghiệm hóa sinh, tế bào, phân tử có sử dụng các kỹ thuật CNSH; các cơ quan quản lý nhà nước có lĩnh vực hoạt động liên quan tới sinh học và CNSH; Kỹ sư CNSH sau khi tốt nghiệp có thể tự khởi nghiệp, tạo lập doanh nghiệp trong lĩnh vực CNSH. Điều này thể hiện rõ với các học phần chuyên môn hóa và thực tập nghề nghiệp được nêu chi tiết trong CTĐT ngành CNSH [H01.01.02.04] và đề cương chi tiết học phần [H01.01.02.05]. Qua đây, người học có thể dễ dàng hình dung ra được chuyên môn nghề nghiệp cũng như triển vọng việc làm của mình trong tương lai.

CĐR ngành CNSH được cụ thể hóa qua các mục tiêu giảng dạy các học phần trong đề cương chi tiết học phần thuộc ngành CNSH [H1.01.02.05] và có mối liên hệ với mục tiêu của ngành CNSH thông qua ma trận kiến thức kỹ năng [H1.01.02.06]. Với mỗi một CĐR đều thể hiện được một hoặc nhiều mục tiêu đào tạo khác nhau và ngược lại một mục tiêu đào tạo cũng sẽ được cụ thể hóa bằng một hoặc nhiều CĐR khác nhau. Ví dụ với mục tiêu là đào tạo ra kỹ sư CNSH có khả năng “sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, phát triển và giải quyết vấn đề mới, quản lý và điều hành được hoạt động sản xuất” thì mục tiêu này được cụ thể hóa bằng một số CĐR cụ thể như: 03 CĐR về kiến thức chuyên môn như hiểu và vận dụng được các khối kiến thức ngành và chuyên ngành về CNSH, hiểu và áp dụng hợp lý phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật tổ chức thí nghiệm, phương pháp phân tích số liệu và các quy trình cơ bản của CNSH hiện đại trong thực tiễn nghề nghiệp, có khả năng tư duy hệ thống và phân tích đa chiều, đánh giá tổng hợp và giải quyết được một số vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực CNSH; 04 CĐR về kỹ năng như thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật, công nghệ, thiết bị CNSH, có khả năng áp dụng các kỹ thuật CNSH cả truyền thống và hiện đại để phát triển sản phẩm mới, có năng lực quản lý, tổ chức nghiên cứu, sản xuất và xúc tiến thương mại sản phẩm CNSH, có khả năng hình thành ý tưởng mới liên quan chuyên môn và khởi nghiệp, xây dựng mục tiêu các nhân, động lực làm việc, phát triển cá nhân và tổ chức; CĐR về ngoại ngữ và tin học như đạt trình độ tiếng Anh chuẩn TOEIC 450 và đạt trình độ tin học ứng dụng cơ bản.

Để nâng cao chất lượng xây dựng CĐR các ngành hệ đại học đáp ứng với nhu cầu thực tiễn, từ năm 2018, Nhà trường đã ban hành quy trình rà soát, hoàn thiện CĐR các CTĐT từ việc thông báo kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR các chương trình đào

tạo bậc đại học, đến việc thành lập Tiểu ban rà soát, điều chỉnh CĐR với các kế hoạch triển khai chi tiết [H1.01.02.07]. Các nội dung rà soát, chỉnh sửa CĐR được dựa trên các ý kiến khảo sát của người học, giảng viên và cựu sinh viên liên quan đến CĐR của CTĐT ngành CNSH [H1.01.02.08]. Viện CNSH kết hợp với các phòng ban chuyên môn tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan; bao gồm giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về CTĐT ngành CNSH. Theo đó, việc lấy ý kiến được tiến hành tương đối đầy đủ vào năm 2018, tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về CTĐT dưới dạng biên bản [H1.01.02.09] và tổng hợp kết quả khảo sát giảng viên, người học và người học tốt nghiệp về CĐR của CTĐT [H1.01.02.10]. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Viện CNSHLN đã hoàn thiện CĐR ngành CNSH cho các năm 2015, 2016 và 2019 [H1.01.02.01], trong đó CĐR đã được mô tả rõ ràng và đánh giá được thông qua những yêu cầu cụ thể. Bên cạnh đó, CĐR có thể đo lường được thông qua kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo. Qua đó, các giảng viên, sinh viên và các nhà tuyển dụng dễ dàng nắm bắt được đầy đủ thông tin, hiểu rõ hơn và đánh giá đúng chất lượng dạy và học của ngành CNSH tại Trường ĐHLN.

2. Điểm mạnh

CĐR ngành CNSH được xây dựng phù hợp với quy trình xây dựng và công bố CĐR trong công văn 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 và thể hiện rõ ràng, cụ thể yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người học khi tốt nghiệp trong CTĐT và đề cương chi tiết các học phần. CĐR ngành CNSH cũng thể hiện được triển vọng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp của người học, đồng thời phản ánh được rõ nét mục tiêu đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu SV, giảng viên, các nhà khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR chưa được thực hiện thường xuyên, rộng khắp.

4. Kế hoạch hành động

Stt	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thu thập thông tin, lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, người học đã tốt nghiệp và cán bộ GV về CĐR ngành CNSH một cách hệ thống.	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020 – 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Theo công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH về việc hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR năm 2010 của Bộ GDĐT [H01.01.03.01], CĐR ngành CNSH được ban hành trong 3 năm là 2015, 2016 và 2019 [H01.01.03.02], được cụ thể hóa trong CTĐT đại học [H01.01.03.03] và công bố công khai trên website của Trường ĐHLN [H01.01.03.04].

Để xây dựng và công bố được CĐR theo các quyết định này, Viện CNSHLN đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến trên nhiều đối tượng khác nhau qua các mẫu phiếu điều tra CĐR đối với các bên liên quan trong các năm 2014 và 2018 [H01.01.03.05]. Sau khi thu thập các phiếu điều tra CĐR đối với các bên liên quan, hội đồng Khoa học đào tạo của Viện đã tiến hành họp tổng hợp ý kiến để đánh giá, phân tích. Kết quả tổng hợp ý kiến của nhà tuyển dụng cho thấy những yêu cầu rất cụ thể và nhấn mạnh về kiến thức cũng như kỹ năng cần đạt được của người học sau khi tốt nghiệp. Những kiến thức về CNSH hiện đại, các hướng chuyên môn sâu như Công nghệ gen, Công nghệ vi sinh – hóa sinh, Công nghệ tế bào; cùng với đó là kỹ năng tổ chức, thiết kế công việc, một số kỹ năng về thuyết trình, tổng hợp tư liệu khoa học, tư duy logic và phân biện. Nhà tuyển dụng cũng đưa ra các vị trí công việc tiềm năng tại các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng đối với từng chuyên môn của ngành CNSH. Đây là những thông tin quan trọng để xác định được CĐR bám sát với yêu cầu xã hội của ngành CNSH. Ngoài ra, các ý kiến của giảng viên và nhà khoa học thể hiện sự quan tâm về kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp. Đối với cựu người học, các ý kiến chủ yếu về mức độ cần thiết của từng đơn vị kiến thức và từng kỹ năng thiết yếu để phục vụ cho công việc mà cựu người học đảm nhiệm [H01.01.03.06].

Từ những ý kiến đánh giá của các bên liên quan, CĐR ngành CNSH đã được điều chỉnh để phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn. Cụ thể như: so sánh CĐR của ngành CNSH ban hành năm 2016 với năm 2015 cho thấy, CĐR năm 2016 đã bổ sung thêm kiến thức về lý luận chính trị, khoa học cơ bản bên cạnh việc nhấn mạnh đến sự cần thiết của các kỹ năng chuyên môn. CĐR ban hành năm 2019 so với năm 2016 cũng có một số thay đổi về cả kiến thức và kỹ năng [H01.01.03.07]. Cụ thể về kiến thức, CĐR

năm 2019 ngoài yêu cầu về “hiểu” và “nắm được” còn yêu cầu về khả năng “vận dụng được” các kiến thức cơ bản vào lĩnh vực CNSH; về kỹ năng thì CĐR năm 2019 đã mô tả rất chi tiết nhiều kỹ năng nghề nghiệp của nhiều chuyên môn hóa khác nhau trong ngành CNSH, đặc biệt là những kỹ năng về tư duy logic, phản biện, cũng như nhóm kỹ năng về ngoại ngữ, tin học. Việc rà soát, chỉnh sửa CĐR phù hợp với điều kiện thực tiễn đã được chứng minh hiệu quả thông qua kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học trong 5 năm gần nhất [H01.01.03.08]. Kết quả tốt nghiệp của người học ngành CNSH từ K57 đến K61 với tỷ lệ xếp loại xuất sắc và loại giỏi tương đối cao (xấp xỉ 30%), tỷ lệ xếp loại khá đạt từ 50% đến 62,5%, một tỷ lệ thấp xếp loại trung bình (7,3% - 12,2%). So sánh kết quả tốt nghiệp của người học từ K57 đến K61 của ngành CNSH với ngành Lâm sinh, CN chế biến lâm sản và thiết kế nội thất cho thấy: tỷ lệ sinh viên ngành CNSH tốt nghiệp loại xuất sắc cao nhất so với 03 ngành còn lại (trung bình đạt 5,4%), tỷ lệ sinh viên loại giỏi cũng đạt tỷ lệ cao nhất (30,86%), tỷ lệ tốt nghiệp loại khá xếp thứ ba trong số bốn ngành so sánh, còn tỷ lệ tốt nghiệp loại trung bình thấp thứ hai chỉ sau ngành Lâm sinh. Qua kết quả đối sánh về tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của sinh viên ngành CNSH với kết quả tốt nghiệp của ba ngành khác trong Trường đã góp phần khẳng định những rà soát, chỉnh sửa CĐR của ngành CNSH là phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng giai đoạn cụ thể.

Cùng với việc rà soát, sửa đổi CĐR cho phù hợp với tình hình cụ thể qua các năm 2015, 2016 và 2019 [H01.01.03.02], [H01.01.03.09], [H01.01.03.10], Viện CNSH đã tiến hành rà soát và chỉnh sửa CTĐT tương ứng với 03 mốc thời gian là 2015, 2017, và 2019 [H01.01.03.11] dựa trên biên bản tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [H01.01.03.06]. So sánh CTĐT sửa đổi qua 3 năm, cụ thể là so sánh CTĐT năm 2017 với 2015, và 2019 với 2017 cho thấy: Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo không thay đổi qua 3 lần sửa đổi, vẫn giữ nguyên là 135 tín chỉ và tổng số tín chỉ tốt nghiệp vẫn là 10 tín chỉ. Các khối kiến thức được điều chỉnh theo hướng giảm kiến thức giáo dục đại cương và tăng kiến thức ngành. Trong nhóm kiến thức ngành thì khối kiến thức cơ sở ngành giảm và tăng khối kiến thức ngành. Cụ thể, trong khối kiến thức giáo dục đại cương, CTĐT năm 2017 giảm xuống còn 50 tín chỉ so với 55 tín chỉ của năm 2015, CTĐT năm 2019 so với 2017 có sự điều chỉnh giảm số tín chỉ từ 50 xuống 39 tín chỉ. Khối kiến thức bổ trợ được tăng lên 10 tín chỉ vào năm 2017 và 2019 so với 08 tín chỉ của năm 2015. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

tăng từ 72 tín chỉ năm 2015 lên 77 tín chỉ năm 2017 và tăng lên thành 81 tín chỉ vào năm 2019. Đặc biệt, CTĐT năm 2019 đã tăng số tín chỉ các học phần thực tập từ 01 tín chỉ thành 02 tín chỉ; thay thế thực tập nghề nghiệp (8 tín chỉ) bằng học kỳ doanh nghiệp (15 tín chỉ) nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng thực tế cho sinh viên để đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng [H01.01.03.12].

CĐR của ngành CNSH sau khi được điều chỉnh đã được công bố công khai trên website của Nhà trường (vnuf.edu.vn) giúp người học và xã hội dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được những kiến thức cũng như kỹ năng mà người học sẽ có được sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành đào tạo. Bên cạnh đó, CĐR còn được thường xuyên phổ biến trực tiếp cho sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong các cuốn sổ tay sinh viên hàng năm hay các tờ rơi quảng bá, tuyển sinh của ngành CNSH [H01.01.03.13]. Quá trình rà soát, sửa đổi CTĐT ngành CNSH phản ánh đúng nhu cầu thực tế của xã hội hiện nay là cần nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề để làm việc được ngay sau khi ra trường, tránh tình trạng phải đào tạo lại khi đi làm của sinh viên ra trường như trước đây.

Như vậy, CĐR ngành CNSH đã được định kỳ rà soát, chỉnh sửa và việc rà soát, chỉnh sửa được tiến hành một cách bài bản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và dựa trên ý kiến đóng góp của giảng viên, nhà khoa học, người học tốt nghiệp, đặc biệt là nhà tuyển dụng. Sau khi rà soát, chỉnh sửa, CĐR ngành CNSH được công bố rộng rãi trên nhiều hình thức để người học và xã hội được tiếp cận một cách dễ dàng.

2. Điểm mạnh

CĐR của ngành được kịp thời bổ sung, điều chỉnh định kỳ 2 năm một lần dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, chương trình tiên tiến trong nước và quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành CNSH. CĐR của CTĐT được công bố công khai rộng rãi.

3. Điểm tồn tại

Viện chưa thiết lập được kênh thông tin riêng, như website của Viện, để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu sinh viên, sinh viên, nhà tuyển dụng về CĐR.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các nhà khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng để góp ý cho CĐR chưa được thực hiện rộng rãi.

Chưa có đánh giá đối sánh giữa CĐR ngành CNSH của Trường ĐHLN với các Trường đại học trong nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thiết kế kênh thông tin riêng của Viện để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và góp ý cho CĐR ngành CNSH	Viện CNSH LN	Từ năm học 2021 - 2022
2	Thực hiện rộng rãi việc lấy ý kiến phản hồi từ các chuyên gia và nhà tuyển dụng về CĐR ngành CNSH	Viện CNSH LN	Từ năm học 2021 – 2022

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Chương trình đào tạo ngành CNSH có mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐH Lâm nghiệp, phù hợp với mục tiêu của GDĐH với CĐR tương ứng đáp ứng được yêu cầu của xã hội thông qua việc trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đạo đức về lĩnh vực CNSH. CTĐT và CĐR ngành CNSH được điều chỉnh, rà soát định kỳ và được công bố công khai giúp cho người học, nhà tuyển dụng, xã hội tiếp cận một cách dễ dàng và có thể đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ sư ngành CNSH. Tuy nhiên, còn có hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan, khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng và các chuyên gia giáo dục. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Viện CNSH LN đánh giá tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là khái niệm mới được đề cập lần đầu tiên trong thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT được hiểu là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của Nhà trường.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các môn học ngành CNSH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường ĐHLN ban hành từ năm 2015, điều

chính năm 2017 và năm 2019 theo các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHLN, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Viện. Trên cơ sở đó, bản mô tả CTĐT ngành CNSH được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá từng học phần. Bản mô tả CTĐT cũng được công bố công khai, là nguồn thông tin quan trọng, chính thống giúp các đối tượng người dạy, người học, NTD và xã hội dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả Chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT là bản mô tả nội dung chi tiết của một CTĐT, bao gồm cả cách thức và nguồn lực phục vụ cho công tác tổ chức thực hiện CTĐT đó. CTĐT ngành CNSH được xây dựng, rà soát, điều chỉnh, cập nhật dựa trên các căn cứ là các văn bản quyết định, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], các quyết định ban hành chuẩn đầu ra CTĐT của Trường ĐHLN [H2.02.01.03] và các quyết định, hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT đại học hệ chính quy của Trường ĐHLN [H2.02.01.04]. Và để việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT đại học hệ chính quy diễn ra trơn tru và đạt chất lượng cao nhất, Trường ĐHLN cũng đã ra quyết định thành lập ban chỉ đạo đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT [H2.02.01.05].

Việc xây dựng CTĐT ngành CNSH sau khi được thực hiện đảm bảo bám sát các văn bản hướng dẫn và đúng quy trình từ nhận thông báo, kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT của Nhà trường [H2.02.01.04], điều tra lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung, chất lượng CTĐT [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], sau đó xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra [H2.02.01.03], rồi đến xây dựng nội dung chi tiết CTĐT. Sau khi rà soát, điều chỉnh dựa trên khung CTĐT được ban hành chính thức, Viện CNSH LN tiếp tục xây dựng bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành CNSH [H2.02.01.08] sau khi được xây dựng có chứa đầy đủ các nội dung bao gồm: tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, tên văn bằng, tên cơ sở đào tạo, tên đơn vị cấp bằng, mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của CTĐT, điều kiện tuyển sinh, đối tượng tuyển chọn, khung CTĐT, tiến trình đào tạo (kế hoạch học tập toàn khóa), ma

trận kiến thức, kỹ năng, chương trình đối sánh, nội dung CTĐT, tóm tắt nội dung học phần, thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT. Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT ngành CNSH cũng đã tóm tắt mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc khóa học, nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo, ma trận đã thể hiện được sự đóng góp của 135 tín chỉ/64 Học phần đào tạo vào việc đạt CDR, có đầy đủ bản mô tả tóm tắt của 64 môn học/học phần. Nhìn chung, bản mô tả CTĐT mang tính tổng hợp, khái quát cao, giống như một bản giới thiệu ngắn gọn về toàn bộ CTĐT ngành CNSH. Thông qua bản mô tả CTĐT người học cũng như các đối tượng quan tâm khác hoàn toàn có thể hình dung một cách tổng quát về nội dung, phương pháp và sự vận hành của CTĐT kỹ sư ngành CNSH trong suốt 4 năm học tại Trường ĐHLN.

Bản mô tả CTĐT ngành CNSH được rà soát và định kì cập nhật, sửa đổi hai năm một lần theo kế hoạch sửa đổi CTĐT chung của toàn trường **[H2.02.01.04]**, **[H2.02.01.05]**. Để có thể đưa ra được các bản mô tả CTĐT sửa đổi đó, dựa trên nhu cầu thực tế về thị trường lao động, cũng như sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, GV, người học và người học đã tốt nghiệp **[H2.02.01.06]**, Viện CNSH LN đã tiến hành họp tổng hợp, tiếp thu các ý kiến đóng góp **[H2.02.01.07]**. Trên cơ sở đó, việc cập nhật, rà soát, kiểm tra đánh giá và điều chỉnh các nội dung trong bản mô tả CTĐT được xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng (ma trận kỹ năng đã được tích hợp trong nội dung Bản mô tả CTĐT) **[H2.02.01.08]** đáp ứng các mục tiêu của CDR ngành CNSH **[H2.02.01.03]** và phải đảm bảo nâng cao được chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp phù hợp các quy định của Luật giáo dục đại học **[H2.02.01.01]**, quy định về mở ngành đào tạo, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực của người học đạt được khi tốt nghiệp **[H2.02.01.02]** và đặc biệt là đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động **[H2.02.01.06]**, **[H2.02.01.07]**.

Việc thực hiện các nội dung cập nhật, rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh này đều có kế hoạch và phân công cụ thể theo trình tự từ cấp Bộ môn **[H2.02.01.09]** đến cấp Viện **[H2.02.01.10]** để xây dựng, điều chỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường kiến thức thực hành và chuyên môn cho SV phù hợp với yêu cầu của xã hội. Theo quy định hướng dẫn xây dựng bản mô tả CTĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành năm 2016 **[H2.02.01.02]**, năm 2017 lần đầu tiên bản mô tả CTĐT ngành CNSH được xây dựng dựa trên sự thay đổi của khung CTĐT

so với lần điều chỉnh trước vào năm 2015 **[H2.02.01.11]**. Bản mô tả CTĐT ngành CNSH năm 2017 thể hiện sự cải tiến trong cách tổ chức giảng dạy, giảm kiến thức đại cương (từ 55 xuống 50 tín chỉ) để tăng cường thời gian rèn luyện và nâng cao các kiến thức và kỹ năng thuộc khối các kiến thức ngành; trong khối kiến thức chuyên ngành có 10 môn học/học phần được giảm thời gian lý thuyết, tăng thời lượng thực hành, thực tập đồng thời bổ sung thêm 5 môn học/học phần tự chọn, nhằm tăng cường khả năng rèn nghề cho người học và hướng đến sự đa dạng hóa sản phẩm đầu ra, góp phần đáp ứng nhu cầu lao động có tính chuyên môn hóa cao của xã hội. Đối với lần điều chỉnh gần đây nhất vào tháng 3/2020, thông qua việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan **[H2.02.01.07]**, đặc biệt là NTD cùng với yêu cầu của thị trường lao động, Viện CNSH LN và Trường ĐHLN nhận thấy rằng việc thay đổi cách thức đào tạo trong modul thực tập nghề nghiệp là cần thiết. Do đó, so với lần điều chỉnh trước vào năm 2017, bản mô tả CTĐT năm 2020 dựa trên CTĐT được rà soát năm 2019 đã có những thay đổi lớn cụ thể: số tín chỉ của khối kiến thức đại cương giảm đi đáng kể (từ 50 tín chỉ xuống 39 tín chỉ), ngược lại số tín chỉ của khối kiến thức chuyên nghiệp cụ thể kiến thức ngành tăng lên 4 tín chỉ. Bốn tín chỉ này được sử dụng để bổ sung phần thực hành cho các môn chuyên ngành như Công nghệ tế bào động vật, Công nghệ nuôi trồng nấm, Công nghệ hóa sinh và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mỗi học phần 1 tín chỉ thực hành. Đây đều là những môn học có thời lượng thực hành được điều chỉnh tăng hoặc bổ sung so với lần điều chỉnh năm 2017. Mặt khác, để tăng cường kỹ năng nghề nghiệp và định hướng ngành nghề sớm cho SV, bản mô tả CTĐT năm 2020 còn thiết kế 1 học kỳ doanh nghiệp với 4 hướng chuyên môn hoá khác nhau **[H2.02.01.11]**. Theo đó, người học sẽ được lựa chọn đến các doanh nghiệp hoặc các cơ sở nghiên cứu (các cơ sở sử dụng lao động) thực tập trong 1 học kỳ với thời lượng 15 tín chỉ tương đương 5 tháng bằng việc lựa chọn một trong những modul chuyên môn hóa. Với việc thay đổi này, người học sẽ được tăng cường thêm thời gian thực tập trong thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp đồng thời xác định được định hướng nghề nghiệp cũng như tăng cơ hội việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, tăng cường đào tạo và đánh giá môn tiếng Anh **[H2.02.02.12]** và tin học **[H2.02.02.13]** theo chủ trương chung của Nhà trường cũng giúp nâng cao năng lực hội nhập của người học sau khi tốt nghiệp.

Như vậy, hồ sơ xây dựng, điều chỉnh, rà soát, cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành CNSH được đi theo đúng trình tự từ việc lập kế hoạch theo thông báo của Nhà trường [H2.02.01.04], đến việc thay đổi dựa trên góp ý của các bên liên quan [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Sau đó, Viện CNSH LN sẽ xây dựng Bản mô tả CTĐT trình Nhà trường phê duyệt [H2.02.01.14]. Và kết quả cuối cùng là Bản mô tả CTĐT chính thức ngành CNSH được phê duyệt [H2.02.01.08]. Các thông tin về bản mô tả CTĐT ngành CNSH chính thức đều được truyền tải thông qua nhiều hình thức khác nhau đến các đối tượng quan tâm như các bản tin trên website của Viện và Nhà trường [H2.02.01.15], được phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân HSSV [H2.02.01.16], sổ tay SV [H2.02.01.17] được phát vào đầu năm học đầu tiên cho các SV mới nhập học.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành CNSH được xây dựng bài bản trên cơ sở bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thể hiện đầy đủ thông tin và được tích hợp những nội dung mới nhất liên quan. Qua bản mô tả này, người học, nhà tuyển dụng và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như giúp người học có thể xây dựng được kế hoạch học tập để đạt kết quả cao nhất.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù bản mô tả CTĐT được xây dựng bài bản, công phu và có kế hoạch rà soát điều chỉnh theo định kỳ 2 năm, tuy nhiên, bản mô tả tóm tắt của một số học phần trong CTĐT chưa thực sự tốt để giúp người đọc có thể hình dung sơ bộ về nội dung môn học, cũng như đóng góp của môn học trong việc đạt được CDR.

Các ý kiến đóng góp để xây dựng CDR và CTĐT với số lượng ít và còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến đóng góp CDR và CTĐT của các bên liên quan	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020- 2021
2	Xây dựng kế hoạch viết bản mô tả các học phần trong CTĐT	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Trong một CTĐT, đề cương chi tiết các học phần chính là xương sống góp phần giúp người học đạt được tất cả các mục tiêu, cũng như CĐR của cả CTĐT đó. Mỗi đề cương chi tiết đóng vai trò quan trọng giúp người dạy và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình thông qua từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trên cơ sở bản mô tả các học phần được trình bày trong bản mô tả CTĐT ngành CNSH [H2.02.02.01], Viện CNSH LN đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Trường ĐHLN ban hành [H2.02.02.02]. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT [H2.02.02.03] được cụ thể hóa ở mục tiêu và được thể hiện ở các chuẩn đầu ra của từng học phần [H2.02.02.04], [H2.02.02.05].

Đề cương chi tiết các học phần CTĐT ngành CNSH được thể hiện trong Bản đề cương chi tiết môn học/học phần với đầy đủ các thông tin như sau:

- Tên môn học/học phần, mã học phần, số tín chỉ
- Đơn vị/GV phụ trách môn học
- Mục tiêu môn học (kiến thức, kỹ năng, thái độ)
- Mô tả tóm tắt nội dung học phần
- CĐR của môn học (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm)
- Cấu trúc nội dung học phần thể hiện ma trận liên kết nội dung chương mục với

CĐR

- Cấu trúc nội dung chi tiết học phần
- Phương pháp dạy và học
- Các yêu cầu của môn học/học phần,
- Phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả môn học
- Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

Trong 5 năm qua, đề cương chi tiết các học phần CTĐT ngành CNSH được rà soát, điều chỉnh 3 lần vào các năm 2015, 2017 và 2020 tương ứng với nhịp rà soát CTĐT. Trong mỗi lần rà soát, các nội dung, chất lượng của các môn học/học phần đều có sự tham gia ý kiến đóng góp của các bên liên quan như người học, cựu SV, NTD thông qua việc lấy ý kiến đóng góp cho nội dung, chất lượng của CĐR và của cả

CTĐT [H2.02.02.06], [H2.02.02.07], [H2.02.02.08]. Trên cơ sở đó, các Bộ môn và Viện sẽ họp [H2.02.02.09] tổng hợp, đánh giá, tiếp thu các ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các môn học trong CTĐT để từ đó có kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo thông báo của Nhà trường [H2.02.02.10].

Trong mỗi lần rà soát CTĐT, đề cương chi tiết học phần được xây dựng và cập nhật dựa trên cơ sở xây dựng ma trận phát triển kiến thức kỹ năng của cả CTĐT (ma trận phát triển kiến thức kỹ năng nằm trong bản mô tả CTĐT) [H2.02.02.11] và đảm bảo các quy định của Bộ GD&ĐT [H2.02.02.12] cũng như của Trường ĐHLN [H2.02.02.02]. Vào năm 2015, Nhà trường chưa ra quy chuẩn chung cho đề cương chi tiết nên bản mô tả đề cương chi tiết chủ yếu tập trung vào việc đặt mục tiêu kiến thức cho SV, phân bổ giờ giảng cũng như cấu trúc và tiến trình của nội dung trong môn học. Nhưng đến năm 2017, bản mô tả đề cương chi tiết học phần đã được xây dựng theo hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết của nhà trường nên so với năm 2015 đã được bổ sung thêm nhiều mục như CDR của học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR, các phương pháp kiểm tra đánh giá và danh mục tài liệu tham khảo [H2.02.02.13] nhằm cụ thể hóa giúp người học đạt được mục tiêu và CDR của môn học một cách dễ dàng hơn. Đồng thời, việc thay đổi trong đề cương chi tiết năm 2017 đã chú trọng đến việc giúp người dạy tập trung vào nâng cao kỹ năng cho người học. Tuy nhiên, về cơ bản nội dung chi tiết trong đề cương học phần giữa hai lần điều chỉnh, cập nhật năm 2015 và 2017 vẫn chưa có nhiều khác biệt.

Nhưng từ năm 2020 trở đi thông qua việc tiếp thu các ý kiến đánh giá, góp ý [H2.02.02.09], đề cương chi tiết môn học/học phần được thiết kế nhằm đáp ứng năng lực thực tế và kỹ năng thực hành của người học, các nội dung thông tin học phần được đổi mới đáp ứng CDR đã công bố và phù hợp với nhu cầu xã hội, đồng thời đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá học phần hướng tới năng lực của người học [H2.02.02.03]. Cụ thể, đề cương học phần năm 2020 có những điểm khác biệt so với đề cương học phần năm 2017 như mô tả ở bảng sau:

STT	Nội dung thay đổi	ĐCCT năm 2017	ĐCCT 2020	Ghi chú
1	Rubrics đánh giá môn học	Chưa có	Thêm mới	
2	Học phần Thực hành Công nghệ tế bào động	Chưa có	Thêm mới	

	vật			
3	Học phần thực hành Công nghệ hóa sinh	Chưa có	Thêm mới	
4	Học phần Công nghệ nuôi trồng nấm	25 tiết lý thuyết và 5 tiết thực hành (quy đổi 10 tiết)	25 tiết lý thuyết và 5 tiết thảo luận	
5	Học phần thực hành công nghệ nuôi trồng nấm	Chưa có	Thêm mới	
6	Học phần Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		25 tiết lý thuyết và 5 tiết thảo luận	
7	Thực hành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Chưa có	Thêm mới	
8	ĐCCT các modul trong học kì doanh nghiệp	Chưa có	Thêm mới	
9	Các học phần tự chọn	25 tiết lý thuyết, 5 tiết thực hành (quy đổi 10 tiết)	15 tiết lý thuyết, 15 tiết thực hành (quy đổi 30 tiết)	

Có thể nhận thấy, với sự thay đổi trọng tâm đề cương như vậy giúp ngày càng nâng cao năng lực của người học đặc biệt là năng lực về mặt kỹ năng nhằm đáp ứng những đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường lao động trong thời đại hội nhập mới.

2. Điểm mạnh

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường DHLN với đầy đủ các thông tin. Các đề cương học phần được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật có sự tham gia của các bên liên quan nhằm đáp ứng xu thế phát triển hiện nay ở trong nước và trên thế giới về các lĩnh vực chuyên ngành CNSH. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

3. Điểm tồn tại

Một số đề cương học phần chưa có hệ thống bài giảng, giáo trình bằng tiếng Việt để SV có thể khảo cứu dễ dàng. Viện thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về CNSH. Điều

này khiến cho GV, SV khó tiếp cận với kho dữ liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế và vì thế, chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo, thực hành, thực tập nghề nghiệp về CNSH. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến đóng góp về nội dung và chất lượng đề cương chi tiết các học phần của các bên liên quan còn hạn chế do số lượng đề cương các học phần nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Trang bị cơ sở dữ liệu online trong lĩnh vực CNSH phục vụ việc dạy và học	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020-2021
2	Lên kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung ĐCCT từng học phần/ môn học	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh CTĐT, bản mô tả CTĐT [H2.02.03.01] và đề cương chi tiết các học phần [H2.02.03.02] ngành CNSH được Trường ĐHLN ban hành vào các năm 2017, 2019. Bằng nhiều hình thức khác nhau thì tất cả các phiên bản của Bản mô tả CTĐT ngành CNSH và đề cương chi tiết các học phần này đều được phổ biến cho các đối tượng liên quan và cho xã hội. Các bên liên quan như GV, người học, nhà khoa học, NTD có nhu cầu thì đều có thể dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT ngành CNSH và đề cương chi tiết học phần bằng nhiều cách khác nhau như: Các phiên bản bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành CNSH đều được lưu tại phòng Tổng hợp Viện CNSH LN [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]. Do đó, những người quan tâm có thể liên hệ trực tiếp với phòng Tổng hợp Viện CNSH LN để tham khảo, nghiên cứu các phiên bản Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần. Bên cạnh đó, Viện CNSH LN đã công bố công khai cho người học, GV và xã hội nội dung của Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần bằng nhiều hình thức và các kênh thông tin khác nhau như: đăng tải lên website của Nhà trường, của Viện

[H2.02.03.03], giới thiệu cho SV khóa mới thông qua Tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa **[H2.02.03.04]**, các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông, sổ tay SV **[H2.02.03.05]**,... Đối với mỗi môn học trong CTĐT ngành CNSH, ngay từ buổi học đầu tiên của học phần, các SV cũng được GV cung cấp đề cương chi tiết học phần, hướng dẫn SV nội dung, phương pháp học tập và kiểm tra đánh giá để giúp người học nắm bắt được môn học và lên kế hoạch học tập dễ dàng hơn. Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin để công bố thông tin liên quan đến CTĐT, đề cương chi tiết các môn học/học phần giúp cho các GV, nhà quản lý và các đối tượng quan tâm khác dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy, SV nắm được các học phần có thể đăng kí học trong một kì học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các môn học/học phần đều được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được hội đồng Khoa học Viện CNSH LN cho ý kiến. CTĐT đi kèm bản mô tả chương trình và các đề cương học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các NTD, GV, SV và cựu SV **[H2.02.03.06]**, **[H2.02.03.07]**. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung của bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trong CTĐT ngành CNSH được xuất bản và phổ biến tới các bên liên quan. Thông qua quá trình trao đổi trực tiếp với SV và xã hội, các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng, Viện và Nhà trường có thể hiểu rõ hơn về yêu cầu chất lượng SV của ngành khi tốt nghiệp, các kỹ năng thu nhận, từ đó có được những đánh giá khách quan, cần thiết để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo kỹ sư ngành CNSH.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành CNSH được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ ý kiến đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT Viện, cựu SV, GV, các NTD, các nhà chuyên môn. Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương học phần (mục tiêu, CDR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá ...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Viện đã tiến hành lấy ý kiến của NTD, GV, SV và cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần nhưng chưa được triển

khai trực tuyến và trên phạm vi rộng nên chưa nhận được sự quan tâm, góp ý tích cực của các bên liên quan.

Việc xuất bản và thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	- Hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin - Công khai bản mô tả CTĐT, ĐCCT trên tờ rơi quảng bá, trên website của Nhà trường, Viện	- Viện CNSH LN - Phòng ĐT	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Nhà trường đã chủ động trong chuyển đổi CTĐT từ niên chế sang hệ thống tín chỉ. Trong quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT, Nhà trường đã chú trọng xây dựng một cách bài bản nghiêm túc, có sự tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước hoặc trên thế giới, đồng thời có sự tham vấn, góp ý của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của các nhà tuyển dụng để Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và xã hội.

CTĐT ngành CNSH có mục tiêu rõ ràng, có kết cấu gồm các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát, điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội nên đã có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng các SV của Trường sau khi tốt nghiệp. Đây là các ý kiến quan trọng làm căn cứ trong quá trình điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận được. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan đặc biệt là nhà tuyển dụng vẫn còn hạn chế nên chưa thực sự nhận được các góp ý tích cực từ

các đối tượng này. Bên cạnh đó, việc phổ biến công khai thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các môn học chưa thực sự được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp. Do đó, thông qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Viện CNSH LN sẽ tiếp tục cải thiện hiệu quả các phương pháp thu thập các ý kiến đóng góp của các bên liên quan và tăng cường các phương pháp phổ biến tiếp cận nội dung bản mô tả CTĐT cũng như đề cương chi tiết các môn học ngành CNSH để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH đánh giá tiêu chuẩn 2: cả 03 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Với nhận thức cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH) là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, Viện CNSH LN đã mời các GV, nhà khoa học, nhà quản lý và nhà sử dụng lao động trong và ngoài Nhà trường tham gia xây dựng CTDH ngành CNSH theo các quy định được ban hành bởi Bộ GD&ĐT. CTDH ngành CNSH của Viện CNSH LN được tham khảo CTDH của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới, được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chương trình dạy học ngành CNSH có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp một cách hệ thống dựa trên chuẩn đầu ra; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế, cũng như khả năng học tập nâng cao trình độ; Được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Chương trình dạy học bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến kiến thức chuyên môn ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CDR của CTĐT.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành CNSH [H3.03.01.01], [H3.03.01.02] đã được Nhà

trường công bố vào các năm 2018 và 2020 sau khi được Hội đồng khoa học và đào tạo nghiệm thu. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.03]. CTDH được xây dựng và điều chỉnh dựa trên cơ sở bản mô tả CTĐT [H3.03.01.04], ma trận kiến thức kỹ năng [H3.03.01.05], đề cương chi tiết các học phần [H3.03.01.06],[H3.03.01.07], các ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.08]. Dựa vào CĐR [H3.03.01.03], Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Viện đã xây dựng lên ma trận kiến thức kỹ năng [H3.03.01.05], từ đó xây dựng lên CTDH phù hợp [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. Trong đó, chú trọng đến tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung và chuyên ngành để đạt mục tiêu đào tạo và CĐR, CTDH năm 2018 và năm 2020 bao gồm các nội dung chung, nhưng có một số điểm khác biệt, cụ thể như trong bảng 01 dưới đây.

Bảng 01. So sánh nội dung của CTDH ngành CNSH năm 2018 và 2020

Nội dung của CTDH năm 2018	Nội dung của CTDH năm 2020
- Phần 1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo: + Một số thông tin về chương trình đào tạo, + Mục tiêu đào tạo, + Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh + Hình thức đào tạo, + Điều kiện tốt nghiệp. - Phần 2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo + Về kiến thức + Về kỹ năng + Về thái độ + <i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i> + Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp + Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo	- Phần 1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo: + Một số thông tin về CTĐT, + Mục tiêu đào tạo, + Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh + Hình thức đào tạo, + Điều kiện tốt nghiệp. - Phần 2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo + Kiến thức + Kỹ năng + Yêu cầu về thái độ + <i>Yêu cầu về ngoại ngữ, tin học</i> + Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của kỹ sư Công nghệ sinh học + <i>Khả năng tự học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</i> + Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế

- Phần 3. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra - Phần 4. Nội dung chương trình dạy học + Tóm tắt, yêu cầu chương trình đào tạo + Khung chương trình đào tạo + Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra + Dự kiến phân bố số học phần theo học kỳ - Phần 5. Đề cương các học phần	mà nhà trường tham khảo - Phần 3. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra - Phần 4. Nội dung chương trình dạy học + Tóm tắt, yêu cầu chương trình đào tạo + Khung chương trình đào tạo + Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra + Dự kiến phân bố số học phần theo học kỳ - Phần 5. Đề cương các học phần
---	--

Trong CTDH, mỗi học phần có vai trò nhất định để đạt được CĐR [H3.03.01.03]. Cụ thể, CTĐT ngành CNSH năm 2018 [H3.03.01.01] được thiết kế 135 tín chỉ (chưa tính đến các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng) gồm có 68 học phần, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương (50TC), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (85TC) bao gồm kiến thức cơ sở ngành (31TC), kiến thức ngành (26TC), kiến thức bổ trợ (10TC), khóa luận tốt nghiệp (10TC) và thực tập nghề nghiệp (8TC). Ngoài các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, khối kiến thức chung của ngành CNSH còn cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị (10TC), khoa học tự nhiên (24TC), xã hội (4TC), và ngoại ngữ (12TC)[H3.03.01.01].

CTĐT ngành CNSH năm 2020 [H3.03.01.02] cũng được thiết kế 135 tín chỉ (chưa tính đến các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng), tuy nhiên đã phân bố lại số TC của các khối kiến thức, trong đó khối kiến giáo dục đại cương (39TC), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (96TC) bao gồm kiến thức cơ sở ngành (31TC), kiến thức ngành (30TC), kiến thức bổ trợ (10TC), khóa luận tốt nghiệp (10TC) và thực tập nghề nghiệp (15TC)[H3.03.01.02]. So với CTĐT năm 2017, thì CTĐT năm 2020 đã giảm 11TC của khối kiến thức giáo dục đại cương (từ 50TC xuống 39TC) để tăng 11TC cho kiến thức ngành (từ 26TC lên 30TC) và tăng thực tập nghề nghiệp (từ 8TC lên 15TC) [H3.03.01.09], điều này cho thấy CTĐT và CTDH đã được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm ngày một cụ thể [H3.03.01.03].

Trong CTDH [H3.03.01.01],[H3.03.01.02], kế hoạch thực hiện thể hiện qua dự kiến phân bố số học phần theo học kỳ, kế hoạch này đã thể hiện đầy đủ các nguồn lực

[H3.03.01.10] và tiến độ trong việc thực hiện CTDH. Ma trận mối quan hệ giữa các mục tiêu đào tạo và CDR được lập ra chi tiết, chặt chẽ [H3.03.01.05]. Sáu CDR về kiến thức, 07 CDR về kỹ năng, 04 CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm (năm 2017) và 03 CDR về thái độ cùng 02 CDR về ngoại ngữ và tin học (năm 2020) [H3.03.01.03]. Các CDR này đảm bảo các môn học bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng [H3.03.01.05]. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các môn học đạt CDR và phù hợp với các nguồn lực về cơ sở vật chất và nhân lực một cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo [H3.03.01.04].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của NH của 100% các môn học/học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CDR [H3.03.01.03]. Trong đó, phương pháp giảng dạy, học tập các học phần lý thuyết, thực hành, thực tập và thực tập tốt nghiệp được thiết kế phù hợp với từng môn học, bao gồm phương pháp thuyết trình, seminar, bài tập nhóm, hay thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, tại đồng ruộng và cơ sở sản xuất. Phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học ở 100% các môn học/học phần trong CTDH ngành CNSH được thực hiện bằng nhiều phương pháp, bao gồm đánh giá thông qua tính chuyên cần của người học, bài kiểm tra giữa học phần, báo cáo thực hành, báo cáo thực tập nghề nghiệp, bài tập nhóm, báo cáo seminar, và bài kiểm tra kết thúc học phần. Ngoài các hình thức kiểm tra này ra thì việc đánh giá người học qua bài kiểm tra kết thúc học phần còn được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: tự luận, trắc nghiệm trên giấy hoặc trên máy, thi vấn đáp,... [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Kết quả góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp,...) về CTĐT đã phản ánh được yêu cầu CTĐT được thiết kế dựa trên CDR, phù hợp với yêu cầu xã hội được đánh giá đạt với tỷ lệ 84,62% đồng ý và rất đồng ý. Ngoài ra trước khi SV tốt nghiệp, Nhà trường gửi phiếu khảo sát đánh giá chất lượng chương trình của ngành đến người học và cho kết quả khảo sát tốt, cụ thể: 80,77% SV đồng ý và rất đồng ý về cấu trúc chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV; 76,92% SV đồng ý và rất đồng ý về thời lượng của CTĐT đủ

để phát triển kiến thức kỹ năng theo mục tiêu đào tạo; 76,92% SV đồng ý và rất đồng ý về tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành, thực tập hợp lý; 88,46% số cựu SV phản hồi đồng ý và rất đồng ý rằng cấu trúc CTĐT với 4 khối kiến thức là hợp lý; 84,62% cựu SV phản hồi đồng ý và rất đồng ý rằng các học phần đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, NCKH,... đáp ứng được công việc của họ sau khi tốt nghiệp; 65,38% đồng ý và rất đồng ý rằng các học phần ngoại ngữ và tin học được đào tạo đáp ứng được công việc của họ sau khi tốt nghiệp [H3.03.01.08].

Chương trình dạy học của ngành CNSH định kỳ 02 năm điều chỉnh một lần [H3.03.01.11] và dự kiến sẽ điều chỉnh khi CTĐT được rà soát, điều chỉnh vào năm 2022 và thiết kế dựa trên CĐR đã được công bố [H3.03.01.03].

Đối sánh với CTDH của ngành Quản lý tài nguyên rừng đã được kiểm định chất lượng giáo dục năm 2019 cho thấy CTDH của ngành Công nghệ sinh học đã được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, tương tự như CTDH của ngành Quản lý tài nguyên rừng [H3.03.01.12].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành CNSH được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành. Đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và đánh giá để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã tiếp thu các góp ý, phản hồi của các bên liên quan, tuy nhiên, các thông tin chưa đầy đủ và liên tục. Mặt khác, thiếu sự phản ánh kịp thời của các đơn vị sử dụng lao động nên CTDH ngành CNSH còn phần nào hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời các nhu cầu của xã hội.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Duy trì và phát huy điểm mạnh	Tổ chức thực hiện tốt CTDH	Viện CNSH LN	Từ năm 2020
2	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, điều chỉnh CTDH cũng như rà soát, điều chỉnh CĐR,	Viện CNSH LN	Từ năm 2021 trở đi

		CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường; đồng thời tiến hành rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết của một số học phần trong CTDH cho đầy đủ, hoàn thiện		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

100% các học phần trong CTDH [H3.03.02.01], [H3.03.02.02] của ngành CNSH đều có đề cương chi tiết [H3.03.02.03], [H3.03.02.04] do các GV trong các bộ môn chuyên môn của Viện và của Trường biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CĐR [H3.03.02.05] của CTĐT và với phương thức đào tạo theo tín chỉ theo Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 và Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.03.02.06] về việc xây dựng đề cương môn học phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ [H3.03.02.07].

Các học phần trong CTDH [H3.03.02.01], [H3.03.02.02] có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.02.05]. Môn học nào cũng thể hiện sự đóng góp để đạt được CĐR thông qua các CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm hay kỹ năng về ngoại ngữ, tin học. Mặt khác, nhiều môn học góp phần đạt được các CĐR về phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp hay xã hội, điều này cho thấy mỗi môn học trong CTĐT đều góp phần đạt được ít nhất một CĐR, không có môn học nào thừa, thiếu [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Ví dụ, các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành [H3.03.02.01], [H3.03.02.02] đã đóng góp để đạt được CĐR cả về kiến thức chuyên môn và kỹ năng chuyên môn [H3.03.02.05]. Hay các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ [H3.03.02.01], [H3.03.02.02] cũng góp phần để đạt CĐR về kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm [H3.03.02.05].

Ngoài ra, 100% các học phần trong CTDH [H3.03.02.01], [H3.03.02.02] xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.05]. Phương pháp

dạy và học bao gồm phương pháp thuyết trình, seminar, bài tập nhóm, hay thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, tại đồng ruộng và cơ sở sản xuất. Việc đánh giá KQHT của người học thông qua hai điểm thành phần: Điểm quá trình (có thể gồm các điểm như chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, báo cáo thực hành, thực tập (nếu có) hoặc bài tập nhóm, báo cáo seminar) và điểm kiểm tra kết thúc học phần. Từ năm 2020, đề cương chi tiết các môn học có thêm Rubrics đánh giá KQHT được xây dựng một cách chi tiết và phù hợp, do vậy góp phần đảm bảo đạt được CĐR của mỗi học phần. Trong Rubrics, đánh giá kết quả bài tập cá nhân góp phần đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng ngoại ngữ, tin học cũng như CĐR về phẩm chất đạo đức của người học; Đánh giá kết quả bài thuyết trình chủ đề theo nhóm góp phần đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng mềm cũng như CĐR về phẩm chất đạo đức của người học; Đánh giá kết quả bài thi viết (tự luận) góp phần đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng ngoại ngữ, tin học; Đánh giá kết quả bài thực hành góp phần đạt được CĐR về kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của người học cũng như CĐR về kiến thức [H3.03.02.03], [H3.03.02.04]. Các học phần trong CTDH đều được GV áp dụng tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất [H3.03.02.08] để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.05]. Bên cạnh đó, nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; đề cương của 100% học phần đều được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với CĐR của CTĐT ngành CNSH hiện hành [H3.03.02.09].

Trong tất cả các đề cương học phần đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể những nội dung cần đạt được khi kết thúc học phần trên các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV. Đây là những điểm có thể định lượng và đo lường được, thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.05].

Đối sánh với CTDH của ngành Quản lý tài nguyên rừng đã được kiểm định chất lượng giáo dục năm 2019 cho thấy việc đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của ngành Công nghệ sinh học là rõ ràng [H3.03.02.05], tương tự như CTDH của ngành Quản lý tài nguyên rừng [H3.03.02.10].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH tương thích về nội dung bởi cấu trúc chương trình đào tạo mềm dẻo, tương thích giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, chúng đã thể hiện được sự đóng góp để đạt được CĐR. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra/đánh giá không chỉ phù hợp với từng học phần mà chúng còn hỗ trợ nhau khá tốt để đảm bảo được CĐR của học phần cũng như CĐR của cả chương trình học ngành CNSH. Đặc biệt các học phần đều đảm bảo SV tiếp thu được các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu, thực hành, thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp và làm việc trong lĩnh vực CNSH. Ngoài ra, nội dung các học phần trong CTĐT không chỉ thể hiện việc đạt được CĐR mà còn được định kỳ sửa đổi, cập nhật cho phù hợp với sự phát triển của lĩnh vực Công nghệ sinh học và các công nghệ khác trên thế giới (Công nghệ thông tin, Công nghệ vật liệu mới, ...) mà còn phù hợp với nhu cầu xã hội sau khi lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Một vài học phần thuộc khối giáo dục đại cương chỉ dạy lý thuyết mà ít mang tính ứng dụng thực tiễn, mặt khác lại giảng dạy cho SV năm thứ nhất và năm thứ hai, điều này dễ nảy sinh tâm lý chán nản, thiếu sự hứng thú trong quá trình học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Duy trì và phát huy điểm mạnh	Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và cập nhật, sửa đổi đề cương chi tiết các học phần và CTDH cho phù hợp với nhu cầu xã hội và sự phát triển của khoa học công nghệ	Viện CNSH LN	Từ năm 2020
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường những kiến thức và kỹ năng về giao tiếp xã hội, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng tay nghề và thực tiễn sản xuất, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập cho SV	Viện CNSH LN; Trường ĐHLN	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất và được giảng dạy trong 4 năm. Khối kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho SV trong ba học kỳ đầu tiên, với 50TC (năm 2018) và 39TC (năm 2020). Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được thiết kế với 75TC (năm 2018) và 86TC (năm 2020) trong bốn học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ. Học kỳ cuối của CTĐT, SV thực hiện nghiên cứu làm khóa luận tốt nghiệp với 10TC [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Ngoài ra, với việc cập nhật CTDH năm 2020, học kỳ 7 thiết kế 15TC thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp đã thể hiện sự gắn kết liên mạch, đảm bảo chương trình tạo thành một khối thống nhất từ giảng dạy lý thuyết đến thực hành và thực tập nghề nghiệp chuyên sâu tại các doanh nghiệp [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng SV vào các lĩnh vực chuyên sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các môn trong một chương trình gần với lĩnh vực chuyên sâu lựa chọn. Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện bởi một SV dưới sự hướng dẫn của 1 hoặc 2 GV trong Viện hoặc bên ngoài. Khóa luận tốt nghiệp giúp SV áp dụng kiến thức một cách tổng hợp và bước đầu làm quen với việc thực hiện một đề tài NCKH của ngành, tích hợp với các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng viết báo cáo khoa học và kỹ năng thuyết trình [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Chương trình dạy học được đánh giá cao thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan, các NTD với 18% hoàn toàn đồng ý và 53% đồng ý [H3.03.03.04].

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Chương trình dạy học ngành CNSH với tổng số 135 tín chỉ, thể hiện được cả chiều rộng và chiều sâu và bao trùm nhiều khối kiến thức: kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, tin học và ngoại ngữ, ... được bố trí học ở 03 học kỳ đầu. Các học phần cơ sở ngành như Sinh học đại cương, Tế bào học, Thực vật học, ... được bố trí học ở 02 học kỳ đầu. Các học phần cơ sở ngành, như: Hóa sinh đại cương, Sinh học phân tử, Sinh lý thực vật, Sinh lý động vật, Di truyền học, Vi sinh vật học, Vi rút học, Miễn dịch học,

Cơ sở di truyền của chọn tạo giống, Quá trình và thiết bị công nghệ, tin sinh học được bố trí học ở 03 học kỳ tiếp theo... Các học phần kiến thức ngành, như: Kỹ thuật di truyền, Công nghệ tế bào thực vật, Công nghệ tế bào động vật, Công nghệ vi sinh, Công nghệ hoá sinh, Công nghệ nuôi trồng nấm, ... được bố trí học ở 03 học kỳ tiếp theo. Chiều sâu của chương trình dạy học còn được thể hiện qua trình tự các học phần theo trật tự từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành. Các học phần kết thúc ở kỳ trước làm nền tảng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo, thể hiện ở điều kiện tiên quyết của học phần. Các học phần bắt buộc và tự chọn đều có các học phần tiên quyết. Chương trình được thiết kế có tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức và hoàn toàn phù hợp với quy định khối lượng kiến thức do Bộ GD&ĐT quy định [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Cụ thể, với CTDH năm 2018, các học phần cơ bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (50TC) với 12TC ngoại ngữ; các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành (31TC); các học phần thuộc kiến thức ngành (26TC) bao gồm các học phần bắt buộc (18TC), học phần tự chọn (8TC); các học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ (10TC); thực tập nghề nghiệp (08TC) và khóa luận tốt nghiệp (10TC). Theo đó, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức đào tạo ở các học kỳ 1, 2, 3 và 4. Các học phần kiến thức cơ sở ngành được giảng dạy ở các học kỳ 5 và 6. Các học phần kiến thức chuyên môn ngành được thiết kế giảng dạy ở các học kỳ 7 và 8. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ 8. Sự thiết kế nêu trên của CTDH sẽ đảm bảo tính logic giữa các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với SV [H3.03.03.01], [H3.03.03.03].

CTDH được định kỳ rà soát/ điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm một lần nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc rà soát CTDH ngành CNSH được tiến hành bởi Hội đồng KH&ĐT của Viện dựa trên những góp ý, phản hồi của các bên liên quan như GV, người học, người học tốt nghiệp, người sử dụng lao động [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. Đến năm 2020, CTDH đã được rà soát/ điều chỉnh, bổ sung và cập nhật khung CTĐT [H3.03.03.02], đề cương chi tiết các học phần [H3.03.03.05] cho phù hợp với CDR [H3.03.03.06] và đáp ứng nhu cầu xã hội [H3.03.03.04]. Cụ thể, CTDH năm 2020, các học phần cơ bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương còn 39TC với 6TC ngoại ngữ; các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành (31TC); các học phần thuộc kiến thức ngành (30TC) bao gồm các học phần bắt buộc (24TC), học phần tự chọn (6TC); các học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ

(10TC); thực tập nghề nghiệp (15TC) và khóa luận tốt nghiệp (10TC). Đã điều chỉnh giảm 11TC của khối kiến thức giáo dục đại cương, tăng 11TC khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó tăng kiến thức ngành thêm 04 TC và thực tập nghề nghiệp thêm 07 TC so với năm 2018 [H3.03.03.01], [H3.03.03.02].

CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Khi định kỳ rà soát/ điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH, đã tham khảo các CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước có ngành CNSH như: Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội [H3.03.03.07], Học viện Nông nghiệp [H3.03.03.08], Đại học Cần Thơ [H3.03.03.09]. Tham khảo các CTĐT ngành CNSH của các trường đại học uy tín trên thế giới, bao gồm: Baltimore City Community College, Hoa Kỳ [H3.03.03.10]; WISCONSIN UNIVERSITY, Hoa Kỳ [H3.03.03.11]. Theo đó, khung chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần cũng được điều chỉnh và cập nhật vào chương trình dạy học [H3.03.03.03].

Đối sánh với CTĐT ngành CNSH của Học viện Nông nghiệp, cho thấy mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra cũng gần tương đương nhau; cấu trúc và nội dung chương trình bám sát yêu cầu của Bộ GD&ĐT cũng như thế mạnh của khối trường Nông - Lâm nghiệp và tương đương nhau về tỷ lệ kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, số liệu cụ thể trong bảng 02 dưới đây.

Bảng 02. So sánh cấu trúc CTĐT ngành CNSH của trường ĐHLN và Học viện Nông nghiệp

Khối kiến thức	Ngành CNSH trường ĐHLN (2019)		Ngành CNSH Học viện Nông nghiệp (2019)	
	Số TC	Tỷ lệ (%)	Số TC	Tỷ lệ (%)
Đại cương	39	28,88	41	30,8
Cơ sở ngành	31	22,96	30	23,1
Chuyên ngành	65	48,15	60	46,1
Tổng số TC bắt buộc	125		117	
Số TC tự chọn	10		14	
Tổng số TC của CTĐT	135	100	131	100

Như vậy, CTDH ngành CNSH đã tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp cũng như có cấu trúc và trình tự logic.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học của ngành CNSH phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và CĐR. Chương trình có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức đầy đủ và chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực hành, thực tập nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực chất lượng cao của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành CNSH được thực hiện chưa liên tục và đều đặn, tên phạm vi rộng. Do đó, CTDH có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Duy trì và phát huy điểm mạnh	Tổ chức thực hiện tốt CTDH để đạt được CĐR	Viện CNSH LN	Từ năm 2020 trở đi
2	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, điều chỉnh CTDH cũng như rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT theo kế hoạch của nhà trường; đồng thời tiến hành rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết của một số học phần trong CTDH cho đầy đủ, hoàn thiện	Viện CNSH LN	Từ năm 2021 trở đi

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Trường ĐHLN, Viện CNSH LN đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới nhằm kịp thời đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội cũng như hội nhập quốc tế.

Chương trình dạy học ngành CNSH được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành. Các học phần giáo dục đại cương, các học phần giáo dục chuyên nghiệp được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho

SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết. Nội dung của các học phần giáo dục đại cương và học phần giáo dục chuyên nghiệp phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Đặc biệt các học phần đều đảm bảo SV tiếp thu được các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu, thực hành, thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp và làm việc trong lĩnh vực CNSH, cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức đầy đủ và chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực hành, thực tập nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực chất lượng cao của xã hội. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội nên đã có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng các SV sau khi tốt nghiệp.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH đánh giá tiêu chuẩn 3: có 01 tiêu chí đạt 4/7 và 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trường ĐHLN và Viện CNSH LN đã nhận định việc tổ chức hoạt động dạy và học là một khâu rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục-đào tạo và cải tiến chất lượng CTĐT, giúp cho người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, lưu giữ kiến thức, gắn kết kiến thức cũ và mới, vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề, diễn đạt kiến thức của mình cho người khác, say mê học hỏi. Với mục tiêu, chú trọng phát triển năng lực cho người học, đặc biệt là những năng lực cốt lõi cho sự phát triển bản thân, phát triển nghề nghiệp, văn hóa xã hội và giao tiếp để SV thực sự gắn kết và bắt kịp với sự biến đổi linh hoạt của thực tế xã hội, Nhà trường đã chọn cách tiếp cận mới lấy người học làm trung tâm cho phương pháp dạy và học.

Để thực hiện được mục tiêu này, trong xây dựng CTĐT của ngành đã xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học. Đồng thời, cách thiết kế chương trình đào tạo rất logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra. Trong tiêu chuẩn này, chúng tôi xin tự đánh giá phương pháp tiếp cận trong dạy và học thông qua 3 tiêu chí sau:

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và

được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của trường ĐHLN đã được nêu rõ ở Nghị quyết Hội đồng trường số 05/NQ-HĐT ngày 30/11/2013 **[H4.04.01.01]** và được giới thiệu trên trang web của trường (<http://vnuf.edu.vn/su-mang-tam-nhin>) và website của Phân hiệu trường ĐHLN tại Đồng Nai (<https://vnuf2.edu.vn/gioi-thieu/gioi-thieu-tong-quan.html>) **[H4.04.01.02]**, cụ thể là: *Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người học khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề thuộc ngành được đào tạo; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản; có khả năng tự học, tự nghiên cứu thích ứng với thực tiễn; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ đủ đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế.* Mục tiêu, triết lý giáo dục của Trường được đăng tải công khai trên website chính thức của nhà trường nhằm phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan như SV, cán bộ GV, lao động, chuyên gia, NTD...

Mục tiêu giáo dục của Viện CNSH LN được định hướng gắn liền với mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Lâm nghiệp. Mục tiêu giáo dục của Viện CNSH LN “*Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về lĩnh vực công nghệ sinh học, chăn nuôi, Thú y phục vụ cho phát triển ngành nông lâm nghiệp. Người học khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực toàn diện đáp ứng được nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế*”.

Ngoài ra, mục tiêu giáo dục tiếp tục được cụ thể hoá trong mục tiêu đào tạo về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học tuyên bố trong chuẩn đầu ra của ngành CNSH năm 2015, 2016, 2019 **[H4.04.01.03]**. Trong đề cương chi tiết từng học phần cũng nêu rõ mục tiêu của từng học phần và sự đóng góp của từng học phần vào mục tiêu, CDR của ngành (năm 2016 và 2019) **[H4.04.01.04]**. Vì vậy, mỗi GV thực hiện tốt mục tiêu của từng học phần đảm nhiệm là góp phần đạt được mục tiêu đào tạo của CTĐT, mục tiêu giáo dục của Viện và của Trường.

Đối với người học, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, mục tiêu giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị, sinh hoạt công dân đầu khoá học và trong các buổi giao lưu giới thiệu ngành nghề, SV được giới thiệu về ngành đào tạo và

mục tiêu đào tạo của Viện, được tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của mình trong quá trình học tập [H4.04.01.05]. Các CVHT thực hiện sinh hoạt lớp với SV định kỳ 1 tháng 1 lần, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của ngành học, giúp các SV có chiến lược đăng ký môn học phù hợp, theo sát chương trình ngành học, tham gia các hoạt động đoàn thể, giải đáp thắc mắc và khó khăn của SV trong rèn luyện và học tập [H4.04.01.06].

Hằng năm mục tiêu giáo dục của Viện CNSH LN và trường ĐHLN được phổ biến cho toàn bộ cán bộ, GV, SV, NTD và toàn xã hội thông qua hội nghị đào tạo [H4.04.01.07], trên website của Nhà trường và Viện CNSH LN [H4.04.01.02], qua tờ rơi quảng bá tuyển sinh [H4.04.01.08], ngày hội việc làm [H4.04.01.09]... để GV, SV hiểu rõ và thực hiện, đồng thời giúp NTD, cựu người học dễ dàng tiếp cận.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục ngành CNSH được tuyên bố rõ ràng, phù hợp với hiện thực khách quan, được phổ biến rộng rãi đến người học, cộng đồng xã hội.

3. Điểm tồn tại

Một số doanh nghiệp, NTD còn chưa tiếp cận được với mục tiêu giáo dục của Nhà trường và Viện CNSH LN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phổ biến mục tiêu giáo dục cho các bên liên quan	Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các đối tượng có liên quan để xây dựng mục tiêu giáo dục phù hợp hơn nữa với thực tế và nhu cầu xã hội	Viện CNSH LN	Năm 2021 - 2022
2		Tổ chức thêm các kênh để có thể phổ biến rộng rãi mục tiêu giáo dục của ngành cho các bên liên quan được biết	Viện CNSH LN và trường ĐHLN	Năm 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. Mô tả

Các hoạt động dạy, học của Nhà trường và Viện CNSH LN được thiết kế, xây dựng phù hợp với CĐR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội thông qua việc xây dựng CTĐT cập nhật với thực tế [H4.04.02.01] và trên cơ sở tham khảo từ các trường đại học uy tín trong nước, trên thế giới [H4.04.02.02], cấu trúc CTĐT khung quy định bởi Bộ GD&ĐT. Cấu trúc khung CTĐT bao gồm các khối kiến thức từ kiến thức giáo dục đại cương đến khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [H4.04.02.03], cung cấp nền tảng lý luận chính trị, các kiến thức và kỹ năng của ngành đào tạo [H4.04.01.04]. Đồng thời, SV còn được tham gia nghiên cứu, thực hành, thực tập tại các phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu, doanh nghiệp giúp đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng, thái độ [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

Định kỳ 2 năm Nhà trường tiến hành rà soát lại CTĐT và thay đổi CTĐT cho phù hợp với thực tiễn và đạt được CĐR [H4.04.02.06], [H4.04.02.07]. Theo đó, đề cương chi tiết các môn học cũng thay đổi theo hướng tiếp cận thực tiễn và tăng kỹ năng thực hành, thực tập cho SV. Số lượng tiết thực hành đã tăng dần, từ 234 tiết (năm 2015) lên 291 tiết (năm 2017) và 371 tiết (năm 2020). Về thực tập nghề nghiệp: tổng số TC ở hai CTĐT năm 2015 và 2017 vẫn là 8 nhưng có sự thay đổi trong việc thiết kế các học phần thực tập nghề nghiệp (năm 2015 gồm 6 học phần với tổng 8 TC, năm 2017 có 6 học phần mỗi học phần 2 tín chỉ và SV tự chọn 4 trong 6 học phần đó). Nhưng năm 2019, các học phần thực tập nghề nghiệp được thay thế bằng “Học kỳ doanh nghiệp” với 15 tín chỉ (có 4 modul để SV lựa chọn). Như vậy, việc tăng thời gian thực tập sẽ giúp SV có cơ hội nâng cao kỹ năng nghề nghiệp ở các học phần mình chọn hơn so với việc thực tập dàn trải với thời gian thực tập ngắn (có thể chỉ 1 TC như ở CTĐT năm 2015) [H4.04.02.01].

Bảng 4.1 Sự điều chỉnh CTĐT để tăng tăng kỹ năng thực hành, thực tập qua các năm

TT	Nội dung điều chỉnh	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2019
1	Toàn khóa (TC)	135	135	135
2	Kiến thức GDDC (TC)	55	50	39
3	Kiến thức GDCN (TC)	72	77	81
4	Tốt nghiệp (TC)	10	10	10
5	Thực hành (tiết)	234 (15,6 TC)	291 (19,4 TC)	371 (24,7 TC)
6	Thực tập (TC)	08	08	15

Để giúp SV chuyển hóa kiến thức lý thuyết sang thực tế thì trong CTĐT có cấu trúc cho SV đi thực tập nghề nghiệp (8 tín chỉ), thực tập tốt nghiệp (10 tín chỉ) và làm luận văn tốt nghiệp (100% người học ngành CNSH đều làm khóa luận tốt nghiệp) [H4.04.02.01], [H4.04.02.08]. Phương pháp học tập và tiếp cận giải quyết vấn đề của người học cũng thay đổi hoàn toàn từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Với mỗi học phần đều ghi rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học trong đề cương chi tiết. Như vậy, GV luôn hướng dẫn SV sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

Để đạt được CDR, GV đã thay đổi phương pháp giảng dạy từ thuyết trình sang phương pháp dạy thuyết trình kết hợp với trình chiếu, hỏi đáp thảo luận hoặc làm việc nhóm [H4.04.02.09]. Với các môn thực tập, SV sẽ được chia thành các nhóm nhỏ và chủ động trong việc lên kế hoạch nghiên cứu, thực hành và tạo các sản phẩm thuộc lĩnh vực CNSH [H4.04.02.10]. Khi giảng dạy GV làm rõ mức độ cần đạt được chuẩn đầu ra, trọng tâm và mối quan hệ logic giữa môn này với các môn học khác, từ đó có các phương pháp dạy và học đa dạng phù hợp. GV lấy SV làm trọng tâm, nêu vấn đề và hướng dẫn SV giải quyết, dẫn dắt SV tự đưa ra kết luận cần thiết. Ngoài ra, GV còn liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu vấn đề cho SV. Có được sự thay đổi trong phương pháp giảng dạy của GV như vậy là do hằng năm Nhà trường đều tổ chức cho GV tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H4.04.02.11]. Do đó, các GV trong trường có đủ nghiệp vụ để hướng dẫn người học sử dụng các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã tổ chức các hội nghị như: (1) Hội nghị Đổi mới thực hành, thực tập trong đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ; (2) Hội nghị Đổi mới hoạt động thực tập nghề nghiệp; (3) Hội nghị công tác kế hoạch đào tạo năm học để các GV được tiếp cận với các phương pháp giảng dạy tích cực và trình bày các thảo luận về tình hình SV thực tiễn nhằm có các thay đổi về phương pháp giảng dạy cho phù hợp [H4.04.02.12].

Song song với các lớp nghiệp vụ sư phạm, Nhà trường cũng mở lớp Tập huấn phương pháp luận và kỹ năng giảng dạy thực hành cho GV và những cán bộ làm nhiệm vụ hướng dẫn thực hành thực tập do các GV, các nhà khoa học có nhiều kinh nghiệm của Nhà trường giảng dạy [H4.04.02.13]. Viện CNSH LN và các GV đã sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp, đa dạng, hiệu quả trong các hoạt động dạy học để đạt được CĐR của ngành CNSH.

Trên cơ sở CTĐT đa dạng, linh hoạt và theo hướng thực tế, SV đã tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, thảo luận, thuyết trình và thực tập. Ngoài ra, năm 2018, Trường ĐHLN đã ban hành chuẩn đầu ra tiếng anh và tin học, theo đó SV đã tham dự các kỳ thi Tiếng anh và tin học ở trong và ngoài trường để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Từ năm học 2015 đến nay, Nhà trường và Viện CNSH LN đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện lấy ý kiến khảo sát người học đánh giá về hoạt động dạy và học đáp ứng CĐR, đặc biệt kết quả khảo sát gần đây nhất (năm 2019-2020) đã cho kết quả như sau: 80,77% cho rằng chương trình học phù hợp; 88,46% đồng ý các môn học được bố trí hợp lý, 76,92% đồng ý hoàn toàn phân bố lý thuyết với thực hành phù hợp [H4.04.02.14]. Ngoài ra, hằng năm cán bộ giảng dạy/môn học được người học đánh giá. Kết quả đánh giá trong 5 năm gần đây cho thấy sự hài lòng của người học về GV như sau [H4.04.02.15]:

Bảng 4.2. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV

T T	Mức độ	Tỷ lệ (%) đánh giá theo học kì/năm học (%)									
		2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
		I	II	I	II	I	II	I	II	I	II
1	Rất đồng ý	43,7	38,5	43,2	43,0	45,7	35,2	41,2	9,0	29,3	44,97
2	Đồng ý	49,1	51,3	48,9	52,6	46,9	59,1	55,2	93,4	66,7	52,03
3	Tạm chấp nhận	6,7	8,3	7,0	4,1	6,2	4,8	3,3	5,6	2,0	1,29
4	Không chấp nhận được	0,6	1,2	1,0	0,3	1,2	0,9	0,3	2,0	2,0	0,48

(Tiêu chí 10 – 20, phiếu đánh giá môn học năm 2015 – 2019; tiêu chí 1 – 15 trong phiếu đánh giá môn học năm 2019 – 2020)

Như vậy nhìn chung, GV và người học hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành CNSH.

Ngoài ra, đa dạng hình thức học là điều rất cần thiết đặc biệt là đối với hình thức học tín chỉ như hiện nay, để việc tra cứu, tìm kiếm học liệu một cách dễ dàng và đa dạng SV của Viện CNSH LN nói riêng và của trường ĐHLN nói chung được cung cấp một kho tài liệu vô cùng phong phú tại cổng thông tin học tập trực tuyến ở Thư viện của Trường với rất nhiều nguồn tài liệu hữu ích giúp các SV học tập tốt hơn, đạt được những tiêu chí trong chuẩn đầu ra của ngành **[H4.04.02.16]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt và được thiết kế phù hợp với CDR. Hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng năm học, từng khóa nhằm thúc đẩy sự phát triển tối đa của SV theo hướng tự học, tự nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù chương trình đào tạo ngành CNSH đã tăng thời lượng các tiết học thực hành, thực tập nhưng do đặc thù nghề nghiệp và doanh nghiệp thực tập nên thời gian thực tập của SV vẫn chưa đảm bảo (ngắn hơn thực tiễn yêu cầu từ 3 - 5 tháng).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Cơ quan, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thúc đẩy năng lực của sinh viên đáp ứng với điều kiện thực tế sản xuất	Ký kết và làm việc thêm với các đối tượng sử dụng lao động để tăng cường điều kiện cho SV được đi thực tế sản xuất	Viện CNSH LN	Năm 2021 - 2022
2		Tăng cường và định hướng cho SV tham gia các dự án sản xuất của Viện	Viện CNSH LN	Năm 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Viện CNSH LN và Trường ĐHLN luôn chủ trương không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thúc đẩy hoạt động học tập và nghiên cứu trong trường đại học. Vấn đề đào tạo luôn là vấn đề được quan tâm nhất trong các cuộc họp của Hội nghị đào tạo cấp trường, nhiều ý kiến đóng góp trong việc thực hiện công tác giảng dạy theo hệ thống tín chỉ được đưa ra [H4.04.03.01]. Một số sáng kiến về nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm thúc đẩy hoạt động học tập của người học đã được ra đời [H4.04.03.02].

Từ năm 2009 khi chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ Nhà trường cùng với các Khoa, Viện và bộ môn liên tục triển khai các giải pháp giảng dạy nhằm cung cấp kiến thức, cũng như các kỹ năng giúp người học chủ động học tập và rèn luyện không chỉ trong trường mà cả khi đã ra trường. Có thể thấy sau nhiều lần chỉnh sửa CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, khối lượng các tiết thảo luận, thực hành và tự học ngày càng tăng lên [H4.04.01.04], [H4.04.03.03]. Số tiết tự học của từng môn học sẽ được tính toán chi tiết theo từng chương, từng bài thực hành, theo từng nội dung lý thuyết (2 tiết tự học cho 1 tiết lý thuyết), thảo luận (1 tiết tự học cho 1 tiết thảo luận) và thực hành (2 giờ tự học cho 1 tiết thực hành), từ đó SV có thể tự phân bố thời gian học tập hợp lý. Cụ thể, số tiết tự học của CTĐT năm 2015, 2017 và 2019 được thể hiện trong bảng 4.3.

Bảng 4.3. Số tiết tự học trong CTĐT ngành CNSH

Năm	2015	2017	2019
Kiến thức GDĐC	1622	1636	1246
Kiến thức GDCN	2206	2566	2756
Tốt nghiệp, thực tập	540	540	750
Tổng cộng	4368	4742	4752

Đặc biệt trong lần điều chỉnh đề cương chi tiết học phần năm 2017, trong tất cả các đề cương môn học đã nêu rất rõ phương pháp giảng dạy của môn học (chi tiết đến từng chương trong nội dung môn học), phân công nhiệm vụ của GV, của người học, những mục tiêu cần đạt được trong các học phần, trong đó tập trung vào 2 mục tiêu chính là mục tiêu kiến thức và mục tiêu kỹ năng [H4.04.03.03], [H4.04.03.04]. Thêm vào đó, đề cương chi tiết các môn của năm 2020 còn chỉ rõ phương pháp đánh giá cụ thể cho từng kỹ năng (thực hành, thuyết trình...) [H4.04.01.04]. Như vậy, 100% đề

cương chi tiết các môn học đã chỉ rõ phương pháp giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV.

Trong giảng dạy thực tế, các giảng viên luôn dùng các phương pháp khác nhau để đánh giá khả năng tự học cũng như thúc đẩy năng lực tự học của SV. Việc tự học của SV có thể được thể hiện qua các hình thức như: việc tự học bài cũ trước khi đến lớp; tự tìm kiếm, thu thập thông tin và làm báo cáo tiểu luận môn học cũng như thuyết trình nhóm; tự tìm hiểu các kiến thức liên quan đến việc thực hành môn học như nguyên lý, ứng dụng của kỹ thuật đó và viết báo cáo thực hành; tự tìm hiểu các phương pháp để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp... Thông qua kiểm tra việc tự học bài cũ (điểm kiểm tra 15 phút hoặc điểm kiểm tra giữa kỳ), cho điểm báo cáo tiểu luận (điểm thảo luận) [**H4.04.03.05**], điểm chấm báo cáo NCKH [**H4.04.03.06**] và khóa luận tốt nghiệp của SV [**H4.04.03.07**] giảng viên đã phân loại được khả năng tự học của SV và khuyến khích, động viên SV tăng cường tự học, tự nghiên cứu.

CTĐT được tăng cường kỹ năng thực hành cho SV [**H4.04.03.08**]. Cơ cấu lớp học được chia thành: lớp lý thuyết và lớp thực hành. Trong các giờ dạy trên lớp lý thuyết nhiều phương pháp giảng dạy tích cực được sử dụng như: thảo luận nhóm, SV chuẩn bị bài và thuyết trình, ... chính những phương pháp tích cực này đã rèn luyện cho SV trong suốt 04 năm học kỹ năng thuyết trình, khả năng hợp tác làm việc trong đội nhóm phục vụ rất tốt cho công việc của SV sau này. Các lớp thực hành hướng dẫn SV làm thí nghiệm, viết báo cáo, xử lý số liệu ... rèn luyện cho SV kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng tìm và đọc tài liệu, kỹ năng viết báo cáo và xử lý số liệu, kỹ năng sáng tạo trong nghiên cứu... [**H4.04.03.09**]. Thêm vào đó, SV ngành CNSH thường xuyên được thực hành, thực tập tại các cơ sở nghiên cứu, các nhà máy, công ty về lĩnh vực liên quan để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và tiếp cận với thực tế [**H4.04.03.10**].

Bên cạnh việc hoàn thiện công tác giảng dạy, Nhà trường còn bố trí mỗi lớp chuyên ngành một CVHT làm nhiệm vụ hỗ trợ SV trong học tập, rèn luyện và cuộc sống [**H4.04.03.11**]. Hàng tháng các CVHT sẽ có hoạt động tiếp xúc với lớp thông qua các cuộc họp ghi nhận các ý kiến và phản ánh kịp thời tới bộ môn chuyên môn, văn phòng Viện, Nhà trường [**H4.04.03.12**]. Trong những năm vừa qua tỷ lệ CVHT hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ là rất cao [**H4.04.03.13**].

Điểm nổi bật của chương trình đào tạo ngành CNSH là đã nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Các hoạt động NCKH SV, từng bước gắn NCKH với đào tạo, phát triển và bồi dưỡng nhân tài. Trường ĐHLN, Viện CNSH LN, luôn coi hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo [H4.04.03.14]. Nhà trường cũng đã chú trọng nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, các phòng thí nghiệm giúp SV có cơ hội tiếp cận, sử dụng các trang thiết bị nghiên cứu, viết báo cáo khoa học. Thông qua ngày hội NCKH SV, SV được trực tiếp trình bày và trao đổi về đề tài nghiên cứu của mình với Hội đồng thẩm định là những chuyên gia, GV giàu kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn sâu rộng. Qua đó góp phần nâng cao niềm đam mê NCKH của SV và rèn luyện sự tự tin, bổ trợ các kỹ năng mềm như: thuyết trình, làm việc nhóm, phản biện [H4.04.03.15].

Các hoạt động học tập chính khóa giúp người học trang bị kiến thức chuyên môn, ngoài ra hiện nay Viện CNSH LN và trường ĐHLN vẫn đang duy trì hoạt động của các câu lạc bộ: CLB ước mơ xanh; CLB truyền thông; CLB SV tình nguyện; CLB tin học, CLB nông nghiệp hữu cơ, CLB trái tim nhân ái... Đây là môi trường tốt để SV tiếp tục rèn luyện, trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn [H4.04.03.16].

Để làm tốt hơn nữa công tác giảng dạy, Nhà trường luôn tổ chức khóa học Nghiệp vụ sư phạm nhằm trang bị tốt cho các GV các kỹ năng cho giảng dạy. Khóa học được tổ chức mỗi năm 1 lần và thu được kết quả tốt [H4.04.03.17]. Bên cạnh đó Viện CNSH LN và Nhà trường mở các lớp tập huấn phương pháp dạy thực hành để tăng kỹ năng này cho GV [H4.04.03.18]. Đối với các GV trẻ hàng năm Viện CNSH LN tổ chức giao lưu học thuật phổ biến những đề tài cấp bộ, những kết quả của NCS thực hiện ở trong nước và ngoài nước nhằm tăng cường chuyên môn và trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy [H4.04.03.19]. Chính nhờ các hoạt động này, GV sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Với nhiều hoạt động được thực hiện đồng bộ, hàng năm qua báo cáo tổng kết năm học của Viện CNSH LN cho thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn tăng, tỷ lệ SV bỏ học giảm, tỷ lệ SV xếp loại đạo đức tốt cao, giảm tỷ lệ xếp loại yếu, kém [H4.04.03.20], [H4.04.03.21]. Thông qua kết quả khảo sát có thể

thấy 84,62% người học và người sử dụng lao động học cho rằng CTĐT đã giúp người học đáp ứng tốt với yêu cầu công việc và thực tiễn xã hội [H4.04.03.22].

Ngoài ra, để thúc đẩy việc học tập suốt đời cho SV, nhà trường cũng trang bị cho SV những tài liệu sử dụng trực tuyến thuận tiện cho việc tra cứu và sử dụng thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến Trường Đại học Lâm nghiệp tại thư viện của Trường, sau khi tốt nghiệp SV tiếp tục học tập và nghiên cứu sau này [H4.04.03.23]. Nhà trường và Viện CNSH LN thường xuyên bổ sung nguồn tư liệu học tập như giáo trình, tài liệu tham khảo, các tạp chí chuyên ngành, phim, ảnh để phục vụ hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV [H4.04.03.24]. Thêm vào đó, Viện CNSH LN có chương trình thạc sỹ CNSH do đó những SV sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học lên cao hơn [H4.04.03.25].

2. Điểm mạnh

Hoạt động giảng dạy được bố trí đa dạng, phong phú, các hoạt động giảng dạy và học tập tạo điều kiện cho SV phát huy được khả năng học tập suốt đời của người học.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số GV chưa có biện pháp khích lệ tinh thần tự học tập của SV. Một số SV còn thụ động trong học tập, chưa tích cực, chủ động.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Cơ quan, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Duy trì, phát huy điểm mạnh của hoạt động dạy và học của Viện CNSHLN	Tiếp tục thúc đẩy GV thực hiện đa dạng, phong phú, các hoạt động giảng dạy và học tập để SV phát huy được khả năng tự học tập	Viện CNSH LN	Năm học 2020 - 2021
2	Tăng cường các biện pháp khích lệ tinh thần tự học tập	Mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm và hội nghị đổi mới phương pháp giảng dạy	Trường ĐHLN	Năm học 2021 - 2022
3		Tổ chức kỳ học doanh nghiệp nhằm	Viện	Năm học

	của SV	tạo cho SV có môi trường học tập và trải nghiệm thực tế một cách chuyên nghiệp, bài bản giúp tạo hứng thú học tập và làm việc, nâng cao kỹ năng và thái độ	CNSH LN	2020 - 2021
4		Gắn các NCKH của SV với thực tế sản xuất nhằm tạo hứng thú và ý nghĩa của các nghiên cứu.	Viện CNSH LN	Năm học 2020 - 2021

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Trong phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT có điểm nổi bật nhất là sự thay đổi khung chương trình qua các năm học 2015, 2017, 2019; thay đổi về thời lượng lý thuyết, thực hành và bài tập nhằm phù hợp với thực tế. Đồng thời, để lượng hóa sự thay đổi tích cực này, Trường cũng như Viện đã tích cực đưa SV vào làm nghiên cứu, sản xuất tại các Viện nghiên cứu, các doanh nghiệp sản xuất thuộc các lĩnh vực nông lâm nghiệp, môi trường, thực phẩm và y dược.

Nhìn chung, CTĐT ngành CNSH đã đặt ra được mục tiêu rõ ràng, được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy lấy người học làm trung tâm cụ thể hoạt động học tập đa dạng như NCKH dành cho SV, tự học, thảo luận, thuyết trình và hình thức học tập linh hoạt theo hệ đào tạo tín chỉ, giúp người học rút ngắn thời gian học tập mà vẫn đảm bảo đạt chuẩn đầu ra. Sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học rất cởi mở, thân thiện, đồng thời với sự hỗ trợ của các CVHT luôn đồng hành cùng người học trong việc tư vấn, hỗ trợ liên quan đến chương trình học.

Mặc dù, CTĐT của ngành đã rất cố gắng hoàn thiện để phù hợp với thực tế xã hội, tuy nhiên vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, hoạt động thực hành, thực tập thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, nhiều SV chưa theo kịp với hệ thống đào tạo tín chỉ do chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH đánh giá tiêu chuẩn 4: có 01 tiêu chí đạt 5/7 và 02 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc đại học, việc đánh giá chất lượng người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất. Thông qua kết quả quá trình đánh giá chất lượng người học sẽ phản ánh sâu sắc và chân thực nhất về khả năng học tập của người học, điều này có ảnh hưởng lớn tới công việc của người học sau khi tốt nghiệp.

Mặt khác, việc đánh giá KQHT của người học cũng cung cấp cho Nhà trường, Viện CNSH LN các cơ sở dữ liệu có giá trị và phản ánh rõ nét về hiệu quả của quá trình giảng dạy cũng như các phương tiện, dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học chương trình CNSH được thiết kế nhằm đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng cũng như chuyên ngành.

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) theo chương trình đào tạo rõ ràng và được thông báo công khai tới người học, thông qua sổ tay SV (được phát cho SV lúc mới nhập học). Trước khi bắt đầu vào học nội dung kiến thức của mỗi học phần trong chương trình đào tạo, người học luôn được thông báo rõ ràng về kế hoạch học tập, tài liệu tham khảo, hình thức và tiêu chí kiểm tra, đánh giá được sử dụng trong học phần đó. Tiêu chí và phương pháp đánh giá KQHT của các học phần đa dạng, phù hợp, luôn đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và đặc biệt là công bằng đối với người học. Đồng thời, các phương pháp và tiêu chí này được ghi chép và lưu giữ lại làm dữ liệu để thực hiện quá trình đánh giá hoặc cải tiến, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới nhằm tìm ra phương pháp hiệu quả hơn.

Một điều nữa là kết quả đánh giá sau khi hoàn thành phải được kịp thời phản hồi đến người học để người học biết được KQHT của mình, từ đó có nhận xét, tự đánh giá và được tạo mọi điều kiện thuận lợi để tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT khi cần thiết. Mặt khác, người học dựa vào KQHT của mình để có kế hoạch cải thiện việc học tập cá nhân.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Nhà trường ĐHLN đã ban hành CDR ngành CNSH và rà soát, điều chỉnh thường xuyên [H5.05.01.01]. Để người học có thể đạt được CDR này, Nhà trường đã có các quy trình rõ ràng về việc đánh giá KQHT của người học, bao gồm: Quy định tổ chức, quản lý đánh giá kết quả học tập [H5.05.01.02], Quy định về việc quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi [H5.05.01.03], Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo ĐH, CĐ theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.04], các thông báo về việc cập nhật điều kiện dự thi và tổ chức thi cho SV trên hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường [H5.05.01.05]... Các quy định này được chi tiết hóa trong đề cương chi tiết các môn học [H5.05.01.06], sổ tay SV [H5.05.01.07] và được công bố công khai, rộng rãi đến SV, GV thông qua website của Nhà trường (<http://ktdbcl.vnuf.edu.vn/quy-trinh>) [H5.05.01.08].

Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá người học đã được ban hành của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.09], Nhà trường đã ban hành quy định về tổ chức, quản lý, đánh giá KQHT của người học được thống nhất trong toàn trường [H5.05.01.02]. Hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại được ghi trong sổ tay SV [H5.05.01.07], được phát khi SV nhập trường.

Điểm đánh giá bao gồm:

Điểm quá trình học tập (điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đánh giá phần thực hành - với học phần có thực hành, điểm kiểm tra giữa học phần) được GV ghi vào mẫu biểu thống nhất do phòng đào tạo quy định, chiếm tỷ trọng 40% [H5.05.01.10]. Điểm quá trình sẽ được thông báo trực tiếp tới người học trên giảng đường và thông qua trang cá nhân của người học trên hệ thống <http://vnuf.edu.vn> [H5.05.01.11];

Điểm thi KTHP: là điểm bài thi sau khi người học hoàn thành học phần, chiếm trọng số 60%. Điểm đánh giá học phần là điểm xác định được dựa trên điểm quá trình học tập và điểm thi KTHP theo phương pháp bình quân. Việc đánh giá kết quả thi KTHP được thực hiện bằng nhiều phương pháp đánh giá: thi tự luận, thi trắc nghiệm, báo cáo môn học... quy định rõ trong đề cương chi tiết môn học [H5.05.01.06]. Điểm thi KTHP sẽ được thông báo tới người học qua trang cá nhân tác nghiệp tín chỉ của trường [H5.05.01.12];

Điểm khóa luận tốt nghiệp được đánh giá công khai, minh bạch và công bằng cho các SV thông qua các điểm sau: điểm của giáo viên hướng dẫn, điểm phản biện,

điểm thuyết trình khóa luận. Các điểm được chia trung bình và ghi rõ trong Biên bản họp hội đồng và được tổng hợp trong Bảng tổng hợp kết quả khóa luận [H5.05.01.13].

Bên cạnh việc đánh giá kết quả người học về kiến thức, kỹ năng... người học cũng được đánh giá kết quả rèn luyện đối với SV đại học theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo [H5.05.01.14], trường ĐHLN cũng có các quy định riêng rõ ràng, chi tiết tại sổ tay SV [H5.05.01.07] để người học được tiếp cận.

Ngoài ra, SV cũng được cung cấp đề cương chi tiết của mỗi học phần, trong đó có nêu rõ cách đánh giá, tỷ trọng của từng loại điểm thành phần và cách tính điểm chung của học phần [H5.05.01.06] cũng như CDR cụ thể cho nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Theo đó việc đo lường các CDR được thực hiện theo thang năng lực ((*nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo*)-Bloom).

Để đánh giá hiệu quả KQHT của người học, Nhà trường đã có các văn bản hướng dẫn việc thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi phù hợp với từng hình thức đánh giá để phân loại được người học có đạt được CDR hay không [H5.05.01.03].

Để đảm bảo tính công bằng, nghiêm túc, khách quan và minh bạch, Nhà trường đã có những quy định về ra đề thi KTHP phải do Chủ nhiệm Bộ môn phân công một hay nhiều GV cùng ra đề. Các đề thi được chủ nhiệm bộ môn tập hợp thành ngân hàng đề thi và chất lượng đề thi được đánh giá [H5.05.01.15]. Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần, hình thức thi và năng lực của SV để từ đó người học đáp ứng được CDR. Các hình thức đánh giá (thi) KTHP được thiết kế đa dạng như: thi tự luận (phổ biến), thi trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành trên máy tính hoặc tại phòng thí nghiệm, viết báo cáo (thực tập), bảo vệ tốt nghiệp... tùy vào đặc thù yêu cầu của các học phần và được rà soát, điều chỉnh, thay đổi thường xuyên để phù hợp với CDR [H5.05.01.16], [H5.05.01.17].

Nhà trường cũng đã thành lập Phòng KT&ĐBCL [H5.05.01.18], là đơn vị chuyên trách về công tác kiểm tra đánh giá, độc lập với công tác đào tạo. Phòng KT & ĐBCL quản lý toàn bộ ngân hàng đề thi KTHP, đóng dấu khảo thí, đựng vào túi được niêm phong, gán mã số trên túi đúng quy định. Để đảm bảo tính công bằng, Nhà trường cũng đã chú trọng tới công tác coi thi, mỗi phòng thi gồm 2 cán bộ coi thi, người tham gia coi thi phải là cán bộ đang công tác tại trường, nắm vững và thực hiện nghiêm túc quy chế thi - kiểm tra của Bộ giáo dục và đào tạo. Với cách đánh giá công bằng, khách quan, minh bạch đã giúp người học tích cực hơn trong việc tự học, tự

nghiên cứu, thảo luận và áp dụng các kiến thức đã học trong quá trình làm bài tập, thí nghiệm, thực hành, tích cực chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Vì thế, hầu hết SV ngành CNSH đạt được CĐR [H5.05.01.19]. Như vậy, các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR.

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá KQHT đối với người học của ngành CNSH được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình được quy định.

Tất cả các môn học đều có đề cương chi tiết, ngân hàng đề thi được thiết kế nhằm đánh giá theo mức độ hiểu biết, áp dụng, tổng hợp của người học, đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành.

Các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính khách quan, chính xác, phù hợp với mục tiêu của từng học phần và được cập nhật thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thi và hệ thống ngân hàng đề thi một số môn học vẫn còn hạn chế, chưa đa dạng, chủ yếu là hình thức thi tự luận và trắc nghiệm, chưa bộc lộ được hết kỹ năng tư duy của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Cơ quan, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Đa dạng hóa hình thức thi	Rà soát và thay đổi hình thức đánh giá kết quả môn học, chuyển hình thức thi sang vấn đáp, đồ án, thao tác trực tiếp trên phần mềm máy tính hoặc dụng cụ thực hành	Viện CNSH LN	Năm học 2020 - 2021
2		Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn: Phương pháp luận thực hành để GV giảng dạy có phương pháp đánh giá phong phú và khách quan hơn	Viện CNSH LN và trường ĐHLN	Năm học 2020 - 2021
3	Phát huy	Tiếp tục thúc đẩy các GV sử dụng	Viện CNSH	Năm học

tính đa dạng, chính xác trong đánh giá KQHT của SV	nhiều phương pháp khác nhau để đánh giá KQHT của Sv khách quan, chính xác và công bằng	LN và Phòng Đào tạo	2020 - 2021
--	--	---------------------	-------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Trong thời gian đào tạo theo hình thức tín chỉ (04 năm), các KQHT của người học ngành CNSH được đánh giá theo các quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHLN [H5.05.02.01] và Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.02]; được thông báo công khai đến người học về các chỉ tiêu đánh giá KQHT trong sổ tay SV [H5.05.02.03] và bản đề cương chi tiết của mỗi học phần [H5.05.01.06].

Nhằm giúp người học có thể hiểu chi tiết các nội dung trong đánh giá KQHT, nhà trường đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, các nội dung liên quan trong các kỳ thi, bao gồm:

+ *Thời gian:*

Các mốc thời gian cụ thể để tiến hành đánh giá KQHT của người học được phòng đào tạo sắp xếp và thông báo tới từng SV (Lịch thi KTHP, lịch thực hiện KLTN, lịch bảo vệ KLTN...) qua trang cá nhân trên hệ thống của trường ĐHLN <http://dktc.vnuf.edu.vn> [H5.05.02.04]

+ *Hình thức, phương pháp:*

Việc đánh giá kết quả của SV thông qua hình thức thi KTHP được quy định cụ thể tại Quy định về tổ chức, quản lý, đánh giá KQHT [H5.05.02.05] và Quy định về xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi KTHP [H5.05.02.06], gồm các hình thức thi KTHP như sau: thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, đồ án môn học... Hình thức, phương pháp đánh giá kết quả người học sẽ được GVGV giảng dạy thông báo tới người học

ngay khi bắt đầu môn học (thông qua đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.10]) và trong suốt quá trình dạy. Điểm quá trình được GVG giảng dạy công khai cho người học trước khi thi KTHP theo mẫu do phòng đào tạo cung cấp [H5.05.02.07] và được nhập công khai lên hệ thống tác nghiệp tín chỉ <http://dktc.vnuf.edu.vn> [H5.05.02.08]. Đối với thi tốt nghiệp, hình thức và phương pháp được quy định cụ thể trong Quy định về thực tập và thi tốt nghiệp áp dụng cho hệ đào tạo chính quy bậc đại học trường DHLN [H5.05.02.09].

+ *Tiêu chí:*

Kết quả đánh giá của người học được xác định thông qua các tiêu chí sau: Điểm quá trình (gồm: chuyên cần, điểm kiểm tra kiến thức thường xuyên, điểm thực hành với môn học có phần thực hành) và điểm thi KTHP. Các tiêu chí đánh giá kết quả người học được quy định cụ thể trong từng đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.10]. Trong từng đề cương học phần của năm 2020 đã trình bày chi tiết các rubrics đánh giá từng tiêu chí cụ thể, bao gồm: rubrics đánh giá kết quả bài thuyết trình chủ đề theo nhóm, bài thực hành, bài tập cá nhân, bài thi viết (tự luận) và rubrics đánh giá kết quả thực tập nghề nghiệp. Với SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp thì các tiêu chí đánh giá gồm: điểm quá trình [H5.05.02.10], điểm phản biện [H5.05.02.11], điểm bảo vệ khóa luận [H5.05.02.12]. Thành phần hội đồng chấm tốt nghiệp gồm các thành viên trong quyết định thành lập hội đồng chấm tốt nghiệp của ngành CNSH [H5.05.02.13].

+ *Trọng số:*

Việc xác định trọng số các tiêu chí đánh giá kết quả người học do Bộ môn phụ trách môn học đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được trình bày cụ thể tại đề cương chi tiết của học phần [H5.05.01.10]. Đa số các môn học ngành CNSH được xác định trọng số: 40% điểm quá trình, 60% điểm thi KTHP.

+ *Cơ chế phản hồi:*

Sau khi phòng KT&ĐBCL có thông báo về việc nhận đơn phúc khảo bài thi [H5.05.02.14], người học được quyền phản hồi kết quả đánh giá học phần của mình nếu có bất cứ sai lệch nào (nhập sai, tính sai) và khiếu nại về điểm thi KTHP bằng cách viết đơn đề nghị theo mẫu [H5.05.02.15] và nộp về phòng KT&ĐBCL. Phòng KT &ĐBCL sẽ thống kê danh sách các trường hợp người học đề nghị phúc khảo KQHT [H5.05.02.16]. Người học được quyền nhận mọi sự hỗ trợ từ phòng đào tạo, phòng KT&ĐBCL và bộ môn phụ trách về vấn đề khiếu nại, phản hồi về KQHT của

mình và sau khi có kết quả phúc khảo người học được nhận thông báo công khai [H5.05.02.17].

Bên cạnh đó, các tài liệu quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi kết quả đánh giá người học được công bố công khai và rộng rãi tới người học thông qua nhiều hình thức như: tuần lễ giáo dục công dân đầu mỗi năm học kế hoạch của Nhà trường [H5.05.02.18], sổ tay SV [H5.05.02.03], GV môn học khi lên lớp theo đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.06], CVHT [H5.05.02.19], trên trang web của trường, của phòng KT&ĐBCL [H5.05.02.20]...

Để đánh giá khách quan, minh bạch về môn học/ GV thì sau mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát người học thông qua phiếu khảo sát môn học, theo đúng quy định [H5.05.02.21], [H5.05.02.22]. Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá KQHT có thể thấy 90 - 98% SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá KQHT của người học, SV hài lòng về các quy định và việc công bố cách thức kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ [H5.05.02.23].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế và các nội dung liên quan) theo CTĐT của ngành CNSH là đầy đủ, rõ ràng và luôn được thông báo công khai, kịp thời tới người học.

3. Điểm tồn tại

Đôi khi còn một ít SV chưa chú ý đến các hình thức kiểm tra, đánh giá của môn học khi có sự thay đổi cách đánh giá theo từng năm học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Cơ quan, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phổ biến kịp thời cho SV về sự thay đổi cách đánh giá KQHT	Triển khai phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá trên nhiều kênh thông tin	Phòng đào tạo, phòng KT&ĐBCL, Viện CNSH LN	Từ năm học 2020 – 2021
2	Phát huy điểm mạnh về các quy định đánh giá KQHT	Tiếp tục thúc đẩy các GV tuân theo các quy định về đánh giá KQHT và thông báo công khai, kịp thời tới người học	Phòng đào tạo, phòng KT&ĐBCL, Viện CNSH LN	Từ năm học 2020 – 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Công tác kiểm tra đánh giá KQHT của người học ngành CNSH được thực hiện theo đúng các quy định về phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường [H5.05.03.01] và được công bố công khai trong đề cương chi tiết các môn học/học phần [H5.05.01.10], [H5.05.03.02]. GV giảng dạy ngành CNSH đã sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của người học như: thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp, thi trên máy hoặc làm tiểu luận/đề án do GV giảng dạy đề xuất thông qua bộ môn và được Hiệu trưởng phê duyệt, đưa vào kế hoạch thi học kỳ hằng năm [H5.05.03.03].

Hình thức kiểm tra đánh giá quy định trong đề cương chi tiết học phần của các CTĐT 2015, 2017, 2019 và triển khai rà soát định kì được tổng hợp trong bảng 5.3 [H5.05.03.03].

Bảng 5.3. Hình thức kiểm tra đánh giá của CTĐT ngành CNSH

Học phần		Vấn đáp	Viết luận	Trắc nghiệm	Khác
<i>Khối kiến thức đại cương</i>					
2015	Tổng	18	8	2	1
	Tỷ lệ %	33,96	15,09	3,77	1,89
2017	Tổng	15	9	1	5
	Tỷ lệ %	28,30	16,98	3,77	1,89
2019	Tổng	15	10	1	1
	Tỷ lệ %	28,30	16,98	3,77	1,89
<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i>					
2015	Tổng	2	19	1	2
	Tỷ lệ %	3,77	35,85	1,89	3,77
2017	Tổng	3	19	1	2
	Tỷ lệ %	5,66	35,85	1,89	3,77
2019	Tổng	3	19	1	2
	Tỷ lệ %	5,66	35,85	1,89	3,77

Ghi chú: Một số môn học áp dụng đồng thời các hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau. Theo kế hoạch thường xuyên của Nhà trường, hình thức kiểm tra đánh giá được định kỳ rà soát, thay đổi theo học kỳ

Bên cạnh đó, các phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học được phân định theo các tiêu chí rõ ràng nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị. Trong quy định chỉ rõ một học phần của người học đạt khi điểm học phần thuộc loại A (8,5 - 10 điểm), B (7,0 - 8,4 điểm), C (5,5 - 6,9 điểm), D (4,0 - 5,4 điểm) và không đạt với mức F (dưới 4,0 điểm) [H5.05.03.04]. Điểm môn học/học phần gồm 2 điểm thành phần: điểm quá trình học tập và điểm thi KTHP. Điểm quá trình học tập chiếm tỷ trọng không quá 40% được GV đánh giá trực tiếp trong các giờ học và kiểm tra thường xuyên trên lớp [H5.05.03.05]. Thông thường, các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình học gồm: điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra nhận thức và đánh giá thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm thực hành (với học phần có thực hành), điểm kiểm tra giữa học phần. Việc ra đề thi giữa học phần được thực hiện bởi GV phụ trách môn học. Hình thức thi giữa kỳ đa dạng: thi viết, thi trắc nghiệm, tiểu luận... và được quy định rõ trong đề cương chi tiết từng học phần [H5.05.03.02]. Điểm thi KTHP chiếm tỷ trọng không dưới 60%. Bài thi sau khi chấm xong được trưởng bộ môn duyệt chuyển về Phòng Đào tạo để nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo và thông báo cho người học [H5.05.03.06].

Đề thi của mỗi hình thức thi luôn đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy và công bằng, được thiết kế theo đúng quy trình để đạt được CĐR [H5.05.03.07]. Đề thi đã bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời phải đạt yêu cầu phân loại được trình độ học lực, phát huy khả năng tư duy sáng tạo của SV. Cụ thể, với hình thức thi vấn đáp, mỗi học phần phải luôn có ít nhất 30 đề thi khác nhau với thời lượng vấn đáp mỗi thí sinh thi không quá 15 phút và thời gian chuẩn bị không quá 10 phút. Với thi viết, mỗi học phần phải có ít nhất 10 đề khác nhau, thời lượng làm bài không quá 90 phút với thi tự luận và không quá 60 phút với thi trắc nghiệm và thi trắc nghiệm phải có ít nhất 100 câu hỏi/học phần phủ kín chương trình đào tạo của học phần [H5.05.03.07]. Như vậy đề thi đã đánh giá được mức đạt từng yêu cầu cụ thể về CĐR của môn học quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.06] và tiến tới người học đạt được CĐR của ngành CNSH [H5.05.03.08].

Đề thi được Trường bộ môn giao cho các GV trực tiếp giảng dạy môn học ra đề và đáp án, sau đó đề thi được thẩm định [H5.05.03.09]. Trước mỗi buổi thi, Trường phòng KT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên phương án đồng thời chuyển giao cho cán bộ chuyên trách của Phòng tiến hành in sao đề thi, đóng túi, niêm phong đúng theo các quy định [H5.05.03.02], [H5.05.03.10]. Như vậy, đề thi đã được thực hiện trong quy trình khép kín, bảo đảm an toàn, bảo mật cao, tính nghiêm túc, khách quan, công bằng trong đánh giá KQHT cho SV. Hình thức thi đa dạng, phù hợp với mục tiêu và yêu cầu các môn học, hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người học.

Công tác chấm thi được đảm bảo khách quan, chính xác và công bằng. Các bài thi được đánh giá công bằng và khách quan theo các tiêu chí cụ thể trong rubrics đánh giá của từng môn học và được quy định rõ trong đề cương chi tiết [H5.05.01.06]. Thêm vào đó, bài thi cuối kỳ được đánh số phách theo đúng bản ghi mã số phách và được rọc phách trước khi giao cho cán bộ chấm thi, đầu phách được Phòng KT&ĐBCL quản lý nghiêm ngặt. Với môn thi vấn đáp, có ít nhất 2 GV hỏi thi và có phiếu chấm điểm. Công tác chấm thi được tổ chức tại văn phòng các Bộ môn của Trường, cán bộ chấm thi nhận bài thi từ Phòng KT&ĐBCL theo sổ giao nhận [H5.05.03.11]. Mỗi bài thi KTHP đều phải có hai GV chấm, bảng điểm mỗi học phần ngoài chữ ký của hai GV chấm, còn có chữ ký của Trưởng bộ môn để đảm bảo sự công bằng và khách quan trong công tác chấm thi [H5.05.03.12]. Phòng KT&ĐBCL thực hiện việc kiểm tra và đối chiếu điểm thi của bài chấm và bảng điểm theo mã phách và chuyển điểm cho Phòng Đào tạo, Phòng đào tạo nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo, thông báo kết quả thi cho SV qua cổng thông tin SV trực tuyến [H5.05.03.06]. Các quy định về chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, điều kiện xét tốt nghiệp cũng được chỉ rõ trong sổ tay học tập SV [H5.05.03.04].

Thông qua khảo sát người học về phương pháp kiểm tra đánh giá, tính công bằng trong đánh giá điểm cho SV, kết quả cho thấy có trên 90% số SV được hỏi đánh giá tốt về phương pháp đánh giá KQHT và cho rằng GV đã đánh giá một cách công bằng quá trình học của SV [H5.05.03.13]. Hằng năm, khi SV đi thực tập và sau khi SV tốt nghiệp đi làm, đều nhận được những đánh giá tốt của đơn vị thực tập và NTD [H5.05.03.14]. Cũng có một số ít SV còn yêu cầu phúc tra kết quả đánh giá quá trình và đánh giá bài thi KTHP, tuy nhiên các đơn này đều được giải quyết thỏa đáng [H5.05.03.15]. Ngoài ra, hàng tháng thông qua cuộc họp giao ban công tác SV và các

ngày hội đối thoại với SV, người học đã nêu ý kiến cho rằng các phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT là phù hợp nhưng cần tăng cường hình thức thi tự luận và đổi mới đề thi theo từng năm để phù hợp hơn với trình độ của SV [H5.05.03.16], [H5.05.03.17]. Bên cạnh đó, căn cứ vào KQHT của SV khi kết thúc môn học [H5.05.03.06], kết quả đánh giá của SV đối với môn học/GV [H5.05.03.13] và kết quả đánh giá đề thi [H5.05.03.09] mà các bộ môn có các đề xuất điều chỉnh hình thức thi KTHP cho phù hợp hơn với tình hình thực tiễn để người học đạt được CDR. Do vậy, các phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của người học được kiểm chứng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng. Tuy nhiên, việc kiểm chứng các phương pháp kiểm tra KQHT của người học còn chưa được thường xuyên và liên tục.

2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá KQHT luôn thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, nội dung từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các học phần trong chương trình đào tạo ngành CNSH.

3. Điểm tồn tại

Đối với ngành CNSH, Nhà trường còn chưa tiến hành thường xuyên theo định kỳ tổ chức khảo sát, đánh giá, việc áp dụng các loại hình thức thi, kiểm tra đối với từng học phần để phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Cơ quan, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường mức độ phù hợp của phương pháp kiểm tra, đánh giá so với đặc thù của ngành	Kết hợp với các đơn vị sản xuất thực tế, đơn vị tuyển dụng cùng cán bộ giảng dạy để đánh giá người học trong các học phần thực tập nghề, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.	Viện CNSH LN	Năm học 2020- 2021

2		Rà soát và thay đổi hình thức đánh giá kết quả môn học, chuyển hình thức thi sang vấn đáp, thao tác trực tiếp trên phần mềm máy tính hoặc dụng cụ thực hành	Viện CNSH LN	Năm học 2020- 2021
---	--	---	-----------------	-----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của chỉ ở mức điểm 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Trường ĐHLN có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học [H5.05.04.01]. Trên cơ sở văn bản của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHLN đã ban hành Quy định về tổ chức, quản lý đánh giá KQHT [H5.05.04.01]. Quy định này được phổ biến rộng rãi cho SV, cán bộ giảng dạy và các bên liên quan được biết trên website Phòng KT&ĐBCL [H5.05.04.02], được in trong cuốn sổ tay SV phát cho SV đầu khóa học [H5.05.04.03]. Quy định này cũng được phổ biến chi tiết cho SV trong các tuần sinh hoạt công dân đầu năm [H5.05.04.03], trong các buổi họp lớp thông qua CVHT [H5.05.04.03(3)] và các buổi họp giao ban với Viện CNSH LN [H5.05.04.03].

Việc quản lý KQHT của người học được Trường quy định cụ thể bằng văn bản theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT [H5.05.04.01]. Trong đó quy định cụ thể sau mười ngày kể từ khi thi KTHP, bộ môn phải hoàn thành việc chấm bài. Phòng KT&ĐBCL chuyển bảng điểm cho phòng đào tạo và công bố kết quả cho SV chậm nhất 01 tuần kể từ khi nhận kết quả chấm thi. Riêng thi vấn đáp và bảo vệ luận văn tốt nghiệp thì điểm được công bố công khai sau buổi thi, buổi bảo vệ. KQHT của SV được Trường thông báo kịp thời và công khai trên trang web của Nhà trường qua tài khoản của SV [H5.05.04.04]. KQHT của người học được trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo [H5.05.04.05] và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường [H5.05.04.04] để người học có thể phản hồi và cải thiện việc học tập.

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường đã giúp trường quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm

tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu KQHT của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [**H5.05.04.04**].

Trong quá trình học SV có quyền đề nghị phòng đào tạo cấp bảng điểm chính thức của một hoặc nhiều học kỳ đã học. Bảng điểm này ghi KQHT cho tất cả các học phần mà SV đã học trong các kỳ mà SV xin cấp bảng điểm [**H5.05.04.06**]. Thêm vào đó, SV có thể khiếu nại, thắc mắc về điểm quá trình và điểm thi KTHP. Các điểm này sẽ được các GV giảng dạy hoặc chấm thi trực tiếp xem xét, kiểm tra và điều chỉnh khi có sai sót.

CVHT của lớp cũng sẽ biết KQHT của SV lớp phụ trách thông qua tài khoản của mình [**H5.05.04.07**] và sẽ gửi KQHT về cho gia đình SV thông qua thư để gia đình cùng với nhà trường quản lý việc học tập của SV [**H5.05.04.08**], [**H5.05.04.09**]. Điểm học tập của SV được tổng kết theo từng học kỳ và Nhà trường thực hiện cảnh báo SV có KQHT kém để người học biết và lập phương án học tập thích hợp, như vậy SV có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [**H5.05.04.10**]. Như vậy, các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học.

Hàng tháng và khi kết thúc mỗi học kỳ Nhà trường đều bố trí các buổi để CVHT họp lớp, tổng kết hoạt động học tập, ghi nhận những đánh giá của người học về việc đánh giá kết quả học phần, thời gian công bố điểm [**H5.05.04.03**], [**H5.05.04.11**]. Kết quả cho thấy hầu hết người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Ngoài ra, thông qua KQHT này CVHT sẽ cùng người học có định hướng tốt hơn trong việc xây dựng kế hoạch học tập. Sau khi họp lớp, Viện CNSH LN có các buổi họp giao ban công tác SV và Nhà trường cũng tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa SV, CVHT với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến [**H5.05.04.03**], [**H5.05.04.12**]. Do đó, ý kiến phản hồi của người học được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Sau khi biết KQHT, người học có KQHT kém có thể học nâng điểm nhằm cải thiện KQHT. Nhà trường cũng tạo điều kiện mở các lớp học bổ sung nhằm giúp SV cải thiện điểm [**H5.05.04.13**] vì thế kết quả xếp loại tốt nghiệp của SV các khóa đạt tỷ lệ khá, giỏi rất cao (>80%) [**H5.05.04.10**]. Như vậy, các thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đã được sử dụng để người học cải thiện việc học tập.

Qua kết quả khảo sát được thực hiện từ năm 2015 – 2020 của SV trước khi ra trường và sau khi ra trường nhận thấy người học hài lòng với việc công bố và phản hồi KQHT [H5.05.04.14]. Sự phản hồi KQHT của SV, đánh giá tổng hợp hoạt động học tập được Nhà trường, Viện CNSH LN tổng kết và xây dựng kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ năm học mới [H5.05.04.15].

2. Điểm mạnh

KQHT của người học được thông báo kịp thời đến các bên liên quan, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất trong việc cải thiện KQHT của SV.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm cuối kì cho SV đôi khi còn chậm trễ, làm ảnh hưởng đến việc phúc khảo bài thi của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Cơ quan, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Công bố điểm đánh giá môn học kịp thời, đúng quy định	Công khai sớm điểm quá trình môn học trên nhiều phương tiện: bảng tin, CVHT, group facebook, website Viện ... để người học kịp thời phản hồi khi có thắc mắc	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020- 2021
2		Hoàn thiện sớm việc chấm thi KTHP và công bố rộng rãi kết quả thi để người học kịp thời khiếu nại nếu có	Viện CNSH LN, Phòng đào tạo	Từ năm học 2020- 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT

1. Mô tả

Trường ĐHLN có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT của người học và được công bố công khai. Việc giải quyết khiếu nại của người học về KQHT được thực hiện theo quy định của trường ĐHLN [H5.05.05.01]. Người học được CVHT phổ biến từng kỳ trong nội dung sinh hoạt lớp [H5.05.05.02], ngoài ra người học còn được GV giảng dạy phổ biến chi tiết trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H5.05.05.03] và công khai trong Sổ tay học tập của SV [H5.05.05.04]. Như vậy, người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Đối với hoạt động học tập người học sẽ được đánh giá quá trình học tập và đánh giá bài thi KTHP. Trong đó cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau:

Đối với điểm đánh giá quá trình học tập SV khiếu nại trực tiếp với cán bộ giảng dạy. Việc thay đổi điểm quá trình chỉ được phòng Đào tạo thực hiện sau khi Chủ nhiệm bộ môn thông qua [H5.05.05.05].

Đối với điểm bài thi KTHP, sau khi được thông báo kết quả thi trong thời hạn 05 ngày làm việc, SV có thể làm đơn xin phúc khảo kết quả bài thi [H5.05.05.06] và đăng ký vào sổ lưu trữ của phòng KT&ĐBCL [H5.05.05.07] để được giải quyết. Kết quả phúc tra được thông báo chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo [H5.05.05.08]. Khi phát hiện có bất kỳ sự khác biệt nào giữa điểm thi đã công bố và điểm truy cập trên hệ thống Quản lý đào tạo, SV cần làm đơn yêu cầu phòng Đào tạo kiểm tra lại các điểm tương ứng [H5.05.05.05], [H5.05.05.06].

Ngoài ra SV có thể phản ánh thông qua các buổi họp lớp với CVHT và các buổi họp giao ban Công tác SV cấp Viện hàng tháng [H5.05.05.09], hội nghị đối thoại SV với lãnh đạo trường [H5.05.05.10] và trên trang web của phòng KT&ĐBCL [H5.05.05.11].

Đơn xin phúc tra điểm của SV được Phòng KT&ĐBCL thống kê [H5.05.05.08], theo đó hàng năm các khiếu nại về KQHT của SV đã được Viện CNSH LN và nhà trường giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Kết quả tổng hợp tỷ lệ đề nghị phúc khảo của SV theo các năm học được tổng hợp trong bảng 5.5 [H5.05.05.12].

Bảng 5.5: Tổng hợp tỷ lệ khiếu nại kết quả thi của SV

<i>Năm học</i>	Tiêu chí		
	Số lượt bài thi đề nghị phúc khảo	Số bài thi thay đổi điểm sau phúc khảo	Tỷ lệ thay đổi điểm (%)
2016 - 2017	68	7	10,3
2017 - 2018	4	1	25
2018 - 2019	1	0	0
2019 - 2020	0	0	0

Kết quả khảo sát của SV trong 5 năm gần đây cho thấy 93 - 98% người học hài lòng với phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập cũng như cơ chế phản hồi và kết quả phúc khảo điểm của SV [**H5.05.05.13**].

2. Điểm mạnh

Người học có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT, Nhà trường cũng đã ban hành quy trình giải quyết công việc rõ ràng, công khai do đó người học dễ dàng tiếp cận với các quy trình khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Điểm thi kết thúc học phần của SV đôi khi còn chậm công bố, do đó ảnh hưởng tới công tác phúc tra điểm và tiến độ học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Cơ quan, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Cải thiện việc công bố điểm cho SV	Giám sát và thúc đẩy các GV công tác chấm thi và công bố điểm thi KTHP đúng tiến độ theo quy định.	Viện CNSH LN	Năm học 2020 - 2021
2	Duy trì, phát huy điểm mạnh	Thông báo rộng rãi trên các phương tiện để người học biết được quy trình, thủ tục, thời gian các đợt phúc khảo bài thi	Phòng KTĐBCL	Năm học 2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành CNSH được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và Nhà trường, tương đối phù hợp với chuẩn đầu ra, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên, đôi khi điểm thi kết thúc học phần của người học còn chậm công bố. Viện CNSH sẽ tiến hành kiểm tra, giám sát và thúc đẩy các GV thực hiện công bố điểm kịp thời, đúng quy chế để người học bám sát được tiến trình học tập.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH đánh giá tiêu chuẩn 5: có 4 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường ĐHLN có mạng lưới đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, tổ chức NCKH, CGCN và ứng dụng kỹ thuật góp phần phát triển ngành CNSH. Điều này có nghĩa là Nhà trường cần có một lực lượng GV và NCV có đủ năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho cán bộ GV, NCV là nhiệm vụ trọng tâm.

Đội ngũ GV của ngành CNSH là lực lượng chủ chốt trong quy trình đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao của trường Đại học Lâm nghiệp. Chất lượng của đội ngũ GV và NCV quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực do Viện CNSH LN đào tạo ra.

Viện CNSH LN với đội ngũ GV và NCV có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định và có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV được thực hiện căn cứ vào nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường và Viện CNSH LN. Nhà trường luôn xác định và xem đây là việc làm thường xuyên, cần thiết để có thể xây dựng được một đội ngũ GV và nhân viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới [H6.06.01.01], [H6.06.01.02].

Nhu cầu đào tạo của trường ĐHLN được thể hiện trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2006-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu, giá trị cốt lõi mà nhà trường, Viện CNSH LN đã công bố [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Xây dựng Viện CNSH LN tiên tiến, hiện đại, đạt trình độ ngang tầm các nước trong khu vực và hội nhập quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực CNSH, từ đó thực hiện có hiệu quả mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành nông - lâm nghiệp, góp phần phát triển nông - lâm nghiệp bền vững, phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

Căn cứ theo bảng thống kê danh sách cán bộ, GV của Nhà trường tháng 6 năm 2020 [H6.06.01.04], số lượng và trình độ cán bộ giảng dạy thuộc Viện CNSH LN được cụ thể hóa trong bảng sau:

Bảng 6.1.1. Số lượng và trình độ cán bộ giảng dạy cơ hữu thuộc Viện CNSH LN 2020 [H6.06.01.04]

Hạng mục	Nam	Nữ	Đào tạo nước ngoài	Đào tạo trong nước	Phân loại theo độ tuổi					Tổng	Tỷ lệ %
					<30	30-40	41-50	51-60	>60		
Giáo sư, Tiến sĩ	1		1				1			1	2,63
Phó Giáo sư/Tiến sĩ	5		3	2			4	1		5	13,16
Tiến sĩ	4	8	3	9		8	4	0	0	12	31,58
Thạc sĩ	6	10	0	16	2	9	5	0		16	42,11
Đại học	2	2	0	4	2	2	0	0		4	10,52
Tổng số	18	20	7	31	4	19	14	1	0	38	100

Tính đến tháng 6/2020 Viện CNSH LN tại cơ sở chính và bộ môn CNSH tại phân hiệu Đồng Nai có tổng số lượng GV là 38 đồng chí trong đó 52,5% cán bộ nữ. Tổng số cán bộ được đào tạo tại nước ngoài như Hàn Quốc, Hà Lan, Trung Quốc... là 7/38 chiếm 18,4% trong đó có những cán bộ được đào tạo cả thạc sĩ và tiến sĩ từ 02 nước trở lên.

Đồng thời Viện đang có 5/16 GV có trình độ thạc sĩ đang theo học Chương trình tiến sĩ tại Nga, Úc, Đức và Trung Quốc; 4 GV có trình độ đại học cũng đang hoàn thành khóa đào tạo Thạc sĩ trong nước.

Công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường được thực hiện theo đúng các quy định của Luật viên chức, Luật giáo dục đại học, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ NN&PTNT, theo quy định và tiêu chuẩn tuyển dụng viên chức của Trường ĐHLN và được công bố công khai trong toàn Trường **[H6.06.01.05], [H6.06.01.06]**. Quy trình tuyển dụng cán bộ GV của trường ĐHLN được thực hiện rõ ràng, công khai, minh bạch **[H6.06.01.07]**.

Dựa theo nhu cầu tuyển dụng để phục vụ cho nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng đơn vị, phòng TCCB sẽ phân bổ các chỉ tiêu tuyển dụng. Sau khi được Nhà trường phê duyệt chỉ tiêu, các đơn vị báo cáo với phòng TCCB về tiêu chuẩn của ứng viên cần tuyển **[H6.06.01.08], [H6.06.01.09]**. Sau đó, Nhà trường ra thông báo tuyển dụng và được công bố công khai trên website của trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng mọi thông tin liên quan đến chỉ tiêu, mô tả vị trí công việc, điều kiện dự tuyển, hồ sơ dự tuyển, kế hoạch tuyển dụng ... đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng **[H6.06.01.07]**. Kết quả thi tuyển viên chức được thông báo công khai và thí sinh có quyền làm đơn phúc khảo nếu thấy kết quả không hợp lý. Kết thúc thời gian phúc khảo, căn cứ điểm thi tuyển và kết quả phúc khảo, Nhà trường ra quyết định tuyển dụng đối với các ứng viên trúng tuyển **[H6.06.01.10], [H6.06.01.11]**. Người trúng tuyển thực hiện quy trình thử việc hay tập sự giảng dạy theo đúng các quy định đối với ngạch GV, các ngạch hành chính chuyên môn nghiệp vụ và được nhà trường ký hợp đồng làm việc **[H6.06.01.12]**. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường, người tập sự sẽ được chính thức bổ nhiệm vào ngạch **[H6.06.01.13]**.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ các chức danh lãnh đạo của Viện CNSH LN được thực hiện theo đúng quy định về tiêu chuẩn

bổ nhiệm tại Quyết định số 2336/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/10/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT [H6.06.01.14] và Quyết định số 277/QĐ-ĐHLN -TCCB ngày 23/2/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHLN trên cơ sở các tiêu chí của quy định năm 2014 [H6.06.01.15]. Đến năm 2020 nhờ công tác quy hoạch phát triển đội ngũ Viện CNSH LN và bộ môn CNSH (phân hiệu Đồng Nai) đã tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng được 38 GV, NCV trong đó có 01 GS, 05 PGS, 12 TS, 16 ThS, 04 KS [H6.06.01.4]. Đồng thời từ năm 2015 đến năm 2020 từ đội ngũ GV, NCV chất lượng đã được nhà trường tin tưởng bổ nhiệm 08 đồng chí vào các chức vụ lãnh đạo của Viện [H6.06.01.15]. Thông qua công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV Viện CNSH LN đã nâng cao cao tỉ lệ GV, NCV có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ của Viện CNSH LN.

Hàng năm Viện và Nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV của Viện dựa trên chính nhu cầu đào tạo của bộ môn để nâng cao chất lượng và năng lực đội ngũ GV [H6.06.01.1]. Nhiều GV đã đăng ký tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước, đăng ký đi học tiến sĩ, thạc sĩ, tham dự các lớp nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ, các lớp đào tạo GV hạng III và lớp GV chính... nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đảm bảo chuẩn chức danh theo quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và lao động hợp đồng Trường ĐHLN [H6.06.01.17]. Từ nguồn nhân lực chất lượng cao này, nhà trường đã bổ nhiệm GV vào những vị trí quan trọng, lãnh đạo từ bộ môn đến Viện.

Bảng 6.1.2. Bảng tổng hợp kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nhân sự hàng năm từ 2015-2016 đến 2019-2020 [H6.06.01.17]

Năm học	Tổng số GV	Trình độ chuyên môn				Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng					
		GS, PGS, Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác *	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Tiếng Anh	Tin học	Phương pháp GDĐH
2015–2016	37	8	21	8	6	5			11	2	3
2016–2017	35	10	18	7	10	5	1		6		2
2017–2018	45	10	25	9	1	14	9		20	16	8
2018–2019	54	13	34	6	1	12	4	2	23	22	1
2019–2020	40	14	23	2	1	7	1		6		4

* Khác: Tham gia các lớp chuyên viên chính, lớp bồi dưỡng chuyên môn, sau tiến sĩ....

Bảng trên được tổng hợp cho toàn bộ nhân sự của Viện CNSH bao gồm cả các cán bộ giảng dạy và cán bộ phục vụ

Các GV, NCV của Viện ngoài việc tham gia giảng dạy đã tích cực tham gia vào việc nghiên cứu khoa học, chuyển giao các đề tài NCKH áp dụng vào thực tiễn sản xuất. Hàng năm Viện công bố được trung bình 40 bài báo, hướng dẫn 30 nhóm SV NCKH, chủ trì nhiều đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở để nâng cao năng lực NCKH cho GV và SV.

Ngoài ra, Trường đã xây dựng quy chế về chế độ khuyến khích học tập nâng cao trình độ và tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao như hỗ trợ kinh phí học tập cho cán bộ của Trường đang học trình độ thạc sĩ và tiến sĩ [H6.06.01.18].

Bảng 6.1.3. Bảng thống kê trình độ GV, NCV giai đoạn 2015-2020

Năm	Kỹ sư	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS	Tổng số	Ghi chú
2015	4	16	12	2	0	38	
	10%	42,1%	31,6%	5,3%			
2016	4	16	12	2		34	
	11,8%	47%	35,3%	5,9%	0		
2017	7	19	9	5		40	
	17,5%	47,5%	22,5%	12,5%			
2018	6	18	10	5	0	39	
	15,4%	46,2%	31,6%	13,2%			
2019	4	16	13	6	0	39	
	10,2%	41%	33,3%	15,4%			
2020	4	16	12	6	1	39	01 thỉnh giảng
	10,2%	41%	30,8%	15,4%	2,6%		

Bảng 6.1.4: Bảng hỗ trợ kinh phí học tập cho GV, NCV giai đoạn 2015-2020 tại cơ sở chính [H6.06.01.17]

Năm học	Kinh phí hỗ trợ
2015	143.812.123 VNĐ
2016	671.043.800 VNĐ
2017	227.594.000 VNĐ
2018	879.937.460 VNĐ
2019	1.078.977.400 VNĐ

2020 (Từ tháng 1 đến tháng 6)	145.255.500 VNĐ
Tổng: 4.040.492.343 VNĐ	

**Bảng 6.1.5: Bảng hỗ trợ kinh phí học tập cho GV, NCV giai đoạn 2015-2020 tại
phân hiệu Đồng Nai [H6.06.01.17]**

Năm học	Kinh phí hỗ trợ
2015	129.207.500 VNĐ
2016	279.696.000 VNĐ
2017	152.077.000 VNĐ
2018	134.644.000 VNĐ
2019	89.750.000 VNĐ
2020 (Từ tháng 1 đến tháng 6)	10.00.000 VNĐ
Tổng: 795.374.500 VNĐ	

Song song với công tác giảng dạy, NCKH công tác phục vụ cộng đồng của đội ngũ GV, NCV cũng luôn được quan tâm sát sao. Liên chi đoàn Viện CNSH LN được hình thành từ năm 2013 tiền thân là Liên chi đoàn Viện CNSH LN và Viện Sinh thái; đến năm 2015 tách thành Liên chi Đoàn Viện CNSH LN luôn có cán bộ GV, NCV tham gia vào ban chấp hành. Từ bộ máy này, cán bộ Viện CNSH LN luôn năng động, nhiệt tình tổ chức cũng như tham gia vào các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng như tạo sân chơi rèn luyện và trưởng thành cho SV Viện CNSH LN. Một số hoạt động được cán bộ tổ chức thường xuyên tạo thành nét đẹp cho SV ngành CNSH nói riêng như đêm hội trăng rằm - đón tân SV hàng năm, SV tình nguyện địa phương hay giải bóng đá giữa cựu SV và SV đang theo học tại trường [**H6.06.01.18**].

2. Điểm mạnh

Viện CNSH LN luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo của Viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Với quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai, minh bạch, Viện đã tuyển được đội ngũ GV có năng lực, trình độ chuyên môn; đã bổ nhiệm được

những cán bộ có uy tín, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực quản lý vào các vị trí công tác.

3. Điểm tồn tại

Cần nâng cao chất lượng đội ngũ GV, NCV của bộ môn Công nghệ sinh học phân hiệu Đồng Nai

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng	Tăng cường tập huấn, đào tạo đội ngũ GV, NCV phân hiệu	Trường Đại học Lâm nghiệp	Từ năm 2021 trở đi

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2015-2016 tỷ lệ SV/GV quy đổi của Viện CNSH LN luôn thấp hơn so với quy định của Bộ GD&ĐT (tỷ lệ SV/GV thấp hơn 25/1). Trong giai đoạn 2015-2020, với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ GV viện CNSH LN hoàn thiện bản thân nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nâng cao chất lượng giảng dạy thể hiện qua việc giảm tỷ lệ GV/người học từ đó nâng cao chất lượng dạy và học. Mặc dù tỉ lệ giảm này còn bị ảnh hưởng do sự giảm số lượng SV của viện CNSH LN.
[H6.06.02.01] [H6.06.02.02]

Bảng 6.2.1 Tỷ lệ SV/GV viện CNSH LN giai đoạn 2015-2020

Năm học	Tổng số sv ngành CNSH	Tỷ lệ SV/GV
2015-2016	378	10
2016-2017	321	6,8
2017-2018	186	3,3
2018-2019	94	1,6
2019-2020	82	1,3

Trong 5 năm qua, khối lượng, thời gian làm việc, định mức chuẩn của GV Trường ĐHLN được thực hiện theo quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.03] và thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 về ban hành quy định chế độ làm việc với GV [H6.06.02.04]. GV phải đảm nhiệm khối lượng tối thiểu về giảng dạy là 270 tiết/năm và về NCKH: GS, GVCC là 130 tiết/năm; PGS, GVC là 120 tiết/năm; GV là 90 tiết/năm được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Ngoài ra, để đánh giá phù hợp với thực tế khối lượng nhiệm vụ giờ giảng, giờ NCKH của đội ngũ GV sẽ luôn được cập nhật trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [H6.06.02.05]. Định kỳ mỗi năm học việc thực hiện khối lượng giảng dạy và NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ khác được các bộ môn thực hiện thông qua đánh giá kết quả hoạt động để hưởng thu nhập tăng thêm và xếp loại thi đua. Cuối mỗi năm học, GV, NCV sẽ được đánh giá qua các mẫu phiếu Đánh giá và phân loại giảng viên. Từ đó làm cơ sở để đánh giá kết quả làm việc trong một năm học cũng như phương pháp giám sát nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.06].

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, Viện CNSH LN luôn quan tâm đến việc đẩy mạnh các hoạt động NCKH cho đội ngũ GV. Do vậy, GV của Viện ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy còn có nhiệm vụ quan trọng thứ hai là tham gia công tác nghiên cứu khoa học theo các lĩnh vực chuyên môn đã được đào tạo. Từ năm 2015 - 2020, các GV của Viện đã và đang chủ trì 16 đề tài cấp Bộ và Nhà nước, 61 đề tài cấp Cơ sở và mở các lớp đào tạo ngắn hạn về CNSH nông nghiệp, thủy sản [H6.06.02.07], [H6.06.02.08]. Ngoài ra, các GV của Viện CNSH LN còn hướng dẫn thực hiện thành công 112 đề tài NCKH của SV [H6.06.02.09], công bố 190 bài báo ở tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế [H6.06.02.10]. Song song với giảng dạy và NCKH đội ngũ GV của viện CNSH LN cũng luôn sẵn sàng, nhiệt tình trong các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Bảng 6.2.2: Thống kê giờ giảng dạy và NCKH của Viện CNSH LN [H6.06.02.09]

Năm học	Định mức giảng dạy (Giờ)	Giờ miễn giảm (Giờ)	Giờ giảng dạy thực tế (Giờ)	Định mức NCKH (Giờ)	Giờ NCKH thực tế (Giờ)
2015-2016	6156	2136	9543,3	1.920	6.456

2016-2017	5.849	1.573	10017	1.287	4.435
2017-2018	4.569,4	1.573	7.087,1	1.287	6.648,5
2018-2019	4480	1.573	5.676	1.287	3419
2019-2020	4480	1.573	7130,8	4500	13196

Từ năm 2015-2020, GV của Viện đã tham gia vào nhiều hoạt động ý nghĩa như từ thiện vùng cao, Áo ấm em đến trường, tình nguyện mùa hè xanh hay những hoạt động kết nối SV và cựu SV của Viện như giao lưu bóng đá cựu SV và SV gây quỹ khuyến học cho SV nghèo vượt khó, bán đông trùng hạ thảo - sản phẩm của Viện gây quỹ khuyến học **[H6.06.02.11]**.

Ngoài công tác quản lý trực tiếp của các Bộ môn và Viện, Nhà trường còn có các đơn vị Ban thanh tra, phòng Khoa học và công nghệ **[H6.06.02.12]** cùng tham gia và giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, NCV theo vị trí công việc được mô tả từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động của Nhà trường, Viện ngày càng được nâng cao.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV ngành CNSH được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các bộ môn, Viện, các đơn vị chức năng trong Nhà trường góp phần để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn 2015-2020 tỉ lệ SV/GV của Viện CNSH LN luôn đạt mức yêu cầu của Bộ giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng còn chưa có nhiều sự liên kết giữa các tổ chức cơ quan để tạo được sức lan tỏa như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thực hiện thời gian
1	Nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ Viện	Viện và Liên chi đoàn Viện có kế hoạch liên kết với các tổ chức hoạt động ngoài trường để phát huy và nâng cao	Viện CNSH LN	2021-2026

	CNSH LN	tinh thần phục vụ cộng đồng của GV, NCV		
--	---------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Xây dựng đội ngũ GV có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy đại học. Chính vì vậy, để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ Nhà trường đã xây dựng, ban hành quy trình về công tác tuyển dụng và công bố công khai trong toàn Trường thông qua văn bản gửi về các khoa cũng như trên hệ thống văn bản điều hành của nhà Trường [**H6.06.03.01**], [**H6.06.03.02**].

Các cá nhân khi đăng ký thi tuyển vào làm GV của Nhà trường phải đảm bảo các quy định chung tại Điều 22 của Luật Viên chức năm 2010 và Điều 4 của Nghị định 29/2012/ND-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, đó là có đủ tiêu chuẩn và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển [**H6.06.03.03**], [**H6.06.03.04**] và các tiêu chuẩn cụ thể khác do Nhà trường và Viện quy định [**H6.06.03.05**]. Các quy định này được xác định dựa trên những đề xuất của các Bộ môn trong Viện có nhu cầu tuyển dụng như: có bằng tốt nghiệp đại học từ loại giỏi trở lên thuộc lĩnh vực đào tạo và ưu tiên những trường hợp có trình độ TS, ThS, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và kỹ năng tin học tốt. Các ứng viên phải đảm bảo có kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng; Các quy định pháp luật về viên chức, đạo đức nhà giáo; Lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐHLN; Quy định quyền và nhiệm vụ của cán bộ, viên chức, cán bộ quản lý Trường ĐHLN. Với viên chức làm GV thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 2/6, có trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng; mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 đơn vị học trình của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương ứng 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong số 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Ban chấm thi [**H6.06.03.06**].

Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn GV nói trên đều được Nhà trường công bố công khai bằng công văn, trên website và các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại phòng TCCB [H6.06.03.07]. Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên website của Nhà trường.

Hội đồng tuyển dụng Nhà trường có Hiệu trưởng là người đứng đầu đơn vị, đại diện bên sử dụng lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn và ra quyết định phân công công tác với những người trúng tuyển theo kết quả thi tuyển của các ứng viên [H6.06.03.08], [H6.06.03.09]. Khi đã trúng tuyển, ứng viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định [H6.06.03.10]. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự sẽ được chính thức bổ nhiệm vào ngạch [H6.06.03.11]. Trong 5 năm qua, trường ĐHLN đã tuyển dụng được 365 viên chức và LDHĐ (GV là: 181 người, nhân viên là 184 người) [H6.06.03.12] trong đó Viện CNSH LN có 12 viên chức và LDHĐ (GV là: 6 người, nhân viên là 6 người) [H6.06.03.09].

Để bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và nhân viên, Trường và Viện CNSH LN thường xuyên cử cán bộ viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ... nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo chuẩn chức danh theo quy định [H6.06.03.13].

Công tác quy hoạch nhằm tạo nguồn đội ngũ cán bộ quản lý được Nhà trường, Viện thực hiện bài bản, định kỳ theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H6.06.03.14]. Việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả cán bộ viên chức, đảm bảo quy hoạch những người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm đến năm 2020 [H6.06.03.15], [H6.06.03.16].

Việc bổ nhiệm các chức vụ quản lý của Nhà trường và Viện được tiến hành đúng theo quy định của Chính phủ, Bộ NN&PTNT và của trường về quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý của các đơn vị thuộc Trường ĐHLN [H6.06.03.17]. Công tác bổ nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát huy đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý nhận được phản hồi tích cực từ phía tập thể GV trong Nhà trường thông qua hội nghị tổng kết năm học [H6.06.03.18]. Theo đó trong giai đoạn 2015-2020, Nhà

trường đã bổ nhiệm vào ngạch GV 04 đồng chí cũng như bổ nhiệm 05 đồng chí vào chức vụ lãnh đạo hoàn thiện bộ máy lãnh đạo Viện.

2. Điểm mạnh

Việc thi tuyển viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức cũng như quy định của Nhà trường theo tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và cụ thể. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc phổ biến chính sách tuyển mộ và các tiêu chí lựa chọn để bổ nhiệm GV của Trường và Viện chưa được đa dạng, chưa hiện đại về phương thức tuyển mộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thực hiện thời gian
1	Nâng cao khả năng tiếp cận đến những ứng viên có nhu cầu và chuyên môn, nghiệp vụ tốt	Đa dạng hóa phương tiện thông tin để tiếp cận được nhiều đối tượng hơn	Nhà trường và Viện CNSH LN	2021-2022

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ GV và NCV được trường ĐHLN và Viện CNSH LN quy định rõ ràng trong tiêu chuẩn tuyển dụng GV [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Theo đó GV gồm 3 nhiệm vụ chính là giảng dạy, NCKH và tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng. Năng lực của người GV được tiếp cận theo 2 khía cạnh là năng lực sư phạm và năng lực NCKH:

Về năng lực sư phạm, bao gồm các khía cạnh: Năng lực chuẩn bị; Năng lực sử dụng ngôn ngữ; Năng lực sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học; Năng lực hoạt động xã hội trong và ngoài trường; Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục; Năng lực tổ chức.

Về năng lực NCKH, bao gồm các khía cạnh; Năng lực phát triển và giải quyết các vấn đề; Năng lực quan sát; Năng lực sáng tạo; Năng lực đọc và tìm hiểu thông tin; Năng lực tư duy; Năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu, năng lực viết báo cáo Khoa học; Năng lực bảo vệ đề tài dự án.

Về khía cạnh phục vụ cộng đồng; Năng lực hoạt động xã hội trong và ngoài Trường; năng lực tổ chức và tổ chức các hoạt động giáo dục xã hội.

Đối với trường ĐHLN nói chung, Viện CNSH LN và các GV giảng dạy ngành CNSH nói riêng thì năng lực chuẩn bị được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy chi tiết, đề cương môn học, năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học, năng lực đánh giá được ưu tiên hơn các năng lực còn lại [H6.06.04.03]. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục và năng lực tổ chức là 2 yếu tố không thể thiếu đối với GV làm công tác CVHT.

Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, trường ĐHLN thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia vào lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.06.04.04]. Thông qua các lớp học này, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng lực sư phạm, NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của GV ngày càng có hiệu quả.

Đồng thời với việc xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ GV của Bộ môn, Viện, Nhà trường thể hiện thông qua việc Viện, Nhà trường thường tổ chức các cuộc họp, thảo luận bàn về vấn đề giúp đỡ những GV có năng lực chưa cao ... như phân công GV có kinh nghiệm về chuyên môn giúp đỡ GV tập sự và được nhà trường hỗ trợ kinh phí [H6.06.04.05], [H6.06.04.06], đồng thời việc đánh giá năng lực của GV từ phía SV cũng được thực hiện thường xuyên (theo từng học kỳ) [H6.06.04.08]. Để đánh giá được đúng năng lực giảng viên, hàng kỳ giảng viên đều được đăng ký đánh giá dự giờ, đánh giá quá qua ý kiến phản hồi của SV. Có rất nhiều GV được SV đánh giá năng lực tốt nhưng cũng có những GV có năng lực chưa thực sự cao và các GV này được Nhà trường, đơn vị chức năng, Viện, bộ môn trao đổi giúp đỡ, lập kế hoạch đào tạo để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực đảm bảo công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.04.07].

Đánh giá GV được nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định về đánh giá cán bộ, GV của trường ĐHLN một cách công bằng và khách quan. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt

nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ theo mẫu và thang điểm đã được công bố cụ thể. Đồng thời từ điểm của thang biểu tiếp tục đánh giá xếp loại cán bộ giảng dạy: Loại I từ 90 điểm trở lên, loại II từ 75 đến 89 điểm, loại III từ 61 đến 74 điểm, loại IV dưới 60 điểm [H6.06.04.08]. Sau đó kết quả tự đánh giá này của GV, NCV được bình xét đánh giá trực tiếp tại bộ môn; từ bộ môn tiếp tục lên Viện và Nhà trường [H6.06.04.09]. Cuối cùng, sau khi GV, NCV tự đánh giá và được đánh giá các cấp Bộ môn, Viện và Trường, sẽ có thông báo của nhà trường gửi về các Khoa, Viện công bố kết quả xét công nhận hoàn thành công việc cũng như các danh hiệu thi đua khen thưởng. Theo đó, đa phần các cán bộ GV, NCV của Viện hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt các danh hiệu thi đua: LĐTT và CSTĐCS [H6.06.04.10]. Để đánh giá khách quan và trung thực đội ngũ GV nhà trường còn thông qua các kênh như: Đánh giá của SV khi kết thúc môn học, dự giờ định kỳ hoặc lập hội đồng đánh giá chuyên môn nghiệp vụ của GV. Thông qua những đánh giá khách quan này đội ngũ GV của viện CNSH LN luôn được SV đánh giá cao với tỉ lệ đánh giá có chuyên môn tốt và rất tốt đạt trung bình trên 80%, đánh giá dự giờ định kỳ từ mức khá trở cũng như đánh giá thông qua hội đồng 100% GV tham gia đánh giá ở mức tốt và rất tốt cùng với đạo đức nghề nghiệp rất tốt [H6.06.04.09], [H6.06.04.11].

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV ngành CNSH được xác định rõ ràng và được đánh giá bởi chính cá nhân GV cũng như đánh giá từ phía nhà trường, Viện và SV theo đúng quy định.

3. Điểm tồn tại

Viện, các Bộ môn cần phân tích chuyên sâu chuỗi dữ liệu về kết quả góp ý của đồng nghiệp và mức độ hài lòng của SV đối với từng GV theo học kỳ, các năm để có đối sánh và thấy được mức độ cải tiến, nâng cao năng lực của mỗi GV, từ đó xây dựng cơ sở dữ liệu về đánh giá năng lực của GV theo các năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao năng lực của GV	Nghiên cứu, phân tích chuyên sâu phản hồi để cải tiến	Viện CNSH LN	2022-2027

		kết quả hằng năm		
--	--	------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Chất lượng đội ngũ GV, NCV là nguồn lực rất quan trọng và được quan tâm hàng đầu trong Chiến lược phát triển của Trường ĐHLN. Trong những năm qua, Nhà trường luôn có những chính sách và kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV. Nhà trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ GV, NCV tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ dựa trên chính nhu cầu của từng GV thông qua khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng tại bộ môn hằng năm [H6.06.05.01] và quy định về đào tạo và bồi dưỡng CBVC [H6.06.05.02], [H6.06.05.03]. Đầu năm học, các bộ môn họp và khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, từ biên bản cuộc họp này là cơ sở cho nhà trường ra các kế hoạch chính thức. Ngoài khảo sát theo nhu cầu định kỳ hằng năm theo bộ môn, trong năm học nhà trường cũng liên tục tham khảo ý kiến GV để mở các lớp đào tạo về kiến thức kỹ năng để giúp GV hoàn thiện khả năng sư phạm cũng như chuyên môn [H6.06.05.04]. Bên cạnh đó, theo sát với sự liên tục cập nhật khung chương trình đào tạo GV luôn được quan tâm sát sao về mặt chuyên môn. Các GV trong chương trình đào tạo cử đi bồi dưỡng chuyên môn tại các cơ sở uy tín và giàu thành tích như Đại học Khoa học Tự nhiên hay các khóa đào tạo ngắn hạn nước ngoài để đáp ứng nhu cầu đào tạo [H6.06.05.05]. Nhà trường có chính sách giảm khối lượng công việc tại đơn vị (giảm số giờ định mức giảng dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo) để GV hoàn thành tốt các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.03]. Cán bộ, GV tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ở trong và ngoài nước được tạo điều kiện học tập theo thời gian cụ thể của khoá học [H6.06.05.04]. Đối với GV trẻ mới tuyển dụng thì việc bồi dưỡng chuyên môn ở các trường đại học, các cơ sở sản xuất nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn trong thời gian tập sự giảng dạy là yêu cầu bắt buộc và được quy định cụ thể bằng văn bản, thời gian bồi dưỡng chuyên môn ngắn hay dài tùy theo yêu cầu cụ thể của từng môn học và nhu cầu bồi dưỡng của GV [H6.06.05.05],[H6.06.05.08]. Năm 2013, Viện CNSH LN chỉ có 02 PGS, 06 TS, 24 thạc sỹ (trong đó có 08 NCS trong và ngoài nước); đến năm

2020 Viện đã có 1 GS; 06 PGS; 12 TS, 16 thạc sỹ (trong đó có 05 NCS ngoài nước và 01 NCS trong nước) [H6.06.05.06], [H6.06.05.07].

Bên cạnh đó, các GV, NCV có nhu cầu được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn, đi tham quan học hỏi mô hình từ các tổ chức khác, đi dự Hội thảo chuyên đề ... được Nhà trường và Viện CNSH LN hỗ trợ về mặt thời gian, kinh phí để tham gia khoá học, hội thảo [H6.06.05.04], [H6.06.05.10]. Bên cạnh đó, các viên chức, LDHD cũng được hỗ trợ về mặt thời gian và kinh phí để tham gia lớp học bồi dưỡng ngạch chuyên viên [H6.06.05.11], lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.12] và tham gia thi nâng ngạch [H6.06.05.13]. Đặc biệt, trường hợp GV vừa hoàn thành xong chương trình cao học, nếu được học chuyển tiếp lên học NCS, cũng được Nhà trường khuyến khích tạo điều kiện để học tiếp. Việc quan tâm, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với GV được Viện CNSH LN thường xuyên thực hiện [H6.06.05.14]. Hàng năm ngoài việc quan tâm, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với GV Nhà trường còn mở một số lớp để nâng cao kỹ năng sư phạm cũng như thực hành thực tập cho các cán bộ trẻ [H6.06.05.12]

Mặt khác, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định rõ định mức hỗ trợ tài chính cho GV, NCV được cử đi học tập và hoàn thành nhiệm vụ của mình đúng thời hạn thì được hưởng chế độ khen thưởng bằng tiền mặt (Tiền sĩ 2.000.000 đ/người, PGS 3.000.000 đ/người và GS 5.000.000 đ/ người). Bên cạnh đó, nhà trường cũng có cơ chế khuyến khích các CBVC viết bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế

Hàng năm, căn cứ kế hoạch hoạt động chung, Nhà trường và Viện CNSH LN tổ chức các phiên họp Hội nghị CBVC, Hội nghị tài chính, Hội nghị đào tạo, Hội nghị KH&CN... để thông qua các báo cáo tổng kết, đánh giá kế hoạch thực hiện các lĩnh vực công tác chuyên môn của Trường và xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm tiếp theo; trong đó có kế hoạch công tác hỗ trợ về chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, NCV tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.15], [H6.06.05.16], [H6.06.05.17]. Nhờ có những kế hoạch, chiến lược, chính sách cụ thể, Trường và Viện CNSH LN đã tạo điều kiện cho GV và NCV được tham gia và hoàn thành tốt các khóa học, giúp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và các mặt hoạt động khác của Viện và nhà trường [H6.06.05.18]. Trong giai đoạn

2015-2020, 100% cán GV của Viện đã tham gia ít nhất một khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. [H6.06.05.19]

2. Điểm mạnh

Viện và nhà trường luôn quan tâm và đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ GV ngành CNSH luôn được xác định để có chiến lược bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho các GV từ đó phát triển đội ngũ GV, NCV mạnh về chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Ở phân hiệu Đồng Nai chưa có GV chuyên gia đầu ngành và có chức danh PGS.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Đào tạo chuyên gia đầu ngành ở phân hiệu	Xây dựng và ban hành các chính sách, chế độ về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ GV, xây dựng chuyên gia đầu ngành ở phân hiệu	Trường ĐHLN	2022-2027

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Giảng viên Trường ĐHLN nói chung và Viện CNSH LN được giao khối lượng công việc theo năm học (định mức giờ chuẩn giảng dạy của GV 270 - 330 giờ/năm; GVC 310 - 370 giờ/năm; PGS, GS, GVCC 370 - 410 giờ/năm tùy theo bậc lương) [H6.06.06.01].

Cuối mỗi năm học, Trường các bộ môn trong Viện dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao và dự thảo kế hoạch học tập của các khóa năm học tiếp theo tiến hành phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định về tổ chức đào tạo của Nhà trường [H6.06.06.02]. Ngoài giảng dạy theo quy định của Nhà trường, các

GV còn phải hoàn thành các quy định về số giờ NCKH (90 - 130 giờ qua các hình thức như: viết bài báo khoa học, hướng dẫn NCKH SV, CVHT, tham gia hội thảo khoa học, thực hiện đề tài khoa học các cấp) [H6.06.06.03]. Theo đó các GV, NCV của từng bộ môn chủ động lên kế hoạch cụ thể về kế hoạch giảng dạy, NCKH như số nhóm NCKH SV cần hướng dẫn, số bài báo, số đề tài nghiên cứu cần tham gia,... và kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp với vị trí công việc của mình [H6.06.06.04], [H6.06.06.05], [H6.06.06.06].

Hàng tháng, các bộ môn sẽ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV để Nhà trường làm căn cứ xét hưởng thu nhập tăng thêm cho GV [H6.06.06.07]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường sẽ căn cứ trên kết quả giảng dạy và NCKH của GV trong năm học vừa qua để đánh giá hiệu quả công việc của GV và đưa ra mức khen thưởng. Việc đánh giá này được thực hiện công khai, minh bạch và rõ ràng. Mỗi GV sẽ phải tự đánh giá quá trình giảng dạy, NCKH cũng như đạo đức của bản thân trong năm học vừa qua và làm báo cáo gửi về bộ môn [H6.06.06.08]. Trưởng bộ môn cũng như các thành viên trong bộ môn họp và nhận xét, biểu quyết về năng lực, đạo đức của giảng viên. Kết quả đánh giá này được bộ môn trình lên Viện CNSH LN và tiếp tục được các thành viên trong hội đồng thi đua khen thưởng Viện xem xét và biểu quyết, sau đó được trình lên và xem xét lần cuối tại Hội đồng đánh giá phân loại viên chức và Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường [H6.06.06.09], [H6.06.06.10]. Bên cạnh danh hiệu thi đua khen thưởng được nhận, đây cũng là một trong các tiêu chí quan trọng để Nhà trường làm căn cứ tặng bằng khen, nâng lương trước thời hạn, xét kết nạp Đảng, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.11], [H6.06.06.12], [H6.06.06.13]. Theo quy trình đó, hàng năm Viện CNSH LN có 100% các cán bộ GV, NCV hoàn thành khối lượng công việc theo định mức và chất lượng cao. Các GV, NCV tham gia tích cực vào việc thực hiện các đề tài dự án các cấp (82 đề tài), viết 239 bài báo và hướng dẫn 155 nhóm NCKH SV [H6.06.06.14], [H6.06.06.15], [H6.06.06.16].

Bảng 6.6.1: Bảng thống kê thi đua khen thưởng của cán bộ viện CNSH LN tại cơ sở chính Xuân Mai

Năm	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Khác *
2015 - 2016	28	6	1
2016 - 2017	35	6	2

2017 - 2018	33	5	1
2018 - 2019	37	5	0
2019 – 2020	31	5	1

** Khác: Bằng khen của bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Chiến sỹ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho cá nhân và tập thể.*

Tính đến thời điểm hiện nay Ban thanh tra nhân dân không nhận được đơn từ khiếu nại nào về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các CBVC và các GV, trong các cuộc họp cán bộ công nhân viên chức hàng năm GV, NCV đều đánh giá việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV là hình thức phù hợp và hiệu quả [H6.06.06.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá GV được thực hiện theo quy định chung và chủ yếu căn cứ vào chấm điểm trên cơ sở các hoạt động chuyên môn và các thành tích trong năm. Phiếu đánh giá và quy định về thi đua, khen thưởng chưa đề cập nhiều đến các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV, Viện và Bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng được các quy chuẩn để đánh giá đúng và sát nhất với các hoạt động của GV theo từng vị trí công tác	Xây dựng hệ thống các chỉ báo (KPI) để đo lường, đánh giá kết quả thực hiện đối với GV theo từng vị trí công tác	Trường, Viện và Bộ môn	2022-2027

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Các hoạt động NCKH của GV và NCV của Viện CNSH LN được thực hiện theo quy định của trường ĐHLN và Bộ GD&ĐT [**H6.06.07.01**]. Theo đó hoạt động KH&CN của Nhà trường bao gồm:

Các GV, NCV bên cạnh việc giảng dạy thì phải hoàn thành các khối lượng nghiên cứu: soạn bài giảng, viết bài báo khoa học, hướng dẫn NCKH SV, tham gia và báo cáo tại các hội thảo, semina, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHLN và theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc [**H6.06.07.02**], [**H6.06.07.03**]. Theo đó, GV phải thực hiện 90 giờ; PGS, GVC 120 giờ; GS, GVCC 130 giờ; GV tập sự 45 giờ. Khối lượng giờ NCKH này thường xuyên được cập nhật để phù hợp với thực tiễn của nhà trường và được thông báo cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Các GV và NCV phải đăng ký số lượng các hoạt động NCKH vào đầu năm học theo từng bộ môn và công khai trong toàn trường [**H6.06.07.04**]. Cuối mỗi năm học, phòng Khoa học và công nghệ sẽ dựa vào kết quả nghiệm thu đề tài NCKH SV, đề tài dự án... GV hoàn thành trong một năm học để thống kê số giờ NCKH của mỗi GV. Từ đó, đưa ra thông báo công khai trong toàn trường để GV có thời gian phản hồi kết quả trước khi đưa ra quyết định công nhận chính thức. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tổng số giờ NCKH của Viện CNSH LN luôn vượt định mức nhà trường đề ra.

Theo điều 28, 29 của quy chế 3456/QĐ-ĐHLN-KHCN thì các GV thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH sẽ được xem xét khen thưởng; những GV không hoàn thành nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực KH&CN sẽ bị xử lý kỷ luật và thu hồi kinh phí [**H6.06.07.01**].

Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định của quy chế quản lý các hoạt động NCKH bao gồm: GV đăng ký đề tài NCKH với các bộ môn theo thông báo về đăng ký danh mục đề tài NCKH của phòng KH&CN [**H6.06.07.05**]; Hội đồng khoa học và đào tạo Viện tổ chức xét duyệt các đề tài trên cơ sở bản thuyết minh đề tài của chủ nhiệm đề tài [**H6.06.07.06**]; phòng KH&CN thẩm tra các đề tài đề xuất của Viện trước khi báo cáo Nhà trường; lãnh đạo Nhà trường ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường [**H6.06.07.07**]. Với quy trình chặt chẽ và bài bản đã góp phần nâng cao chất lượng của các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

Hoạt động nghiên cứu của GV được giám sát thông qua Bộ môn, Viện. Bên cạnh đó phòng KH&CN cũng thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ NCKH. Đối với các đề tài NCKH các cấp thì chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ và kết quả 6 tháng một lần đồng thời được đề xuất, kiến nghị các nội dung cụ thể để đảm bảo chất lượng [H6.06.07.08], [H6.06.07.09]. Với đề tài NCKH SV, lãnh đạo các bộ môn, Viện thường xuyên kiểm tra tiến độ đối với SV thực hiện và GV hướng dẫn.

Kết quả hoạt động nghiên cứu của GV, NCV hàng năm là một trong những cơ sở để các bộ môn, Viện đánh giá GV và NCV đạt các danh hiệu thi đua nhằm khuyến khích GV, NCV tích cực tham gia vào hoạt động NCKH [H6.06.07.10], [H6.06.07.11], [H6.06.07.12].

Mức chi cho các hoạt động NCKH cấp cơ sở đã được cải thiện trong những năm gần đây (từ 5 triệu/đề tài đến 20 triệu/đề tài) đã thúc đẩy nhiều GV tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học và đăng bài báo trên các tạp chí chuyên ngành [H6.06.07.13].

Nhờ có các cơ chế khuyến khích mà các hoạt động NCKH của Viện được tăng cường, số lượng đề tài, bài báo số đề tài NCKH SV tăng lên theo từng năm.

**Bảng 6.7.01: Bảng thống kê kết quả NCKH của GV Viện CNSH LN
giai đoạn 2015-2020**

Năm học	Số đề tài các cấp	Số bài báo	Số nhóm NCKH SV	Số bài giảng, giáo trình, TLTK
2015	17	19	20	
2016	16	48	28	2
2017	14	67	33	4
2018	10	41	31	5
2019	14	48	20	5
2020	11	16	23	1
Tổng cộng	82	239	155	17

Trong vòng 5 năm trở lại đây, Viện CNSH LN có 21 đề tài cấp bộ và nhà nước, 61 đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu; hướng dẫn thành công 155 nhóm SV, trong đó có nhiều nhóm đạt kết quả cao cấp Trường, Bộ và Toàn quốc; biên soạn 17 sách tham khảo, bài giảng, giáo trình; 239 bài báo đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế, hướng

dẫn nhiều đề tài NCKH SV trong đó có 05 đề tài được giải thưởng cấp Bộ. Trong đó, riêng năm 2017 đã công bố 67 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành, Hội nghị, Hội thảo khoa học và 01 sách chuyên khảo xuất bản quốc tế [H6.06.07.14], [H6.06.07.15].

Hội nghị Khoa học công nghệ của Trường được định kỳ tổ chức nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động KHCN, thông báo các kết quả NCKH, triển khai tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, giới thiệu và trao đổi về khả năng hợp tác, liên kết nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất với các đơn vị nghiên cứu, sản xuất ngoài Trường [H6.06.07.16]. Bên cạnh đó, Viện cũng thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật khoa học để tăng cường giao lưu, trao đổi học thuật và công bố các nghiên cứu mới với các nhà khoa học ở trong và ngoài nước [H6.06.07.17].

2. Điểm mạnh

Viện có đội ngũ cán bộ trẻ, năng động và có chuyên môn tốt không chỉ đáp ứng được nhu cầu giảng dạy mà còn đáp ứng được nhu cầu NCKH và công tác phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một số GV trẻ còn chưa tham gia tích cực vào các đề tài NCKH cấp cao hơn do đó hạn chế trong việc nâng cao chất lượng các bài báo công bố.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao năng lực NCKH của GV trẻ	Thúc đẩy GV trẻ tham gia tích cực hơn vào các đề tài, dự án các cấp để tăng cường năng lực NCKH và viết các công bố khoa học	Đại học Lâm nghiệp, Viện CNSH LN	2021-2027

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 6:

Đội ngũ GV, NCV ngành CNSH đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH. Giảng viên và NCV được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và

tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Trường DHLN, Viện CNSH LN luôn đề cao công tác NCKH để giúp GV, NCV bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Chất lượng đội ngũ GV, NCV hiện nay rất tốt đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH mà Viện và Nhà trường giao.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNSH tự đánh giá tiêu chuẩn 6: có 2 tiêu chí đạt 4/7, 4 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo của một trường đại học ngoài việc phụ thuộc chặt chẽ vào chất lượng đội ngũ giảng viên, chất lượng chương trình giảng dạy, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, học liệu, bộ máy quản trị tiên tiến, và đóng góp quan trọng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo trong suốt quá trình dạy và học.

Đào tạo đại học không thể đạt chất lượng tốt nếu đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chuyên môn, nghiệp vụ và một tinh thần trách nhiệm không cao. Trong đó, đáng lưu ý là những người làm việc tại Thư viện, Trung tâm Thông tin và Tạp chí, đội ngũ kỹ thuật viên làm quản trị mạng internet, Trung tâm TH,TN, Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBC, Phòng Công tác và chính trị sinh viên hay nhân viên làm việc tại giảng đường tại cơ sở chính (HN) và Phân hiệu (ĐN) Trường DHLN.

Thực tế cho thấy, trường đại học cho dù có chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo tốt, nguồn tài liệu, giáo trình phong phú và dồi dào đến đâu, thì vẫn là chưa đủ, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay. Những thông tin, kiến thức khổng lồ của nhân loại có thể giúp cho giảng viên và sinh viên khai thác hiệu quả trong việc tra cứu, sưu tầm tài liệu học tập trong giây lát chỉ với một chiếc điện thoại thông minh cầm tay, và thực sự không bị hạn chế bởi không gian trên nền tảng kỹ thuật số thông qua mạng internet.

Rõ ràng nếu không có cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và mạng internet đạt chất lượng tốt, cũng như thiếu đội ngũ nhân viên lành nghề vận hành, bảo trì và bảo dưỡng sẽ rất khó khai thác và phát huy thế mạnh của CNTT, hay cập nhật kịp thời các giáo trình, bài giảng, tài liệu cả bản in và bản điện tử tại thư viện nhà trường. Ngoài ra, đối với sinh viên không chỉ có học kiến thức chuyên môn, mà còn cần có lý tưởng cách mạng,

lý tưởng của tuổi trẻ, các hoài bão ước mơ và cả tham vọng, cả khát khao được làm giàu về kiến thức, trí tuệ để có thể đóng góp, cống hiến cho chính bản thân và cộng đồng, xã hội, cũng như các hoạt động nâng cao văn hóa và đạo đức nghề nghiệp, tình yêu thương sẽ chia trong cuộc sống thông qua các phong trào văn hóa, văn nghệ và đoàn thể xã hội trong suốt thời gian học tập và sinh sống tại Trường.

Nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của đội ngũ hỗ trợ đào tạo trong việc góp phần nâng cao chất lượng và tạo niềm tin yêu, phấn khởi cho sinh viên trong suốt quá trình học tập, công tác tại Nhà trường. BGH Trường ĐHLN, Viện CNSHLN, các Bộ môn chuyên môn, phòng ban phận chức năng của Trường và Viện, và Phân hiệu (ĐN) đã quan tâm, chú trọng công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí vị trí việc làm phù hợp cho đội ngũ nhân viên nhằm nâng cao trách nhiệm, tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc chuyên môn.

Tuy nhiên, việc phát triển đội ngũ là quan trọng và mang tính thường xuyên, do đó cần được quy hoạch, bồi dưỡng, cũng như theo dõi, giám sát, đánh giá thi đua, khuyến khích khen thưởng và đi kèm với kỷ luật nghiêm minh là cần thiết nhằm khai thác thể mạnh, năng lực của đội ngũ nhân viên nhà trường. Ngoài ra, việc phân công, phân nhiệm và phân bổ luôn đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ đúng qui định, đảm bảo tính minh bạch, phù hợp và khích lệ cán bộ nhân viên lao động hăng say và hiệu quả.

Những nội dung trên được đánh giá qua các tiêu chí cụ thể ngay dưới các phần sau đây của báo cáo này:

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Việc quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo của Nhà trường.

Quy hoạch đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng của mỗi cơ quan, đơn vị, mà cơ sở đào tạo chẳng hạn như một trường đại học là một ví dụ. Theo đó, để làm tốt việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, nhà trường cần phải có sự phân tích, dự báo chi tiết, cụ thể

về nhu cầu về đội ngũ làm việc tại các Thư viện, Phòng TH,TN, phòng, ban, trung tâm có liên quan và phục vụ trực tiếp và gián tiếp nhằm đáp ứng và nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ.

Kế hoạch phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên Nhà trường đã có và thực hiện theo Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2006- 2020; và được Điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển trường giai đoạn 2006-2020 **[H7.07.01.01]**.

Thực hiện triển khai việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành Văn bản về Quy hoạch đội ngũ trong đó có đội ngũ nhân viên làm việc tại Thư viện, Phòng TH,TN, Trung tâm thông tin, Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL **[H7.07.01.02]**.

Để làm tốt việc dự báo về nhu cầu đội ngũ, nhà trường đã tổ chức Hội nghị rà soát Chiến lược phát triển Trường ĐHLN giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Các ý kiến đóng góp cho Chiến lược phát triển trường trong đó có phát triển đội ngũ được thể hiện rõ trong Biên bản hội nghị **[H7.07.01.03]**. Tuy nhiên, do tình hình sụt giảm về số lượng sinh viên trong vài năm gần đây, nên nhà trường cần xem xét hiệu quả của bộ máy, cần phải rà soát, tinh gọn và nâng cao chất lượng đội ngũ.

Sau khi phân tích, dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên hỗ trợ về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua Thông báo, Quyết định và xây dựng Đề án việc làm tại Nhà trường **[H7.07.01.04]**.

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch rà soát và đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường, nhiệm vụ của các Khoa và Viện thực hiện chức năng ĐT. Thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 2688/ĐHLN-TCCB ngày 19/9/2016 về rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016- 2021 và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021- 2026, trong đó quy định rõ quy trình xây dựng quy hoạch với 4 bước, đó là: (i) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của CBVC ở đơn vị; (ii) Lấy ý kiến của cấp ủy và lãnh đạo đơn vị; (iii) Đơn vị báo cáo kết quả quy hoạch về Trường; và (iv) Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng **[H7.07.01.02]**.

Cập nhật tình hình, dựa trên cơ sở rà soát, đánh giá hiệu quả hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Nhà trường có kế hoạch định biên

nhân lực đào tạo của các Khoa, Viện và đưa ra phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Theo đó, hồ sơ, lý lịch đội ngũ CBVC toàn trường được bố trí, sắp xếp cụ thể, chi tiết tại các đơn vị trong trường **[H7.07.01.05]**.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD toàn trường gồm 256 CBVC, trong đó nhân viên có trình độ TS, Ths, ĐH và trình độ khác là 3; 92; 99; và 62 tương ứng, chiếm tỷ lệ lần lượt là 1,2; 35,9; 38,7 và 62,6% tương ứng. Trong đó, tại Cơ sở chính (HN) gồm 202 CBVC, nhân viên có trình độ TS, Ths, ĐH và trình độ khác (Ko) là 3; 80; 73; và 46 tương ứng, chiếm tỷ lệ lần lượt là 1,5; 39,6; 36,1 và 63,0% tương ứng. Tại Phân hiệu (ĐN) gồm 54 CBVC, trong đó nhân viên có trình độ TS, Ths, ĐH và Ko là 0; 12; 26; và 16 tương ứng, chiếm tỷ lệ là 0,0; 22,2; 48,1; và 61,5% tương ứng. Như vậy, so với tổng số CBVC toàn trường (tính đến tháng 6 năm 2020) là 1017 người, thì đội ngũ nhân viên nói chung chiếm tỷ lệ là 25,2% (khoảng 1/4) có thể được xem là không thể thiếu về số lượng. Tuy nhiên, chất lượng theo bằng cấp thì vẫn còn tỷ lệ 62,6% người có trình độ khác (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và chưa được đào tạo) **[H7.07.01.06]**.

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Theo đó, nhà trường đã bố trí, sắp xếp đội ngũ nhân viên thư viện đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng phục vụ cho giảng viên, sinh viên, bạn đọc tra cứu, sưu tầm tài liệu, giáo trình, bài giảng, học liệu thuận tiện (Bảng 7.1). Thư viện bố trí nhân viên làm việc theo ca, cả ngày thứ bảy và chủ nhật và ban đêm nhất là thời điểm sinh viên ôn thi hay kết thúc các kỳ học hàng năm.

Bảng 7.1. Danh sách nhân viên làm việc tại Thư viện (cơ sở chính HN)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Công việc	Ghi chú
1	Trần Ngọc Thề	1979	Tiến sĩ	Chuyên viên chính	
2	Phạm Lan Phương	1970	Thạc sĩ	Chuyên viên	
3	Trần Thị Nhâm	1982	Thạc sĩ	Chuyên viên	
4	Nguyễn Văn Tứ	1976	Thạc sĩ	Chuyên viên	
5	Trương Thu Hoài	1983	Thạc sĩ	Chuyên viên	

6	Tạ Hồng Đông	1981	Thạc sĩ	Chuyên viên	
7	Lê Thị Thùy Dương	1982	Đại học	Thư viện viên	
8	Nguyễn Tất Thắng	1984	Thạc sĩ	Kỹ sư HDTH	
9	Phạm Thị Kim Chi	1984	Thạc sĩ	Chuyên viên	
10	Lù Thị Hương	1973	Đại học	Chuyên viên	
11	Vũ Thị Tịnh	1981	Đại học	Chuyên viên	
12	Đặng Thanh Hoa	1983	Cử nhân	Kỹ thuật viên	
13	Nguyễn Thị Thành	1975	Đại học	Chuyên viên	
14	Đoàn Thị Thanh Ngọc	1986	Cử nhân	Chuyên viên	
15	Đỗ Tuấn Đạt	1978	Cử nhân	Kỹ thuật viên	
16	Dương Thị Minh Nguyệt	1990	Cử nhân	Cán sự	
17	Đỗ Thị Thành Bính	1989	Đại học	Cán sự	
18	Đặng Như Quỳnh	1985	Thạc sĩ	Chuyên viên	
19	Nguyễn Thị Kim Anh	1991	Cử nhân	Chuyên viên	
20	Bùi Thị Huyền	1986	Thạc sĩ	Chuyên viên	
21	Hoàng Thị Thu Hà	1987	Thạc sĩ	Chuyên viên	
22	Vũ Thị Hồng Tươi	1988	Thạc sĩ	Chuyên viên	
23	Nguyễn Thị Châm	1980	Cao đẳng	Kỹ thuật viên	

Số liệu bảng 7.1 cho thấy, số lượng nhân viên thư viện làm việc tại cơ sở chính (HN) là 23 người, chiếm tỷ lệ 11,4% trong tổng số toàn nhân viên hỗ trợ đào tạo tại cơ sở chính là 202 người. Rõ ràng với số lượng người trên, việc hỗ trợ đào tạo tại trường có thể được đáp ứng. Đánh chú ý, trình độ của nhân viên thư viện có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học và trình độ khác là 4,3; 47,8; 43,5 và 4,3% tương ứng đã cho thấy, nhà trường rất quan tâm tới số lượng và chất lượng đội ngũ nhân viên thư viện.

Đây là cơ hội tốt cho đội ngũ khai thác thông tin, sưu tầm và sử dụng tốt các phần mềm liên quan tới thu thập tài liệu học tập, NCKH và chuyển giao công nghệ (CGCN) nhà trường. Đối với Phân hiệu (ĐN), số lượng nhân viên thư viện là 3 người, chiếm tỷ lệ là 5,56% so với nhân viên hỗ trợ đào tạo tại phân hiệu. Theo đó, khi phân hiệu mở rộng quy mô cũng như nâng cao chất lượng thì cần có kế hoạch bổ sung thêm số lượng nhân viên làm việc tại thư viện trong thời gian tới **[H7.07.01.06]**.

Đối với Viện CNSHLN, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo và NCKH chủ yếu tập trung tại phòng Tổng hợp với số lượng 9 người (chưa tính một số GV kiêm nhiệm CVHT, chiếm tỷ lệ là 26,5%, con số này cũng tương đồng với tỷ lệ chung toàn trường. Trong đó, nhân viên có trình độ Ths, ĐH và Ko lần lượt là 55,6; 33,3; và 11,1% tương ứng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo và NCKH được thể hiện qua bảng 7.2. Như vậy, số lượng đội ngũ nhân viên là đảm bảo đáp ứng được yêu cầu, chất lượng cơ bản được đáp ứng được yêu cầu, tuy nhiên nếu số lượng SV giảm sút thì rất cần được rà soát và điều chuyển công tác cho phù hợp và hiệu quả hơn [H7.07.01.06].

Bảng 7.2. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ về đào tạo và NCKH

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Công việc	Ghi chú
1	Cao Thị Thúy Dinh	1990	Thạc sĩ	Kế toán viên	
2	Trần Thị Thời	1979	Thạc sĩ	Chuyên viên	
3	Trần Thị Vượng	1992	Cử nhân	Kế toán	
4	Nguyễn Thị Nga	1979	Ko	Nhân viên	
5	Nguyễn Xuân Nam	1981	Thạc sĩ	Kỹ sư	
6	Nguyễn Thị Như Quỳnh	1984	Đại học	Kỹ thuật viên	
7	Lê Viết Việt	1987	Đại học	Kỹ sư	
8	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1987	Thạc sĩ	Kỹ sư	
9	Đào Thị Thu Hương	1993	Thạc sĩ	Kỹ sư	

Bên cạnh nhân viên hỗ trợ về đào tạo phải kể đến đội ngũ nhân viên hỗ trợ về NCKH và CGCN, trong đó có vai trò của nhân viên làm việc tại phòng KHCN, số lượng, trình độ chuyên môn của nhân viên này được tổng hợp trong bảng 7.3 như sau.

Bảng 7.3. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ về NCKH và chuyển giao công nghệ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Công việc	Ghi chú
1	Trần Hải Long	1981	Thạc sĩ	Chuyên viên	
2	Hoàng Thị Tuyết	1976	Thạc sĩ	Chuyên viên chính	
3	Đặng Tuấn Anh	1984	Đại học	Chuyên viên	
4	Trần Thị Trang	1978	Thạc sĩ	Nghiên cứu viên	

5	Trần Thị Bích Thảo	1985	Cử nhân	Chuyên viên	
6	Trần Thị Hằng	1992	Đại học	Chuyên viên	

Như vậy, số lượng nhân viên hỗ trợ về NCKH và CGCN làm việc tại phòng KHCN là 6 người, trong đó nhân viên có trình độ thạc sĩ và đại học đều là 50,0% tương ứng. Mặc dù, số lượng nhân viên không lớn (6 người), song khối lượng công việc liên quan tới NCKH là khá lớn, từ thông báo, đăng ký đề tài NCKH của GV, SV, tổ chức triển khai nghiệm thu, đánh giá kết quả NCKH, trao giải thưởng, nhằm khuyến khích SV làm NCKH ngay khi đang học tại trường, cũng như thúc đẩy GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH hàng năm [H7.07.01.07].

Nếu nhân viên làm việc tại Thư viện, các phòng ĐT; KT&ĐBCL; KHCN và Trung tâm TH,TN hỗ trợ về đào tạo, NCKH và CGCN thì đội ngũ nhân viên làm việc tại phòng Quảng trị, thiết bị lại nỗ lực vì mục tiêu phục vụ cộng đồng. Đó là các hoạt động vệ sinh giảng đường, phòng học, cảnh quan khuôn viên để luôn đảm bảo giảng đường xanh, phòng học sạch, không gian thông thoáng.

Phục vụ cộng đồng không chỉ với khoảng 6-7 nghìn gồm CBVC, HSSV, cán bộ hưu trí nhà trường, mà hàng ngày còn đón nhận hàng trăm lượt người dân Thị trấn Xuân Mai và khu vực lân cận ra vào khuôn viên nhà trường với các hoạt động thể dục, thể thao, thư giãn, giải trí trong môi trường luôn xanh lá, thắm hoa, sạch đường nội bộ tạo cảm giác dễ chịu, hứng thú góp phần tăng sức khỏe cộng đồng. Đặc biệt trong thời gian dài đại dịch Covid-19, hoạt động phục vụ cộng đồng càng đậm nét và thiết thực hơn, đó là những đóng góp không nhỏ công sức của đội ngũ nhân viên. Tuy nhiên, đội ngũ nhân viên tại phòng Quản trị, thiết bị với 43 nhân viên, và có trình độ thạc sĩ, đại học và khác là 18,6; 25,6 và 55,8% tương ứng [H7.07.01.07].

Tuy nhiên, do đội ngũ đông, công việc vừa chăm sóc, cắt tỉa chu đáo nhiều cây xanh, cây cảnh, thảm tươi cần được chăm sóc, chu đáo, cắt tỉa gọn gàng trên diện tích rộng hơn 200ha, vừa bảo trì thiết bị giảng dạy tại giảng đường nên khó tránh khỏi hạn chế, nhất là để hoạt động của thiết bị giảng dạy, lau dọn phòng học chưa làm hài lòng của các bên liên quan trong quá trình khảo sát lấy ý kiến (Bảng 4) [H7.07.01.09] .

Đánh giá phản hồi của các bên liên quan đối với đội ngũ nhân viên về quá trình làm việc, tinh thần trách nhiệm, sự cần mẫn, siêng năng cũng như hiệu quả công việc là quan trọng. Thông tin phản hồi sẽ giúp cho trường đơn vị, bộ phận và bản thân nhân viên nắm bắt để kịp thời điều chỉnh, bổ sung và nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự nâng

cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ ngày một tốt hơn. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên qua do Phòng KT&ĐBCL thực hiện năm 2020 (Bảng 7.4) cho thấy, số ý kiến phản hồi là 242 trên tổng số 411 phiếu khảo sát toàn trường (cơ sở HN) đạt tỷ lệ 58,9% đã phản ánh tương đối khách quan. Trong đó, nhân viên làm việc tại thư viện có mức độ hài lòng với tỷ lệ trung bình đạt trị số là 63,6%, cao hơn đôi chút so với các đơn vị còn lại trong cùng điều kiện so sánh [H7.07.01.08].

Bảng 7.4. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng đối với đội ngũ nhân viên

Đơn vị	Ý kiến phản hồi		Tỷ lệ (%) trung bình về mức độ		Ghi chú
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Hài lòng	Chưa hài lòng và các ý kiến khác	
Thư viện	242	58,9	63,6	36,4	
Phòng Quản trị, thiết bị	-	-	52,9	47,1	
Các Trung tâm TH, TN	-	-	54,2	45,8	
Trung bình			56,9	43,1	

Như vậy, về cơ bản đội ngũ nhân viên làm việc tại Thư viện, Trung tâm TH,TN đã thể hiện tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ khá tốt với tỷ lệ trung bình đạt 56,9%. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ không thấp về ý kiến khác, trong đó có ý kiến về mức độ chưa thực sự hài lòng khá cao (36,4-47,1%) rất cần lưu ý và nỗ lực làm tốt hơn trong thời gian tới.

Mặt khác, theo báo cáo của nhà trường về tình hình của SV ngành CNSH tốt nghiệp có việc làm qua các năm 2016; 2017; 2018; và 2019 được đào tạo tại Viện CNSHLN với tỷ lệ lần lượt là 63,6; 87,5; 94,64; và 96,97% tương ứng. Tỷ lệ ra trường có việc làm của sinh viên ngành CNSH tăng qua các năm gần đây cho thấy, công tác ĐT cũng như đóng góp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCD là rất đáng khích lệ và phát huy, nhất là trong tình hình hiện nay các đơn vị sử dụng lao động qua ĐT rất khắc khe, luôn đòi hỏi chất lượng lao động ngày một cao hơn [H7.07.01.09].

Ngoài ra, điều đáng quan tâm về kết quả đánh giá phản hồi các bên liên quan thông qua báo cáo ĐGN CTĐT ĐH chính quy các ngành QTKD, QLDD, và QLTNR

do Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN thực hiện trong năm 2019 có góp ý về đội ngũ nhân viên hỗ trợ về ĐT, NCKH, và PVCĐ. Trong đó, các góp ý về điểm tồn tại với tiêu chí 7.1 đã được báo cáo này đặc biệt quan tâm **[H7.07.01.10]**. Điều ấn tượng đối với nhà trường là sau khi đánh giá ngoài trường đại học và chương trình đào tạo đã giúp cho Trường ĐHLN rà soát, chấn chỉnh và làm tốt hơn, chẳng hạn việc cập nhật thông tin, văn bản, quyết định một cách có hệ thống, rõ ràng hơn, có tác dụng phản ánh ngược lại liên quan tới thiết kế chương trình, giáo trình, đội ngũ ngày một tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Trường đã có Chiến lược phát triển giai đoạn 2006 - 2020, giai đoạn 2016-2020; Văn bản Quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ về đào tạo, NCKH, và phục vụ cộng đồng. Trường đã tổ chức hội nghị CBVC lấy ý kiến về Chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến năm 2030, và có Đề án vị trí việc làm cụ thể cho đội ngũ nhân viên với hồ sơ, lý lịch, và danh sách kèm vị trí công việc phù hợp với trình độ của nhân viên rất cụ thể rõ ràng.

Nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, cũng như đội ngũ chuyên viên làm việc tại phòng ĐT, phòng KT&ĐBCL, phòng KHCN là nhân lực chung, đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để đáp ứng tốt các nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo của Trường và Viện đáp ứng tốt nhu cầu công việc, song tổ chức quản lý hoạt động đào tạo chưa mang tính chuyên nghiệp cao, chưa có chuyên viên phụ trách và chịu trách nhiệm theo chương trình đào tạo, do đó đội ngũ chuyên viên hỗ trợ đào tạo chưa nắm vững và hỗ trợ đầy đủ các hoạt động của một chương trình đào tạo.

Ngoài ra, việc sáp nhập các phòng ban chức năng làm xáo trộn đội ngũ, giảm tính ổn định cần thiết, làm thay đổi nghiệp vụ và gây lãng phí kinh nghiệm công tác lâu năm với nhiều người là những vấn đề cũng rất cần được quan tâm trong thời gian tới.

Phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ từ GV, người học cũng như các bên liên quan cho thấy, mức độ chưa hài lòng và các ý kiến khác còn khá cao (43,1%), cũng như tỷ lệ trên 60% nhân viên có trình độ khác rất cần được quan tâm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan tổ chức
1	Làm rõ hơn việc đánh giá hoạt động của đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ ĐT và có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển năng lực tốt hơn	Năm học 2020 - 2021	BGH, Phòng TCCB, Phòng KT&ĐBCL, Viện CNSHLN
2	Làm rõ hơn việc mô tả vị trí việc làm, lượng hóa khối lượng công việc đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ ĐT để có dự báo về nhu cầu được tốt	Năm học 2020 - 2021	BGH, Phòng TCCB, Viện CNSHLN
3	Nhà trường, Viện CNSHLN cần chú trọng công tác xây dựng kế hoạch, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại phòng TH,TN, CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.	Năm học 2020 - 2021	BGH, Phòng TCCB, Viện CNSHLN
4	Cần đẩy mạnh các hoạt động khảo sát lấy ý kiến đánh giá của GV, SV về đội ngũ nhân viên để theo dõi, giám sát và đánh giá sát thực hơn	Năm học 2020 - 2021	BGH, Phòng TCCB, Viện CNSHLN

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức **4/7 điểm**.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Đề đội ngũ nhân viên hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng vừa đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, Trường đã ban hành Quy định về tuyển dụng lao động hợp đồng và viên chức khôi phục vụ. Trong đó có quy định rõ đối tượng, trình tự, thủ tục tuyển dụng, trình tự ký kết hợp đồng, chế độ chính sách đối với người thử việc và người hướng dẫn thử việc; và chấm dứt hợp đồng lao động **[H7.07.02.01]**.

Đi kèm với quy định rõ về tuyển dụng lao động, viên chức, nhà trường đã ban hành các văn bản nhằm xác định rõ tiêu chuẩn tuyển dụng viên chức với từng vị trí,

chức năng, nhiệm vụ làm việc tại các khoa, viện, trung tâm hay phòng ban chuyên môn tại cơ sở chính (HN) và Phân hiệu (ĐN).

Đối tượng tuyển dụng là chuyên viên làm việc tại các phòng ban chức năng phải tốt nghiệp đại học hoặc tương đương, có chuyên môn phù hợp với vị trí cần tuyển dụng. Tương tự các ứng viên vào vị trí là nghiên cứu viên, kỹ sư, cử nhân, nhân viên kế toán, nhân viên kỹ thuật viên đều yêu cầu có chuyên môn đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí làm cần tuyển dụng. Trong đó, yêu cầu tốt nghiệp ĐH chính quy loại khá trở lên, điểm các môn chuyên môn đạt loại khá trở lên, và có ít nhất 1 năm kinh nghiệm công tác ở vị trí việc làm cần tuyển dụng. Ngoài ra, một yêu cầu tiêu chuẩn là các ứng viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, ưu tiên ứng viên có chứng chỉ ngoại ngữ IELTS, TOEFL iBT và cần có chứng chỉ tin học trình độ và kỹ năng CNTT cơ bản **[H7.07.02.02]**.

Hàng năm nhà trường có kế hoạch rà soát nguồn nhân lực, đội ngũ nhân viên làm việc tại đơn vị trực thuộc trường và phân hiệu về nhu cầu cần tuyển dụng. Các hội nghị được triển khai và thông qua về số lượng, vị trí, tiêu chuẩn ứng viên cho từng vị trí việc làm cần tuyển dụng. Thông báo kết quả rà soát, số lượng nhân viên, lao động hợp đồng cần tuyển dụng được phổ biến công khai bằng văn bản lưu hành nội bộ và công khai trên trang website của nhà trường **[H7.07.02.03], [H7.07.02.04]**.

Sau khi xem xét hồ sơ của các ứng viên đảm bảo đúng thủ tục, quy định, đảm bảo đúng thời gian và hạn định như thông báo. Nhà trường ra quyết định thành lập các ban chấm thi tuyển dụng viên chức, và quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức. Trong đó quy định chức trách của từng thành viên trong hội đồng, chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, thư ký, các trưởng tiểu ban, thời gian và địa điểm triển khai thi tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng các đợt trong năm và hàng năm được công bố bằng văn bản và công khai trên trang website nhà trường **[H7.07.02.05],[H7.07.02.06], [H7.07.02.07]**.

Các ứng viên trúng tuyển qua các đợt thi tuyển hàng năm được ra quyết định phân công phân nhiệm vụ cụ thể rõ ràng, trong đó giao số vị trí việc làm và số người làm việc của từng đơn vị có nhu cầu tuyển dụng và có người trúng tuyển đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn cho các đơn vị khối hành chính, phục vụ hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCD **[H7.07.02.08]**.

Công tác quản lý nhân viên lao động tại các đơn vị được nhà trường luôn quan tâm, trong đó Hồ sơ cá nhân bao gồm sơ yếu lý lịch, lý lịch khoa học, chứng chỉ, bằng cấp các loại, văn bằng và các giấy tờ khác liên quan được lưu trữ cả bản cứng có công chứng và bản mềm [H7.07.02.09]. Như vậy, đội ngũ nhân viên được thực hiện theo đúng quy trình, đúng quy định, trình tự và thủ tục, đáp ứng được tiêu chuẩn và dễ theo dõi trong suốt quá trình công tác của người lao động tại trường.

Hàng năm tùy theo mục đích, yêu cầu của công việc cũng như nâng cao hiệu quả công việc tại các đơn vị, trường đơn vị có đề nghị, nhà trường xem xét và có điều phối, bố trí nhân lực, lao động cho phù hợp giữa các phòng ban thông qua các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức, quyết định tiếp nhận viên chức chuyển lao động và quyết định chấm dứt lao động hợp đồng nếu viên chức, người lao động vi phạm kỷ luật hoặc có nguyện vọng chuyển hay thay đổi công việc [H7.07.02.10], [H7.07.02.11], [H7.07.02.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành Quy định về tuyển dụng và quản lý LĐHĐ, viên chức khôi phục vụ tại các Khoa, Viện, Phòng, Ban, Trung tâm hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCĐ. Quy định cũng xác định rõ trình tự, thủ tục tuyển dụng, trình tự thủ tục ký kết hợp đồng lao động, các chế độ chính sách đối với người lao động, đối với người thử việc và người hướng dẫn thử việc.

Đã ban hành các tiêu chuẩn tuyển dụng cụ thể rõ ràng cho các ứng viên vị trí việc làm chuyên viên, kỹ sư, nghiên cứu viên, cán sự và kỹ thuật viên. Trong đó, tùy theo vị trí cụ thể đăng ký dự tuyển cho vị trí chuyên viên phải tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, có điểm các môn chuyên môn đạt loại khá trở lên, có kinh nghiệm công tác ở vị trí việc cần tuyển ít nhất là 1 năm. Các tiêu chuẩn về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đáp ứng theo yêu cầu cơ bản.

3. Điểm tồn tại

Một số vị trí được bổ nhiệm chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, đang trong quá trình học tập bồi dưỡng để hoàn thiện các tiêu chí. Có vị trí điều chuyển, luân chuyển chưa đáp ứng được theo nhu cầu công việc, chưa thật sự phù hợp với năng lực, sở trường dẫn tới hiệu quả công việc chưa cao và làm lãng phí kinh nghiệm với người có thâm niên công tác lâu năm cũng như giảm tính ổn định. Tại PH (ĐN) chưa có đơn vị quản lý và hỗ trợ CNTT cũng là vấn đề đáng quan tâm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan tổ chức
1	Rà soát, cập nhật quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng theo yêu cầu vị trí được bổ nhiệm.	Hàng năm	BGH, TCCB, Viện CNSHLN PH
2	Làm rõ vị trí còn thiếu, chưa phù hợp với năng lực của nhân viên trước khi điều chuyển	Hàng năm	BGH, TCCB, Viện CNSHLN PH

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành Quy định đánh giá viên chức, LĐHĐ khối quản lý, phục vụ của Trường ĐHLN và phổ biến các văn bản mới về thực hiện công tác thi đua khen thưởng hàng năm. Trong đó có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên khối hành chính, KHCN, Thư viện, khối trung tâm, phòng Tổng hợp tại các Khoa, Viện và đơn vị chuyên môn. Các quy định này dùng để làm căn cứ theo dõi, giám sát, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên và LĐHĐ khối quản lý và phục vụ ĐT, NCKH và PVCD [H7.07.03.01].

Trường cũng đã ban hành Quy định về nội dung, tiêu chí, quy trình đánh giá xếp loại cán bộ khối giảng dạy, khối quản lý và khối phục vụ và LĐHĐ. Hàng năm nhà trường đều có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ cho công tác đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng và thực hiện các chế độ, chính sách cho viên chức và người lao động. Trong đó quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá viên chức, lao động hợp đồng khối quản lý, phục vụ của trường được thực hiện từ bên dưới gồm bộ môn, tổ bộ phận, tiếp đến là đơn vị (Phòng, Ban, Khoa, Viện, Trung tâm..) tiếp nhận kết quả đánh giá xếp loại từ bộ môn, tổ công tác, và cuối cùng hồ sơ được nhà trường xem xét đánh giá xếp loại [H7.07.03.02].

Các tiêu chí đánh giá xếp loại hàng năm được nhà trường triển khai sớm thông qua văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức, người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Văn bản quy định về đánh giá nhân viên được Nhà trường thực hiện theo quy chế dân chủ, được thông báo rộng rãi đến toàn thể cán bộ

giảng viên, nhân viên để lấy ý kiến đóng góp trước khi ban hành văn bản chính thức. Quy định bao gồm các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức, người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm; các quy trình, biểu mẫu dành cho người học và GV đánh giá về đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Các tiêu chí đánh giá bao gồm năng lực và trình độ chuyên môn; kỹ năng nghề nghiệp; đạo đức, trách nhiệm; kết quả thực hiện nhiệm vụ; công tác học tập, bồi dưỡng chuyên môn; sự hài lòng của các bên liên quan. Các hình thức đánh giá bao gồm nhân viên tự đánh giá, người quản lý trực tiếp nhân viên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá **[H7.07.03.03]**.

Công tác đánh giá nhân viên hỗ trợ được thực hiện vào cuối mỗi năm học theo quy trình 3 bước, cụ thể như sau:

Bước 1- Mỗi cá nhân tự đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện, ưu nhược điểm, tự xếp loại thông qua phiếu đánh giá và phân loại viên chức;

Bước 2- Trình bày bản kiểm điểm cá nhân, phiếu đánh giá và phân loại viên chức trước tập thể đơn vị để đồng nghiệp góp ý;

Bước 3- Lãnh đạo trực tiếp quản lý viên chức nhận xét và đánh giá, phân loại viên chức.

Tiêu chí và thang phân loại đánh giá, phân loại viên chức và người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm bao gồm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; và Không hoàn thành nhiệm vụ được lượng hóa bằng số điểm tương ứng với các mức độ hành thành đã quy định.

Các hướng dẫn về lập báo cáo thành tích sáng kiến và xét công nhận sáng kiến được cụ thể hóa theo từng nhóm đối tượng chuyên môn. Trong đó, nhóm viên chức giảng dạy có thể sáng kiến là công trình khoa học, đề tài, dự án khoa học đã hoàn thành tốt, hoặc là các ấn phẩm khoa học đã công bố trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Đây là căn cứ quan trọng giúp lãnh đạo nhà trường họp xét nâng lương, tăng lương trước thời hạn, và tạo động lực thúc đẩy, khuyến khích CBVC nhà trường hăng say, nâng cao năng lực và tìm kiếm sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc được giao. Ngoài ra, các quy định, nội dung, tiêu chí đánh giá xếp loại viên chức là cơ sở quan trọng nâng cao chất lượng ĐT, nâng cao vị thế và thương hiệu nhà trường nhất là trong bối cảnh hiện nay có nhiều biến động **[H7.07.03.04]**.

Sau khi các văn bản hướng dẫn, triển khai đánh giá, phân loại viên chức và người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, các cá nhân tự nhận xét, đánh giá chính bản thân mình theo các mẫu biểu được nhà trường quy định. Đơn vị sẽ tiếp nhận kết quả họp đánh giá, nhận xét, phân loại viên chức và người lao động, các danh hiệu thi đua, khen thưởng của cá nhân và tập thể từ các bộ môn, tổ công tác. Kết quả đánh giá, nhận xét, phân loại các danh hiệu thi đua được đơn vị (Viện, Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm) gửi về nhà trường theo quy định và hướng dẫn **[H7.07.03.05]**.

Trường tiếp tục đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng sau khi có kết quả đánh giá, bình xét tại các Khoa, Viện, và đơn vị theo quy trình, nội dung, tiêu chí và phương pháp đã được hướng dẫn và công bố công khai bằng văn bản và bản tin nội bộ trường. Kết quả đánh giá, xếp loại và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm được nhà trường gửi Thông báo và ban hành các Quyết định kèm theo cho các cá nhân và tập thể, đơn vị đạt các mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm tới các khoa, viện, phòng, ban và đơn vị hàng năm **[H7.07.03.06]**, **[H7.07.03.07]**.

Ngoài ra, kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động đạt các mức độ hoàn thành và công nhận các sáng kiến năm học cũng được nhà trường ban hành kèm theo các Quyết định cho cá nhân và tập thể đã có thành tích và đạt được các danh hiệu và chưa đạt mức độ hoàn thành công việc. Kết quả đánh giá năng lực, phân loại mức độ hoàn thành công việc được công bố công khai trong toàn Trường, với các minh chứng cụ thể như biên bản họp, phiếu đánh giá của người học, kết quả công nhận và làm cơ sở để nhà trường chi trả lương, nâng lương trước thời hạn, hay chấm dứt hợp đồng lao động **[H7.07.03.08]**.

Mặt khác, kết quả đánh giá, phân loại viên chức và người lao động cũng như các thành tích đạt được của các cá nhân được cập nhật và lưu trong hồ sơ, lý lịch của đội ngũ viên chức và người lao động, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, bổ nhiệm hay miễn nhiệm, hay cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho các vị trí việc làm nhằm nâng cao chất lượng ĐT và văn hóa **[H7.07.03.09]**.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường ĐHLN được xác định và được đánh giá hàng năm dựa trên Quy định chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ

chuyên môn của từng nhóm đối tượng cụ thể theo các khối hành chính, KHCN, Thư viện, khoa, viện, phòng, ban và trung tâm.

Hệ thống các văn bản về quy trình, nội dung, phương pháp, công cụ với các tiêu chí rõ ràng được lượng hóa bằng điểm số, trọng số và các phát minh, sáng kiến tích cực được ban hành theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Hàng năm Nhà trường có các quyết định đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (xuất sắc, tốt, hành thành và không hoàn thành) đối với viên chức và người lao động trong toàn trường.

3. Điểm tồn tại

Một số vị trí công việc đánh giá phân loại mức độ hoàn thành công việc vẫn mang tính định tính, khó đo lường. Do đó, kết quả đánh giá giữa các bộ phận có thể chưa thực sự công bằng, chưa tạo được động lực phấn đấu cho người lao động và làm căn cứ cho công tác sắp xếp, điều động, luân chuyển, tuyển dụng nhân viên vào các vị trí việc làm phù hợp và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan tổ chức
1	Hoàn thiện các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá năng lực, phân loại nhân viên theo vị trí công việc, thuận tiện, công khai, dân chủ và công bằng với mọi đối tượng lao động	Từ năm học 2020 - 2021	BGH Phòng TCCB, Viện CNSHLN

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động quan trọng nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên, đó cũng chính là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh hiện nay. Chính vì vậy, công tác ĐT và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần phải thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch.

Nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng đội ngũ viên chức và người lao động được xác định là quan trọng và thường xuyên, và đã được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển đội ngũ, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và lao động hợp đồng của

Trường ĐHLN [H7.07.04.01].

Hàng năm Trường tiến hành khảo sát nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên tại các khoa, viện, phòng, ban, thư viện và trung tâm. Kết quả khảo sát nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng là căn cứ để xây dựng kế hoạch ĐT, bồi dưỡng đội viên chức và người lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và đúng người. Trong đó có kế hoạch ĐT, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn và ngắn hạn được thể hiện rõ trong kế hoạch hàng năm và được thông báo tới các đơn vị trực thuộc trường [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Theo đó, việc khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được tuân thủ theo các bước:

(i) Khảo sát nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc và lấy ý kiến về nhu cầu ĐT bồi dưỡng của công nhân viên hàng năm; (ii) Triển khai thực hiện việc ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên: Nhân viên khi được cử đi ĐT, bồi dưỡng được Nhà trường ra quyết định cho phép đi ĐT, bồi dưỡng với chế độ hỗ trợ về kinh phí, thời gian được ghi rõ trong quyết định. Hàng năm, Nhà trường và đơn vị có báo cáo kết quả thống kê về số lượng nhân viên được cử ĐT, bồi dưỡng; và (iii) Lập kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên dài hạn, trung hạn, hàng năm của Nhà trường và đơn vị (thể hiện rõ trong bản kế hoạch công tác hàng năm) dựa trên các chính sách của Nhà trường về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ.

Kết quả khảo sát nhu cầu về ĐT và bồi dưỡng là căn cứ để nhà trường xây dựng kế hoạch ngân sách, phân bổ ngân sách về ĐT, bồi dưỡng hàng năm cho đội ngũ nhằm tạo cơ hội cho các cá nhân nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, giúp nâng cao hiệu quả công việc [H7.07.04.04]. Trong giai đoạn từ năm 2014 đến 6 tháng đầu năm 2020, nhà trường đã chi kinh phí hỗ trợ về ĐT, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên tại cơ sở chính (HN) và Phân hiệu (ĐN) tổng số trên 3,2 tỷ đồng, theo đó tại cơ sở chính và phân hiệu là 2.965.326.835 và 277.025.500 đồng tương ứng (Bảng 7.5).

Bảng 7.5. Tổng hợp kinh phí chi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên

Đơn vị tính: triệu đồng

ĐHLN	Kinh phí chi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân viên theo năm								Tổng cộng
	Năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020 (6 tháng đầu)	

								năm)	
Cơ sở chính HN	SL	691,49	179,82	609,72	609,97	377,61	487,25	9,46	2.965,3
	TL(%)	23,32	6,06	20,56	20,57	12,73	16,43	0,32	100,0
PH	SL	108,40	50,44	60,33	37,86	20,00	0,00	0,00	277,0
ĐN	TL(%)	39,13	18,21	21,78	13,67	7,22	0,00	0,00	100,0

Hàng năm, Nhà trường đều tổng kết đánh giá kết quả ĐT, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, kết thúc các khóa ĐT nhân viên được cử đi bồi dưỡng được cấp các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ đã hoàn thành tốt việc đào tạo, bồi dưỡng, và yêu cầu hoàn trả kinh phí nếu nhân viên được cử đi ĐT, bồi dưỡng không thu được kết quả. Ngoài ra, hàng năm kinh phí hỗ trợ nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên của Trường ĐHLN tại Cơ sở chính và Phân hiệu được tổng hợp và báo cáo cấp trên như là minh chứng thực tiễn cho hoạt động nên trên **[H7.07.04.05], [H7.07.04.06]**.

Dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu, và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và kế hoạch kinh phí đã được xác định, Nhà trường ra Thông báo tuyển chọn các ứng viên đã đăng ký nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ một cách công khai, dân chủ **[H7.07.04.07]**.

Hàng năm, các ứng viên sau khi được tuyển chọn được nhà trường ra quyết định cử đi ĐT, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Các nhân viên được cử đi ĐT, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được hỗ trợ về kinh phí và thời gian được quy định cụ thể trong quy chế ĐT, bồi dưỡng công chức, viên chức và lao động hợp đồng của Trường, và Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành hàng năm **[H7.07.04.08]**.

Cụ thể, trong các năm 2015 – 2020, Nhà trường đã cử đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên và nhân viên hỗ trợ đi học các khóa học TS, Ths, bồi dưỡng chuyên môn, NV Thư viện, CNTT, nghiệp vụ quản trị TCKH với số lượng và nội dung học tập bồi dưỡng của nhân viên được thống kê trong Bảng 7.6 dưới đây:

Bảng 7.6. Kết quả thống kê số lượng nhân viên cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Năm học	Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài		Đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước	
	Số lượng	Nội dung	Số lượng	Nội dung
2015	11	NV Thư viện; Ngoại ngữ	19	Ths, TS; CNTT NV Thư viện;

				Ngoại ngữ,
2016	4	Chuyên môn;	9	Ths, TS, CNTT; NV Thư viện; Quản trị TCKH
2017	3	Chuyên môn; Ngoại ngữ;	5	Ths; TS; CNTT Chuyên môn;
2018	3	Chuyên môn; Ngoại ngữ	3	Ths; Chuyên môn
2019	8	Chuyên môn; Ngoại ngữ; NV Thư viện	11	Ths; TS; Chuyên môn, NV Thư viện
QI/ 2020	2	Chuyên môn	3	Ths; Chuyên môn
Tổng	31 người		50 người	

Ngoài ra, công tác tập huấn ngắn hạn cho đội ngũ cũng được nhà trường quan tâm và tổ chức thường xuyên, nhất là đội ngũ nhân viên làm việc tại Thư viện, Trung tâm TH,TN cả trong nước và nước ngoài. Các khóa ĐT bồi dưỡng đã nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ khối phòng ban, Thư viện, nhân viên CNTT, nhân viên Ban Tạp chí và Website Nhà trường **[H7.07.04.09]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Quy chế về ĐT, bồi dưỡng phát triển đội ngũ, có kế hoạch về ĐT, kế hoạch về kinh phí hỗ trợ ĐT, bồi dưỡng và có quyết định cử nhân viên đi học tập ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, tập huấn sử dụng phần mềm, quản trị TCKH, website, CNTT, tin học, ngoại ngữ cũng như tham gia các đợt tập huấn, hội thảo trong nước và nước ngoài. Trong giai đoạn từ 2014- tháng 6 năm 2020, nhà trường đã chi trên 3,2 tỷ đồng hỗ trợ về ĐT cho đội ngũ tại cơ sở chính (HN) và Phân hiệu (ĐN). Viện CNSHLN cũng đã cử đội ngũ nhân viên làm việc tại phòng Tổng hợp, phòng thí nghiệm, thực hành đi đào tạo kỹ năng thực hành, thí nghiệm, quản trị hồ sơ, điểm thi, và nghiệp vụ văn phòng nhằm nâng cao chuyên môn, trình độ và đạt hiệu quả cao trong công việc được nhà trường, đơn vị giao phó.

3. Điểm tồn tại

Chưa có chiến lược về ĐT chuyên sâu và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ trong tình hình mới đối với từng nhân viên hỗ trợ. Các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn

về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ ĐT của Trường DHLN, Viện CNSHLN vẫn chưa đều đặn và chưa liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan tổ chức
1	Thiết lập kế hoạch học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (cụ thể đối với từng nhân viên) theo các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.	Từ năm học 2020 - 2021	BGH, Phòng TCCB, Viện CNSHLN

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Quản trị là công tác quan trọng đối với một cơ sở ĐT như Trường DHLN, để việc quản trị đạt hiệu quả thường là dựa trên kết quả công việc lao động thực tế của đội ngũ nhân viên, trong đó công tác thi đua, khen thưởng và công nhận các danh hiệu thi đua là động lực lớn khuyến khích và thúc đẩy cá nhân và tập thể lao động hăng say, chất lượng. Vấn đề nêu trên Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản gồm các Quy định đánh giá viên chức, lao động hợp đồng khối quản lý, phục vụ; các Quy định về nội dung, tiêu chuẩn, điều kiện, công nhận sáng kiến, cải tiến và đã ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng [H7.07.05.01]. Đây là căn cứ, thước đo quan trọng cho phép đánh giá, phân loại và bình xét các danh hiệu thi đua được dân chủ, công bằng và khách quan, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCD đạt hiệu quả cao hơn.

Hàng năm, nhà trường đã ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ, đó là công cụ và căn cứ để đánh giá, phân loại, bình xét thi đua với các nội dung, hạng mục chi tiết và rõ ràng, theo từng đối tượng khối quản lý, khối phục vụ, giảng viên và nhân viên, LDHĐ. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng dựa trên tình hình thực tế, kế thừa căn cứ, cơ sở các năm trước nên thường xuyên được cập nhật, đổi mới sát với thực tiễn và nguyện vọng của nhân viên và lao động hợp đồng [H7.07.05.02].

Việc triển khai công tác đánh giá và phân loại nhân viên theo công việc được chi tiết

hóa thông qua các văn bản hướng dẫn chi tiết quy trình, nội dung, các bước thực hiện trong việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm. Theo đó, quy trình đánh giá, phân loại được thực hiện từ cấp bộ môn, tổ công tác, đến đơn vị (khoa, viện, phòng, ban, trung tâm) theo các mức độ hoàn thành (xuất sắc, tốt, hoàn thành và không hoàn thành), hội đồng bình xét thi đua khen thưởng nhà trường sẽ thực hiện bước cuối và công nhận các danh hiệu mà cá nhân và tập thể đạt được hàng năm theo các thang bảng và lượng hóa bằng điểm số **[H7.07.05.03]**.

Các hoạt động đánh giá được thực hiện dựa trên bảng phân công nhiệm vụ, kế hoạch công tác của đội ngũ nhân viên. Kế hoạch triển khai thực hiện công tác hàng tháng, hàng năm của đội ngũ nhân viên và các cá nhân làm công tác hỗ trợ về ĐT, NCKH, và PVCĐ. Trong bảng phân công nhiệm vụ và kế hoạch công của nhân viên ghi rõ khối lượng công việc, tiến độ và thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, đó là căn cứ, công cụ quan trọng để đánh giá. Ngoài ra, các hướng dẫn cũng khuyến khích các cá nhân có các sáng kiến, cải tiến để công việc được hoàn thành đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao **[H7.07.05.04]**.

Việc đánh giá, phân loại viên chức, người lao động có các mức độ hành thành dựa vào vị trí, công việc cụ thể được cơ quan, đơn vị phân công giao phó. Từng cá nhân được cụ thể thông qua quyết định giao số vị trí việc làm và số người làm việc của từng vị trí, thời gian và chất lượng công việc cho các đơn vị khối hành chính, phục vụ trong toàn trường và được lưu hồ sơ theo dõi hàng năm. Thông qua vị trí việc làm cụ thể các cá nhân và tập thể có thể lựa chọn mức độ hoàn thành và các danh hiệu thi đua, khen thưởng mà tiến hành đăng ký ngay từ đầu năm học **[H7.07.05.05]**, **[H7.07.05.06]**.

Theo quy định cứ vào đầu năm học hàng năm, các cá nhân và tập thể tự đăng ký các danh hiệu thi đua, khen thưởng, các sáng kiến, cải tiến hay các giải pháp hữu ích khác cũng được đặt ra và tự cá nhân lựa chọn danh hiệu thi đua mà phấn đấu và quyết tâm hoàn thành. Tất cả các bản đăng ký thi đua được nhà trường tổng hợp và ra quyết định đã tham gia đăng ký thi đua, đó là cơ sở quan trọng cho việc đánh giá, bình xét thi đua cuối năm. Chính việc đăng ký ngay từ đầu năm sẽ là căn cứ để theo dõi, giám sát quá trình phấn đấu, hy sinh của cá nhân và đồng thời cũng tạo động lực tích cực ngay từ đầu, cũng để tránh một số cá nhân không đăng ký đầu năm, sẽ không đủ

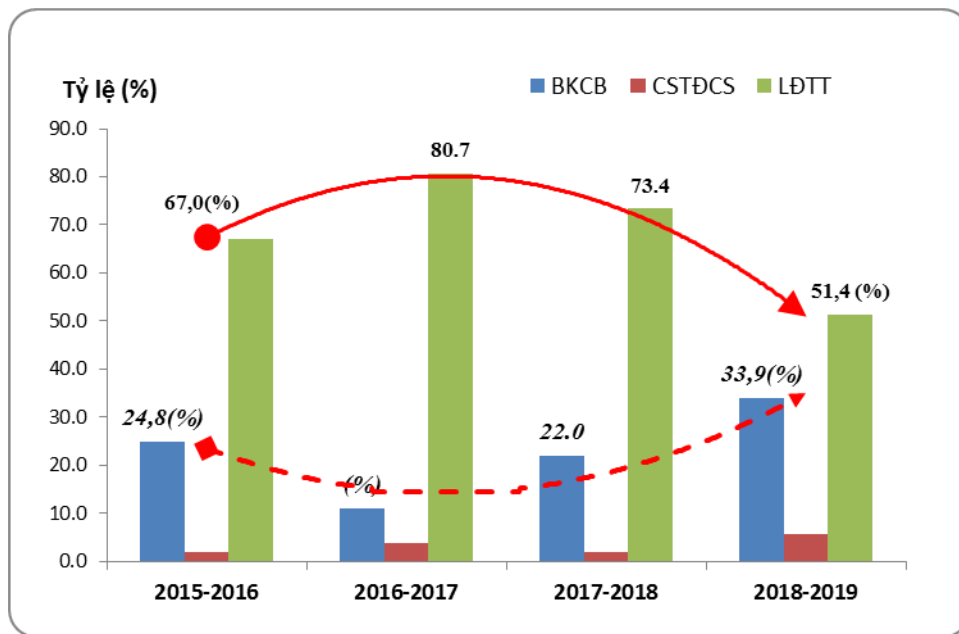
điều kiện bình xét danh hiệu thi đua trong dịp cuối năm **[H7.07.05.07]**.

Bước tiếp theo trong quy trình về đánh giá, phân loại và bình xét thi đua đối với viên chức và người lao động là tất cả các cá nhân (100%) đều thực hiện việc tự nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành của bản thân trước khi đưa báo cáo công tác, điểm, sáng kiến, cải tiến của mình tại cuộc họp ở bộ môn, tổ công tác. Bản tự nhận xét đánh giá của các cá nhân theo khối lượng công việc được giao từ đầu năm, có theo dõi, giám sát thường xuyên là căn cứ, thước đo mà mỗi người tự chọn thể hiện tính khách quan, dân chủ và cả lòng tự trọng, tự hào mà chính bản thân họ nỗ lực phấn đấu sau 12 tháng rộng rãi với nhiều nỗ lực và cố gắng **[H7.07.05.08]**.

Thông qua báo cáo và bản tự nhận xét của từng cá nhân, bộ môn, tổ công tác và phòng ban, trung tâm tiến hành họp đánh giá, bình xét phân loại và thi đua. Theo đó, những cá nhân đạt danh hiệu thi đua theo đăng ký được xem xét với số phiếu đồng ý nhất trí là trên 50% số thành viên tham dự cuộc họp. Cuộc họp cấp bộ môn được thực hiện dân chủ, công bằng trên tinh thần xây dựng, đóng góp ý kiến cho sự trưởng thành của mỗi thành viên cũng như của tập thể. Biên bản cuộc họp đánh giá, phân loại, bình xét thi đua, khen thưởng cấp bộ môn được thông qua cho các thành viên tham gia họp ngay khi kết thúc và được gửi lên cấp trên để làm căn cứ cho bước đánh giá, phân loại, bình xét thi đua tiếp theo ở cấp Khoa, Viện, Phòng, Ban **[H7.07.05.09]**.

Tiếp tục quy trình đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường tiến hành họp, đánh giá, phân loại và bình xét lần cuối, trước khi ra quyết định công nhận các mức thành tích hoàn thành nhiệm vụ, công nhận các sáng kiến, cải tiến hay giải pháp hữu ích và các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho các cá nhân và tập thể **[H7.07.05.10]**.

Các báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hàng năm của Nhà trường thể hiện mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên đã tạo nguồn lực về vật chất và tinh thần, kịp thời động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công việc hỗ trợ của đội ngũ nhân viên được cải thiện chất lượng hàng năm thông qua việc đưa ra những sáng kiến, giải pháp công tác được hội đồng công nhận sáng kiến Nhà trường ghi nhận. Kết quả xét công nhận một số danh hiệu thi đua đội ngũ nhân viên hỗ trợ đạt được trong một số năm học giai đoạn 2015- 2019 được thể hiện qua Hình 7.1 .



Hình 7.1. Danh hiệu thi đua, khen thưởng của đội ngũ nhân viên giai đoạn 2015-2019

(Ghi chú: BKCB: Bằng khen cấp Bộ; CSTĐCS: Chiến sĩ thi đua cơ sở; LĐTT: Lao động tiên tiến)

Trị số trên cột biểu đồ hình 7.1 và đường biểu diễn cho thấy, lao động tiên tiến có xu hướng giảm, trong khi danh hiệu bằng khen cấp Bộ lại có xu hướng tăng. Điều này cũng rất cần quan tâm và lưu ý trong quá trình đánh giá, phân loại và xây dựng tiêu chí và quy trình, công cụ cho các năm tiếp theo để phong trào thi đua đạt hiệu quả. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCĐ làm việc tại Viện CNSHLN luôn quan tâm và nỗ lực phấn đấu trong công tác, hàng năm đều có các cá nhân, tập thể đạt được danh hiệu thi đua khen thưởng và xét nâng lương trước thời hạn. Đó thực sự tạo động lực, khuyến khích và góp phần giúp đội ngũ nhân viên cải thiện và nâng cao hiệu quả công việc hiện tại và trong tương lai.

Thông báo về kết quả đánh giá xếp loại cá nhân, tập thể và bình xét thi đua, khen thưởng là bước cuối trong quy trình đánh giá, phân loại và bình xét thi đua hàng năm. Đây cũng là căn cứ để chi trả lương tăng thêm (nếu có), là căn cứ để xét nâng lương trước thời hạn hoặc cử viên chức đi ĐT, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Mặt khác, dựa vào kết quả đánh giá, phân loại viên chức là căn cứ để bồi dưỡng phát triển hay chấm dứt hợp đồng lao động với cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ nhiều năm liên [H7.07.05.11].

Thông thường Nhà trường trước khi đưa ra quy định, quyết định các cá nhân,

tập thể được khen thưởng hay kỷ luật, công nhận danh hiệu thi đua, kết quả đánh giá phân loại lương tăng thêm, luôn ra công văn và dành thời gian để nhận ý kiến phản hồi từ các đơn vị, của đội ngũ nhân viên gửi về Nhà trường qua phòng TCCB [H7.07.05.12]. Nhìn chung tất cả các ý kiến (100%) phản hồi về cơ bản đều đồng thuận, tuy nhiên tiếp thu và điều chỉnh và hoàn thiện hơn trong các năm tiếp theo luôn được nhà trường cập nhật thông qua các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng đều đặn hàng năm.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, trong đó bao gồm cả khen thưởng và công nhận các sáng kiến, cải tiến và giải pháp hữu ích đã được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD thông qua hệ thống văn bản, chiến lược, quy định, quy trình cụ thể theo từng cấp từ dưới lên trên. Các văn bản hướng dẫn triển khai cụ thể, chi tiết là công cụ, phương pháp tích cực để các phòng, ban chức năng hay trung tâm theo dõi, giám sát và đánh giá sát với thực tiễn, tạo động lực thúc đẩy đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả hơn trên cương vị và vị trí công tác của mình.

Đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng được thực hiện cho tất cả các cá nhân, tức là 100% nhân viên đều được đánh giá, phân loại hàng năm, có khen thưởng và nhắc nhở những trường hợp chưa đạt yêu cầu qua các văn bản, thông báo công khai và thường xuyên, đó là động lực quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đội ngũ nhân viên đã hoàn thành tốt công tác việc hỗ trợ về ĐT, NCKH, và PVCD, song nhìn chung đội ngũ nhân viên tại các phòng ban về cơ bản vẫn chưa có kế hoạch chi tiết, công việc chưa lượng hóa rõ ràng như khối giảng viên (số giờ giảng dạy, số giờ NCKH), tiến độ và thời gian thực hiện còn chưa rõ và thiếu dứt khoát, chẳng hạn chậm thống kê giờ giảng như là một vấn nạn gần đây và hiện vẫn chưa có lời giải. Điều này cũng được phản ánh qua báo cáo đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục- Đại học Quốc gia HN (TC7.5).

4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Cơ quan tổ chức
1	Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường có kế hoạch bổ sung	Từ năm học	BGH, Phòng TCCB,

	và điều chỉnh quyết định về thi đua khen thưởng phù hợp hơn, nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ hỗ trợ phát huy khả năng tự phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ.	2020 - 2021	Phòng KT&ĐBCL, Viện CNSH LN
--	--	-------------	--------------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Từ tất cả các kết quả và phân tích ở các tiêu chí trên có thể đi đến một số kết luận sau:

(i) Đội ngũ chuyên viên, kỹ sư, cán sự, kỹ thuật viên, cán bộ hành chính, phục vụ của Nhà trường đáp ứng tốt cả về số lượng và đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với từng công việc, vị trí công tác. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn, điều động, bổ nhiệm và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện hàng năm một cách công khai, minh bạch, việc quản trị đội ngũ theo kết quả công việc thông qua giám sát, theo dõi thường xuyên.

Tuy nhiên, Nhà trường cũng như các Khoa, Viện, Phòng, Ban, Trung tâm về cơ bản chưa phân tích, dự báo được nhu cầu về đội ngũ sát thực tiễn nhằm nâng cao công tác hỗ trợ về ĐT, NCKH và PVCD đạt hiệu quả cao hơn. Công tác khảo sát, thăm dò và lấy ý kiến về mức độ hài lòng, về tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành công việc chưa thường xuyên và đạt kết quả cao. Do đó, tăng cường thực hiện một cách thường xuyên, liên tục công tác theo dõi, dự tính, dự báo và đánh giá, phân loại sát thực hơn là vấn đề rất cần được giải quyết trong thời gian tới. Ngoài ra, cần rà soát và bố trí lại một số vị trí việc làm đối với một số nhân viên chưa đúng chuyên môn, hiệu quả công tác chưa cao trong thời gian tới.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH đánh giá tiêu chuẩn 3: có 01 tiêu chí đạt 4/7 và 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học chính là trung tâm của quá trình đào tạo. Chất lượng người học sẽ quyết định sự phát triển đi lên trong lĩnh vực đào tạo, NCKH của ngành CNSH. Theo

xu thế của thời đại và yêu cầu của Bộ GD&ĐT, trường ĐHLN đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ. Hình thức đào tạo này đã thể hiện rõ ưu điểm là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân mình, là thực hiện dân chủ hóa trong giáo dục: người học tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo của mình, từ việc cơ cấu các môn học dựa trên hệ thống tự chọn, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo đó tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính, về quỹ thời gian của mình.

Để giúp người học trong quá trình học tập tại ngành CNSH, Nhà trường và Viện CNSH LN đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người học như phát triển đội ngũ Cố vấn học tập, định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa SV với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nâng cấp phần mềm quản lý SV...

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện cơ bản nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của ngành CNSH cũng như Nhà trường trong đào tạo, NCKH về lĩnh vực CNSH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Theo quy định của BGD&ĐT trong Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của BGD&ĐT số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 5/03/2012; Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của BGD&ĐT số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017; Thông tư sửa đổi một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/03/2018 thì trường ĐHLN luôn thực hiện đúng các quy định hiện hành, đã xây dựng đề án tuyển sinh hằng năm theo đúng quy định và trình bộ phê duyệt [H8.08.01.01], [H8.08.01.02].

Chính sách và quy định về tuyển sinh hằng năm đã được xác định đầy đủ, rõ ràng trong Đề án tuyển sinh [H8.08.01.02]. Thông tin về tuyển sinh đại học của trường ĐHLN bao gồm: Đối tượng tuyển sinh (tuyển sinh đại học, tuyển sinh liên thông lên đại học); Phạm vi tuyển sinh; Phương thức tuyển sinh (xét tuyển theo điểm thi THPT

Quốc gia, xét kết quả học tập THPT, tổ chức thi tuyển sinh (nếu còn chỉ tiêu)); Chỉ tiêu tuyển sinh; Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào; Đối tượng thuộc diện ưu tiên; Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường; Tổ chức tuyển sinh; Chính sách ưu tiên; Lệ phí xét tuyển/thi tuyển; Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy; Thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng; v.v. **[H8.08.01.02]**. Chính sách tuyển sinh đối với ngành CNSH hằng năm được tổng hợp ở Bảng 8.1.1 trong minh chứng **[H8.08.01.02]**.

Chính sách và quy định về tuyển sinh ngành CNSH hằng năm được công bố công khai, rộng rãi đến toàn thể xã hội qua nhiều kênh khác nhau, bao gồm: Cổng Thông tin tuyển sinh của BGD&ĐT **[H8.08.01.03]**, Thông báo bằng văn bản **[H8.08.01.04]**, Cổng thông tin tuyển sinh điện tử của Trường ĐHLN **[H8.08.01.05]**.

Ngoài ra, để thực hiện tốt chính sách tuyển sinh, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách là Ban xúc tiến tuyển sinh và Tư vấn việc làm, sau này là Trung tâm xúc tiến đào tạo và Du học, có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị này về công tác tuyển sinh đại học **[H8.08.01.06]**. Thông qua hoạt động xúc tiến tuyển sinh của các đơn vị này, chính sách và quy định về tuyển sinh của Nhà trường lại được công bố công khai, rộng rãi tới các học sinh, giáo viên, phụ huynh học sinh ở một số trường PTTH, nơi Nhà trường đến tiếp thị tuyển sinh thông qua tờ rơi, hoạt động tiếp thị tuyển sinh **[H8.08.01.07]**.

Để khuyến khích học sinh đăng ký tuyển sinh vào trường ĐHLN thì hằng năm Nhà trường cũng có các chính sách ưu tiên người học và được công bố công khai trên Cổng thông tin tuyển sinh điện tử của Trường ĐHLN và thông qua các hoạt động tiếp thị tuyển sinh **[H8.08.01.05]**, **[H8.08.01.07]**, **[H8.08.01.08]**.

Các số liệu thống kê về số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn trúng tuyển của từng đợt nhập học của ngành đều được Phòng đào tạo tổng kết và báo cáo Bộ GD&ĐT **[H8.08.01.09]**.

Hằng năm Nhà trường còn tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh. Các ý kiến góp ý về chính sách tuyển sinh được rà soát, phân tích, thảo luận làm cơ sở định hướng giải pháp tuyển sinh các năm tiếp theo. Nội dung kết luận Hội nghị cho thấy, chính sách tuyển sinh của Nhà trường được điều chỉnh, cập nhật hằng năm theo sự góp ý của các bên liên quan và kết quả phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực. Năm 2015, Nhà trường chỉ tổ chức xét tuyển ngành CNSH theo kết quả điểm thi tốt

ngành THPT quốc gia. Năm 2016, đã bổ sung hình thức xét tuyển theo Học bạ THPT cho cơ sở 2 Đồng Nai. Từ năm 2017 đến nay đã tổ chức xét tuyển theo 02 phương thức: xét tuyển theo điểm kỳ thi THPT quốc gia; xét tuyển theo học bạ THPT hoặc lớp 12 những thí sinh tốt nghiệp THPT [**H8.08.01.10**].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của BGD&ĐT, được công bố công khai trong toàn xã hội và được cập nhật hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Công tác tuyển sinh cần được thực hiện đồng bộ hơn giữa các đơn vị trong toàn trường, tăng cường kết nối và liên hệ với thí sinh đã đăng ký theo học tại Trường.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Tăng cường kết nối, liên hệ với thí sinh đã đăng ký tuyển sinh vào trường ĐHLN.	Viện CNSH LN	Hằng năm
2.	Nâng cao chất lượng quảng bá hình ảnh của Nhà trường trên Website.	Viện, Phòng, Ban, thư viện	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy ngành CNSH được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường [**H8.08.02.01**]. Đối với ngành CNSH, có 02 hình thức tuyển chọn người học là xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia hằng năm và xét tuyển theo kết quả học tập THPT. Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh theo mỗi hình thức khác nhau ở từng năm và từng cơ sở đào tạo (cơ sở chính Hà Nội và cơ sở 2 Đồng Nai, nay là Phân hiệu trường ĐHLN Đồng Nai) [**H8.08.02.02**].

Trước năm 2018, đối với hình thức xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia thì tiêu chí tuyển chọn người học là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học, có nguyện vọng đăng ký tuyển sinh vào ngành CNSH và có điểm thi THPT Quốc gia cộng điểm ưu tiên (nếu có) không nhỏ hơn điểm sàn quy định của Bộ GD&ĐT thì

được xem xét. Phương pháp tuyển chọn là xét điểm theo tổ hợp từ điểm cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu **[H8.08.02.02]**. Đối với hình thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT thì tiêu chí tuyển chọn người học là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học, có nguyện vọng đăng ký tuyển sinh vào ngành CNSH và có hạnh kiểm trung bình khá/khá trở lên trong các năm học THPT và tổng điểm học tập trung bình THPT 3 môn từ 15 điểm trở lên thì được xem xét. Phương pháp tuyển chọn là lấy từ điểm cao nhất trong danh sách đăng ký xét tuyển đến khi đủ chỉ tiêu **[H8.08.02.02]**. Từ năm 2018, Bộ GD&ĐT bỏ quy định về điểm sàn để xét tuyển đại học theo hình thức xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia thì điểm tiếp nhận hồ sơ của ngành CNSH là 13 điểm, còn điểm xét tuyển theo học bạ là 15 điểm **[H8.08.02.02]**, **[H8.08.02.03]**. Nhìn chung, tất cả những thí sinh hội đủ điều kiện để Nhà trường tiếp nhận hồ sơ (điểm kỳ thi THPT quốc gia hay điểm học bạ THPT) thì đều trúng tuyển **[H8.08.02.04]**.

Tổng hợp tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học và số lượng thí sinh trúng tuyển và nhập học ngành CNSH từ năm 2015 đến nay được tổng hợp và thể hiện trong các minh chứng **[H8.08.02.02]**, **[H8.08.02.04]**, **[H8.08.02.05]**.

Sau khi có kết quả tuyển sinh thì Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển ngành CNSH để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong Giấy báo **[H8.08.02.04]**. Thí sinh đăng ký xét tuyển tra cứu kết quả tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHLN <http://dangkyxettuyen.vnuf.edu.vn/danh-sach-trung-tuyen-2/> **[H8.08.02.06]**. Ngoài ra, theo quy định thì Trường ĐHLN hằng năm gửi các Báo cáo kết quả tuyển sinh và thông tin trường ĐHLN với Bộ GD&ĐT **[H8.08.02.07]**.

Ngoài ra, thông qua Hội nghị tổng kết và định hướng công tác tuyển sinh đại học, và Hội nghị triển khai công tác tuyển sinh đại học hằng năm của Trường Đại học Lâm nghiệp, với sự tham gia của các bên liên quan, thì tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đã được rà soát, thảo luận, điều chỉnh cho phù hợp với các năm sau. Cụ thể là: Bổ sung hình thức xét tuyển theo học bạ THPT từ năm 2016 cho Cơ sở 2 Đồng Nai và từ năm 2017 cho tất cả các cơ sở của trường; điều chỉnh bổ sung tổ hợp môn xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia Hằng năm cho từng cơ sở đào tạo; thay đổi bổ sung phương pháp xét tuyển theo học bạ THPT (từ việc xét theo tổng điểm TBCHT 3 năm THPT đến xét theo tổng điểm TBC các môn trong tổ hợp xét tuyển của

năm lớp 12); điều chỉnh giảm số lượng chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm cho ngành CNSH ở các cơ sở chính Hà Nội cũng như Cơ sở 2 Đồng Nai; điều chỉnh tỷ lệ chỉ tiêu xét tuyển theo học bạ THPT [H8.08.02.02], [H8.08.02.04], [H8.08.02.08].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường rõ ràng, thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan và được đánh giá thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học thấp, giảm dần qua hằng năm. Hơn nữa số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học ngành CNSH Hằng năm ít, chỉ tiêu trúng tuyển còn nhiều. Vì vậy, xã hội đánh giá không cao về ngành đào tạo CNSH.

4. Kế hoạch hành động

Viện CNSH Lâm nghiệp hằng năm nên tổ chức tham vấn các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cho phù hợp với nhu cầu xã hội và cập nhật bổ sung hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học, trường ĐHLN có hệ thống các phòng, ban tham mưu và các khoa, viện chuyên môn [H8.08.03.01]. Các phòng chức năng trực thuộc trường ĐHLN có chức năng và nhiệm vụ liên quan chặt chẽ đến công tác giám sát chất lượng học tập và rèn luyện của người học là Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Phòng Chính trị và Công tác SV [H8.08.03.01]. Phòng Đào tạo là đơn vị tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát toàn bộ công tác học tập của SV. Phòng KT&ĐBCL quản lý đề thi, điểm thi, bài thi và phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức các kỳ thi học kỳ, thi hết học phần và thi tốt nghiệp. Phòng CT&CTSV quản lý SV và việc đánh giá điểm rèn luyện của SV [H8.08.03.01].

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, các đơn vị phòng, ban xây dựng các quy định làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ thực hiện [H8.08.03.02].

Ngoài ra, để tăng cường hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện, Nhà trường còn thành lập đội ngũ CVHT, Quyết định ban hành quy định công tác cố vấn học tập **[H8.08.03.03]**, **[H8.08.03.04]** và hằng năm tổ chức Hội nghị CVHT **[H8.08.03.05]**.

Để thực hiện tốt công tác quản lý đào tạo, quản lý người học, giám sát và đánh giá chất lượng học tập và rèn luyện của người học, cũng như giúp người học nắm rõ các chính sách đào tạo, trường ĐHLN đã ban hành: Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy chế về tổ chức, quản lý đánh giá kết quả học tập, Quy định, quy trình về tổ chức và quản lý thi, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện của SV; Quyết định ban hành quy định về xây dựng và quản lý Ngân hàng đề thi kết thúc môn học/học phần, Chương trình đào tạo ngành CNSH, v.v. **[H8.08.03.06]**, **[H8.08.03.07]**, **[H8.08.03.08]**.

Để giúp SV chủ động trong việc lập kế hoạch, theo dõi tiến độ và kết quả học tập của cá nhân, ngay từ khi SV nhập học, Nhà trường đã tổ chức Tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu năm học **[H8.08.03.09]**. Các nội quy, quy chế, các chế độ quản lý với SV được phổ biến tới toàn thể người học trong tuần học chính trị này. Ngoài ra, hằng năm Nhà trường còn phát cho mỗi SV cuốn Sổ tay SV, với các quy định chi tiết về nội quy, quy chế học tập và rèn luyện, các hoạt động hỗ trợ SV của Nhà trường để SV có thể tự nghiên cứu, tìm hiểu và tuân thủ các quy định này **[H8.08.03.10]**.

Đối với ngành CNSH, người học sẽ phải hoàn thành 135 tín chỉ (quy đổi 1 tín chỉ bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thảo luận hoặc bài tập) trong 4 năm (8 học kỳ chính) (thời gian khóa học quy định) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 6 năm **[H8.08.03.08]**. Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D **[H8.08.03.08]**. Trong trường hợp SV không đạt học phần nào phải đăng ký học lại học phần đó. SV được Nhà trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 5,5 trở lên theo thang điểm 10 **[H8.08.03.08]**. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành CNSH không vượt 21 tín chỉ.

Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo thiết kế). SV

được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 14 tín chỉ [**H8.08.03.08**].

Ngoài ra, để giám sát kết quả học tập của SV, Nhà trường đã xây dựng Cổng thông tin tác nghiệp tín chỉ, Cổng thông tin đào tạo và cung cấp tài khoản cho giảng viên, người học [**H8.08.03.11**]. Kế hoạch học tập và giảng dạy được đăng trên Cổng thông tin tác nghiệp tín chỉ của Nhà trường [**H8.08.03.11**]. Điểm học tập và rèn luyện của SV được đăng trên Cổng thông tin đào tạo [**H8.08.03.11**].

Hàng tháng, CVHT sẽ tổ chức họp lớp để thông báo các văn bản, kế hoạch hoạt động, nội quy quy định của Trường, Viện và lắng nghe ý kiến của người học, giúp đỡ SV giải quyết các vấn đề vướng mắc trong học tập và các hoạt động khác của lớp [**H8.08.03.04**]. Mỗi học kỳ, để theo dõi sự tiến bộ trong học tập cũng như rèn luyện của người học, CVHT đều tổ chức họp lớp để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của từng SV. Mỗi cá nhân SV đều phải tự đánh giá và cho điểm căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện. Kết quả này được gửi đến Phòng CT & CTSV là đơn vị đầu mối giúp Hội đồng khen thưởng SV và xét cấp học bổng cho SV [**H8.08.03.04**]. Cuối năm học, CVHT đều gửi kết quả học tập về gia đình SV, để gia đình và Nhà trường giám sát được tình hình học tập và rèn luyện của người học [**H8.08.03.04**]. Cuối mỗi năm học những SV có điểm học tập yếu kém đều được Nhà trường gửi cảnh báo học vụ đến tài khoản của SV.

2. Điểm mạnh

Việc ban hành và phổ biến các Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy, Chương trình đào tạo ngành CNSH tới toàn thể người học qua nhiều kênh khác nhau, cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo và hệ thống các phòng ban tham mưu và đội ngũ CVHT đã giúp Nhà trường giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành CNSH nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm chuyên dụng chưa đáp ứng kịp các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo. Hệ thống mạng Internet chưa đủ mạnh, tốc độ truy cập chậm.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở thông tin, hệ thống đường truyền internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng để lưu trữ kết quả học tập và hoạt động

đào tạo, giúp giảng viên và SV tác nghiệp kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Trường ĐHLN có các phòng ban nghiệp vụ và các tổ chức Đoàn, Hội như Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Chính trị và Công tác SV, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội SV và đội ngũ CVHT [H8.08.04.01] để tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, rèn luyện, có khả năng xin được việc sau khi tốt nghiệp. Phòng CT&CTSV chịu trách nhiệm tư vấn toàn diện cho HSSV, thường trực và phối hợp với các đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, thực hiện công tác thi đua khen thưởng và tổ chức xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho SV [H8.08.04.01].

Ban xúc tiến tuyển sinh và Tư vấn việc làm, Trung tâm xúc tiến đào tạo và Du học, nay là Phòng Chính trị và Công tác SV là đơn vị tư vấn hỗ trợ SV tìm việc làm [H8.08.04.01], [H8.08.04.02].

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học luôn Nhà trường và Viện CNSH LN coi trọng. Điển hình là hoạt động của đội ngũ CVHT. Hàng tháng, CVHT sẽ tổ chức họp lớp để thông báo các văn bản, kế hoạch hoạt động, nội quy quy định của Trường, Viện và lắng nghe ý kiến của người học, giúp đỡ SV giải quyết các vấn đề vướng mắc trong học tập và các hoạt động khác [H8.08.04.01]. Để khuyến khích SV học tập tốt, rèn luyện tốt các tổ chức Đoàn thể của Nhà trường như Đoàn thanh niên, Hội SV luôn tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho người học. Điển hình là thành lập các câu lạc bộ Ghita, Câu lạc bộ Nhiếp ảnh SV lâm nghiệp, Câu lạc bộ đá cầu lâm nghiệp, Câu lạc bộ tiếng Anh, Green for Future, Ước mơ Xanh, v.v. [H8.08.04.03]; Tổ chức các Chương trình Gala SV, Hội diễn văn nghệ, Các cuộc thi tìm kiếm tài năng MC, Festival SV trường ĐHLN, Cuộc thi Nữ sinh thanh lịch - Miss VNUF, Ngày hội sách VNUF, Rung chuông vàng Lâm nghiệp, v.v. [H8.08.04.04]; Tổ chức các hoạt động thể thao, Hội trợ văn hóa ẩm thực, Thanh niên tình nguyện, Mùa

hè xanh, SV bảo vệ môi trường, v.v. **[H8.08.04.04]**. Các hoạt động này đã tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái, giúp SV học tập tốt hơn.

Việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích cao trong học tập, rèn luyện và NCKH, cấp học bổng cho SV có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập được triển khai thực hiện theo đúng quy định nhằm mục đích khuyến khích SV học tập, rèn luyện tốt hơn **[H8.08.04.05]**, **[H8.08.04.06]**. Đối với SV có hoàn cảnh khó khăn, SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và cận nghèo, SV là người dân tộc thiểu số rất ít người, SV là con gia đình hộ nghèo và cận nghèo, SV là người dân tộc thiểu số vùng cao (KVI-VC), dân tộc thiểu số vùng 135 (DTTS-135) cũng được hỗ trợ kinh phí học tập, trợ cấp xã hội, hay miễn giảm học phí, v.v. **[H8.08.04.06]**.

Ngoài ra, Nhà trường và Viện CNSH LN cũng có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học. Hằng năm, Viện đã tổ chức ký kết hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để tăng cường trao đổi thông tin, hợp tác, hỗ trợ trong đào tạo, thực hành, thực tập, hội thảo và nghiên cứu khoa học, tư vấn và tuyển dụng lao động **[H8.08.04.07]**. Ngoài việc SV được bố trí thời gian đi thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp theo chương trình đào tạo, Nhà trường còn tổ chức cho SV tham gia NCKH, tham gia các cuộc thi Khởi nghiệp lâm nghiệp, nên SV có nhiều cơ hội tích lũy thêm kinh nghiệm chuyên môn. Hoạt động Khởi nghiệp lâm nghiệp này đã được SV hưởng ứng rất nhiệt tình **[H8.08.04.08]**.

Để hỗ trợ người học tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, hằng năm Nhà trường đã tổ chức các Chương trình “Tư vấn việc làm”, “Ngày hội việc làm” để làm cầu nối giữa SV và đơn vị tuyển dụng. Phòng Chính trị - Công tác SV thường xuyên cung cấp thông tin tuyển dụng của các cơ quan/doanh nghiệp cho người học trên Cổng thông tin việc làm của Trường ĐHLN và gửi thông báo tới các lớp SV, giới thiệu SV tới các nhà tuyển dụng **[H8.08.04.09]**, **[H8.08.04.10]**.

Hằng năm, Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát khả năng có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp và báo cáo Bộ GD & ĐT **[H8.08.04.11]**. Khảo sát ý kiến của SV cho thấy nhà trường đã chăm lo tốt cho nhu cầu của SV. Trong đó, 100% SV đánh giá công tác chăm sóc sức khỏe, chăm lo nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể thao đạt từ mức khá trở lên. Ngoài ra, tỷ lệ SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt 80% về đáp ứng các dịch vụ đời sống, và đạt 40% đối với công tác hỗ trợ việc làm **[H8.08.04.12]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Viện CNSH LN đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động ngoại khóa chưa được diễn ra liên tục. SV sau khi ra trường làm việc không đúng chuyên môn còn nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Duy trì và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động tư vấn việc làm trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hằng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề khi tốt nghiệp ra trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Nhà trường có tổ chức Đoàn thanh niên và Hội SV chịu trách nhiệm phối hợp với phòng CT&CTSV thường xuyên tổ chức các hoạt động văn thể cho người học nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ như: Ngày nhà giáo Việt nam 20-11, ngày thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26-3 và các ngày lễ, hoạt động khác [H8.08.05.01]. Điển hình là thành lập các câu lạc bộ Ghita, Câu lạc bộ Nhiếp ảnh sinh viên lâm nghiệp, Câu lạc bộ đá cầu lâm nghiệp, Câu lạc bộ tiếng Anh, Green for Future, Ước mơ Xanh, v.v. [H8.08.05.02]; Tổ chức các Chương trình Gala SV, Hội diễn văn nghệ, Cắm trại, Các cuộc thi tìm kiếm tài năng MC, Festival SV trường Đại học Lâm nghiệp, Cuộc thi Nữ sinh thanh lịch – Miss VNUF, Ngày hội sách VNUF, Cuộc thi ảnh Lâm nghiệp trong tôi, Rung chuông vàng-Lâm nghiệp, v.v. [H8.08.05.03]; Tổ chức các hoạt động thể thao (bóng đá, bóng rổ, bơi, cầu lông...) [H8.08.05.04], Hội chợ văn hóa ẩm thực, Thanh niên tình nguyện, Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hiến máu nhân đạo, SV bảo vệ môi trường, v.v. [H8.08.05.05]. Các hoạt động này đã tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái, thân thiện với người học, giúp SV yêu ngành nghề, say mê khoa học.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Nhà trường thường xuyên duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học hằng năm [H8.08.05.06]. Ngoài ra, công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt cũng được kiểm tra, giám sát thường xuyên. Trong đợt phòng chống dịch CoVid-19, cùng với cả nước, Nhà trường đã thực hiện tốt công tác phòng chống dịch [H8.08.05.07].

Công tác phòng chống cháy nổ trong Nhà trường cũng được thực sự quan tâm và thường xuyên được kiểm tra và có báo cáo cụ thể. [H8.08.05.08]. Ngoài ra, Nhà trường có Phòng bảo vệ (trước kia) và nay là Tổ bảo vệ thuộc phòng Hành chính tổng hợp, với lực lượng hùng hậu đã thực hiện tốt chức năng bảo vệ trong trường, tạo tâm lý yên tâm, thoải mái cho sinh viên học tập [H8.08.05.09].

Mỗi lớp học có một CVHT. Các CVHT gặp gỡ SV theo định kỳ hàng tháng để nắm bắt tình hình, động viên tâm lý cho SV. Nếu các SV gặp khó khăn về tâm lý thì CVHT sẽ chia sẻ và động viên, giúp đỡ.

Hiện nay về cơ bản khuôn viên của Trường ĐHLN được tách làm hai phần rõ rệt. Một khu vực dành cho đào tạo, thực hành, thí nghiệm, một khu vực dành cho các phòng làm việc của khối hành chính [H8.08.05.10], [H8.08.05.11], [H8.08.05.12], [H8.08.05.13], [H8.08.05.14]. Nhà trường có môi trường cảnh quan đẹp, không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi, với nhiều cây xanh, có khu vui chơi giải trí đầy đủ như vườn hoa, tượng đài, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm: sân bóng đá, bể bơi, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn... giúp cho SV có thể thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí ngoài giờ học và các hoạt động ngoại khóa. Sân bóng đá được phủ cỏ nhân tạo, nhà thể chất trang bị sân cầu lông; bể bơi được chia làm 2 khu vực dành cho trẻ em và người lớn. Trong khuôn viên trường được trồng các loại hoa, cây cảnh, bên cạnh đó một khu rừng sinh thái nằm ngay trong khuôn viên của trường là nơi thích hợp để SV có thể tổ chức các hoạt động dã ngoại, thực hành, thực tập, thực hiện các hoạt động thể dục thể thao, hay đơn giản là thư giãn sau những giờ học căng thẳng [H8.08.05.11].

Các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho học tập của SV: bàn ghế, bảng, máy chiếu, điều hòa nhiệt độ... Hiện tại trường có 4 tòa nhà (G1, G2, G3, G4) với trên 30 phòng học công suất từ nhỏ đến lớn được sử dụng làm giảng đường. Hai hội trường có sức chứa hơn 1000 người. Trường có khu ký túc xá 11 tầng,

dành cho các SV ở ngoại tỉnh khang trang, sạch sẽ nằm ngay trong khuôn viên của trường với trang thiết bị đầy đủ có thể cung cấp chỗ ở cho SV [H8.08.05.11], [H8.08.05.12]. Với cảnh quan như vậy đã tạo ra được một môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu đối với toàn thể CBVC và SV trong trường.

Để tạo môi trường học tập tốt cho người học tại giảng đường, Nhà trường đã từng bước hiện đại hóa thiết bị phục vụ giảng đường, nâng cấp phòng học, hệ thống máy chiếu, đèn chiếu sáng, bàn ghế, bảng viết thuận tiện cho việc học tập của người học. [H8.08.05.12]. Viện CNSH LN có hệ thống phòng làm việc cho các thầy, cô làm việc và nghiên cứu rất rộng rãi và thoáng mát, cộng thêm vào đó là khu thí nghiệm, thực hành, khu thực nghiệm dành cho sinh viên rộng rãi, sạch sẽ [H8.08.05.14], [H8.08.05.15].

Khảo sát phản hồi của người học thuộc ngành CNSH về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thu được kết quả tốt, cụ thể như sau: Khảo sát được thực hiện đối với SV năm cuối vào thời điểm nhận bằng tốt nghiệp, đánh giá mức độ hài lòng của SV với cảnh quan học đường, điều kiện CSVC của nhà trường. Ý kiến của SV đánh giá ở mức tốt và khá tốt đạt tỷ lệ trên 80% [H8.08.05.16].

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường giáo dục tốt, đảm bảo về an ninh, an toàn, xanh tươi, sạch đẹp.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa được trang bị đầy đủ cho tất cả các phòng học, phòng làm việc trong Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trường ĐHLN cần trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong toàn trường, phổ biến hướng dẫn đầy đủ các quy định, quy chế an toàn lao động, sử dụng thiết bị PCCC trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8:

Chất lượng người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành CNSH. Ngay từ khâu tuyển chọn người học thì các tiêu chí, phương pháp, chính sách

tuyển chọn người học đã được xác định rõ ràng, được công bố công khai, được đánh giá và được cập nhật hằng năm. Để giúp người học trong quá trình học tập tại ngành CNSH, ngoài cơ sở vật chất tốt, cảnh quan đẹp, môi trường an ninh, an toàn thì trường Đại học Lâm nghiệp và Viện CNSH LN đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, tư vấn, giúp đỡ người học trong học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học, tư vấn việc làm, tuyển dụng. Nhờ đó mà SV ngành CNSH LN sau khi tốt nghiệp đã có việc làm đạt tỷ lệ cao. Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT CNSH tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH đánh giá tiêu chuẩn 8: cả 5 tiêu chí đều đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHLN là một trường đại học kỹ thuật đầu ngành về lĩnh vực Lâm nghiệp. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, đã được Nhà trường đầu tư từng bước, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

Bên cạnh công tác đầu tư và cải tạo nâng cấp, Nhà trường đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn hóa trong Nhà trường.

Nhà trường luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung và hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành của Trường đã từng bước đi vào nề nếp. Thư viện của Nhà trường được đầu tư hiện đại đáp ứng được nhu cầu của SV. Việc khai thác cơ sở vật chất của Nhà trường đã có hiệu quả, tuy nhiên vẫn còn một số trang thiết bị thí nghiệm, thực hành chưa được khai thác hết tiềm năng trong việc phục vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

Với sự quan tâm của Nhà trường, Viện CNSH LN cũng đang từng bước được trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

Các nội dung của tiêu chuẩn 9 được đánh giá qua các tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Một trong những thành công về xây dựng và phát triển CSVC của Trường DHLN là đảm bảo đủ số phòng và phương tiện làm việc cho cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu. Nhà trường đã xây dựng một hệ thống phòng học, giảng đường đáp ứng đủ cho nhu cầu học tập của SV ở quy mô hiện nay. Tại Trụ sở chính, có 07 toà nhà (G1 đến G6 và T4) dành cho giảng đường xây dựng kiên cố với 70 phòng học lớn nhỏ khác nhau có tổng diện tích là 11.797m². Hệ thống lớp học được thiết kế và xây dựng nhiều phòng học với các diện tích phòng học khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của các ngành học. Cụ thể, tại Trụ sở chính có tới 60 phòng học nhỏ có quy mô từ 40 - 70 chỗ ngồi; 10 phòng học trung bình, có quy mô từ 80 - 150 chỗ ngồi, 02 phòng học lớn (G5, G6) thiết kế theo kiểu giảng đường dốc và hội trường có quy mô hơn 500 chỗ ngồi mỗi phòng. ...**[H9.09.01.01]**. Phân hiệu của Trường đã có 34 phòng học gồm: Giảng đường G1 là toà nhà 07 tầng gồm 27 phòng học với tổng diện tích sàn là 3.939 m² và 01 hội trường kiêm phòng học lớn 750 m², ngoài ra còn có 02 dãy nhà G2 và G5 có 06 phòng học (1.127 m²) **[H9.09.01.02]**. Khu giảng đường G2 có 12 phòng học được trang bị đồng bộ, hiện đại bao gồm cả thiết bị âm thanh, máy chiếu lắp đặt cố định và máy điều hòa nhiệt độ tới hầu hết các phòng học. SV ngành CNSH sử dụng chung các phòng học với các ngành khác trong trường. Thêm vào đó, nhà trường đã bố trí 05 phòng họp chung cho toàn trường gồm phòng họp A, B, C, D, E được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết như máy chiếu, internet, điều hòa **[H9.09.01.03]**.

Hiện tại, Viện CNSH LN được giao tầng 2 nhà làm việc A3 gồm 11 phòng làm việc, 01 phòng dành cho Viện trưởng, 02 phòng dành cho 02 Phó Viện trưởng, 08 phòng dành cho các bộ phận chức năng và các bộ môn. Các phòng này có diện tích khoảng 24m² (bình quân 7m²/1 cán bộ GV), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, có kết nối mạng internet, điều hòa, máy in dùng chung,... Các trang thiết bị và phòng làm việc đáp ứng CSVC tốt cho GV. Bên cạnh đó, khu A3 còn bao gồm các phòng thực hành và phòng thí nghiệm dành riêng cho ngành CNSH với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho việc giảng dạy và nghiên cứu của GV và SV **[H9.09.01.04]**, **[H9.09.01.05]**.

Toàn bộ hệ thống phòng học của Nhà trường đã được đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc bố trí kế hoạch đào tạo để sử dụng hợp lý và hiệu quả nhất nguồn cơ sở vật chất. Kế hoạch sử dụng quỹ phòng này được cung cấp đến từng cá nhân (cán bộ, giáo viên), đơn vị phụ trách (tổ giảng đường, trung tâm thực hành - thí nghiệm). Theo kết quả khảo sát đánh giá, lấy ý kiến của và SV chính quy (trước khi ra trường) tại trụ sở chính về điều kiện phòng học giảng đường thì ý kiến đánh giá từ SV khá tốt. Cụ thể là: có 21,25% ý kiến được hỏi là tốt; 52,3% là khá; 23,4% chấp nhận được về sự đáp ứng nhu cầu phòng học cho dạy học và chỉ có 2,8% số lượng SV có ý kiến không hài lòng về tình trạng hiện tại của giảng đường, phòng học.

Hàng năm, có lấy ý kiến phản hồi của người học tới phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.01.06].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường đa dạng về không gian diện tích, có trang thiết bị đảm bảo hiện đại, đáp ứng được nhu cầu đào tạo hiện nay của Nhà trường nói chung và Viện CNSH LN nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Công tác duy tu, cải tạo sửa chữa còn chưa có kế hoạch kịp thời, một số phòng chuyên dùng còn thiếu, hạn chế, đặc biệt với các ngành học mới.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác duy tu, cải tạo sửa chữa, nâng cấp các công trình xây dựng phòng học và phòng thí nghiệm các trung tâm THPT để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo.	Phòng Quản trị thiết bị, Phòng TCKT, Phòng Quản lý đầu tư	Năm 2021-2025
2	Xây mới, bổ sung, thay thế các phòng học, phòng THPT đã cũ; ưu tiên đầu tư CSVC cho những ngành học mở mới theo kế hoạch được duyệt của cơ quan quản lý.	Phòng Quản lý đầu tư, Phòng TCKT	Từ 2021 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trước năm 2018, Thư viện tại Trụ sở chính Trường ĐHLN được bố trí tại toà nhà T10 gồm 2 tầng xây dựng kiên cố. Từ năm 2018 đến nay, Thư viện được bố trí chuyển sang tòa nhà T2 với diện tích 1.050 m², có hệ thống phòng đọc khá rộng rãi, trang bị đầy đủ tiện nghi cho người đọc; trong đó tầng 1 là khu vực đọc và phòng mượn, trả giáo trình, luận án, luận văn và khóa luận, tầng 2 là các tổ chuyên môn: tổ xử lý tài liệu, tổ bổ sung trao đổi và hành chính tổng hợp, tổ tạp chí khoa học. **[H9.09.02.01].**

Thư viện đã có quy chế hoạt động, có văn bản quy định về chế độ làm việc và các quy định nội bộ khác như: Giờ mở cửa, giờ đóng cửa, quy định về photo tài liệu, sao lưu dữ liệu, mượn tài liệu tại thư viện và về nhà... Thư viện làm việc từ 7giờ đến 21 giờ, 06 ngày trong tuần - trừ ngày lễ và chủ nhật; vào thời điểm đầu hoặc cuối kỳ học Thư viện áp dụng chế độ phục vụ tăng cường: phục vụ tất cả các ngày trong tuần - trừ ngày lễ. Thư viện của cả 2 cơ sở đã có quy chế hoạt động, có văn bản quy định về chế độ làm việc, Thư Viện làm việc từ 7h sáng đến 21h tối **[H9.09.02.02]**. Công tác số hóa tài liệu được triển khai thường xuyên nhằm quản lý một cách hiệu quả hơn hiện trạng mượn trả tài liệu, theo dõi nguồn học liệu và việc tra cứu tài liệu dễ dàng hơn. Thư Viện sử dụng phần mềm Libol 6.0 để quản lý sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tại Thư viện, có kết nối khai thác cơ sở dữ liệu điện tử DSPACE **[H9.09.02.03]**, cơ sở dữ liệu trực tuyến Proquest, kết nối với thư viện của các Trường đại học khác **[H9.09.02.04]**. Cụ thể Thư viện có quyền tiếp cận và sử dụng các cơ sở dữ liệu trực tuyến của các cơ sở giáo dục khác là CSDL ProQuest (giá trị sử dụng trên 150.000 USD) với hơn 25 cơ sở dữ liệu đa ngành, trên 19.000 tạp chí trong đó có hơn 13.000 tạp chí toàn văn; Dữ liệu của Proquest Central bao quát trên 160 lĩnh vực chủ đề khác nhau. Ngoài ra, Proquest Central còn cung cấp toàn văn của 56.000 luận văn trong nhiều lĩnh vực... Địa chỉ truy cập: <http://search.proquest.com>. **[H9.09.02.05]**, hay CSDL KQNC là các cơ sở dữ liệu thư mục lớn nhất Việt Nam về các báo cáo kết quả của các đề tài nghiên cứu KH&CN các cấp đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia CSDL, bao gồm 11.000 mô tả thư mục và tóm tắt, được cập nhật khoảng 600 báo cáo/năm. Và đặc biệt

cơ sở điện tử chuyên ngành lâm nghiệp “Forestry Compendium” với trên 13.800 bài viết khoa học lâm nghiệp toàn văn, trên 2.000 loài cây được mô tả đầy đủ và thông tin cơ bản cho trên 19.000 loài... **[H9.09.02.06]**.

Tính đến thời điểm 31/12/2018, Thư viện đã có 8.626 đầu sách xuất bản trong nước bằng tiếng Việt và 17.146 đầu luận án, luận văn, đề tài NCKH phục vụ cho các ngành đào tạo khác nhau. Ngành Công nghệ sinh học nói riêng có 800 đầu sách, 334 luận án và luận văn **[H9.09.02.07]**. Công tác bổ sung sách, báo tạp chí, tài liệu tham khảo ở Thư viện được cập nhật hằng năm theo nhu cầu của đào tạo từ các khoa/viện chuyên môn thông qua sự điều tiết (của Phòng Đào tạo) về phát triển chương trình/ngành nghề đào tạo. Kinh phí tư mua sắm được kiểm soát chặt chẽ cả số lượng, chất lượng và vấn đề khác liên quan như bản quyền tác giả **[H9.09.02.08]**. Cụ thể: Kinh phí chi cho mua, in sách báo, giáo trình bài giảng, tài liệu tham khảo trong 5 năm gần đây lên tới 8,053 tỷ đồng (các năm từ 2012 đến 2016 lần lượt là: 1,104; 2,184; 1,722; 1,443 và 1,600 tỷ đồng) chủ yếu dùng để bổ sung tài liệu bằng tiếng Việt - 369 đầu. Sách và giáo trình thông dụng được mua từ các đơn vị được phép phát hành sách có uy tín, giáo trình chuyên ngành được in tại Nhà xuất bản Nông nghiệp. Sách ngoại văn chủ yếu được cấp từ Quỹ Châu Á. Đối với sách là giáo trình và bài giảng, Nhà trường áp dụng hình thức cho người học được mượn không thu phí nhằm khuyến khích người đọc sử dụng nguồn tài liệu chính thống, đảm bảo tính pháp lý trong sử dụng nguồn học liệu và cũng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo **[H9.09.02.09]**.

Công tác hướng dẫn đọc giả sử dụng nguồn học liệu của Thư viện được quy định cụ thể như sau: Đối với CBVC thường xuyên trao đổi và thông báo những nguồn tin mới, hữu ích và phù hợp với năng lực, trình độ của người dùng tin. Đối với SV, vào các kỳ/tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa, Nhà trường đã bố trí một thời lượng nhất định để cho cán bộ giới thiệu về Thư viện và hướng dẫn chi tiết cho SV khóa mới cách sử dụng nguồn tin và khai thác dữ liệu tại Thư viện **[H9.09.02.10]**. Thêm vào đó, bạn đọc có thể tìm hiểu trực tiếp thông qua quầy hỏi đáp tại các khu vực phục vụ của Thư viện hoặc mục hỏi đáp trên Cổng thông tin Thư viện; đồng thời trên giao diện màn hình (Desktop) của tất cả các máy tính công cộng ở Thư viện đều thường trực tin mục Hướng dẫn sử dụng và khai thác nguồn học liệu **[H9.09.02.011]**.

Hoạt động thông kê sự tham gia các hoạt động và trưng cầu ý kiến bạn đọc tại thư viện trụ sở chính đã được nhiều đơn vị tổ chức định kỳ và theo chuyên đề như:

Thư viện tổ chức thống kê và trưng cầu ý kiến và một số hoạt động dịch vụ chất lượng phục vụ; Phòng KT&ĐBCL của Trường tổ chức phát phiếu nhận xét cho đối tượng là giáo viên và SV, học sinh để đánh giá chất lượng phục vụ và sự đáp ứng nhu cầu của người đọc [H9.09.02.12]. Trong đợt khảo sát chuyên đề về nhu cầu bạn đọc tại thư viện (tổ chức vào tháng 06/2018) đã có 60% ý kiến được hỏi hài lòng với chất lượng dịch vụ đồng thời bạn đọc có những ý kiến góp ý hữu ích để đa dạng hoá và nâng cao chất lượng phục vụ; có tới trên 80% ý kiến được hỏi đánh giá mức độ khá tốt và 20% đánh giá thiếu về mức độ đáp ứng về tài liệu giáo trình. Như vậy, có thể thấy rằng: Nhà trường đã tạo điều kiện tốt về cơ sở vật chất và đội ngũ nhân viên phục vụ của thư viện đã cố gắng đáp ứng, phục vụ cho cán bộ, giáo viên và SV, học sinh học tập và NCKH.

Đối với GV việc khảo sát về thư viện được thực hiện bằng hình thức khảo sát phiếu giấy được phát ngẫu nhiên tới các GV với các nội dung như: mức độ đáp ứng về giáo trình, bài giảng của thư viện; mức độ đáp ứng về tài liệu tham khảo và chất lượng phục vụ của thư viện. Sử dụng 4 mức độ để đánh giá: (1) Rất hài lòng; (2) Hài lòng; (3) Chấp nhận được; (4) Không hài lòng. Số liệu được mã hóa, xử lý, sử dụng phần mềm Excel và lưu trữ tại Phòng KT&ĐBCL. Kết quả khảo sát hằng năm ý kiến của GV về thư viện và tài liệu được thể hiện trong bảng thống kê sau:

Bảng 9.1. Tổng hợp kết quả khảo sát bạn đọc về giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo tại thư viện

Năm	Quy mô mẫu	Kết quả khảo sát ý kiến của GV về thư viện và tài liệu (%)											
		Mức độ đáp ứng về giáo trình, bài giảng				Mức độ đáp ứng về tài liệu tham khảo				Chất lượng phục vụ của thư viện			
		Rất hài lòng	Hài lòng	Chấp nhận được	Không hài lòng	Rất hài lòng	Hài lòng	Chấp nhận được	Không hài lòng	Rất hài lòng	Hài lòng	Chấp nhận được	Không hài lòng
2017	255	8.2	49,8	36.5	5.5	4.8	39.0	46.2	10.0	8.4	52.4	34.8	4.4
2018	43	10.1	55.6	32.6	1.7	4.2	44.9	48.4	2,4	18.5	53.3	25.4	2.8
2019	56	3.85	57.69	19.23	19.23	11.54	42.31	34.62	11.54	3.85	53.85	38.46	3.85

Kết quả khảo sát GV từ năm 2017 đến 2019, cho thấy các GV đều đánh giá cao về mức độ đáp ứng giáo trình, bài giảng cho học tập và giảng dạy của thư viện với mức độ hài lòng là 54% trong khi đó tỷ lệ không hài lòng chiếm 8%. Tương tự đối với mức độ đáp ứng về tài liệu tham khảo cho giảng dạy và học tập cũng được đánh giá hài lòng chiếm 45% và không hài lòng là 7%. Đối với tiêu chí chất lượng phục vụ bạn

đọc của thư viện cũng có tỷ lệ hài lòng chiếm cao đạt 53% và không hài lòng chỉ đạt 4% điều này cho thấy thư viện đã cố gắng rất nhiều trong việc bổ sung, hoàn thiện tài liệu tham khảo cũng như chất lượng phục vụ ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và giảng dạy cho cán bộ, GV trong trường **[H9.09.02.12]**.

Như vậy, có thể đánh giá rằng: Nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất về CSVCS và đội ngũ nhân viên phục vụ của Thư viện đã cố gắng đáp ứng, phục vụ cho cán bộ, GV và HSSV học tập và NCKH tại Thư viện.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tập trung đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống Thư Viện để đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH nhằm phù hợp với xu thế phát triển chung về thư viện của các nước trong khu vực và quốc tế. Thư viện có đủ diện tích và được đầu tư khá đầy đủ trang thiết bị phục vụ tạo không gian cho phòng đọc mở, điều kiện môi trường thuận lợi cho khai thác tối ưu nguồn tài nguyên thư viện. Nguồn tài nguyên thư viện phong phú cả về loại hình và cơ sở dữ liệu chuyên ngành góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu. Thư viện ĐHLN đã liên kết được với một số thư viện của cơ sở đào tạo và tham gia liên hợp với các thư viện Việt Nam và Liên chi Hội các thư viện đại học khu vực phía Bắc. Người đọc, học sinh SV được khai thác mọi nguồn thông tin và sử dụng miễn phí học liệu.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí cấp cho việc cập nhật, bổ sung cho học liệu còn hạn chế. Cơ sở dữ liệu điện tử cần phải bổ sung và cập nhật công nghệ thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử thông qua việc số hóa giáo trình, bài giảng; Từng bước hình thành và phát triển thư viện điện tử để chuyển dần sang hình thức phục vụ bạn đọc online, giảm áp lực về nhu cầu diện tích mặt bằng ngồi đọc cho người học tại Thư viện.	Thư viện Phòng QLĐT	Từ 2021
2	Đầu tư cho bổ sung giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, cơ sở dữ liệu điện tử phục	Phòng QTTB	Từ 2021

	vụ đào tạo tín chỉ; tăng cường trang thiết bị cho hoạt động Thư viện, nhất là Thư viện của Phân hiệu để có thể sớm đồng bộ cơ sở dữ liệu dùng chung cho bạn đọc ở cả 2 cơ sở.		
--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện tại, Viện CNSH LN có 13 phòng THPTN bao gồm 01 phòng thực hành Vi sinh-hóa sinh, 01 phòng thực hành Công nghệ gen, 01 phòng thực hành Chọn tạo giống, 01 phòng thực hành Thực vật học, 01 phòng thực hành Sinh học, 01 phòng thực hành Công nghệ tế bào, 01 phòng thực hành thú y, 01 thực hành Sinh lý thực vật, Phòng thực hành thí nghiệm nuôi trồng nấm, Phòng Bảo tồn nguồn gen thực vật và hệ thống các phòng chức năng khác phục vụ cho việc chuẩn bị thực hành thí nghiệm được đặt tại tầng 02 nhà A3 với tổng diện tích là 387 m² và khu vườn ươm nhà thực nghiệm đặt tại Núi Luốt với tổng diện tích 1046 m² **[H9.09.03.01]**.

Thiết bị THPTN và NCKH của Viện CNSH LN đã được đầu tư tương đối đầy đủ cho các lĩnh vực nghiên cứu và ngành nghề đào tạo. Các phòng thực hành về cơ bản được trang bị đủ về chủng loại cũng như số lượng thiết bị theo yêu cầu của ngành đào tạo và cho các nghiên cứu của GV phục vụ các đề tài NCKH. Tính đến thời điểm 31/12/2017 tổng giá trị thiết bị đã đầu tư cho các phòng THPTN của Viện CNSH LN đạt 10.697.216.828 đồng **[H9.09.03.02]**. Viện CNSH LN đang được đầu tư dự án CNSH với tổng số vốn đầu tư 25 tỷ đồng. Trong đó giai đoạn 1 thực hiện trong năm 2020 với số vốn đầu tư 6 tỷ đồng. Trong dự án này ba phòng THPTN được sửa chữa và bổ sung hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho các nghiên cứu cơ bản và chuyên sâu thuộc lĩnh vực CNSH **[H9.09.03.02]**.

Để đảm bảo cho hệ thống trang thiết bị phục vụ tốt nhất cho quá trình dạy học và NCKH, hằng năm Nhà trường thường xuyên tổ chức mua sắm bổ sung tài sản cố định cho Viện nhằm nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phát triển ngành nghề đào tạo. Trong 5 năm gần đây, tổng kinh phí cho mua sắm tài sản cố định cho Viện CNSH LN phục vụ công tác chuyên môn là hơn 1 tỷ đồng **[H9.09.03.03]**. Song song với việc mua

sắm mới tài sản, công tác sửa chữa và bảo dưỡng trang thiết bị cũng được Nhà trường quan tâm, làm tốt công tác này sẽ góp phần cho quá trình vận hành thiết bị được an toàn, ổn định và tính đồng bộ của hệ thống đồng thời cũng nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị [H9.09.03.04].

Các phòng THPTN đều có các cán bộ phụ trách quản lý và nội quy hoạt động riêng cho từng phòng thí nghiệm nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ GV và HSSV làm việc an toàn và hiệu quả [H9.09.03.05]. Tất cả các máy móc trong các phòng thí nghiệm đều có ghi hướng dẫn sử dụng và nhật ký sử dụng [H9.09.03.06]. Toàn bộ trang thiết bị máy móc thí nghiệm đã được sử dụng có hiệu quả thông qua các kết quả của các hoạt động NCKH của cán bộ và SV trong Viện; Ngoài ra, còn được thể hiện ở số lượt người tham gia các hoạt động thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp tại các phòng THPTN, kết quả NCKH của thầy và trò qua các đề tài NCKH SV, cấp Cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước. Thông qua sổ theo dõi sử dụng thiết bị tại các phòng THPTN của Viện CNSH LN cũng như kế hoạch giảng dạy của GV tại các phòng thí nghiệm cho thấy tần suất sử dụng trang thiết bị khá cao, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập được sử dụng đều đặn [H9.09.03.06] [H9.09.03.07].

Tại trụ sở chính, khi khảo sát sự đánh giá của SV chính quy trước khi tốt nghiệp năm học 2014 - 2015 có tới 22% ý kiến về phòng THPTN, trang thiết bị tốt, 52,8% ý kiến được hỏi đánh giá là đáp ứng đạt và khá, 23,8% đánh giá trung bình, chỉ có 1,4% là không đạt yêu cầu [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch và dự án đầu tư dài hạn cho hệ thống CSVC, các phương tiện, thiết bị hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và công tác quản lý. Công tác tổ chức quản lý trang thiết bị tương đối rõ ràng, hợp lý để khai thác hiệu quả nhất các nguồn lực nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo. Cán bộ, GV và SV có khả năng vận hành, sử dụng, khai thác tốt các trang thiết bị được cung cấp.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị thí nghiệm chưa được khai thác sử dụng đầy đủ hợp lý, hiệu quả do đặc thù ngành nghề.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị, người	Thời gian
-----	--------------------	---------------	-----------

		thực hiện	thực hiện
1	Lập kế hoạch và thực hiện thường xuyên công tác bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các phòng học nhằm sử dụng hiệu quả thiết bị và phục vụ tốt công tác đào tạo	Phòng Quản trị thiết bị	Từ năm 2021 và thực hiện hằng năm
2	Trao đổi thông tin và lập kế hoạch phối hợp sử dụng chung thiết bị THPTN nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và thiết bị của Nhà trường	Phòng Quản trị thiết bị, các khoa/viện	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Đầu tư trang bị các thiết bị tin học phục vụ đào tạo và NCKH là một trong những ưu tiên của Nhà trường trong những năm gần đây. Nhà trường đã đầu tư dự án Hoàn thiện hệ thống thông tin với tổng mức kinh phí 3,999 tỷ đồng, trong đó có đến 70/90 bộ máy vi tính được đưa đến Trung tâm thực hành Tin học Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh để sử dụng chung phục vụ đào tạo cho đối tượng là SV bao gồm cả SV ngành công nghệ sinh học; cùng với hệ thống máy chủ hoạt động hữu hiệu và hệ thống wifi không thu phí phủ rộng tương đối đều khắp toàn trường tại các nơi công cộng như giảng đường, thư viện...**[H9.09.04.01]**.

Số lượng máy vi tính trực tiếp phục vụ đào tạo chung cho SV của Trụ sở chính là 343 bộ, được lắp đặt tập trung với số lượng lớn: tại Trung tâm thực hành Tin học Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Nhà T₂), phòng thực hành đồ họa Viện Kiến trúc cảnh quan và Nội thất (P205 Nhà T₃), phòng Công nghệ không gian địa lý (P203 Nhà T₇). Trung tâm thực hành Khoa Cơ điện và Công trình, Thư viện (Nhà T₂) và số lượng máy vi tính cho công tác quản lý và hoạt động khác của Nhà trường gần 200 bộ. Phòng học trực tuyến được bố trí đầy đủ trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng. Sinh viên ngành CNSH khi học các môn có liên quan đến hệ thống thông tin được sử dụng chung trang thiết bị CNTT của nhà trường. Hệ thống máy tính hoạt động được theo dõi thường xuyên thông qua sổ nhật ký theo dõi hệ thống CNTT của nhà trường

[H9.09.04.02].

Phần mềm máy tính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần sử dụng hiệu quả thiết bị máy tính (phần cứng) đã được mua sắm. Trong toàn bộ hệ thống máy tính để bàn phục vụ quản lý và đào tạo tại trụ sở chính của Trường đã sử dụng hơn 40 loại sản phẩm phần mềm có bản quyền khác nhau được cung cấp từ các dự án đầu tư và các nguồn kinh phí khác, đó là các phần mềm thuộc các lĩnh vực: Văn phòng; kế toán; phần mềm quản lý thư Viện Libol; quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ của CMC; phần mềm từ dự án GIS – Viễn thám; phần mềm từ dự án công nghệ thông tin; diệt vi rút Kaspersky; công thông tin điện tử của Viettel...**[H9.09.04.02] [H9.09.04.03].**

Để đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng khi trao đổi thông tin nội bộ cũng như giao dịch với các tổ chức cá nhân ngoài trường của cán bộ, giáo viên trong trường thông qua môi trường mạng internet, Nhà trường đã triển khai xây dựng dữ liệu người dùng và tài khoản email nội bộ theo dạng tên_người_dùng@vnuf.edu.vn và quy định truy cập bằng ID chính thống ngay sau khi dự án công nghệ thông tin được triển khai (năm 2012). Điều đó đã thể hiện tính chuyên nghiệp trong quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả công tác **[H9.09.04.04].**

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức mua sắm mới thiết bị máy vi tính với cấu hình kỹ thuật cao để thay thế dần những máy tính cấu hình thấp, sửa chữa nâng cấp nhưng kém hiệu quả. Song song với việc mua sắm mới là công tác sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp và hoàn thiện thiết bị tin học; mức độ nâng cấp thiết bị này là: Đảm bảo cho hệ thống thiết bị tin học hoạt động được đồng bộ, an toàn và có hiệu quả trong công tác giảng dạy và quản lý **[H9.09.04.05] [H9.09.04.06].**

Trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ GV tại trụ sở chính của Trường về mức độ hài lòng đối với thiết bị tin học cho thấy: có 8,3% đánh giá rất hài lòng, 34,4% đánh giá là hài lòng và chấp nhận được ở mức 47,7%, nhưng có đến 9,6% đánh giá là không hài lòng. Trong đó, mức được đánh giá hài lòng cao nhất là 40,4% cho tiêu chí mức độ trang bị thiết bị tin học cho giảng dạy và học tập; mức bị đánh giá kém nhất là mức độ trang bị kết nối mạng (LAN,Wifi) với 15,7% không hài lòng **[H9.09.04.07].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chú ý đúng mức đến việc đầu tư trang bị các thiết bị tin học cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý. Hiện nay, Hệ thống mạng nội bộ của Nhà

trường về cơ bản đã phủ khắp các bộ phận trong toàn trường, phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo, nghiên cứu và quản lý.

3. Điểm tồn tại

Tốc độ đường truyền và tính ổn định wifi internet đôi khi chưa được ổn định.

Các thiết bị tin học trang bị cho phòng làm việc của các bộ môn chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thiết bị kết nối internet để người dùng sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng thông tin của Viện và của Nhà trường	Viện CNSH LN và Trung tâm CNTT	Hằng năm
2	Lập kế hoạch, tìm kiếm giải pháp thực hiện việc nâng cấp đường truyền và dần hỗ trợ cho SV được sử dụng miễn phí các tài nguyên và cơ sở dữ liệu chung trong toàn Viện và trường	Viện CNSH LN và Trung tâm CNTT, Phòng Quản lý đầu tư	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Nhà Trường luôn quan tâm xây dựng chính sách vệ sinh môi trường, sức khỏe và bảo vệ an toàn tại khu làm việc cũng như tại KTX SV. Các phòng, ban như Phòng Bảo vệ, Phòng quản trị thiết bị, Trạm y tế, Ban Quản lý KTX, Ban Quản lý giảng đường có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ. Về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Nhà trường thành lập các Ban chỉ đạo thực hiện công tác: lập kế hoạch, báo cáo định kỳ về hoạt động tuyên truyền và thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội **[H9.09.05.01]**. Khi các vụ việc vi phạm quy chế an ninh trật tự xảy ra trong Nhà trường đều được xử lý theo đúng quy chế, có sự phối hợp với chính quyền địa phương và công an khu vực, được ghi chép theo dõi một cách có hệ thống và báo cáo đầy đủ. Nhà trường thường xuyên phối

hợp chặt chẽ với cơ quan công an khu vực và địa phương để giải quyết nhanh và đúng người đúng tội khi có các vụ việc gây mất trật tự trị an xảy ra trong địa bàn khuôn viên của Trường để đảm bảo an toàn cho HSSV **[H9.09.05.01]**.

Đối với công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, an toàn cho cán bộ và HSSV, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe và Vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống dịch bệnh **[H9.09.05.02]**. Trạm Y tế gồm 08 cán bộ, trong đó có 02 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 y tá, 01 kỹ thuật viên. Trạm Y tế có phòng cấp cứu, phòng lưu bệnh nhân, phòng khám, phòng cấp phát thuốc, phòng tiêm và phòng tiểu phẫu đáp ứng yêu cầu khám và sơ cứu ban đầu. Hằng năm, Ban chỉ đạo này cùng với Trạm y tế thực hiện các công tác: lập kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, HSSV mới nhập học; động viên, khuyến khích các cá nhân tham gia bảo hiểm y tế; phối hợp với cơ quan y tế khám sức khỏe cho cán bộ viên chức và HSSV; phối hợp với cơ quan chuyên môn giám sát công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh đặc biệt trong đợt chống dịch Corona của đầu năm 2020 **[H9.09.05.02]** **[H9.09.05.03]**. Để công tác đảm bảo vệ sinh thực phẩm tại nhà ăn và vệ sinh môi trường trong ký túc xá thực hiện tốt và đúng quy định, Nhà trường thực hiện thường xuyên các hoạt động: Ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở dịch vụ ăn uống; Hợp đồng cung cấp lương thực, thực phẩm đảm bảo chất lượng, có chứng nhận và rõ nguồn gốc cho nhà ăn của học sinh phổ thông dân tộc nội trú, khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên và lao động hợp đồng làm công tác nấu ăn tại nhà ăn; Thuê đơn vị có chuyên môn thực hiện công tác thu dọn vệ sinh định kỳ, ổn định trong toàn cơ quan; Nhà trường phối hợp cơ quan chuyên ngành thực hiện công tác kiểm tra và được cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nước sinh hoạt trong dịp có các hoạt động lớn như kỷ niệm 50 năm thành lập Trường, trước các kỳ thi tuyển sinh đại học **[H9.09.05.04]**.

Về công tác bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo mảng hoạt động phòng chống cháy nổ. Hằng năm, Ban bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ thực hiện các công tác: xây dựng phương án chữa cháy; lập kế hoạch mở lớp tập huấn về chữa cháy (có sự tham gia của cơ quan chức năng về đào tạo, huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy); phối hợp với Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy thực hiện công tác kiểm tra định kỳ, lập hồ sơ quản lý

công tác phòng cháy chữa cháy; lập báo cáo về hoạt động phòng cháy chữa cháy; lập báo cáo công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng [H9.09.05.05].

Về các biện pháp an toàn trong phòng THPT: Nhà trường luôn chấn chỉnh đội ngũ GV hướng dẫn THPT thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị và phòng chống cháy nổ; Công bố quy trình vận hành thiết bị ngay tại khu vực đặt máy; Lồng ghép nội dung đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị trong các lớp Tập huấn phương pháp luận và kỹ năng giảng dạy thực hành ở các khoa/Viện chuyên môn trong Nhà trường. Trong 5 năm trở lại đây, trong Trường không xảy ra vụ việc đáng tiếc nào về mất an toàn trong phòng thí nghiệm [H9.09.05.05].

Trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến tại trụ sở chính của Trường về mức độ hài lòng đối với an ninh trật tự cho thấy: có 30,8% đánh giá tốt, 43% đánh giá khá và chấp nhận được ở mức 22,7%, chỉ có 4,2% đánh giá là không đạt. Về vệ sinh - y tế có 18,2% đánh giá tốt, 47,2% đánh giá là khá, 29,9% đánh giá trung bình và chỉ có 4,7% đánh giá không đạt [H9.09.05.06].

2. Điểm mạnh

Công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội đã được Nhà trường quan tâm đúng mức cả về mặt đầu tư cơ sở vật chất và tổ chức quản lý.

Đội ngũ nhân viên bảo vệ được tổ chức tốt, có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, làm việc có quy chế cụ thể.

Công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ đều được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, trong nhiều năm không có vụ tai nạn lao động hoặc cháy nổ nào xảy ra trong phạm vi Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Sự tham gia của học sinh, SV vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự chưa thực sự hiệu quả. Các khu nhà cao tầng cần chú ý xây dựng cầu thang máy cho người khuyết tật.

Việc kiểm định chất lượng một số thiết bị thí nghiệm có độ nguy hiểm cao như nồi hơi cao áp, lò sấy... chưa được thực hiện đúng theo kỳ hạn.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Đẩy mạnh công tác an ninh, an toàn PCCC, an toàn thí nghiệm đối với SV.	Phòng QTTB; Phòng QLĐT;	Thực hiện hằng năm

STT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Đối với các khu nhà cao tầng bố trí khắc phục thêm thang máy để hỗ trợ những người khuyết tật.	Phòng CT&CTSV	
3	Khảo sát, đánh giá độc lập, khách quan mức độ hài lòng của người học đối với công tác bảo vệ môi trường, sức khỏe, an toàn trong toàn bộ các hoạt động của Nhà trường (đặc biệt với đối tượng khuyết tật)	Phòng KT&ĐBCL; Phòng QTTB; Viện CNSH LN	Thực hiện hằng năm

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 9:

Các quy định tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đã được Nhà trường triển khai thực hiện tốt. Công tác phòng chống cháy nổ, an toàn cho các phòng thí nghiệm, Kí túc xá... được Trường, Viện lưu ý. Hệ thống phòng làm việc của các bộ môn và bộ phận hành chính của Khoa và của các phòng chức năng đáp ứng được yêu cầu cơ bản về diện tích và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn như: bàn ghế, ánh sáng, tủ tài liệu, máy tính... Thư viện được trang bị phần mềm quản lý thư viện LIBBOL 6.0, có kết nối khai thác cơ sở dữ liệu điện tử DSPACE, cơ sở dữ liệu trực tuyến Proquest, kết nối với thư viện của nhiều Trường ĐH và cơ quan nghiên cứu về Lâm nghiệp. Đồng thời, Nhà trường cũng đã thực hiện tốt công tác bảo vệ và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất; có kế hoạch chiến lược phát triển nguồn lực này.

Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo Nhà trường cần phát huy tiềm năng, khai thác các mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tiếp tục đầu tư kinh phí và tranh thủ các dự án để xây dựng cơ sở vật chất và nâng cấp các phòng thí nghiệm, trong đó ưu tiên cho đầu tư cơ sở vật chất cho các bộ môn nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu của đào tạo và NCKH, tạo thêm mặt bằng, sân chơi cho các hoạt động văn thể.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNSH đánh giá tiêu chuẩn 9: cả 5 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng giáo dục đại học là tiêu chí đánh giá quan trọng của mọi CTDH. Chính vì vậy, các cơ sở đào tạo luôn coi việc cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu trong quá trình phát triển của mình và Trường ĐHLN cũng không nằm ngoài xu thế đó. Theo tinh thần chỉ đạo chung của Nhà trường, Viện CNSH LN cùng với các đơn vị đào tạo khác (khoa/viện) trong Nhà trường luôn coi việc nâng cao chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu, là nhiệm vụ trọng tâm trong mọi mục tiêu từ ngắn hạn đến dài hạn.

Ngày nay, trước đòi hỏi ngày càng cao của nhu cầu xã hội về đời sống, văn hóa và kinh tế kéo theo đó là những đòi hỏi về nguồn nhân lực đáp ứng ở mọi mặt của đời sống. Vì vậy, nâng cao chất lượng giáo dục ở các cơ sở đào tạo nhằm hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng mọi yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động ở các vị trí khác nhau cũng phải luôn thay đổi để bắt kịp xu thế.

Về nội dung, các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo ở Viện CNSH LN tập trung chủ yếu ở các khía cạnh về con người (người dạy, người học, người phục vụ), cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Về giải pháp, việc nâng cao chất lượng đào tạo ngành CNSH, Viện CNSH LN được thực hiện thông qua việc xây dựng hệ thống thông tin phản hồi về nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH, xây dựng hệ thống đánh giá CTDH (đánh giá chương trình, đánh giá kết quả và hiệu quả của chương trình), trên cơ sở đó, CTDH thường xuyên được đánh giá, cải tiến cả về mục tiêu, nội dung cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người. Các phương pháp trong giải pháp này được đơn vị thực hiện đồng bộ, có tính hệ thống, có sự đan xen logic và hợp lý nhằm đáp ứng kịp thời những đòi hỏi ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực trong thời đại mới.

Các nội dung, giải pháp, phương pháp và hành động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành CNSH, Viện CNSH LN được thể hiện qua mô tả, phân tích và minh chứng ở 06 tiêu chí dưới đây:

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả

Như đã trình bày trong phần mở đầu, ngay từ những năm 2012 (trước chu kỳ đánh giá) Trường ĐHLN đã xác định và định hướng rõ giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng đào tạo đó là thường xuyên phát triển CTDH. Trong đó, thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (người dạy, người học, người sử dụng lao động, các chuyên gia và nhân viên phục vụ) được coi là cơ sở quan trọng và khách quan để làm căn cứ thiết kế, phát triển CTDH. Chính vì thế, Nhà trường đã thành lập bổ sung một số đơn vị trong trường và giao nhiệm vụ cho các phòng ban chức năng phục vụ cho hoạt động đào tạo của Nhà trường. Cùng với các phòng chức năng, Viện CNSH Lâm nghiệp phụ trách ngành CNSH cùng với nhiệm vụ được giao tạo thành hệ thống thu thập thông tin phản hồi nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin nhanh, nhạy, khoa học, đầy đủ và khách quan phục vụ tốt cho việc phát triển CTDH. Hệ thống này hoạt động vì mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của toàn bộ các ngành học trong Nhà trường bao gồm cả ngành CNSH, Viện CNSH LN và Phân hiệu.

Từ khi thành lập và phát triển, Nhà trường đã có các phòng ban chức năng thực hiện các nhiệm vụ nhằm thực hiện có hiệu quả, khách quan và chất lượng các nhiệm vụ đào tạo. Trong đó có thành lập một số đơn vị cùng với Viện CNSH Lâm nghiệp (là những bộ phận trong hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan) như Phòng KT&ĐBCL, Ban XTTS&TVVL và Phòng Đào tạo **[H10.10.01.01]**. Cụ thể, Phòng KT&ĐBCL của Nhà trường được thành lập từ năm 2012 theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 09/1/2012; Ban XTTS&TVVL được thành lập từ năm 2016 theo Quyết định số 261/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 25/2/2016; Phòng Đào tạo đi kèm với chức năng nhiệm vụ được quy định cụ thể trong Quyết định số 310/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31/3/2014.

Chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được thể hiện trong quyết định thành lập và Quyết định điều chỉnh chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường ĐHLN số 796/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 23/4/2019 **[H10.10.01.01]**. Liên quan đến chức năng nhiệm vụ trong việc thu thập thông tin phản hồi để nâng cao chất lượng đào tạo, từ năm 2012, Nhà trường đã có những văn bản đầu tiên ban hành quy trình (Ở mỗi thời kỳ, đều có những văn bản điều chỉnh sao cho phù hợp với mục tiêu, quy mô và yêu cầu của mỗi thời kỳ - Trường hợp có sự thay đổi cần điều chỉnh nhưng chưa đáng kể trong quy trình, Nhà trường có các thông báo về sự thay đổi nhằm đảm bảo tính linh

hoạt của hệ thống) **[H10.10.10.01.02]**. Trong mỗi quy trình được ban hành, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị liên quan cũng như hình thức, công cụ thực hiện đều được quy định rõ ràng và cụ thể.

TT	Tên quy trình ban hành	Ngày ban hành quy trình	Hình thức/công cụ thu thập thông tin	Đối tượng thu thập	Ghi chú
1	Quy trình đánh giá môn học/giảng viên cuối học kỳ và đánh giá chất lượng toàn khóa học	28/6/2012	Trực tiếp thông qua phiếu	Sinh viên	
2	Quy định về khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	31/8/2016	Trực tiếp thông qua phiếu, sau điều chỉnh thành trực tuyến	Sinh viên	
3	Quy định về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, đơn vị tuyển dụng và sử dụng lao động	27/3/2017		Sinh viên, cựu sinh viên, đơn vị tuyển dụng và sử dụng lao động	

Như vậy có thể thấy, đến nay, Nhà trường đã có hệ thống khá hoàn thiện từ các đơn vị, nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống cũng như các công cụ (các mẫu phiếu, **[H10.10.01.03]**) và phương tiện. cụ thể như sau:

Nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị đối với thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thể hiện rõ trong các tài liệu, văn bản ban hành quy trình và thông báo về kế hoạch lấy ý kiến đánh giá **[H10.10.01.02]**. Theo đó, Ban XTTS&TVVL (đến nay nhiệm vụ này thuộc phòng Đào tạo) lập kế hoạch khảo sát, trình duyệt kế hoạch khảo sát, tổ chức khảo sát và viết báo cáo, trình Ban Giám hiệu phê duyệt báo cáo, công bố báo cáo và lưu trữ thông tin. Các đơn vị khác như Phòng KT&ĐBCL và Viện CNSH LN phối hợp chặt chẽ với đơn vị phụ trách để triển khai thực hiện.

Sau khi có được thông tin đã thu thập, kết quả sẽ được xử lý, tổng hợp và kết luận trong báo cáo tổng hợp đã được Ban Giám hiệu phê duyệt, các thông tin và kết luận này sẽ được sử dụng để phát triển CTDH. Quá trình này được thực hiện thường xuyên, liên tục và có cải tiến nhằm khắc phục những tồn tại (2 năm/lần). Cụ thể, trong

chu kỳ đánh giá, ngành CNSH, Viện CNSH LN đã qua các lần cải tiến CTDH đó là các năm 2018 và 2020 [H10.10.01.06] [H10.10.01.07] [H10.10.01.08]. Những ý kiến phản hồi đã được sử dụng để điều chỉnh CTDH ngành CNSH qua các lần cải tiến được thể hiện trong bảng dưới đây.

STT	Lần cải tiến CTDH	Các ý kiến phản hồi chính	Các thay đổi trong CTDH
1	2015	- Tăng kiến thức chuyên ngành; - Tăng thời lượng thực hành, thực tập; - Tăng các học phần tự chọn	- Cải tiến cách tổ chức giảng dạy, giảm kiến thức đại cương từ 55 xuống 50 tín chỉ; - Giảm thời gian học lý thuyết và tăng thời gian học thực hành của 10 học phần; - Bổ sung thêm 05 học phần tự chọn [H2.02.01.10].
2	2017	- Tăng kỹ năng nghề nghiệp; - Đa dạng hóa lĩnh vực chuyên môn sâu; - Có modul thực tập nghề nghiệp [H2.02.01.06]	- Giảm khối kiến thức đại cương từ 50 xuống 39 tín chỉ; - Tăng khối kiến thức chuyên ngành lên 04 tín chỉ; - Có 04 lĩnh vực chuyên môn hóa.
3	2020	- Tăng kỹ năng nghề nghiệp gắn với từng lĩnh vực chuyên môn; - Nâng cao kỹ năng tiếng anh và tin học	- Bổ sung học kỳ doanh nghiệp ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chuyên ngành; - Yêu cầu chuẩn đầu ra kỹ năng tiếng anh với TOEIC hóa trình độ tiếng anh đạt 450 điểm trở lên hoặc tương đương [H2.02.02.01]. - Có chứng chỉ tin học văn phòng [H2.02.02.12], [H2.02.01.10].

2. Điểm mạnh

Các bên liên quan (người học, người dạy, người sử dụng lao động, nhân viên) đã phản hồi tích cực, chính xác và khách quan giúp cho việc phát triển CTDH của ngành CNSH ngày càng hoàn thiện hơn và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Chưa kết nối được đến số lượng đủ lớn người học đã tốt nghiệp. Vì vậy, các ý kiến có thể chưa thật đầy đủ như mong muốn dẫn đến các thông tin thu thập được chưa thật sự đầy đủ.

Chưa bao quát được hết các đơn vị sử dụng lao động là các cựu SV ngành CNSH của Viện CNSH LN nên các thông tin liên quan đến người sử dụng lao động có thể chưa thật đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Kết nối đến số lượng đủ lớn người học đã tốt nghiệp	Tăng cường công tác liên hệ với các thể hệ cựu SV đã ra trường để hoàn thiện và cập nhật đầy đủ các thông tin phản hồi;	- Phòng Đào tạo - Viện CNSH LN (Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ trong Viện)	Thường xuyên (tổng hợp sau mỗi 6 tháng)
2	Kết nối đến các đối tượng sử dụng lao động có chuyên môn gần	Mở rộng và tăng cường kết nối đến các đơn vị sử dụng lao động là SV đã tốt nghiệp ngành CNSH của Nhà trường nhằm tăng thêm sự đầy đủ của thông tin phản hồi	- Phòng Đào tạo, - Viện CNSH LN (Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ trong Viện)	Thường xuyên (tổng hợp sau mỗi 6 tháng)

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí, mức 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Từ năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [10.10.02.01] cùng với đó là các Thông tư hướng dẫn thực hiện cũng như các văn bản ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều

chưa thật sự phù hợp với thực tiễn. Trong đó có các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi CTDH của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTDH trình độ Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ đã thay đổi nhiều mặt đến hệ thống đào tạo của các trường Đại học. Trong đó có sự thay đổi về CTĐT, CTDH. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo và định hướng của Bộ, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHLN coi việc thiết kế, phát triển CTDH là nhiệm vụ thường xuyên. Theo đó, từ những năm 2015 – 2016, Trường ĐHLN đã ban hành nhiều văn bản ban hành chủ chương cũng như thành lập các đơn vị, bộ phận chuyên trách đối với việc rà soát, đánh giá, cập nhật và bổ sung chương dạy học **[10.10.02.01] [H10.10.02.02]**. Trong chu kỳ đánh giá, tính từ năm 2016, Trường ĐHLN đã thực hiện 2 đợt rà soát, đánh giá và cập nhật CTDH (giai đoạn 2015 – 2017 và giai đoạn 2017 – 2019) **[H10.10.02.03]** dựa trên quy trình đã được ban hành về thiết kế và phát triển CTDH từ năm 2016 **[H10.10.02.04]**,. Trong mỗi giai đoạn này, để phù hợp với xu thế phát triển của xã hội cũng như yêu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực, Nhà trường đều có các văn bản cụ thể, chi tiết quy định về việc tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo, bao gồm: quy trình **[H10.10.02.04]** quyết định về việc tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật, quyết định thành lập ban chỉ đạo **[10.10.02.02]** và kết luận thông qua các báo cáo đánh giá và đề xuất sửa đổi **[10.10.02.03]** nhằm bảo đảm việc thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện theo một quy trình, trình tự nhất định, khoa học. Tổng hợp các văn bản liên quan đến từng đợt điều chỉnh được thể hiện trong bảng dưới đây.

TT	Đợt điều chỉnh	Các văn bản đã ban hành	Ghi chú
1	2015 - 2017	- QĐ tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo số 360/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 08/10/2014 [H10.10.02.02]; - Chương trình đào tạo theo QĐ số 566/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 29/12/2015 [H01.01.02.01]; - Chương trình đào tạo theo QĐ số 1427/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 8/8/2017 [H01.01.02.01]; - Quyết định v/v ban hành tạm thời Quy trình thiết kế và phát triển CTDH (kèm quy trình) số	

		3656/QĐ-ĐHLN-ĐT 30/12/2016 [H01.01.02.01]; - Quyết định v/v Tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT Đại học hệ Chính quy 2015 số 360/QĐ-ĐHLN-ĐT 8/10/2014;	
2	2017 – 2019	- Quyết định thành lập các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT Đại học hệ Chính quy 2019 số 1752/ĐHLN-ĐT 17/8/2018; - Thông báo về việc tổ chức, đánh giá, sửa đổi chương trình đào tạo số Số 636/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 01/04/2019 [H01.01.02.06]; - Quyết định v/v Thành lập Ban Chỉ đạo, ban Thư ký và các tiểu ban rà soát điều chỉnh Chuẩn đầu ra các CTĐT bậc đại học hệ chính quy 2019 số 1294/QĐ-ĐHLN-TCCB 01/06/2020; - Phê duyệt đề cương chi tiết các môn học Số 2719/QĐ – ĐHLN-ĐT ngày 29/12/2017 [H01.01.02.07] - Thông báo kết luận cuộc họp v/v triển khai công tác đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT hệ chính quy trình độ đại học 2019 số 1854/TB-ĐHLN-ĐT 29/8/2018; - Chương trình đào tạo theo QĐ số 2053/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 27/9/2019 [H01.01.02.01]; - Thông báo về việc tổ chức, đánh giá, sửa đổi chương trình đào tạo số Số 636/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 01/04/2019 [H01.01.02.06]; - Phê duyệt đề cương chi tiết các môn học Số 413-1/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 05/03/2020 [H01.01.02.07]	

Nhìn chung, ở các giai đoạn có thể thấy quy trình thiết kế, phát triển CTDH dựa trên cơ sở rà soát, đánh giá các chương trình đã có, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để đưa ra những cải tiến cho phù hợp **[H10.10.02.04]**. Cụ thể, theo định kỳ

khi rà soát sửa đổi CTDH Nhà trường ban hành các thông báo, quyết định thành lập các ban chỉ đạo rà soát, đánh giá và cập nhật các CTDH và thông báo kết luận của Hội nghị rà soát và cập nhật CTDT. Sau đó Nhà trường sẽ ra quyết định ban hành CTDT và giao nhiệm vụ quản lý và tổ chức giảng dạy các môn học cho các đơn vị đào tạo trên cơ sở đó các đơn vị đào tạo sẽ xây dựng CTDH cho ngành học được phân công và ngành CNSH ở cả cơ sở 1 và Phân hiệu cũng không nằm ngoài quy trình này. Khi đó các đơn vị được phân công phụ trách các môn học sẽ phân công giáo viên xây dựng đề cương chi tiết học phần, sau đó họp để góp ý đề cương chi tiết các học phần để hoàn thành CTDH của 1 ngành đào tạo **[H10.10.02.05]**.

Đề cương chi tiết học phần được thiết kế tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học biết rõ mình phải dạy, học những loại kiến thức, kỹ năng gì, thời gian tự học, tự nghiên cứu được quy định cụ thể trong mỗi học phần của CTDH, điều này được thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần **[H10.10.02.06]**.

Cùng với các ngành đào tạo khác trong Trường DHLN, CTDH của ngành CNSH được định kỳ điều chỉnh 2 năm 1 lần dựa trên cơ sở thu thập các ý kiến phản hồi tích cực của GV tham gia giảng dạy, của người học, cựu SV và NTD **[H10.10.02.02]**. Trong chu kỳ đánh giá, CTDH ngành CNSH đã được thiết lập, rà soát, đánh giá và cải tiến (phát triển) 3 lần (2015 – 2017, 2017 – 2019 và 2019 đến nay). Những ý kiến phản hồi chủ yếu là đề nghị được tăng thời lượng thực tập, thực hành, giảm thời lượng học lý thuyết. Một trong những minh chứng cho điều này là trong chương trình dạy học rà soát điều chỉnh, đã có nhiều học phần được nghiên cứu chỉnh sửa theo hướng này đã được thông qua trong các thông báo kết luận cuộc họp rà soát điều chỉnh chương trình **[H10.10.02.03]**.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết lập, thiết kế và phát triển, có quy trình cụ thể và rõ ràng về việc thiết kế và phát triển.

CTDH được rà soát, đánh giá và phát triển thường xuyên, định kỳ (2 năm/lần), ở giai đoạn giữa chu kỳ là quá trình thực hiện, theo dõi và thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để cải tiến và phát triển CTDH cho giai đoạn sau.

Quá trình thực hiện quy trình được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có sự quản lý và giám sát chặt chẽ của Nhà trường thông qua các phòng chức năng.

3. Điểm tồn tại

Quá trình triển khai thu thập ý kiến phản hồi còn bộc lộ nhiều khó khăn, chưa tạo được sự tiện lợi, thuận lợi tối đa cho các thành viên tham gia phản hồi dẫn đến các ý kiến thu thập được chưa phong phú, đa dạng và chưa tiếp cận được đến đông đảo các bên liên quan;

- Các phiếu đánh giá, góp ý chưa thật đầy đủ thông tin để có thể bao quát được toàn bộ những điểm còn tồn tại, hạn chế cần điều chỉnh, cải tiến của CTDH.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Cải tiến phương pháp và công cụ thu thập cũng như tổng hợp các ý kiến góp ý	- Rà soát, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn các mẫu phiếu đánh giá, phản hồi của các bên liên quan; - Rà soát cải tiến hình thức thu thập ý kiến sao cho thuận lợi nhất đối với người góp ý.	- Phòng KT&ĐBCL	2 năm/lần
2		- Ứng dụng CNTT trong việc thu thập và tổng hợp các ý kiến góp ý.	- Ban CNTT (Phòng HCTH); - Phòng KT&ĐBCL	2 năm /lần

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Với mục đích đảm bảo thực hiện được CDR đã công bố của ngành thì quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên. Việc làm này được thực hiện chặt chẽ bởi hệ thống các phòng chức năng (phòng KT&ĐBCL, phòng Đào tạo, phòng Thanh tra (nay là một bộ phận thuộc phòng KT&ĐBCL) thông qua các văn bản điều hành cụ thể.

Đối với đánh giá chất lượng giảng dạy của GV (bài giảng, hàm lượng kiến thức, sự phù hợp của kiến thức với chương trình...), từ trước chu kỳ đánh giá, năm 2012,

Nhà trường đã ban hành “Quy trình thực hiện đánh giá môn học/GV cuối học kỳ” và “Quy định thực hiện đánh giá chất lượng toàn khóa học”. Ban hành tạm thời các quy trình về công tác dự giờ của GV. Năm 2015, Nhà trường tiếp tục ban hành quy định về tổ chức và quản lý đánh giá KQHT. Năm 2016, Nhà trường ban hành Quy định về khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV **[H10.10.03.01]**. Cùng với đó là các văn bản hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, quy định tổ chức quản lý đánh giá KQHT, quá trình học tập và các văn bản điều chỉnh, bổ sung **[H10.10.03.02]**. Theo đó, mỗi kỳ học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai các hoạt động lấy phiếu khảo sát SV về môn học/GV sau khi hoàn thành chương trình học tập môn học bằng hình thức điền phiếu (từ năm 2012-2017) và bằng hình thức online từ năm 2018. Kết quả được tổng hợp và gửi về các khoa/viện chuyên môn **[H10.10.03.03]**. Cùng với việc đánh giá sau mỗi kỳ, việc giảng dạy và học tập cũng như đánh giá KQHT của SV được giám sát thường xuyên trong quá trình diễn ra thông qua công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của Nhà trường **[H10.10.03.04]**.

Ngoài ra, để nâng cao hơn nữa chất lượng bài giảng của GV, mỗi học kỳ các GV đều được dự giờ giảng ít nhất một lần với thành phần bao gồm các GV trong bộ môn, lãnh đạo viện và cán bộ phòng KT&ĐBCL. Thông qua đó, GV được đánh giá, nhận xét góp ý của đồng nghiệp để hoàn thiện hơn nữa về chuyên môn cũng như phương pháp sư phạm. Việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV được Nhà trường tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát bằng hệ thống camera ở từng phòng học, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo từng kỳ học; bình chọn danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở cho GV vào dịp cuối mỗi năm học; tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ theo quy định đã ban hành từ 2012 về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV trong trường **[H10.10.03.04]** **[H10.10.03.05]**.

Trên cơ sở các tồn tại và hạn chế được tổng hợp từ kết quả thanh tra, kiểm tra cũng như từ SV đánh giá về các môn học/GV, Viện CNSH LN đã tổ chức rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp khắc phục các mặt còn hạn chế trong công tác giảng dạy của GV thông qua các buổi sinh hoạt học thuật hoặc họp ở từng bộ môn cũng như hội đồng đánh giá GV cấp Viện **[H10.10.03.05]**.

Cùng với việc đánh giá các quá trình, việc đánh giá phương pháp đánh giá

KQHT của SV cũng được triển khai thường xuyên thông qua công tác đánh giá chất lượng đề thi KTHP từ việc ban hành các kế hoạch đến việc triển khai đánh giá thông qua các phiếu đánh giá chất lượng đề thi và tổng hợp công tác đánh giá thông qua báo cáo kết quả đánh giá đề thi gửi về cho các bộ môn [H10.10.03.06]. Kết quả đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của SV được công bố công khai trên hệ thống đào tạo tín chỉ của Nhà trường, trên cơ sở đó, SV có thể sử dụng tài khoản cá nhân để theo dõi và có quyền đề nghị phúc khảo nếu có sai sót hoặc chưa thỏa đáng sẽ được xem xét điều chỉnh theo đúng quy trình [H10.10.03.07]. Đối với đánh giá KQHT của người học, theo quy định của Nhà trường, việc kiểm tra đánh giá KQHT của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo sự cụ thể, rõ ràng, công khai, minh bạch về hình thức, nội dung, phương pháp đánh giá KQHT của người học giữa người học, người dạy và bộ phận giám sát. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trên cơ sở này, hàng năm Viện CNSH LN ở cơ sở 1 và Khoa Nông học ở Phân hiệu cùng với Nhà trường đều có các hình thức khen thưởng để khuyến khích các SV có thành tích cao trong học tập, rèn luyện và NCKH [H10.10.03.08]. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá KQHT của SV được trình bày chi tiết trong Quy định của Trường ĐHLN. Cần nhấn mạnh rằng, việc đánh giá KQHT của người học ở ngành CNSH còn được các GV và bộ môn chuyên môn thực hiện nghiêm túc, tâm huyết thông qua việc thường xuyên rà soát, điều chỉnh và công khai hình thức, nội dung và phương pháp đánh giá sao cho phù hợp với người học. Thêm vào đó, với tất cả các môn học ở từng học kỳ ở từng lớp học phần của ngành CNSH nói riêng và các ngành khác trong Trường ĐHLN nói chung, sau mỗi đợt đánh giá KQHT kết thúc học phần, Phòng KT&ĐBCL đều có những phiếu thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để đánh giá, rà soát và cải tiến hình thức đánh giá, bộ câu hỏi đánh giá... nhằm đảm bảo kết quả đánh giá tương thích và phù hợp với CDR của ngành [H10.10.03.09].

2. Điểm mạnh

Việc rà soát và đánh giá thường xuyên của Nhà trường giúp cho các hoạt động dạy và học diễn ra nghiêm túc, công khai, minh bạch, khách quan và phù hợp với người học ở các lớp học phần khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Số lượng người học ở mỗi môn học có sự biến động nhiều giữa các lớp học phần dẫn đến việc đánh giá KQHT của người học gặp nhiều khó khăn và thể hiện sự kém linh hoạt khi gắn với yêu cầu bắt buộc về đảm bảo sự cụ thể, công khai, minh bạch và khách quan trong đánh giá KQHT của người học.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị , người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Duy trì và thường xuyên	Tiếp tục tăng cường công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy và học	- Phòng KT&ĐBCL, - Viện CNSH LN; Khoa Nông học - Các bộ môn	Thường xuyên
2	cải tiến phương pháp đánh giá KQHT sao cho thuận lợi, linh hoạt và phù hợp hơn	Thường xuyên rà soát, đánh giá và cải tiến các phương pháp đánh giá KQHT, đồng thời đưa ra nhiều lựa chọn trong việc đánh giá KQHT của người học để đảm bảo sự linh hoạt trong đánh giá	Các phòng chức năng (Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL), các GV và các bộ môn	Thường xuyên

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

NCKH và đào tạo với mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau, NCKH sẽ tạo cơ sở, tiền đề để thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Trường ĐHLN là đơn vị đi đầu và có bề dày truyền thống nhiều năm trong hoạt động NCKH, là đơn vị tiên phong, đầu ngành trong các hoạt động NCKH về lâm nghiệp trên cả nước. Từ năm 2016, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về quy chế quản lý các hoạt động khoa học

và công nghệ trong nhà trường ở từng cấp cũng như những định hướng hoạt động KHCN **[H10.10.04.01]**. Trong tình hình đó, Viện CNSH LN dù mới được thành lập nhưng cũng đã tiếp nối được các truyền thống trong hoạt động NCKH của Nhà trường. Các cán bộ GV từ những cán bộ trẻ cho đến những cán bộ có nhiều năm kinh nghiệm luôn say mê, tìm tòi, khai thông và thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp từ TW tới địa phương. Ngay từ khi mới thành lập, Viện CNSH LN cùng với các đơn vị khác trong Nhà trường đã được Nhà trường xây dựng và ban hành các văn bản quy định chi tiết, cụ thể với từng loại hình nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên của Nhà trường trong đó thể hiện mục tiêu sử dụng kết quả NCKH phục vụ việc dạy và học **[H10.10.04.01]**. Hàng năm, công tác NCKH luôn được Nhà trường và Viện CNSH LN chú trọng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nói chung ở các nhiệm vụ khoa học các cấp đều được định hướng như là nhiệm vụ quan trọng gắn liền với đào tạo trong kế hoạch hàng năm của Nhà trường **[H10.10.04.02]**.

Trong những năm học của chu kỳ đánh giá, các cán bộ GV ngành CNSH ở cơ sở chính và Phân hiệu đã hướng dẫn các nhóm SV thực hiện 137 đề tài NCKH. Hàng năm, bình quân có đến 60% SV trong Viện tham gia NCKH. Các đề tài đều được nghiệm thu, đánh giá bởi các Hội đồng Khoa học công nghệ với các thành viên là các nhà khoa học uy tín trong và ngoài trường **[H10.10.04.03]**. Cùng với hoạt động NCKH sinh viên, Cán bộ, GV Trường Đại học Lâm nghiệp đã thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp từ cơ sở đến cấp Nhà nước **[H10.10.04.04]**. Trong đó, Cán bộ, GV và sinh viên Viện CNSH đã triển khai 34 hợp đồng NCKH và chuyển giao công nghệ, 71 đề tài cấp cơ sở, 9 đề tài cấp Bộ, 5 đề tài cấp nhà nước thuộc các lĩnh vực: Công nghệ nuôi cấy mô tế bào, Công nghệ gen và Di truyền phân tử, Công nghệ vi sinh – hóa sinh, Chọn tạo giống và tài nguyên sinh vật..

Cùng với các hoạt động KHCN nói chung, các buổi SHHT cũng được Nhà trường và Viện CNSH Lâm nghiệp quan tâm và tổ chức đều đặn hàng năm ở các bộ môn cũng mang lại hiệu quả rõ rệt đối với việc ứng dụng kết quả NCKH trong công tác giảng dạy và học tập. **[H10.10.04.05]**.

Các đề tài NCKH đã thực hiện đều thuộc lĩnh vực chuyên môn giảng dạy đều gắn với các môn học do các GV đảm nhiệm. Vì vậy, các lĩnh vực nghiên cứu, các nội dung nghiên cứu đều liên quan chặt chẽ, rất sát với các chuyên ngành và nội dung chuyên môn trong quá trình dạy và học. Trên cơ sở đó, các kết quả nghiên cứu được

các cán bộ GV thường xuyên bổ sung đề nghị xét công nhận sáng kiến [H10.10.04.06], đồng thời cập nhật trong nội dung bài giảng nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, tạo hứng thú cho người học [H10.10.04.07]. Thêm vào đó, các nhiệm vụ KHCN ở các cấp với các nội dung gắn liền với chuyên môn ở từng lĩnh vực của ngành CNSH không chỉ góp phần nâng cao chất lượng và nội dung bài giảng mà còn là điều kiện để SV được tham gia NCKH nhằm rèn luyện khả năng tư duy khoa học, tăng cường năng lực phát hiện, phân tích và tự tìm tòi giải pháp giải quyết vấn đề sẽ là điều kiện quý báu để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

2. Điểm mạnh

GV, SV tham gia tích cực trong NCKH có ý thức vận dụng để cải tiến việc dạy và học, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường.

Các kết quả NCKH được công nhận và phản hồi tốt từ bên ngoài.

3. Điểm tồn tại

Còn một số cán bộ GV ít tham gia trong công tác NCKH dẫn đến các bài giảng của một số ít môn do các cán bộ GV này phụ trách chưa thật phong phú và chưa gắn liền với thực tiễn nghiên cứu cũng như sản xuất.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao năng lực NCKH trong GV, huy động nhiều nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động	Khảo sát lấy ý kiến các GV về hiệu quả của NCKH với nâng cao chất lượng đào tạo	Viện CNSH LN, Khoa Nông học	Hàng năm
2	KHCN trong lĩnh vực có chuyên môn gắn liền với chương trình	Tổ chức hội nghị định hướng NCKH của Viện	Viện CNSH LN, Khoa Nông học	Hàng năm
3	đào tạo	Tăng cường khai thông các nhiệm vụ KHCN các cấp	Viện CNSH LN, Khoa Nông học	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Bên cạnh đội ngũ cán bộ GV và SV, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác có ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng đào tạo của bất cứ một cơ sở giáo dục nào. Hiểu được điều đó, trường ĐHLN luôn quan tâm tới phản hồi đánh giá của CBVC và người học về cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động xã hội của các thành viên trong trường. Hàng năm các dịch vụ hỗ trợ này được định kỳ đánh giá và khảo sát về mức độ hài lòng theo quy trình có sự cải tiến. Kết quả khảo sát là cơ sở để Nhà trường cùng các đơn vị trong trường có định hướng nâng cấp và đầu tư hợp lý. Viện Công nghệ sinh học Lâm nghiệp luôn luôn ủng hộ và đóng góp vào nhiệm vụ chung này của Nhà trường.

Nhiệm vụ khảo sát đánh giá CSVC được giao về các phòng ban chuyên trách. Cụ thể, phòng KT &ĐBCL được phân công nhiệm vụ khảo sát ý kiến của CB, GV về cơ sở vật chất và khảo sát ý kiến SV về chất lượng của cơ sở vật chất phục vụ đào tạo (QĐ số 2536/QĐ-ĐHLN-KT&ĐBCL ngày 31/8/2016, QĐ số 65/QĐ-ĐHLN-KT&ĐBCL ngày 28/6/2012). Thư viện được phân công khảo sát ý kiến bạn đọc về công tác phục vụ và CSVC của thư viện **[H10.10.05.01]**. Mẫu phiếu khảo sát về CSVC do GV đánh giá được gửi về khoa viện hàng năm vào cuối năm học, phiếu đánh giá của SV được gửi vào cuối học kỳ khi kết thúc môn học, phiếu điều tra bạn đọc được thực hiện thường xuyên qua hòm thư ý kiến bạn đọc tại thư viện **[H10.10.05.02]**. Từ năm 2018, hình thức đánh giá môn học/GV được chuyển từ phát phiếu trực tiếp sang khảo sát online nhằm thu hút số lượng người khảo sát đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho quá trình đánh giá và tổng hợp kết quả. Cùng với đơn vị phụ trách, các quy trình đánh giá cũng được

Các mẫu phiếu khảo sát do Phòng KT&ĐBCL ban hành đều có nội dung đánh giá về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin cũng như một số dịch vụ hỗ trợ khác). Cùng với Phòng KT&ĐBCL, Thư viện cũng phát hành phiếu khảo sát có nội dung mức độ đáp ứng thông qua mức độ hài lòng của cán bộ GV và sinh viên **[H10.10.05.02]**.

Kết quả khảo sát GV, người học về các dịch vụ tiện ích phục vụ như trang thiết bị thí nghiệm, thực hành thực tập, giảng đường và thư viện được các đơn vị thực hiện khảo sát tổng hợp gửi cho các khoa/ viện/ phòng ban chức năng và làm căn cứ để có kế hoạch nâng cấp, cải thiện CSVC [H10.10.05.03]. Các đơn vị được phân công quản lý và sử dụng trang thiết bị có sổ theo dõi và có kế hoạch sửa chữa, mua sắm trang thiết bị CSVC phục vụ đào tạo hàng năm thông qua kế hoạch tài chính và các yêu cầu cần sửa chữa [H10.10.05.04]. Nhà trường căn cứ vào kế hoạch và yêu cầu sửa chữa trang thiết bị của các đơn vị sẽ tổng hợp và lập đề xuất, dự toán mua hoặc sửa chữa nâng cấp các trang thiết bị theo yêu cầu của đơn vị. Phòng Quản lý đầu tư là đơn vị phụ trách lập kế hoạch, dự toán và hồ sơ thầu, hợp đồng cung cấp trang thiết bị, chứng từ thanh toán.. [H10.10.05.05].

Đặc biệt, trang thiết bị phòng THTN là vấn đề ưu tiên và luôn được đầu tư kinh phí hàng năm thông qua kế hoạch tài chính phân bổ kinh phí hàng năm [H10.10.05.06]. Bên cạnh trang thiết bị phòng học và phòng thí nghiệm thì việc cải tiến cũng như nâng cao chất lượng phục vụ thư viện cũng được quan tâm. Thư viện cùng với các phòng ban chức năng căn cứ vào nhu cầu của bạn đọc và các khoa viện về tài liệu phục vụ giảng dạy hàng năm sẽ tiến hành ký kết các hợp đồng mua bán, in ấn tài liệu, biên bản ghi nhớ, hợp tác cung cấp CSDL để nâng cao số lượng đầu sách, tăng thời lượng và chất lượng phục vụ...[H10.10.05.07]. Từ các ý kiến đóng góp Nhà trường cùng với Thư viện đã liên kết với nhiều đơn vị cung cấp thông tin và mua bản quyền khai thác dữ liệu trực tuyến như Proquest..., thời lượng phục vụ tại thư viện cũng tăng lên [H10.10.05.08].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát, Nhà trường đã đầu tư, cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

3. Điểm tồn tại

Sau khi có được kết luận từ các ý kiến phản hồi, đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch từng bước trang bị và cải tiến các dịch vụ hỗ trợ. Do vậy, còn một số hạng mục chưa được trang bị và cải tiến kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo	Cải tạo hệ thống trang thiết bị phòng học như cửa, quạt, hệ thống điện tại các phòng học trên giảng đường, đặc biệt là bổ sung hệ thống điều hòa phục vụ làm mát các phòng học trong mùa hè	Phòng Quản trị thiết bị	Rà soát và cải tạo hàng năm
2		Sửa chữa hệ thống máy tính, máy chiếu trên các giảng đường		Rà soát và cải tạo hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Dưới sự kết hợp của các phòng ban chuyên trách và các đơn vị đào tạo trong trường cùng sự giúp đỡ của các cá nhân tổ chức có liên quan, công tác thu thập thông tin đánh giá trường ĐHLN luôn được thực hiện định kỳ hàng năm và thực hiện một cách có hệ thống. Bên cạnh đó các quy trình đánh giá cũng được xem xét và cải tiến nhằm tăng hiệu quả thực hiện. Viện CNSH LN ở cơ sở chính hay Khoa Nông học ở Phân hiệu là đơn vị trong hệ thống chung của Nhà trường và luôn luôn phối hợp đầy đủ, hiệu quả cùng các đơn vị khác để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

Để đánh giá khách quan và đầy đủ mọi mặt, trường ĐHLN đã và đang thu thập các thông tin phản hồi về 2 vấn đề lớn là hoạt động đào tạo và cơ sở vật chất của Nhà trường. Đối tượng khảo sát bao gồm cán bộ GV trong trường, SV đang học tại trường, SV chuẩn bị tốt nghiệp, SV đã tốt nghiệp, NTD được gọi chung là các bên có liên quan. Phụ trách các khảo sát này đối với ngành CNSH chủ yếu là Phòng KT&ĐBCL, thư viện và Viện CNSH Lâm nghiệp. Theo đó, Phòng KT&ĐBCL thực hiện các khảo sát tổng thể bao gồm: 1) Sinh viên đánh giá môn học và GV cuối mỗi kỳ (có quy trình, thông báo kết quả KS về các bộ môn, BM họp rút kinh nghiệm gửi BB họp về P

KT&ĐBCL để tổng hợp gửi BGH nhà trường nhằm cải tiến các mặt hoạt động); 2) Khảo sát ý kiến của CB, GV về cơ sở vật chất (có thông báo về việc khảo sát, quy trình KS, kết quả KS đã chia theo từng khoa/Viện (gửi bản mềm), khoa/Viện viết BC riêng cho các thông tin của mỗi khoa/Viện. Trong các báo cáo có đánh giá về phương pháp KS, kết quả KS, những đề xuất (bao gồm cả những đề xuất cải tiến quy trình – nếu có) 3) Khảo sát sinh viên trước khi ra trường (có quy trình KS, kết quả KS đề nghị các Khoa tự tách phần SV của khoa mình để viết báo cáo); 4) Khảo sát Cựu sinh viên và nhà tuyển dụng (có quy trình KS, kết quả KS). Thư viện, khảo sát các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, Phòng đào tạo phụ trách khảo sát về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Viện CNSH phối hợp các khảo sát do phòng KT&ĐBCL, phòng Đào tạo cũng như thư viện phụ trách.

Cụ thể để đánh giá việc dạy, học và CTĐT... của các ngành đào tạo tại trường, trường ĐHLN ban hành các quyết định về quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H10.10.6.01]** cũng như các quy trình đánh giá (quy trình đánh giá cơ sở vật chất, quy trình đánh giá môn học và sinh viên trước tốt nghiệp) **[H10.10.06.02]**. Đồng thời đã ban hành các mẫu khảo sát về CTĐT; Phiếu đánh giá GV/ môn học; khảo sát SV trước khi tốt nghiệp, khảo sát cựu SV về môn học, ngành học, CTĐT; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất của Nhà trường... **[H10.10.6.03]**.

Kết quả khảo sát sẽ được các đơn vị tổng hợp và báo cáo như khảo sát SV sau khi tốt nghiệp báo cáo trước hội nghị Tuyển sinh và đào tạo toàn trường. Kết quả báo cáo về việc làm của SV năm 2016 và 2017 được thực hiện và tổng hợp gửi Bộ Giáo dục và đào tạo Kết quả đánh giá môn học và GV được phòng Khảo thí và ĐBCL tổng hợp, báo cáo gửi về các khoa viện và các phòng ban chức năng **[H10.10.06.04]**.

Nhà trường cùng với các khoa viện cũng như các đơn vị quản lý trang thiết bị, thư viện sẽ họp và đưa ra giải pháp thực hiện nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị, chất lượng phục vụ, chất lượng đào tạo **[H10.10.06.05]**.

Để quá trình đánh giá hợp lý và thu được các ý kiến phản hồi chính xác, khách quan Nhà trường cũng đã có những thay đổi về cách đánh giá, phương pháp thu thập ý kiến như chuyển từ hình thức đánh giá GV môn học tại các buổi thi sang hình thức online, thay đổi cách đánh giá môn học với SV, có đánh giá chất lượng đề thi để đánh giá đề thi có đảm bảo yêu cầu, có phù hợp với mục tiêu môn học, điều chỉnh chức

năng nhiệm vụ của các đơn vị [H10.10.06.06].

Như vậy có thể thấy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được nhà trường thiết lập, hoạt động liên tục và có tính hệ thống nhằm đảm bảo không có sự chồng chéo, đan xen từ Ban Giám hiệu đến các phòng chức năng và Viện. Thêm vào đó, trong quá trình hoạt động, mỗi đơn vị đều có sự cải tiến sao cho phù hợp và đảm bảo được sự linh hoạt cũng như tính kết nối đến cả hệ thống khi có sự bất cập ở từng khâu, từng bộ phận.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

3. Điểm tồn tại

Các mẫu phiếu phản hồi chưa được cập nhật đổi mới hàng năm và chưa cụ thể cho từng CTĐT, môn học và còn có sự lồng ghép nhiều nội dung trong 1 phiếu.

4. Kế hoạch hành động

Viện cần thiết kế các mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi riêng cho ngành CNSH trên cơ sở các mẫu phiếu khảo sát của trường.

STT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian
1	Thay đổi các mẫu phiếu khảo sát sao cho phù hợp với các đặc thù riêng của ngành	Viện xây dựng mẫu phiếu riêng khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan	Viện CNSH LN, Khoa Nông học	2021-2022

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Là chương trình tương đối mới đối với xã hội, sử dụng công nghệ cao để giải quyết những vấn đề của ngành, do vậy việc nâng cao chất lượng CTĐT, CTDH được Nhà trường, Viện cũng như các khoa nói chung và khoa Nông học ở Phân hiệu hết sức quan tâm.

Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các bên liên quan đã được sử dụng để

thiết kế và phát triển chương trình dạy học, quá trình dạy, học được kiểm soát và đánh giá thường xuyên, chất lượng dịch vụ liên quan được nhà trường luôn quan tâm, đáp ứng được tiêu chuẩn đầu ra của CTDH.

Chương trình dạy học được thiết kế, xác lập và được đánh giá thường xuyên, định kỳ 02 năm/lần và được cải tiến những điểm bất cập, không phù hợp với từng giai đoạn.

Quá trình dạy, học và việc đánh giá kết quả học tập của người học thường xuyên được rà soát thông qua các quy trình bởi các phòng chức năng cũng như các đơn vị chuyên môn nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra ở từng khâu bằng nhiều hình thức.

Hoạt động NCKH thông qua đề tài NCKH, NCKH SV được quan tâm, được bồi dưỡng và phát triển để nâng cao năng lực, kỹ năng nghiên cứu cho cán bộ và sinh viên và cập nhật kết quả nghiên cứu trong cải tiến việc dạy và học. Hoạt động này đã trở thành phong trào và được sự tham gia tích cực, có hiệu quả bởi cán bộ giảng viên và sinh viên.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho CTDH.

Với mỗi quy trình phản hồi, nhà trường đều ban hành các văn bản nhằm đảm bảo cơ chế phản hồi của các bên liên quan linh hoạt, có tính hệ thống và được cải tiến thường xuyên sao cho phù hợp với điều kiện, xu hướng phát triển của xã hội cũng như tâm lý của các đối tượng phản hồi. Sao cho việc thu thập các ý kiến phản hồi được thực hiện thuận lợi, khách quan và đầy đủ nhất

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, hội đồng tự đánh giá chất lượng CTDH Ngành CNSH tự đánh giá tiêu chuẩn tiêu chuẩn 10 có 6/6 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra có một vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng của một chương trình học cũng như trong toàn hệ thống của Nhà trường. Do vậy việc đánh giá tiêu chuẩn này thường xuyên, định kỳ có ý nghĩa lớn trong việc duy trì, phát triển một ngành học cũng như sự tồn vong và lớn mạnh của một trường đại học trước xu thế

cuộc cạnh tranh về chất lượng đào tạo giữa các trường đại học trong cả nước ngày càng gay gắt như hiện nay. Hằng năm Viện CNSH LN cùng phối hợp với Nhà trường thực hiện giám sát chuẩn đầu ra, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ SV thôi học và lượng SV có việc làm sau tốt nghiệp cũng được cập nhật thông qua sự kết nối với cựu SV và gia đình.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo với chuẩn đầu ra của CTĐT, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Viện cũng được phổ biến tới SV, được lên kế hoạch hằng năm và có cơ chế khuyến khích thực hiện.

Viện cũng đã phối hợp với các phòng, ban chức năng của Trường thu thập và phân tích mức độ hài lòng của các bên liên quan từ đó làm cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của CTĐT.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Cùng với các CTĐT khác trong Nhà trường, việc thống kê tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp ngành CNSH của Viện được thực hiện hằng năm bởi sự phối hợp giữa Phòng CT & CTSV và Phòng Đào tạo [H11.11.01.01]. Theo chu kỳ đánh giá 05 năm (từ K56 đến K60, tức kể từ khóa học 2011-2015 đến khóa 2015-2019), tỷ lệ SV thôi học được theo dõi, giám sát, cập nhật thường xuyên bởi Phòng Chính trị & Công tác SV và tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm đều được Phòng Đào tạo tổng hợp và báo cáo trong báo cáo tổng kết kế hoạch đào tạo hằng năm của Nhà trường. Số liệu về SV thôi học và tốt nghiệp được thể hiện ở các *bảng 11.01.01a,b,c*. Các số liệu này được cập nhật đến ngày 16/5/2019. [H11.11.01.02].

Bảng 11.01.01a: Số liệu thống kê về số sinh viên đang học, tạm ngừng học ngành CNSH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (Cơ sở chính) [H11.11.01.02]

TT	Tên lớp	Khóa học	Tổng số	Đang học						Tạm ngừng học					
Năm học				1	2	3	4	5	%	1	2	3	4	5	%
1	K56_CNSH	2011-2015	41	3	3				7.3	0	0				0
2	K57_CNSH	2012-2016	54	4	4	4			7.4	4	4	4			7.4
3	K58A_CNSH	2013-2017	178	23	23	23	23		12.9	0	0	0	0		0
4	K59A_CNSH	2014-2018	135	20	20	20	20	20	14.8	0	0	0	0	0	0

5	60A_CNSH	2015-2019	56		18	18	18	18	32.1		0	0	0	0	0
---	----------	-----------	----	--	----	----	----	----	------	--	---	---	---	---	---

Bảng 11.01.01b: Số liệu thống kê về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, buộc thôi học ngành CNSH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (Cơ sở chính) [H11.11.01.02]

TT	Nghỉ học tạm thời						Thôi học						Buộc thôi học						Tốt nghiệp	
	1	2	3	4	5	%	1	2	3	4	5	%	1	2	3	4	5	%		%
1	0	0				0	1	1				2.4	0	0				0	37	90
2	0	0	0			0	5	5	5			9.3	0	0	0			0	41	76
3	0	0	0	0		0	13	13	13	13		7.3	3	3	3	3		1.7	139	78.1
4	1	1	1	1	1	1.6	11	11	11	11	11	8.1	0	0	0	0	0	0	102	75.5
5		0	0	0	0	0		2	2	2	2	3.6		0	0	0	0	0	36	64

Ghi chú: 1: Năm học 2014-2015; 2: Năm học 2015-2016; 3: Năm học 2016-2017; 4: Năm học 2017-2018; 5: Năm học 2018-2019. Cột số thứ tự (TT) trong bảng 11.01.01b tương ứng với tên lớp và khóa học ở bảng 11.01.01a.

Bảng 11.01.01c: Số liệu thống kê về tỉ lệ thôi học ngành CNSH (Phân hiệu)

Stt	Khóa	Khóa học	QĐ nhập học	Quy mô theo hệ thống	Thôi học		Số SV còn lại đến ngày 22/7/2020
					Thôi học	Buộc thôi học	
1	K60	2015-2019	911	41	2	3	1
2	K61	2016-2020	1024	24	0	4	12
3	K62	2017-2021	35	12	0	4	8

Số liệu bảng trên cho thấy: Trong chu kỳ đánh giá, ngành CNSH của Viện đã đào tạo 10 lớp với khoảng 468 em, trong đó có 01 lớp liên thông (01 em). Trừ lớp liên thông và K60B-CNSH (01 em) thì số các em nhập học/lớp dao động từ 41 đến 72 em. Tỷ lệ tốt nghiệp K56 (2011-2015) là cao nhất, đạt 90%; các khóa còn lại tỷ lệ tốt nghiệp đạt từ 72% đến 78,56% (trừ K60 Liên thông và 60B-CNSH, mỗi lớp có 01 em, nhưng không có số liệu tốt nghiệp). Đối sánh với các ngành như Quản lý Tài nguyên rừng (ĐHLN) và ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Vinh thì tỷ lệ này tương đối cao (tương ứng là 24-71% và khoảng 80%). Lý do thôi học được chia làm nhiều mức như: tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời, thôi học, buộc thôi học. Đặc biệt tỷ lệ thôi học ở các Khóa K57 và K58 có tỷ lệ cao nhất (dao động từ 3-5 em/lớp) với tỷ lệ khoảng 7,4-9,3%, các lớp còn lại tỷ lệ thôi học nhỏ (trừ K60 Liên thông và 60B-CNSH, mỗi lớp có 01 em). Tỷ lệ thôi học trung bình toàn chu kỳ đánh giá là 10%. Tỷ

lệ SV buộc thôi học chỉ xảy ra ở K58 với 4,8% (tương ứng 3 em SV), trung bình toàn chu kỳ là 0,5%. Các tỷ lệ trên đều xảy ra ở năm thứ nhất. So với ngành Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, ĐHLN và ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Vinh thì tỷ lệ thôi học của ngành CNSH thấp hơn nhiều (lần lượt là 7,6% và 12,6-22,0%) **[H11.11.01.03]**.

SV buộc thôi học và SV xin thôi học thông thường sẽ rút hồ sơ gốc và được thực hiện theo quy trình **[H11.11.01.04]**, từ đó các bộ phận chức năng liên quan sẽ kiểm soát được nguyên nhân thôi học, tỷ lệ thôi học, cũng như tư vấn kịp thời cho SV. Tỷ lệ buộc thôi học do không đủ điểm tích lũy theo quy định thể hiện sự kiểm soát chất lượng của chương trình đào tạo, điều này thể hiện rõ ở các cuốn sổ tay HSSV **[H11.11.01.05]**. Nguyên nhân SV thôi học được thống kê, phân tích qua số liệu của các phòng chức năng, khảo sát các CVHT, GV và qua đơn xin thôi học của SV. Từ các số liệu này, Viện CNSH LN đã có nhiều hội nghị bàn về tình trạng SV thôi học, tốt nghiệp muộn; điều tra tìm ra các nguyên nhân giữa các khóa, trong từng khóa và đưa ra các biện pháp tương ứng **[H11.11.01.06]**.

Tăng cường hoạt động của các CVHT là giải pháp quan trọng trong công tác quản lý SV để giảm tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp muộn nên Nhà trường có quy định về công tác CVHT và hằng năm đánh giá công tác đó **[H11.11.01.07]**.

Theo số liệu hiện có từ Phòng CT&CTSV, nguyên nhân thôi học chủ yếu được đề cập là do nhu cầu cá nhân, một số ít là do hoàn cảnh khó khăn (bố mẹ, người thân gia đình ốm đau,...) **[H11.11.01.08]**. So với các CTĐT của Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, ĐHLN và ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Vinh thì lý do thôi học của SV ngành CNSH có phần đơn điệu hơn (lý do cá nhân) **[H11.11.01.08]**, **[H11.11.01.09]**.

Số liệu SV tốt nghiệp nêu trên đều được nêu trong các Báo cáo của Trường ĐHLN qua các Quyết định ban hành Quy trình công nhận tốt nghiệp và được đối sánh với cùng ngành CNSH của Trường ĐH Nông Lâm Bắc Giang **[H11.11.01.10]**, **[H11.11.01.11]**.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập với danh sách SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Tỷ lệ này được đánh giá, phân tích và theo dõi đồng thời so sánh với những năm trước để xác định nguyên nhân làm cơ sở đề xuất kế hoạch hành

động cụ thể thông qua hệ thống các phòng, ban chức năng cũng như các cán bộ phụ trách nhằm cải thiện chất lượng CTĐT. Từ đó, đối sánh với các ngành khác trong và ngoài trường, tỷ lệ SV ngành CNSH tốt nghiệp cao (trung bình 70-90%), tốt nghiệp chủ yếu trong giai đoạn học tập 04 năm. Lý do SV ngành CNSH thôi học chủ yếu do lý do cá nhân.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ SV thôi học và buộc thôi học (tập trung ở các khóa Khóa K57 và K58 có tỷ lệ cao nhất (dao động từ 3-5 em/lớp) với tỷ lệ khoảng 7,4-9,3% (lý do cá nhân).

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Phòng tổng hợp phối kết hợp với Phòng CT & CTSV cũng như CVHT kiểm tra việc đăng ký và học tập của SV từng kỳ.	Viện CNSH LN	Thường xuyên
2	Tư vấn cho các em về cách thức giải quyết (học bù, học lại) khi thiếu số tín chỉ trước khi ra trường.	CVHT	Trước khi ra trường 01 năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng Đào tạo được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình và giám sát dữ liệu về người học tham gia CTĐT, **[H11.11.02.01]**.

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, thời gian tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành CNSH là 4,0 năm **[H11.11.01.05]**. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, thời gian tốt nghiệp có thể bị kéo dài hơn do SV phải cần thêm thời gian để tích lũy đủ điểm tốt nghiệp hoặc muốn nâng cao hạng tốt nghiệp.

Các dữ kiện về diễn biến, thời gian tốt nghiệp được thể hiện ở *bảng 11.02.01, 11.02.02* **[H11.11.02.02]**. Các số liệu này được cập nhật đến ngày 06/5/2019.

Bảng 11.02.01. Diễn biến tốt nghiệp ngành CNSH (Cơ sở chính)

TT	Khóa	Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Số người học hoàn thành chương trình trong thời gian				Tỉ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			
					3 năm	3,5 năm	4 năm	4,5 năm	3 năm	3,5 năm	4 năm	4,5 năm
1	K56	2011-2015	39	37	0	0	34	3	0	0	91.89	8.11
2	K57	2012-2016	62	41	0	0	38	3	0	0	92.68	7.32
3	K58	2013-2017	173	139	0	0	129	10	0	0	92.81	7.19
4	K59	2014-2018	171	104	0	0	91	13	0	0	87.50	12.50
5	K60	2015-2019	41	41	0	0	36	5	0	0	87.80	12.20

Bảng 11.02.02. Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành CNSH (Cơ sở chính)

TT	Khóa	Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Thời gian tốt nghiệp			
					Trước 4 năm	4 năm	Trên 4 năm (4,5)	Thời gian tốt nghiệp trung bình toàn khóa
1	K56	2011-2015	39	37	0	34	3	4.04
2	K57	2012-2016	62	41	0	38	3	4.03
3	K58	2013-2017	173	139	0	129	10	4.04
4	K59	2014-2018	171	104	0	91	13	4.06
5	K60	2015-2019	41	41	0	36	5	4.06

Thời gian tốt nghiệp trung bình theo từng khóa được tính theo công thức:

$$\sum_{i=1}^n \frac{SSV_i * i}{TSSV}$$

Trong đó: SSV_i là số lượng SV tốt nghiệp năm thứ i

i là số năm đào tạo tương ứng với năm thứ i , $i = 3, 4, \dots, n$ (năm)

TSSV là tổng số SV đã tốt nghiệp toàn khóa.

Kết quả trích xuất dữ liệu từ phần mềm tác nghiệp tín chỉ của nhà trường cho thấy trong 5 năm qua (từ 2015 – 2019), thời gian tốt nghiệp trung bình của người học

ngành CNSH là từ 4,03 năm đến 4,06 năm, kể cả khóa K58 với số lượng SV đông nhất (139 SV) thì thời gian tốt nghiệp chung bình của toàn khóa cũng là 4,04 năm. Đối với phân hiệu của Trường (Trảng Bom, Đồng Nai), K60 (2015-2019) có 35/35 (100%) tốt nghiệp dưới 4,5 năm. Kết quả này thấp hơn so với mặt bằng chung của một số chương trình đào tạo khác trong trường (4,18 năm) và của ngành Quản lý tài nguyên rừng và môi trường (4,2 năm). Một số SV chậm tốt nghiệp do đi thực tập tại nước ngoài (Israel) theo chương trình của Bộ NN&PTNT [H11.11.02.02]. Sau 02 năm các em quay trở lại và hoàn thiện các môn học và khóa luận tốt nghiệp đúng thời hạn yêu cầu. Theo thống kê của Phòng Đào tạo [H11.11.02.02], trong các năm từ 2015 tới năm 2019 (tương ứng các khóa 56, 57, 58, 59, 60), tỷ lệ SV hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định (4 năm) khá cao, tương ứng các khóa từ K56 đến K59 như sau: 91,89%, 92,68%, 92,81%, 87,50%, 87,80%, trung bình đạt 86,08%. Không có SV nào tốt nghiệp trước thời hạn 04 năm và phần trăm còn lại là lượng SV tốt nghiệp với thời gian học tập trên 4 năm, chiếm 13,92% (bảng 11.02.01). Các CVHT, Ban cán sự lớp thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của từng SV và có những giải pháp cho phù hợp như: gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn làm rõ thêm, tháo gỡ những khó khăn trong học tập của cả tập thể lớp SV [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

Không chỉ dừng lại ở việc thống kê, tổng hợp, hằng năm, Nhà trường đã có những phân tích về tình hình chậm học, thôi học của SV ngành CNSH, theo đó lý do chính là do cá nhân, một số em SV do đi thực tập ở nước ngoài (Israel). Ngoài ra, Nhà trường cũng đã có những thông báo về học bổ sung, hỗ trợ SV học bổng nhằm giúp các em có thể hoàn thành chương trình học sớm và đỡ khó khăn về vấn đề tài chính [H11.11.02.05], [H11.11.02.06].

Thường kỳ hàng tháng, Đảng ủy Nhà trường cũng ra các nghị quyết liên quan đến các hoạt động SV, công tác cổ vũ hay những hoạt động hỗ trợ khác giúp SV có thêm động lực học tập và cơ hội xin việc làm sau khi ra trường [H11.11.02.07].

Các số liệu về tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV ngành CNSH khá cao (đạt 50%), thấp hơn so với ngành Quản trị kinh doanh của Trường (59,2%) [H11.11.02.08], [H11.11.02.09]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành CNSH là từ 4,03 năm đến 4,06 năm, chậm nhất ở các khóa K59 (năm học 2014-2018) và khóa K60 (năm học 2015-2019) với thời gian là 4,06 năm, nhanh nhất thuộc các K57 (năm học 2012-2016) và K56 (năm học 2011-2015) ở các mức lần lượt là 4,03 và 4,04 năm

(Bảng 11.02.02).

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống tác nghiệp tin chỉ giám sát chặt chẽ thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả CTĐT. Thông qua số liệu trích xuất, hằng năm, Phòng Đào tạo có báo cáo đánh giá, phân tích nguyên nhân tốt nghiệp muộn của SV để từ đó đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV nhằm giảm thời gian học tập.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù riêng chương trình, SV khó có thể học vượt.

Còn một số SV gặp khó khăn khi trả nợ môn do đặc thù chương trình nên đăng ký học nâng điểm, trả nợ học phần gặp khó khăn do số lượng đăng ký quá ít.

Một số em thời gian học còn kéo dài do tham gia các chương trình thực tập quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Rà soát lại chương trình, điều chỉnh để thuận lợi cho các em học trước, học vượt.	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020 - 2021 và hằng năm
2	Tư vấn cho các em về thời gian có thể tốt nghiệp và những điều kiện để SV có thể tốt nghiệp sớm sau khi đi thực tập sinh ngoài nước về.	CVHT	Từ năm học 2020 - 2021 và hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm, đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp, môi trường làm việc ổn định, phát huy được năng lực đào tạo. Từ các năm trước, Trường ĐHLN đã có các quyết định về phân công nhiệm vụ các đơn vị theo dõi tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ này được giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng [H11.11.03.01].

Ngoài ra, Viện CNSH LN cũng đã tự thực hiện khảo sát tỷ lệ có việc làm, từ đó có thể cải tiến CTĐT cho phù hợp với xu thế mới và đáp ứng được yêu cầu của NTD (bảng 11.11.03.01).

Bảng 11.11.03.01: Tỷ lệ có việc làm của SV CNSH sau khi tốt nghiệp

Năm khảo sát	Số lượng phỏng vấn	Tỷ lệ có việc làm	Tỷ lệ chưa có việc làm	Thời gian có việc làm (%)		
				<6 tháng	6 - 1 năm	1-2 năm
2015	33	63,6%	36%			
2016	33	13%	10%			
2017	-	-	-			
2018						
2019	66	96,97%	3,03%	83,33	10,60	3,03

Kết quả trong bảng được tổng hợp từ kết quả khảo sát của Nhà trường đối với SV và cựu SV theo các hình thức online và phát phiếu cho thấy (theo số liệu hiện có) tỷ lệ có việc làm giao động từ 13% (K57) đến 96,97% (K60), trong đó riêng K60 (ra trường năm 2019), tỷ lệ có việc làm dưới 6 tháng chiếm 83,33%, từ 6 tháng đến 01 năm là 10,6%, từ 1-2 năm chỉ là 3,03% **[H11.11.03.02]**. Ở K56 (ra trường năm 2015) số lượng SV chưa có việc làm là 12/33 em, có 8/33 em chưa có việc làm nhưng đang theo học nâng cao. Có 13 em làm trong khu vực nhà nước, không có em nào làm trong khu vực tư nhân. Đối với tình trạng chung K56 sau khi ra trường trong toàn trường, tỷ lệ có việc làm dưới 6 tháng là 72,9%. Đối với K57 (chung toàn trường), tỷ lệ có việc làm dưới 1 năm là 84,3% và chủ yếu làm việc trong khu vực tư nhân (68,7%), khu vực nhà nước là 21,2%. Đối với SV K58, 59 (tốt nghiệp năm 2018) có tỷ lệ có việc làm trong 6 tháng là 79,19% và từ 6 tháng đến 1 năm là 17,04%, trong đó ngành CNSH có việc làm trong khối Nhà nước chiếm 24,2%, tư nhân chiếm 54,6%, tự tạo việc làm và có yếu tố nước ngoài đều là 9,1%. K59, số SV sau tốt nghiệp làm việc đúng ngành đào tạo là 28,79%, gần ngành là 30,3% và không đúng ngành đào tạo là 37,88% **[H11.11.03.02]**.

Về mức thu nhập bình quân tháng của SV ngành CNSH sau khi ra trường và đối sánh với các ngành trong trường được thể hiện ở *Bảng 11.11.03.02* (số liệu của SV K58, 59). Qua đó cho thấy tỷ lệ SV ra trường có mức thu nhập từ 6-10 triệu/tháng chiếm tỷ lệ cao nhất (42,4%), từ 4-6 triệu/tháng và trên 10 triệu/tháng chiếm cùng tỷ lệ 22,7%, từ 3-4 triệu/tháng chiếm 9,1%. So với các ngành khác trong trường ĐHLN, mức thu nhập của SV ngành CNSH sau khi ra trường ở mức trung bình. So với ngành Kiến trúc cảnh quan, Vật liệu, Quản lý đất đai thì vẫn ở mức khá khiêm tốn [H11.11.03.02]. Đối sánh với Trường Đại học Hồng Đức (Thanh Hóa) (19,68% ở mức trên 5 triệu/tháng), SV ngành CNSH và chung toàn trường đều cao hơn [H11.11.03.04].

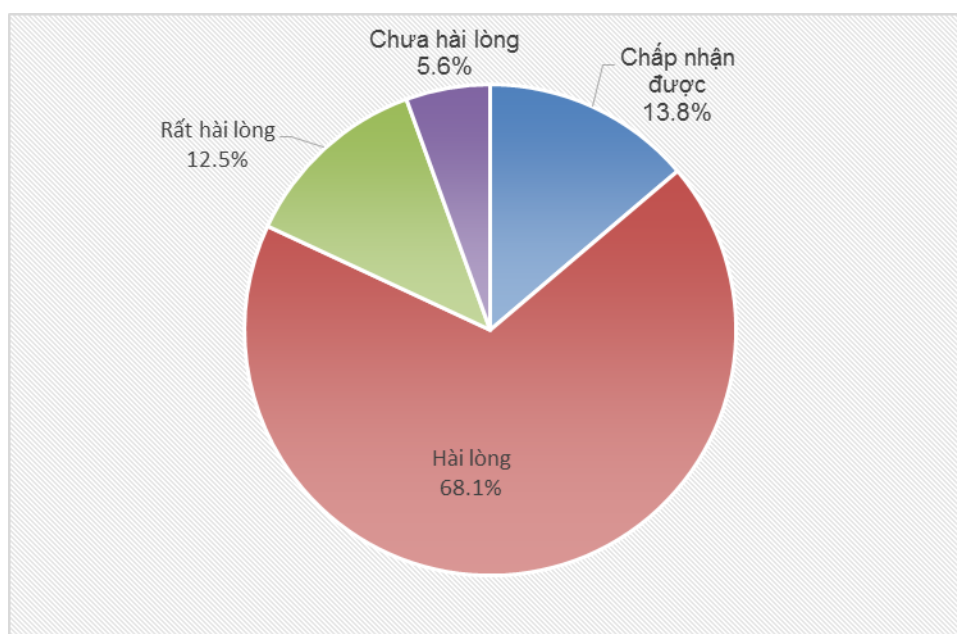
Bảng 11.11.03.02: Mức thu nhập bình quân/tháng của SV CNSH sau khi tốt nghiệp năm 2018, 2019 (Nguồn: Phòng KT&ĐBCL, 15/12/2019; [H11.11.03.02])

TT	Tên ngành đào tạo	Từ 2 – 4 triệu		Từ 4 - 6 trđ		Từ 6 - 10 trđ		Trên 10 trđ	
		số lượng	tỷ lệ	số lượng	tỷ lệ	số lượng	tỷ lệ	số lượng	tỷ lệ
1	Công nghệ chế biến lâm sản	0		2	8,3	17	70.8	5	20.8
2	Công nghệ vật liệu	0		0		5	100.0	0	
3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	0		0		5	55.6	4	44.4
4	Kỹ thuật cơ khí	0		0		2	66.7	1	33.3
5	Kỹ thuật công trình xây dựng	0		5	20.0	7	28.0	13	52.0
6	Kiến trúc cảnh quan	1	3.6	1	3.6	18	64.3	8	28.6
7	Lâm nghiệp đô thị	1	2.2	4	8.9	38	84.4	2	4.4
8	Công nghệ sinh học	6	9.1	15	22.7	28	42.4	15	22.7
9	Khuyến nông	2	22.2	4	44.4	3	33.3	0	
10	Quản lý đất đai	9	9.9	22	24.2	51	56.0	9	9.9
11	Lâm sinh	12	28.6	14	33.3	14	33.3	2	4.8
12	Lâm nghiệp	3	33.3	5	55.6	1	11.1	0	0.0
13	Quản lý tài nguyên thiên nhiên (CTTT)	4	22.2	6	33.3	7	38.9	1	5.6
14	Quản lý tài nguyên thiên nhiên (CT chuẩn)	10	18.9	17	32.1	15	28.3	11	20.8
15	Quản lý tài nguyên rừng	7	12.1	19	32.8	22	37.9	10	17.2

TT	Tên ngành đào tạo	Từ 2 – 4 triệu		Từ 4 - 6 trđ		Từ 6 - 10 trđ		Trên 10 trđ	
		số lượng	tỷ lệ	số lượng	tỷ lệ	số lượng	tỷ lệ	số lượng	tỷ lệ
16	Khoa học môi trường	5	8.5	12	20.3	28	47.5	14	23.7
17	Quản trị kinh doanh	1	7.7	1	7.7	5	38.5	6	46.1
18	Kế toán	2	6.9	12	41.4	13	44.8	2	6.9
19	Kinh tế	2	7.4	7	26.0	13	48.1	5	18.5
20	Kinh tế nông nghiệp	7	30.4	8	34.8	6	26.1	2	8.7
21	Hệ thống thông tin	1	3.4	3	10.3	16	55.2	9	31.1
22	Tổng toàn Trường	73	11.01	157	23.7	314	47.4	119	17.95

Mức độ hài lòng về kiến thức và kỹ năng được trang bị trong nhà trường cho thấy có tới 51% ý kiến phản hồi ở mức hài lòng và rất hài lòng, 40,5% ở mức tạm chấp nhận được. Có 74,1% NTD đánh giá cao những đóng góp của cựu SV, 21,6% ở mức độ tạm chấp nhận được. Các kiến thức kỹ năng mà các NTD yêu cầu như: Các kiến thức và kỹ năng chuyên môn là 61,8%, kiến thức và kỹ năng giao tiếp là 48,8%, các phần mềm ứng dụng phổ biến là 50,6%, các kiến thức và kỹ năng hỗ trợ chuyên môn là 41,9%, các kỹ năng mềm khác là 35,5% **[H11.11.03.02]**. Kết quả khảo sát là cơ sở để đánh giá lại mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của Khoa và Nhà trường từ đó đề ra các giải pháp phát huy kết quả đạt được và khắc phục những hạn chế trong quá trình dạy học từ đó nâng cao và hoàn thiện CTDH của Viện và Nhà trường **[H11.11.03.02]** (hình 11.11.03.01).

Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã ban hành quy trình thực hiện và hỗ trợ người tốt nghiệp chưa có việc làm thông qua cổng thông tin điện tử của Nhà trường, Khoa, Viện **[H11.11.03.03]** và giao nhiệm vụ cho Phòng CT&CTSV là đầu mối duy trì các hoạt động hỗ trợ Khoa, Viện và Nhà trường trong việc cung cấp thông tin đến với người tốt nghiệp **[H11.11.03.03][H11.11.03.05]**. Nguyên nhân SV tốt nghiệp chưa có việc làm hoặc chưa tìm được việc làm được ghi chép và phân tích nhằm tìm ra nguyên nhân và các biện pháp, tư vấn hỗ trợ người tốt nghiệp **[H11.11.03.03]**. Số liệu thu thập được thảo luận, phân tích nguyên nhân và xây dựng phương án hỗ trợ người tốt nghiệp như liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo; tổ chức ngày hội việc làm; thông báo giới thiệu việc làm cho SV chuẩn bị tốt nghiệp và đã tốt nghiệp trên cổng thông tin điện tử nhà trường **[H11.11.03.04][H11.11.03.05]**.



Hình 11.11.03.01. Mức độ hài lòng khi sử dụng lao động tại Trường ĐHLN

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Viện tạo các điều kiện tốt nhất cho SV Chương trình CNSH, đặc biệt trong việc thực hành thực tập, đi đến cơ sở sản xuất thực tế, qua đó giúp SV sau tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu từ NTD về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao. Thêm vào đó, tăng thời lượng thực hành, thực tập cũng như bố trí học kỳ doanh nghiệp là một trong những điểm mạnh của Viện nhằm bước đầu cho các em SV làm quen với môi trường làm việc, quen với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp cũng như trang bị thêm những kỹ năng thực tế nhằm tăng thêm cơ hội việc làm cho các em sau ra trường.

Các cam kết, liên kết đã được ký giữa Viện và các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNSH nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu thực tế của các NTD cũng như tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa Viện và NTD hằng năm để tăng thêm vị trí việc làm cho các em sau khi ra trường.

SV sau ra trường năng động, sáng tạo có thể thích ứng nhiều vị trí việc làm trong Nhà nước, ngoài tư nhân, tự thành lập doanh nghiệp hay tiếp tục phát triển ở các mức học vấn cao hơn.

Có được sự hỗ trợ, hợp tác tích cực từ cựu SV, NTD khi lấy ý kiến phản hồi.

3. Điểm tồn tại

SV ra trường tuy có việc làm với tỷ lệ khá cao, nhưng mức thu nhập/tháng còn thấp. Nhiều SV sau tốt nghiệp vẫn còn làm trái ngành, trái nghề. Tỷ lệ theo học nâng

cao hay làm việc với các đối tác nước ngoài còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phân tích, so sánh số SV sau TN có việc/chưa có việc của ngành trong trường với các trường khác trong nước và quốc tế.	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020 - 2021
2	Tổng hợp các lý do làm trái ngành để có phương thức cải tiến CTĐT.	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động khoa học và công nghệ là một trong các nhiệm vụ chính của trường ĐHLN nói chung và Viện CNSH LN nói riêng được quy định rõ trong Quy chế quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường [H11.11.04.01]. Hoạt động khoa học công nghệ không chỉ là hoạt động của các nhà khoa học và GV mà còn là hoạt động thường xuyên của SV. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong đó chỉ rõ các loại hình nghiên cứu (cơ bản, ứng dụng, và xã hội) và phân bổ số lượng các hoạt động NCKH đối với người học cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, CDR của CTĐT trong cơ sở giáo dục. Để đảm bảo hoạt động NCKH được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, Nhà trường đã có hệ thống giám sát, đánh giá hoạt động NCKH của người học thông qua các quy định/hướng dẫn thực hiện đề tài nghiên cứu; nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH; hồ sơ theo dõi tiến độ; đánh giá sản phẩm; công bố kết quả sản phẩm NCKH [H11.11.04.01].

Hằng năm, hoạt động NCKH trong SV được Nhà trường triển khai, thông báo bằng văn bản đến các Khoa và toàn thể SV. Căn cứ vào thông báo của Nhà trường, Viện triển khai thực hiện đến các lớp SV và đăng ký chuyên đề NCKH SV phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H11.11.04.02] [H11.11.04.03] (bảng 11.11.04.01).

Bảng 11.11.04.01. Danh mục đề tài NCKH SV đạt giải các cấp [H11.11.04.03]

Stt	Cấp dự thi	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
-----	------------	------	-----	----	--------------

1	Cấp Quốc tế	0	0	0	0
2	Cấp Bộ - Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam	0	2	1	3
3	Olympic cơ học toàn quốc	0	0	0	0
4	Khởi nghiệp Lâm nghiệp	1	1	1	1
5	Khởi nghiệp Quốc gia	0	1	1	0
6	Nông Lâm Ngư Thủy lợi toàn Quốc	1	1	0	0
7	Cấp Trường	7	8	9	15

Qua bảng trên cho thấy, số loại hình NCKH SV các cấp và đạt giải của Viện CNSH LN là phong phú và đa dạng: NCKH SV hằng năm (02 lần/năm), cuộc thi sáng tạo, khởi nghiệp, cấp Bộ - Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam, Nông Lâm Ngư Thủy lợi toàn Quốc; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học SV, các giải thưởng KHCN ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của SV [H11.11.04.02] [H11.11.04.03]. Số lượng nhóm SV đăng ký NCKH hằng năm giao động từ 21 đến 50 nhóm với khoảng trên 60 SV tham gia (khoảng 30% số SV), trong đó tỷ lệ hoàn thành trên 80% [H11.11.04.02][H11.11.04.03] (bảng 11.11.04.02, bảng 11.11.04.03).

Bảng 11.11.04.02: Số lượng các nhóm NCKH SV ngành CNSH qua các năm

Năm học	Đăng ký	Hoàn thành	Không hoàn thành
2012-2013	21	17	4
2013 -2014	24	20	4
2014- 2015	32	29	3
2015-2016	40	33	7
2016-2017	50	31	19
2017- 2018	34	29	5
2018-2019	32	21	11
2019-2020	19	19	0

Bảng 11.11.04.03: Số các nhóm NCKH SV ngành CNSH đạt giải qua các năm

Năm học	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
2008-2009	0	0	0	2

2009-2010	0	0	1	0
2010-2011	1	1	1	0
2011-2012	1	1	1	3
2012-2013	1	1	1	1
2013-2014	1	1	1	1
2014-2015	1	2	1	2
2014-2015	1	2	1	3
2016-2017	1	0	2	3
2017-2018	1	1	2	2
2018-2019	1	1	1	2
Tổng	9	10	12	19

Các đề tài NCKH cấp trường của các em SV đều tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu trọng điểm của Viện cũng như của lĩnh vực CNSH như Công nghệ nuôi cấy mô tế bào, gen di truyền, vi sinh – hóa sinh, chọn tạo giống,...nhiều nhóm nghiên cứu đã đoạt các giải cao ở các cấp bậc khác nhau (*Bảng 11.11.04.01*).

Nhà trường và Viện luôn có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV thông qua các quy định/hướng dẫn đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ, công bố,... [H11.11.04.01], [H11.11.04.02], [H11.11.04.03], [H11.11.04.04]. Hằng năm, Viện và Trường đều tổ chức các hội nghị tổng kết [H11.11.04.03] và trao các giải thưởng cho các nhóm SV NCKH và cho các GV hướng dẫn SV NCKH có thành tích trong NCKH. Số lượng các loại hình NCKH của SV được Viện và Trường thống kê, giám sát hằng năm để có những hình thức khen thưởng, khuyến khích, động viên cho các SV xuất sắc nhằm tạo sự thúc đẩy cho phong trào NCKH SV [H11.11.04.04][H11.11.04.05][H11.11.04.06].

Về kinh phí NCKH SV được Nhà trường hỗ trợ kinh phí theo quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường với mức chi phí là 800.000 đồng/1 đề tài từ trước năm 2015, và 1.200.000 đồng/đề tài từ sau 2015 đến nay [H11.11.04.02], phòng KHCN là đơn vị trực tiếp giám sát tiến độ và đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH SV hằng năm. Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV được thể hiện trong *bảng 11.11.04.03* Số lượng kinh phí thể hiện là kinh phí hỗ trợ của Nhà Trường, tuy nhiên các nhóm SV còn được hỗ trợ từ các nhóm nghiên cứu, người hướng dẫn

[H11.11.04.04]. Ngoài ra, việc động viên, giám sát và khen thưởng các nhóm nghiên cứu đạt giải cũng được Nhà trường thực hiện thường xuyên, có các quyết định và kinh phí khen thưởng rõ ràng cho từng năm học **[H11.11.04.04]**.

Bảng 11.11.04.03: Kinh phí hỗ trợ NCKH SV ngành CNSH

Năm học	2014-15	2015-16	2016-17	2017-18	2018-19
Số lượng	20	33	42	28	20
Kinh phí	11,4 triệu	26,4 triệu	16,3 triệu	22,4 triệu	24 triệu

Đối sánh với Khoa QLTNR&MT của Trường DHLN cho thấy tỷ lệ SV NCKH, giải thưởng các cấp, kinh phí hỗ trợ của ngành CNSH là tương đương nhau, mặc dù Khoa QLTNR&MT tính gộp cho toàn ngành đào tạo trong Khoa **[H11.11.04.07]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường bố trí bộ phận chuyên trách là Phòng Khoa học Công nghệ theo dõi, giám sát và hỗ trợ các hoạt động NCKH SV nên loại hình cũng như số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác lập, theo dõi và giám sát.

SV tham gia tích cực trong NCKH với loại hình đa dạng và số lượng lớn đề tài đã thực hiện, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường, Viện và các giáo viên hướng dẫn. Có nhiều nhóm SV tham gia NCKH đã đạt những giải thưởng các cấp. Số bài báo xuất bản từ những công trình NCKH SV cũng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Nhiều SV khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường đã có các bài báo được đăng trên các tạp chí KHCN uy tín trong nước.

Có sự đối sánh và thi đua giữa các khoa, viện trong trường cũng như các trường trong nước để khuyến khích và động viên người học tham gia NCKH.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài thực nghiệm, khảo sát thực tế còn chưa nhiều do khó khăn về thời gian và kinh phí. Chưa có sự so sánh đối chiếu với các trường ở trong nước và quốc tế. Mức đầu tư chưa thực sự tương xứng với xu thế và sự phát triển của thời đại.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tích cực cử SV xuống các doanh nghiệp thực hiện các nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tiễn.	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020 - 2021

2	Rà soát, đối chiếu với các loại hình nghiên cứu của các trường bạn trong nước và quốc tế.	Viện CNSH LN	Từ năm học 2020 - 2021
---	---	--------------	------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mức độ hài lòng của các bên liên quan là tiêu chí được xác lập nhằm mục đích giám sát, đối sánh và đánh giá chất lượng CTĐT; Cơ sở vật chất; CTDH... của CSĐT. Hiểu rõ sứ mạng và trách nhiệm to lớn này, Nhà trường giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động khảo sát các bên liên quan là phòng KT&ĐBCL và trung tâm XTĐT&DH [H11.11.05.01]. Trước khi đánh giá chất lượng đào tạo, Nhà trường và các bên liên quan đến cơ sở vật chất trong trường đều có thông báo và sau đó là báo cáo về kết quả đánh giá của giảng viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, KTX [H11.11.05.02]. Tiếp đến là đánh giá của SV mới nhập học, SV đang học về cách thức tổ chức dạy học,.. [H11.11.05.03] hay khảo sát của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, chất lượng toàn khóa học [H11.11.05.04]. Trung tâm XTĐT&DH là đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện khảo sát: NTD và cựu SV, công cụ, phương pháp triển khai/tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan (cán bộ, GV, nghiên cứu viên, người học, người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động...). Từ năm 2019, việc theo dõi, liên hệ với SV sau khi tốt nghiệp được phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng phụ trách [H11.11.05.01]. Quá trình đánh giá được thực hiện công khai theo quyết định của Nhà trường và thông qua phiếu đánh giá môn học và GV, kết quả đánh giá được tổng hợp và phản hồi về bộ môn và GV làm căn cứ để đánh giá và điều chỉnh quá trình dạy học cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.05.05] [H11.11.05.06].

Bảng 11.11.05.01: Số lượt đánh giá GV và môn học của người học

Năm	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
HK I	1116	1580	4851	3582	2814	1121
HK II	1558	1578	4296	4679	921	773
Tổng số	2674	3158	9147	8261	3735	773

Trên cơ sở kết quả đánh giá, bộ môn tổ chức họp lấy ý kiến và đề xuất giải pháp cải thiện nâng cao chất lượng giảng dạy và có ý kiến phản hồi về phòng KT&ĐBCL để tổng hợp gửi BGH nhà trường nhằm cải tiến các mặt hoạt động, nâng cao chất lượng dạy học. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến của cán bộ, GV về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo cũng thường xuyên được thực hiện theo quyết định của Nhà trường [H11.11.05.01] và thông qua các kênh thông tin như sổ ghi ý kiến GV tại giảng đường [H11.11.05.02]; khảo sát thông qua phiếu khảo sát được gửi về các bộ môn, khoa, viện. Kết quả khảo sát được tổng hợp và gửi báo cáo về các đơn vị chức năng làm căn cứ khắc phục, cải tiến và hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy và học của GV, SV [H11.11.05.03] [H11.11.05.05].

Bảng 11.11.05.02: Mức độ hài lòng của GV về CSVC [H11.11.05.02]

STT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ	Năm học		
			2017 (%)	2018 (%)	2019 (%)
1	Thư viện	Rất đồng ý	9.33	20.45	21.43
		Đồng ý	38.67	51.52	59.52
		Tạm CN	36.00	25.00	19.05
		Không CN	5.33	0.76	0.00
		Không đánh giá	12.00	0.00	0.00
2	Phòng học, Giảng đường	Rất đồng ý	9.33	18.18	32.14
		Đồng ý	38.67	65.15	49.40
		Tạm CN	30.67	14.39	17.26
		Không CN	8.00	0.00	1.19
		Không đánh giá	17.33	0.00	0.00
3	Phòng TNTH	Rất đồng ý	9.33	19.70	31.55
		Đồng ý	54.67	65.15	52.38
		Tạm CN	22.67	13.64	14.88
		Không CN	12.00	0.00	1.19
		Không đánh giá	0.00	0.00	0.00
4	Phòng làm việc	Rất đồng ý	5.33	21.97	27.38
		Đồng ý	29.33	43.18	45.83
		Tạm CN	40.00	26.52	23.81

		Không CN	10.67	6.06	2.98
		Không đánh giá	17.33	0.00	0.00
5	Công nghệ thông tin	Rất đồng ý	1.00	9.66	28.21
		Đồng ý	34.00	52.84	49.64
		Tạm CN	39.00	34.09	18.93
		Không CN	17.00	1.14	3.21
		Không đánh giá	9.00	0.00	0.00

Nhìn chung, các ý kiến đánh giá đều hài lòng hoặc chấp nhận được với cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập của GV và SV trong trường **[H11.11.05.02]**. Việc lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan được thực hiện một cách cầu thị, tiếp thu nghiêm túc và các ý kiến đóng góp này cũng là một nhân tố quan trọng để điều chỉnh CTDH. Trong trường hợp có những ý kiến đóng góp mà chưa đáp ứng được ngay thì nhà trường cũng có phản hồi kịp thời. Cơ sở của việc phát triển, xây dựng và điều chỉnh CTĐT, CTDH dựa trên sự xác lập, giám sát và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan trong việc tuyển dụng SV ngành CNSH. Cụ thể Nhà trường đã có các văn bản, phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội **[H11.11.05.07]**, **[H11.11.05.08]**, đặc biệt là đội ngũ cựu SV của Trường **[H11.11.05.09]**.

Bảng 11.11.05.03: Mức độ hài lòng của cựu SV và NTD đối với CTĐT và CTDH của ngành CNSH [H11.11.05.03].

STT	Đối tượng đánh giá	Mức độ đánh giá										Tổng số
		Rất hài lòng		Hài lòng		HL, Chưa chấp nhận		Chấp nhận		Không chấp nhận		
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	
1	Cựu SV	7	10.94	33	51.56	1	1.56	20	31.25	3	4.69	64
2	NTD											78
2.1	Chung											
2.2	Kiến thức kỹ năng chuyên môn	12	15.38	58	74.36	8	10.26	0	0.00			
2.3	Kiến thức kỹ năng giao tiếp	13	16.67	43	55.13	21	26.92		0.00			
2.4	Phần mềm ứng dụng	15	19.23	47	60.26	12	15.38	2	2.56			
2.5	Kiến thức và kỹ năng hỗ trợ chuyên môn	7	8.97	25	32.05	37	47.44	7	8.97			
2.6	Các kỹ năng mềm khác	10	12.82	54	69.23	12	15.38	1	1.28			

Song song với quá trình hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Nhà trường, công tác đánh giá cán bộ, GV cũng được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm không ngừng hoàn thiện đội ngũ GV có đủ năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu và sự nghiệp đào tạo của nhà trường **[H11.11.05.05]**. Kết quả rà soát, đánh giá CBGD và GV tập sự được báo cáo về BGH Nhà trường để đề xuất các giải pháp sử dụng nguồn nhân lực một cách có hiệu quả trong chiến lược phát triển của Nhà trường.

Đối với SV đang theo học ngành CNSH cũng như SV các ngành đào tạo khác của Trường, trước khi kết thúc mỗi môn học, SV được cung cấp phiếu đánh giá môn học. Qua ý kiến đánh giá của SV có thể thấy SV hài lòng nhất đối với đội ngũ GV giảng dạy ngành CNSH của Trường ĐHLN (GV nhiệt tình, có phương pháp giảng dạy tốt, tôn trọng và sẵn sàng giúp đỡ SV,..); Tiếp theo đó, SV cũng đánh giá tốt về mục tiêu, nội dung, chương trình,...của các môn học; Về phục vụ và hỗ trợ giảng dạy, SV tuy chưa thực sự hài lòng, nhưng cũng đánh giá khá tốt trong công tác chuẩn bị phòng học cũng như các thiết bị hỗ trợ giảng dạy mà Nhà trường đã đầu tư chung cho giảng đường, thư viện. Từ kết quả đánh giá môn học **[H11.11.05.04]** (*Bảng 11.11.05.04a,b; Phần phụ lục*), Nhà trường có sự bổ sung các thiết bị hỗ trợ học tập. Theo số liệu của Phòng TCKT, ngân sách của Trường dành cho đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất có gia tăng trong các năm từ 2015 đến 2019 (từ trên tỷ bảy đến 3 tỷ tư), với tổng các năm (đến tháng 6/2020) là gần 14 tỷ VND **[H11.11.05.02]**.

Trong ngày nhận bằng tốt nghiệp, SV mới tốt nghiệp cũng được Nhà trường lấy ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo và nhận xét về công tác phục vụ của Trường đối với SV. Các SV này vừa trải qua quá trình *đào tạo* cả một khóa học tại Trường nên có những nhận xét và góp ý khá toàn diện, SV tốt nghiệp khóa đầu tiên của ngành CNSH bày tỏ sự hài lòng với chương trình học tập, cách bố trí các môn học, tỷ lệ học lý thuyết/thực hành,...và công tác phục vụ của Trường như: ký túc xá, thư viện, vệ sinh y tế, văn hóa thể thao,.. tất cả các yếu tố này đã góp phần tạo nên môi trường học tập tốt, khuyến khích sự phát triển của SV.

Cụm SV sau được Nhà trường gửi phiếu khảo sát về tình trạng việc làm và góp ý cho chương trình đào tạo. Hầu hết SV đánh giá những kiến thức, kỹ năng học được ở Trường là có ích và phù hợp với công việc, SV cũng bày tỏ sự hài lòng với chương trình đào tạo hiện nay của ngành (với 96,15% cựu sinh viên tham gia khảo sát khẳng

định CDR của ngành đáp ứng được mong đợi của họ, chỉ có 3,85% đánh giá rằng CDR của ngành chưa đáp ứng được mong đợi của bản thân) [H11.11.05.04].

Ngành CNSH cũng nhận được phản hồi tích cực từ thị trường lao động thông qua ý kiến đơn vị tuyển dụng về SV tốt nghiệp của ngành. Các NTD khá hài lòng với tinh thần thái độ, khả năng vận dụng kiến thức trong công việc, kiến thức chuyên môn,... Bên cạnh đó, các NTD cũng chỉ ra những điểm yếu của SV ngành CNSH và các kỹ năng kiến thức mong muốn Nhà trường bổ sung cho SV khóa sau để nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.05.03].



Hình 11.11.05.04: Ý kiến phản hồi của SV về Chương trình đào tạo

Nhà trường hằng năm đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá về công tác quản lý đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy... của tất cả cán bộ GV, trợ giảng tham gia vào công tác đào tạo [H11.11.05.02]. Các đơn vị như Khoa, Bộ môn hàng kỳ đều tổ chức các cuộc họp về việc đánh giá GV và môn học của SV, thực tế cho thấy sự đánh giá của người học có tác dụng lớn đến đội ngũ giảng dạy trong việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, nâng cao mức độ hài lòng của người học [H11.11.05.03].

Đối sánh với với Ngành QLTNR&MT, mức độ hài lòng của SV, NTD, thư viện, trang thiết bị máy móc,...của SV ngành CNSH ở mức tương đương nhau [H11.11.05.10].

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, Viện chưa được thực hiện thường xuyên. CTĐT còn chưa được thay đổi thường xuyên theo xu thế phát triển của xã hội.

4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung công việc	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thúc đẩy, kiểm tra việc lấy ý kiến các bên liên quan	Viện CNSH LN	Năm học 2020-2021
2	Thường xuyên theo sát sự thay đổi của xã hội đối với ngành để có sự thay đổi cần thiết.	Viện CNSH LN	Năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Nhờ sự theo dõi, hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng SV cảnh báo học vụ, thôi học của ngành CNSH giảm. Tỷ lệ tốt nghiệp sau 4 năm học ở mức cao với chất lượng tốt.

SV ngành CNSH luôn tích cực tham gia hoạt động NCKH, từ các đề tài NCKH SV cho đến các đề tài NCKH các cấp. Nhiều SV ngành CNSH đã tham gia và đạt giải thưởng trong các cuộc thi về SV NCKH và cũng được nhận các phần thưởng xứng đáng như: học bổng, giấy khen và bằng khen các cấp.

SV ngành CNSH sau khi tốt nghiệp với trình độ chuyên môn tương đối tốt, đã được nhiều NTD trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực CNSH cũng như các lĩnh vực có chuyên môn gần sử dụng. Trong quá trình làm việc, các em được nhiều phản hồi tích cực từ các NTD như: thích ứng cao với yêu cầu thực tế, ham học hỏi và cầu tiến. Cùng với đó, nhiều em đã tiếp tục theo học các chương trình sau đại học ở các trường trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như số sinh viên ra trường tuy xin được việc nhưng nhiều em vẫn làm trái nghề, chất lượng các phòng thí nghiệm vẫn chưa cao, số

các em làm lãnh đạo cao ở các đơn vị còn hạn chế,...

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNSH tự đánh giá tiêu chuẩn 11: có 3 tiêu chí đạt 5/7 và 2 tiêu chí đạt: 4/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành CNSH

a. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành CNSH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHLN cũng như mục tiêu đào tạo của Viện CNSH LN và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Mục tiêu của ngành được đăng tải trên Website của Viện CNSH LN và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của các NTD nói riêng và toàn xã hội nói chung. Mục tiêu đào tạo của ngành được cụ thể hóa bằng CĐR. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành CNSH được xác định rõ ràng, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu riêng mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành CNSH phản ánh được yêu cầu của GV, người học, cựu người học, NTD thông qua việc lấy ý kiến phản hồi và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

b. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành CNSH đầy đủ và được cập nhật thường xuyên cho phù hợp. Đề cương chi tiết các học phần đầy đủ cho ngành và cho 4 chuyên ngành thuộc ngành. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần của ngành được công bố công khai và các bên liên quan bao gồm: GV; người học; NTD dễ dàng được tiếp cận thông qua Website của Viện và của Nhà trường.

c. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học của ngành CNSH được thiết kế dựa trên CĐR đã được công bố. Trong đó, các đề cương học phần được xây dựng chi tiết. Tỷ lệ các khối kiến thức cơ bản; cơ sở ngành; chuyên ngành được phân bố hợp lý. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng, được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần. CTDH có cấu trúc logic với phần lý thuyết, thực hành, thảo luận. Nội dung chương trình cập nhật với sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, NTD, SV. Cấu trúc CTDH đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức đại cương (30%), khối kiến thức cơ sở ngành (40%) và khối kiến thức chuyên ngành (30%). Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành thí nghiệm cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần.

d. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Điểm nổi bật nhất trong phương pháp tiếp cận dạy và học là sự thay đổi khung chương trình qua các năm học 2015, 2017, 2019; thay đổi về thời lượng lý thuyết, thực hành và bài tập nhằm phù hợp với thực tế, đặc biệt là việc xây dựng học kỳ doanh nghiệp. Việc thiết kế học kỳ doanh nghiệp với các lĩnh vực công nghệ sinh học chuyên sâu khác nhau và giúp các em năm cuối sớm định hướng nghề nghiệp trong tương lai đồng thời giúp các em nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, giải quyết các vấn đề từ thực tiễn,...

Các hoạt động giảng dạy lấy người học làm trung tâm cụ thể hoạt động học tập đa dạng như NCKH dành cho SV, tự học, thảo luận, thuyết trình và hình thức học tập linh hoạt theo hệ đào tạo tín chỉ, giúp người học rút ngắn thời gian học tập mà vẫn đảm bảo đạt chuẩn đầu ra.

e.Tiêu chuẩn 5: Đánh giá KQHT của người học

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành CNSH được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và Nhà trường, phù hợp để đạt được CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Các học phần đều được xây dựng ngân hàng đề thi và đáp án được nhà trường triển khai trên toàn trường qua đầu mối là phòng KT&ĐBCL giúp việc tổ chức đánh giá người học thuận tiện và đảm bảo tính công bằng minh bạch. Các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng: thi vấn đáp, thi tự luận, thi trắc nghiệm. Điều này đảm bảo đánh giá chính xác kiến thức của người học, tùy vào từng học phần mà lựa chọn ra phương pháp đánh giá phù hợp nhất. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

f.Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ GV

Đội ngũ GV, NCV ngành CNSH đảm bảo yêu cầu và có chất lượng trong công tác giảng dạy và NCKH. Việc tuyển dụng GV và NCV được thực hiện đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Trường DHLN, Viện CNSH LN luôn đề cao công tác NCKH để giúp GV, NCV bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Chất lượng đội ngũ GV, NCV hiện nay rất tốt đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH mà Viện và Nhà trường giao. Kết quả công việc của GV ngành CNSH được đánh giá thường xuyên qua hoạt động dự giờ và tổng kết cuối năm (khối lượng giảng dạy, khối lượng NCKH). GV ngành CNSH tích cực tham gia hoạt động NCKH thông qua hướng dẫn đề tài NCKH SV;

Chủ trì và tham gia đề tài cấp cơ sở; đề tài cấp tỉnh, đề tài cấp bộ, cấp Nhà nước; các bài báo khoa học; hoạt động chuyển giao công nghệ;...

g.Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đào tạo ngành CNSH được tuyển dụng theo quy định công khai, minh bạch, đúng chức năng nhiệm vụ và đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Năng lực của khối cán bộ hỗ trợ cũng được đánh giá một cách rõ ràng thông qua biên bản đánh giá hoàn thành nhiệm vụ theo từng năm học. Việc tuyển dụng cán bộ hỗ trợ được xác định phù hợp quy mô và sự phát triển của nhà trường về cơ sở vật chất, SV,...

Hằng năm Trường ĐHLN, Viện CNSH LN tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao công tác chuyên môn, nâng cao kỹ năng và chuyên nghiệp hơn, hiệu quả hơn trong công tác chuyên môn cho từng đối tượng cụ thể. Chính điều này đã giúp cho đội ngũ cán bộ viên chức, nhân viên kỹ thuật hiện nay đang làm việc tại Viện CNSH LN, cũng như tại các phòng ban, thư viện và phòng thí nghiệm Nhà trường đạt chất lượng.

h.Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của ngành CNSH được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo chính sách tuyển sinh của nhà trường. Chính sách này được xác định rõ ràng, công khai và được cập nhật liên tục cho từng ngành. Tiêu chí tuyển sinh được công khai trên thông tin của trường, phương pháp tuyển chọn qua việc nộp hồ sơ. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa được thực hiện đầy đủ thông qua các hoạt động CVHT, hoạt động đoàn thanh niên, hội SV, các câu lạc bộ. Tất cả những điều này tạo thuận lợi cho người học và tâm lý thoải mái giúp người học hoàn thành quá trình học tập tốt hơn.

i.Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống cơ sở vật chất phòng học của nhà trường trang bị đầy đủ cho người học trên lớp tại các giảng đường. Trang bị cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy như máy chiếu, loa, micro,... Thư viện của nhà trường xây dựng hiện đại với nhiều đầu sách đa dạng, quý bằng tiếng việt và tiếng anh cung cấp môi trường học tập nghiên cứu cho người học một cách tốt nhất. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất giúp SV tiếp cận với kiến thức thực tế và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp tốt. Nhà trường cung cấp hạ tầng mạng internet wifi, thư viện điện

tử để hỗ trợ người học cũng như người dạy trong đào tạo và NCKH. Tất cả các cơ sở vật chất trên đều đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, ánh sáng, âm thanh,...

k.Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Tất cả các hoạt động dạy và học đều được đánh giá một cách khách quan từ phía người dạy và người học để Nhà trường và Viện CNSH LN kịp thời nắm bắt thông tin, điều chỉnh khi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Hằng năm Nhà trường và Viện CNSH LN có nhiều đề tài NCKH các cấp được thực hiện để cải tiến hoạt động dạy và học. Ngành CNSH cũng thường xuyên gửi thư xin ý kiến của các đơn vị tuyển dụng về hoạt động đào tạo của ngành để từ đó tập hợp lại đưa ra những cải tiến nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo.

l. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Ngành CNSH có tỷ lệ SV thôi học thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn cao. Viện CNSH LN thường xuyên thống kê số lượng SV ra trường có việc làm trong năm đầu tiên và nhận thấy tỷ lệ SV ra trường làm đúng ngành khá cao. Các NTD cũng có những đánh giá tốt về chất lượng của SV ngành CNSH đến làm việc sau khi ra trường.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành CNSH

a.Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc rà soát chuẩn đầu ra của ngành trong chu kỳ đánh giá được thực hiện 3 lần song khoảng cách giữa các lần rà soát chưa tuân thủ đúng 2 năm một lần.

b.Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành CNSH mặc dù đã được công bố công khai song vẫn còn một số ít ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho rằng việc tiếp cận bản mô tả chưa thực sự dễ dàng.

Trong đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành CNSH còn thiếu tính cập nhật ở phần học liệu. Một số học phần ở CTĐT phiên bản năm 2017, trình bày chưa thực sự chi tiết về cách thức đánh giá kết quả.

c.Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các thông tin phản hồi về CTDH chưa được thu thập và thống kê đầy đủ, liên tục để có đủ cơ sở rà soát để cập nhật, bổ sung giúp người học đạt được CĐR mong muốn.

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan đến việc rà soát và điều chỉnh CTDH còn gặp nhiều khó khăn và chưa thu thập được ý kiến rộng khắp của các bên liên quan.

d.Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mặc dù, đơn vị thực hiện CTĐT của ngành CNSH đã rất cố gắng hoàn thiện, cải tiến phương pháp tiếp cận trong dạy và học để phù hợp với thực tế xã hội, tuy nhiên vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, hoạt động thực hành, thực tập thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, nhiều SV chưa theo kịp với hệ thống đào tạo tin chỉ do chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng, kém ngoại ngữ.

Các hội thảo, hội nghị về công tác đổi mới và cải tiến phương pháp dạy và học ở cấp bộ môn, Viện còn hạn chế.

Hoạt động lấy ý kiến đóng góp của NTD cho mục tiêu giáo dục ngành CNSH chưa được tiến hành thường xuyên.

Một số SV năm thứ nhất gặp khó khăn trong việc thích ứng với phương pháp dạy và học theo lối tự học và tự nghiên cứu.

e.Tiêu chuẩn 5: Đánh giá KQHT của người học

Nhà trường chưa tổ chức đánh giá mức độ khó, dễ của đề thi qua thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi. Việc đổi mới cách ra đề, thay đổi bộ đề thi của các học phần thuộc ngành CNSH chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục.

f.Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ GV

Số lượng đội ngũ GV có học hàm, học vị cao tăng mạnh trong 5 năm gần đây, tuy nhiên do số lượng GV trẻ lớn nên nhiều cán bộ đang trong giai đoạn học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Hoạt động NCKH của GV chủ yếu viết báo, thực hiện đề tài cấp cơ sở, hướng dẫn NCKH SV, đề tài cấp bộ và nhà nước chưa nhiều.

Năng lực của đội ngũ GV trong công tác CVHT được đánh giá thông qua khảo sát ý kiến người học chưa được thực hiện thường xuyên.

g.Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ gặp khó khăn trong phấn đấu để đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chuẩn được quy định trong công tác thi đua khen thưởng.

h.Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Hệ thống hạ tầng mạng đôi khi chưa đáp ứng được yêu cầu truy cập đăng ký học của SV do hoạt động đăng ký học thường tập trung vào một vài tuần nên lượng truy cập quá lớn trên cùng một thời điểm.

i.Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo Nhà trường cần phát huy tiềm năng, khai thác các mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tiếp tục đầu tư kinh phí và tranh thủ các dự án để xây dựng cơ sở vật chất và nâng cấp các phòng thí nghiệm, trong đó ưu tiên cho đầu tư cơ sở vật chất cho các bộ môn nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu của đào tạo và NCKH, tạo thêm mặt bằng, sân chơi cho các hoạt động văn thể.

k.Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Số lượng ý kiến phản hồi của NTD, cựu người học phục vụ công tác đánh giá và nâng cao chất lượng CTĐT ngành CNSH còn ít chưa đáp ứng được mong đợi.

l.Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Hoạt động giám sát tình hình SV bỏ học chưa thực sự sát xao. Một số ít SV còn nợ nhiều môn, gặp khó khăn trong học trả nợ môn nên dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành chương trình học.

Số lượng các đề tài NCKH SV được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất chưa nhiều do thời gian thực hiện ngắn và khó khăn về kinh phí.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Để nâng cao hơn nữa CTĐT ngành CNSH, trong năm 2021 Viện CNSH LN có kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu, CTĐT và xây dựng CTDH. Vận hành học kỳ doanh nghiệp trong CTĐT 2019. Trong CTĐT và CTDH năm 2019 có 1 học kỳ doanh nghiệp (SV được cử đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hay các Viện nghiên cứu,... làm việc trong vòng 3-4 tháng). Điều này giúp SV có những trải nghiệm thực tế về công việc tương lai, giúp các em có định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn trước khi ra trường.

Viện CNSH LN tiếp tục tăng cường liên kết và ký các biên bản ghi nhớ với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp,... trong việc tham gia hỗ trợ đào tạo, điều kiện ăn ở, sinh hoạt,.. cho người học khi xuống doanh nghiệp, cơ sở sản xuất làm việc.

Tăng cường hoạt động NCKH và khởi nghiệp SV.

Tăng cường hơn nữa trong công tác khảo sát ý kiến của các bên liên quan phục vụ cho công tác rà soát CDR, CTĐT và CTDH của ngành CNSH góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT (Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo đánh giá theo Thông tư 04/2016)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Lâm nghiệp**

Mã: **LNH**

Tên CTĐT: **CNSH**

Mã CTĐT: **7420201**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,67	3	100
Tiêu chí 4.2						6				
Tiêu chí 4.3						6				
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5,4	5	100
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4						6				
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										

Tiêu chí 6.1					5			5,14	7	100
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7						6				
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					4			4,8	5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				4				4	5	100
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			4,67	6	100
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						

Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,8	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,95	50	100

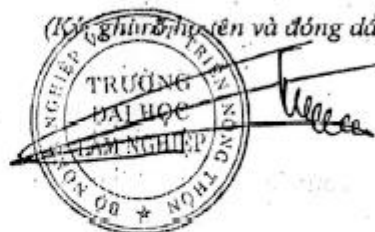
*** Ghi chú:**

- Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí.
- Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình số học mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Đuân Văn Chức

PHẦN IV. PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành: CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Thời điểm báo cáo: 20/10/2020

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập): Trường Đại học Lâm nghiệp
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Lâm nghiệp
 - Tiếng Anh: Viet Nam National University of Forestry
2. Tên viết tắt của Trường (tiếng Việt và tiếng Anh):
 - Tiếng Việt: LNH
 - Tiếng Anh: VNUF
3. Tên trước đây (nếu có)
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
5. Địa chỉ trường: TT Xuân Mai - Huyện Chương Mỹ - Tp. Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Số điện thoại: 024.3384.0233
7. Email: vnuf@vfu.edu.vn Trang thông tin điện tử: vnuf.edu.vn
8. Năm thành lập trường: 1964
(Quyết định số 127/CP ngày 19/8/1964 của Hội đồng Chính phủ)
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất
11. Loại hình trường đào tạo: Công lập

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo ngành CNSH

12. Tên Viện thực hiện chương trình đào tạo ((Theo Quyết định số 258/QĐ-BNN-TCCB ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)
 - Tiếng Việt: Viện Công nghệ sinh học Lâm nghiệp
- Các đơn vị trong Viện:
1. Bộ môn Công nghệ gen và di truyền phân tử
 2. Bộ môn Công nghệ tế bào
 3. Bộ môn CN Vi sinh - hóa sinh
 4. Bộ môn Tài nguyên thực vật
 5. Bộ môn Chọn tạo giống
 6. Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ
 7. Bộ môn Chăn nuôi – Thú y

8. Phòng tổng hợp

- Tiếng Anh: College of Forestry Biotechnology

13. Tên viết tắt của Viện:

- Tiếng Việt: Viện CNSH LN

- Tiếng Anh: CFB

14. Tên trước đây

15. Tên Chương trình đào tạo

- Tiếng Việt: ngành Công nghệ sinh học

- Tiếng Anh: Biotechnology

16. Mã CTĐT: 7420201

17. Tên trước đây của CTĐT

18. Địa chỉ của Viện CNSH LN: Tầng 2, nhà A3

19. Số điện thoại liên hệ: 024. 3384. 0233. Số Fax: 02433840063

20. E-mail: vienCNSH LN@gmail.com Website: <http://CNSH.vnuf.edu.vn/>

21. Năm thành lập Viện CNSH LN: 2013

(Theo Quyết định số 258/QĐ-BNN-TCCB ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Trường Đại học Lâm nghiệp có hai đơn vị thực hiện CTĐT ngành CNSH là Viện CNSH LN và bộ môn CNSH thuộc Phân hiệu Đồng Nai của Trường ĐHLN.

Hiện tại, Viện CNSH LN và bộ môn CNSH – Khoa Nông học thuộc Phân hiệu Đồng Nai có 07 bộ môn, 01 trung tâm và 01 phòng tổng hợp. Tổng số GV và cán bộ viên chức của Viện và bộ môn CNSH thuộc Phân hiệu là 47 người. Số GV và NCV có trình độ Tiến sĩ 19 chiếm tỷ lệ 39,58% (trong đó có 01 GS, 6 PGS chiếm tỷ lệ 14,58% (01 PGS là cán bộ thỉnh giảng), Thạc sĩ là 16 người chiếm 34,78% (trong đó có 8 NCS nước ngoài và trong nước), đại học là 6 người chiếm 13,04 % (trong đó có 01 NCS).

Trụ sở làm việc của Viện CNSH LN là toàn bộ tầng 2 nhà A3 gồm có: 14 phòng phục vụ thực hành, thí nghiệm, thực tập và NCKH; 6 văn phòng bộ môn và 01 trung tâm; 01 phòng tổng hợp; 01 phòng làm việc của Viện Trưởng, 01 phòng họp.

Năm 2016, Viện CNSH LN tuyển sinh đào tạo bậc thạc sỹ ngành CNSH.

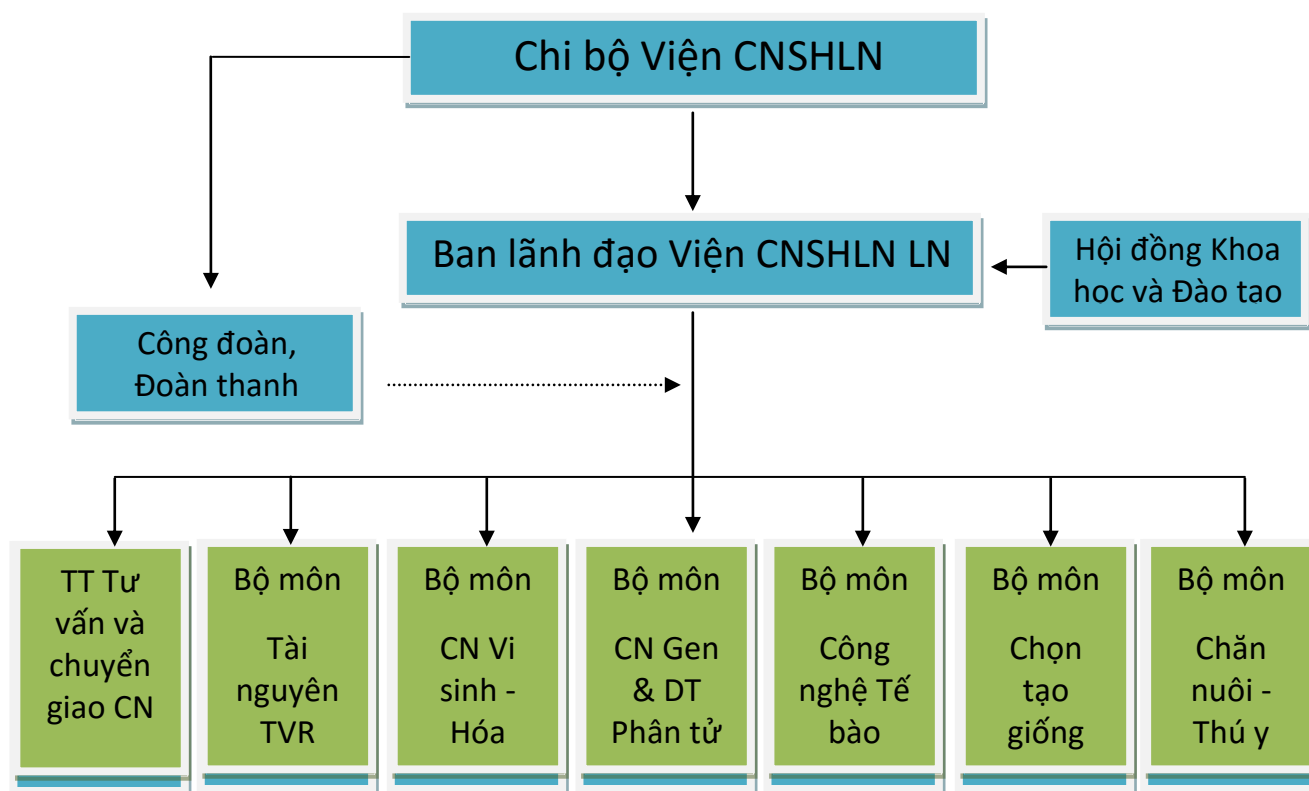
Năm 2017, Viện CNSH LN mở và tuyển sinh hai ngành học mới là: ngành Chăn nuôi và Thú y.

Viện CNSH LN chú trọng các mối quan hệ, hợp tác giữa Viện với các doanh nghiệp, Viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các GV trong Viện được đi học nâng cao trình độ và tìm hiểu thực tế. Đồng thời giúp SV có địa chỉ thực tập môn học, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp,... đáng tin cậy.

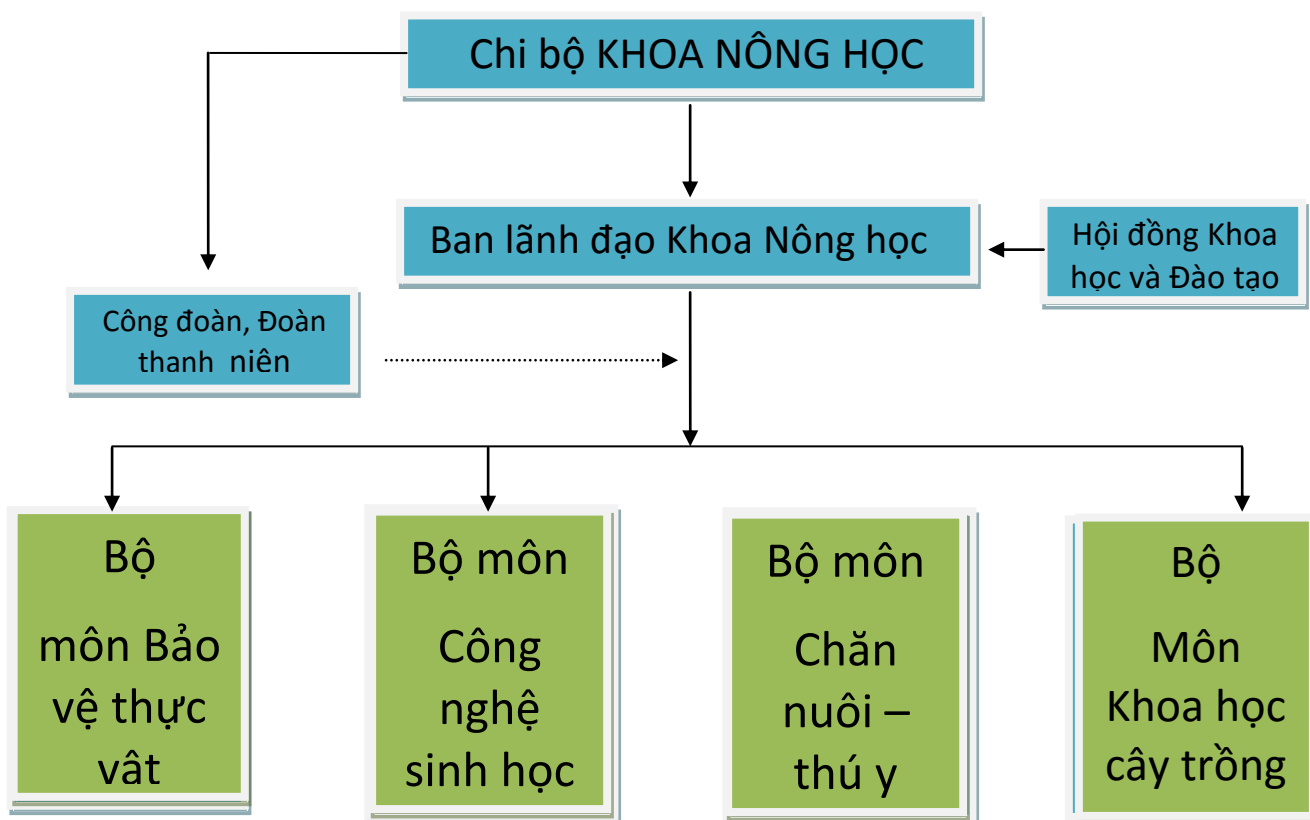
Thời gian qua Viện CNSH LN đã khai thác có hiệu quả các mối quan hệ hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài trường phục vụ sự nghiệp đào tạo của Viện như: Viện CNSH (Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam), Viện Khoa học Lâm nghiệp, Viện Di truyền, Công ty trách nhiệm hữu Khoa học và dịch vụ thương mại Thái Dương,

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT:

Cơ cấu tổ chức Viện CNSH LN



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Nông học



26. Danh sách Ban lãnh đạo Trường và Viện CNSH LN

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
I. Cơ sở Hà Nội						
Ban giám hiệu						
1	Ban giám hiệu	Trần Văn Chứ		GS, TS. Hiệu trưởng	0912.923.298	tvchuvfu@gmail.com
2	Ban giám hiệu	Cao Quốc An	1976	PGS.TS. Chủ tịch HĐ Trường	0363.532.828	quantccbdhln@gmail.com
3	Ban giám hiệu	Trần Quang Bảo		PGS.TS. Phó hiệu trưởng	0945.043.274	baofuv@yahoo.com

4	Ban giám hiệu	Bùi Thế Đồi		PGS.TS. Phó hiệu trưởng	0936.394.889	buihedoi@gmail.com
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.1. Lãnh đạo chủ chốt						
1	Ban lãnh đạo Viện	Bùi Văn Thắng	1979	PGS, TS. Viện trưởng	0983152205	thangdhln@gmail.com
2	Ban lãnh đạo Viện	Nguyễn Văn Việt	1971	PGS.TS. Phó viện trưởng	0968615192	vietsinhnv@gmail.com
3	Ban lãnh đạo Viện	Vũ Quang Nam	1975	PGS.TS. Phó viện trưởng	0984622611	namvq1975@gmail.com
I.2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công Đoàn, Hội						
1	Tổ chức Đảng	Bùi Văn Thắng	1979	PGS.TS. Bí Thư	0983152205	thangdhln@gmail.com
2	Đoàn thanh niên	Đoàn Thị Thu Hương	1993	KS. Bí thư liên chi đoàn	0945862385	thuhuongCNSH93@gmail.com
3	Công đoàn	Khuất Thị Hải Ninh	1981	TS. Chủ tịch Công đoàn	0979516284	khuatthihaininh@gmail.com
I.3. Các phòng, ban						
1	Phòng Tổng hợp	Nguyễn Thị Thơ	1980	ThS, Trưởng phòng TH	0973954911	thont@vnuf.edu.vn
I.4. Các Bộ môn, TT						
1	Bộ môn CNG & DT phân tử	Hà Bích Hồng	1979	TS. Trưởng BM	0968137884	hahongvp83@gmail.com
2	Bộ môn CN tế bào	Nguyễn Văn Việt	1971	PGS.TS. Trưởng BM	0968615192	vietsinhnv@gmail.com
3	Bộ môn CN vi sinh – hóa sinh	Vũ Kim Dung	1982	TS. Trưởng bộ môn	0988893382	dungvuCNSH@gmail.com
4	Bộ môn Chọn tạo giống	Hoàng Vũ Thơ		PGS.TS. Trưởng BM	0913526306	hoangngocvutho@gmail.com
5	Bộ môn Tài nguyên TVR	Vũ Quang Nam	1975	PGS.TS. Trưởng BM		namvq1975@gmail.com
6	Bộ môn Chăn nuôi – thú y	Nguyễn Thị Thu Trang		ThS. Phụ trách Bộ môn	0963203408	nguyenthithutrang1233210@gmail.com

7	Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ	Phùng Văn Phê	1971	ThS. Giám đốc	0366592175	phungphe@gmail.com
---	---	---------------	------	---------------	------------	--------------------

II. Phân hiệu Đồng Nai

Ban giám hiệu

1	Ban Giám hiệu	Trần Văn Chữ		GS, TS. Phụ trách phân hiệu	0912.923.298	tvchuvfu@gmail.com
2	Ban Giám hiệu	Mai Hải Châu		TS; Phó Giám đốc	0988.806.866 0933.997.010	chaudhln@gmail.com
3	Ban Giám hiệu	Nguyễn Sỹ Hà		TS; Phó Giám đốc	0983.099.007	hans@vfu.edu.vn

Đơn vị thực hiện CTĐT

II.1. Lãnh đạo chủ chốt

1	Ban chủ nhiệm Khoa	Mai Hải Châu		TS; Chủ nhiệm Khoa	0988.806.866 0933.997.010	chaudhln@gmail.com
2	Ban chủ nhiệm Khoa	Dương Thị Việt Hà		ThS. Phó Chủ nhiệm Khoa	0907703141	dvhavfu2@gmail.com

II.2. Các Bộ môn

1	Bộ môn Công nghệ sinh học	Trần Thị Hương		ThS. Trưởng BM	0986749177	tranhuong3182@yahoo.com
2	Bộ môn Bảo vệ thực vật	Trần Thị Hương		ThS. Trưởng BM	0986749177	Tranhuong3182@yahoo.com
3	Bộ môn Chăn nuôi thú y	Nguyễn Thị Chuyên		ThS. Trưởng BM	0979529533	chuyenln2@gmail.com
4	Bộ môn Khoa học cây trồng	Dương Thị Việt Hà		ThS. Trưởng BM Khoa	0907703141	dvhavfu2@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: CNSH, CNSH chất lượng cao, Chăn nuôi và Thú y.

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: không

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: Liên thông (03).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Chính quy



- Không chính quy ☐
- Từ xa ☐
- Liên kết đào tạo với nước ngoài ☐
- Liên kết đào tạo trong nước ☐
- Các loại hình đào tạo khác ☐

29. Tổng số các ngành đào tạo: 03 ngành

IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	20	27	47
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	20	27	47
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	01	0	01
	Tổng số	21	27	48

31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1			1	0	0
2	Phó Giáo sư	6	4		1	1	0
3	Tiến sĩ khoa học						0
4	Tiến sĩ	12	11		1	0	0
5	Thạc sĩ	16	16			0	0
6	Đại học	4	4			0	0
7	Cao đẳng					0	0
8	Trình độ khác					0	0

	Tổng số	39	35		3	1	0
--	---------	----	----	--	---	---	---

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 38 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 38/47

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	1			1			1,5
2	Phó Giáo sư	3,0	6		4	1	1		13,5
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	12		11	1			22,6
5	Thạc sĩ	1	16		16				16
6	Đại học	0,5	4		4				2
	Tổng								55,6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60

1	Giáo sư, Viện sĩ	1	2,63	1				1		
2	Phó Giáo sư	5	13,16	5		0		4	1	0
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	12	31,58	4	8	0	8	4	0	0
5	Thạc sĩ	16	42,11	6	12	2	9	5	0	0
6	Đại học	4	10,52	2	2	2	2	0	0	0
	Tổng	38	100	18	22	4	19	14	1	0

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 38,37 tuổi

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 47,37%

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 42,11%

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	26,32	50
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	39,47	40
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	26,32	10
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	7,89	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
---------	------------------------------	------------------------	------------------	-----------------------------	--------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------------

	(người)						
2015-2019	116	114	1,02	50	15	19,16	0
2016-2020	72	59	1,22	29	15	20,26	0
2017-2021	147	54	2,72	19	15,5	18,8	0
2018-2022					13		0
2019-2023	64	50	1,28	10	14		0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	7	7	9	16	12
3. SV đại học Trong đó:	360	348	192	93	55	43
Hệ chính quy	360	348	192	93	55	43
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0	0

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học
--	---------

	2015-2016	2016-2017	2017 -2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0%	0%	0%	0%	0%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	25	25	25	25	25
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)(người)	37	25	39	15	6
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	37	25	39	15	6
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)					

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học					
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	66	102	77	70	38	31
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	19%	28%	22%	36%	40,86%	56,36%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2015	2016	2017	2018	2019	
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0		
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	6		4
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:	37	41	139	104	41	

Hệ chính quy	37	41	139	104	41	
Hệ không chính quy	0	0	0	0		
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0		
Hệ chính quy	0	0	0	0		
Hệ không chính quy	0	0	0	0		
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0		
Hệ chính quy	0	0	0	0		
Hệ không chính quy	0	0	0	0		
6. Khác...	0	0	0	0		

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	37	41	139	104	41
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào(%).	94,9%	89,13%	83,85%	58,8%	82,0%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 4						
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:						

3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					66,61 %	87,77 %
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					33,39 %	19,23 %
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:						
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành và gần đào tạo (%).						
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	45,45 %	63,6%	87,5%	46,43 %	79,19 %	72%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	42,43 %					0%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	12,12 %	36,4%	12,5%	48,21 %	37,8%	28%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	3-5 triệu				>7 triệu	6-7 triệu

5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:						
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).						
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm(%).						
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng(%).						

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1	Đề tài cấp NN	2,0	2	2	1	1	6	24
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	1	1	3		7
3	Đề tài cấp trường/tỉnh	0,5	13	13	12	6	8	26
4	Tổng		17	16	14	10	14	57

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 57

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN: 57/47

43. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2015			
2	2016			
3	2017			
4	2018			
5	2019	75		

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	10	12	40	
Từ 4 đến 6 đề tài	5		5	
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia	15	12	45	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng(đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0		2	1	4	3		20
2	Sách giáo trình	1,5			2		1	1	6
3	Sách tham khảo	1,0				1	1		2
4	Sách hướng dẫn	0,5			1				0,5
5	Tổng			2	4	5	5		28,5

Tổng số sách (quy đổi): 28,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 28,5/47

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	5	4	2	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	1			
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	6	4	2	1

47. Số lượng bài báo của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	5	7	5	17	8	66
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	17	43	60	36	31	8	195
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5							
	Tổng		19	48	67	41	48	16	261

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 261

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $261/47 = 5,55$ bài

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	10	16	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	8	0
Từ 11 đến 15 bài báo	1	2	0
Trên 15 bài báo	0	4	0
Tổng số cán bộ tham gia	10	30	0

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	4	4	3	4	15
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	1	0	3	0	2
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	
4	Tổng		0	5	4	6	4	17

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 17

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $17/47$

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	8	5
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	1	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	8	5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014-2015	0
2015-2016	0
2016-2017	0
2018-2019	Số 76683/QĐ-SHTT, tên: Quy trình sản xuất cây xoan ta (<i>Melia azedarach</i> Linn) tam bội bằng phương pháp nuôi cấy nội nhũ (Cục sở hữu trí tuệ, ngày cấp 30/10/2018, người được cấp: Bùi Văn Thắng, Hồ Hải Ninh) Số 81131/QĐ-SHTT, tên: Quy trình nhân giống cây Khôi tía (<i>Ardisia sylvestris</i> Pitard) bằng kỹ thuật nuôi cấy <i>in vitro</i> (cục sở hữu trí tuệ, ngày cấp 13/11/2018, người được cấp: Nguyễn Văn Việt, Bùi Văn Thắng)

52. NCKH của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	

Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	329	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	329	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích NCKH của SV:

(*Thông kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng					
		2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	6	7	5	5	5	3
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố						

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

VIIa. Cơ sở chính

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 1.364.721,5 m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 1433 m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 20.552 m² - Nơi học: 29.506 m² - Nơi vui chơi giải trí: 18.566 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 11.797m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 11.797/12.000 = 2,46 m²/SV

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành CNSH được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 290 đầu sách/tài liệu

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 20

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 05 bộ

- Dùng cho người học học tập: 343 bộ

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: = 343/509 = 0,67

VIIb. Phân hiệu

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 261.060 m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 13.377 m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²)

- Nơi làm việc: 2.910 m² - Nơi học: 5.045 m² - Nơi vui chơi giải trí: 9.760 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 5.054 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $5.054/481 = 10,51\text{m}^2/\text{SV}$

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 61 đầu sách

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 08

- Dùng cho người học học tập: 111

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: $111/481=0,23$

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên

Tổng số GV cơ hữu (người): 38

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 80,85%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 47,37%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 42,11%

2. Người học:

Tỷ số người học chính quy trên GV: 5,5 SV/GV (thống kê năm học 2019-2020)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): trung bình 5 năm gần đây là 86,08%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 96,15%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 3,85%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo hoặc gần ngành đào tạo (%): 69,92%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo(%): 30,08%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6-7 triệu/tháng (số liệu của năm 2020)

5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 89,87%-96,1% tùy kỹ năng (Số liệu khảo sát năm 2018)

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 4-10,13% tùy kỹ năng (Số liệu khảo sát năm 2018)

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 50/47

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 28,5/47

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 261/47

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 17/47

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,67 (Cơ sở chính) và 0,23 (Phân hiệu)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,46 m²/SV (Cơ sở chính) và 10,51m²/SV (Phân hiệu)

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:

**Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá số 514/QĐ-ĐHLN-TCCB
ngày 31/3/2020**

Kg Viện CNSH LN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *514* /QĐ-ĐHLN-TCCB

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Công nghệ sinh học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học Lâm nghiệp và Trường phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và bổ sung nhân sự Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ sinh học, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức cán bộ, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học Lâm nghiệp và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban giám hiệu;
- Hội đồng trường;
- Lưu: VT, TCCB, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Chữ

Phụ lục I

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

(Kèm theo Quyết định số: 514/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	GS.TS. Trần Văn Chữ	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Trần Quang Bảo	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Bùi Văn Thắng	Viện trưởng Viện CNSHLN	Phó Chủ tịch TT
4	ThS. Nguyễn Thị Thơ	Trưởng phòng Tổng hợp	Thư ký
5	ThS. Dương Thị Việt Hà	Phó Trưởng khoa Nông học (Phân hiệu Đồng Nai)	Thành viên
6	PGS.TS. Phạm Minh Toại	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Hữu Cương	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thành viên
8	PGS.TS. Nguyễn Văn Việt	Phó Viện trưởng Viện CNSHLN	Thành viên
9	PGS.TS. Vũ Quang Nam	Phó Viện trưởng Viện CNSHLN	Thành viên
10	TS. Vũ Kim Dung	Trưởng BM Công nghệ Vi sinh - Hóa sinh	Thành viên
11	Nguyễn Thị Hà Phượng Loan	Sinh viên K62 CNSH	Thành viên

(Danh sách này có 11 người).

Phụ lục II

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

*(Kèm theo Quyết định số: 514/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Văn Việt	Phó Viện trưởng Viện CNSHLN	Trưởng Ban thư ký
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Chuyên viên Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Thị Thơ	Trưởng phòng TH, Viện CNSHLN	Thành viên
4	TS.Vũ Kim Dung	Trưởng bộ môn Công nghệ Vi sinh - Hóa sinh	Thành viên

(Danh sách này có 04 người).

Phụ lục III

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

*(Kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)*

Nhóm	TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
I	1	TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm	Giảng viên BM CNTB	Trưởng nhóm
	2	TS. Hà Bích Hồng	Giảng viên BM CNG&DTPT	Thành viên
	3	ThS. Trần Thị Thời	Chuyên viên Phòng TH	Thành viên
	4	ThS. Nguyễn Xuân Nam	Kỹ sư TT Tư vấn và CGCN	Thành viên
	5	ThS. Nguyễn Thị Huyền	Giảng viên BM CNTB	Thành viên
II	1	TS. Vũ Kim Dung	Trưởng BM CNVS-HS	Trưởng nhóm
	2	TS. Nguyễn Như Ngọc	Giảng viên BM CNVS-HS	Thành viên
	3	ThS. Đỗ Văn Hiệp	Giảng viên BM CNTY	Thành viên
	4	ThS. Cao Thị Việt Nga	Giảng viên BM TNTVR	Thành viên
	5	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Giảng viên BM CNTY	Thành viên
III	1	PGS.TS. Hoàng Vũ Thơ	Trưởng BM Chọn tạo giống	Trưởng nhóm
	2	TS. Bùi Thị Mai Hương	Giảng viên BM CNG&DTPT	Thành viên
	3	KS. Lê Viết Việt	Kỹ sư BM Tài nguyên TVR	Thành viên
	4	TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Giảng viên BM CNVS-HS	Thành viên
	5	ThS. Phùng Văn Phê	Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Chuyển giao công nghệ	Thành viên
IV	1	PGS.TS. Vũ Quang Nam	Phó Viện trưởng Viện CNSHLN	Trưởng nhóm
	2	ThS. Hoàng Thị Thắm	Giảng viên BM Tài nguyên TVR	Thành viên
	3	TS. Nguyễn Thế Hường	Giảng viên BM Chọn tạo giống	Thành viên
	4	ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng	Giảng viên BM CNVS-HS	Thành viên
	5	ThS. Phạm Hồng Vân	Giảng viên BM Chăn nuôi Thú y	Thành viên
V	1	PGS.TS. Nguyễn Văn Việt	Phó Viện trưởng Viện CNSHLN	Trưởng nhóm
	2	ThS. Nguyễn Thị Thơ	Trưởng phòng Tổng hợp	Thành viên
	3	TS. Khuất Thị Hải Ninh	Giảng viên BM Chọn tạo giống	Thành viên

(Danh sách gồm có 23 người)

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 86/QĐ-ĐHLN-TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ sinh học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng KT&ĐBCL, Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ sinh học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm Công tác chuyên trách gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ sinh học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04 ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 về việc Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng KT&ĐBCL, Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học lâm nghiệp và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban giám hiệu;
- Hội đồng trường;
- Lưu: VT, TCCB, KT&ĐBCL.



Điền Văn Chí

Phụ lục I
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC
(Kèm theo Quyết định số 866 /QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 27 tháng 4 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	GS.TS. Trần Văn Chữ	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Trần Quang Bảo	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Bùi Văn Thắng	Viện trưởng Viện CNSH	Phó Chủ tịch TT
4	ThS. Nguyễn Thị Thơ	GV BM TNTVR	Thư ký
5	TS. Phạm Văn Hường	Trưởng khoa Nông học (Phân hiệu)	Thành viên
6	PGS.TS. Cao Quốc An	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Hữu Cường	P.Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thành viên
8	PGS.TS. Nguyễn Văn Việt	P.Viện trưởng Viện CNSH	Thành viên
9	PGS.TS. Vũ Quang Nam	P.Viện trưởng Viện CNSH	Thành viên
10	TS. Vũ Kim Dung	Trưởng BM CNVSHS	Thành viên
11	Chu Thị Thúy Dung	Sinh viên K 60 CNSH	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người)

Phụ lục III

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

*(Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-DHLN-TCCB ngày 27 tháng 4 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)*

Nhóm	TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
I	1	PGS.TS. Bùi Văn Thắng ✓	Viện trưởng Viện CNSH	Trưởng nhóm
	2	TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm ✓	GV BM CNTB, P.Trách p.TH	Thành viên
	3	ThS. Trần Thị Thời ✓	Trợ lý phòng TH	Thành viên
	4	ThS. Nguyễn Thị Huyền ✓	GV BM CNTB	Thành viên
II	1	TS. Vũ Kim Dung	Trưởng BM CNVSHS	Trưởng nhóm
	2	TS. Nguyễn Như Ngọc ✓	GV BM BM CNVSHS	Thành viên
	3	TS. Khương Thị Thu Hương	GV BM CNTB	Thành viên
	4	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung ✓	Kỹ sư BM CNVSHS	Thành viên
	5	KS. Cao Thị Việt Nga	GV BM TNTVR	Thành viên
III	1	PGS.TS. Hoàng Vũ Thơ ✓	Trưởng BM Chọn tạo giống	Trưởng nhóm
	2	TS. Bùi Thị Mai Hương ✓	GV BM CNG&DTPT	Thành viên
	3	ThS. Nguyễn Anh Quân ✓	Trợ lý phòng TH	Thành viên
	4	TS. Đào Ngọc Chương ✓	Kỹ sư TT TV&CGCN	Thành viên
	5	ThS. Phùng Văn Phê ✓	GV BM TNTVR	Thành viên
IV	1	PGS.TS. Vũ Quang Nam	P.Viện trưởng Viện CNSH	Trưởng nhóm
	2	TS. Khuất Thị Hải Ninh ✓	GV BM Chọn tạo giống	Thành viên
	3	TS. Lê Thọ Sơn	GV BM CNG&DTPT	Thành viên
	4	ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng ✓	GV BM CNVSHS	Thành viên
V	1	PGS.TS. Nguyễn Văn Việt ✓	P.Viện trưởng Viện CNSH	Trưởng nhóm
	2	ThS. Nguyễn Thị Thơ ✓	GV BM TNTVR	Thành viên
	3	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng ✓	GV BM BM CNVSHS	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người)

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đề đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT - BGDDT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo công văn hướng dẫn 1074/KTKĐCLGD - KĐĐH và 1075/KTKĐCLGD - KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ sinh học được thành lập theo Quyết định số 866/QĐ – ĐHLN – TCCB ngày 27/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp. Hội đồng gồm có 11 thành viên (phụ lục I).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ sinh học được thành lập theo quyết định số 866/QĐ – ĐHLN – TCCB ngày 27/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp. Ban thư ký gồm có 04 thành viên (Phụ lục II), các nhóm công tác chuyên trách gồm 23 thành viên (Phụ lục III).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1	Từ 14/5 - 31/7/2018	
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 6	Nhóm 2		
4	Tiêu chuẩn 7, 8, 9	Nhóm 3		
5	Tiêu chuẩn 10, 11	Nhóm 4		
6	Phụ trách các phần chung của báo cáo (Phần 1: Khái quát, phần 3: Kết luận, Phần 4: Phụ lục)	Nhóm 5		

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1,2,3	- Rà soát lại mục tiêu, chuẩn đầu ra và mô tả của CTĐT. - Tập hợp, photo đề cương chi tiết của CTĐT. - Đăng tải thông tin trên website. - Rà soát lại nội dung và cấu trúc chương trình dạy học. - Tập hợp các văn bản, quy định khác làm minh chứng cho tiêu chuẩn 1,2,3.	- Toàn bộ GV của CNSL LN - Thành viên Ban quản trị website của Viện - Thành viên nhóm 1 - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng đào tạo, các bộ môn của Viện.	14/5/2018 -31/7/2018
2	Tiêu	- Rà soát lại các quy định về	- Giảng viên giảng	14/5/2018

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
	chuẩn 4,5,6	kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. - Rà soát lại danh sách đội ngũ GV, NCV. - Rà soát lại bản mô tả vị trí công việc của đội ngũ GV, NCV. - Kiểm tra hồ sơ, bằng cấp, hợp đồng lao động của đội ngũ GV, NCV. - Rà soát công tác dự giờ, đánh giá năng lực của GV, NCV. - Kiểm tra sơ đồ tổ chức của Viện và bộ môn. - Tập hợp minh chứng theo đúng yêu cầu các tiêu chí của tiêu chuẩn 4,5,6.	dạy của ngành CNSH LN - Thành viên nhóm 2 - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng đào tạo, Phòng Khảo thí & ĐBCL, Phòng TCCB.	- 31/7/2018
3	Tiêu chuẩn 7,8,9	-Thống kê danh sách đội ngũ nhân viên. - Rà soát công tác tuyển sinh. - Thống kê các báo cáo về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, Đoàn, Hội... của người học. - Rà soát hệ thống cơ sở vật	- Cán bộ, GV, Sinh viên, Viện CNSH. - Thành viên nhóm 3 - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng đào tạo, Phòng Khảo thí & ĐBCL, Phòng	14/5/2018 - 31/7/2018

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo. - Lấy ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng (phòng thí nghiệm, phòng vi tính,...); - Thống kê chi tiết danh sách các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng; - Quy định về hoạt động của thư viện, tập hợp danh mục sách, giáo trình của ngành CNSH; - Tập hợp minh chứng theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn, 7, 8, 9.	QTTB, Phòng CTSV.	
4	Tiêu chuẩn 10,11	- Tổng hợp minh chứng về lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, cựu SV, nhà tuyển dụng về CTĐT. - Tổng hợp minh chứng sử dụng kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. - Thống kê sinh viên tốt nghiệp: số lượng, thời gian TN	- Các giảng viên, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng... - Thành viên nhóm 4 - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng đào tạo, Phòng Khảo thí & ĐBCL, Phòng	14/5/2018 - 31/7/2018

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		trung bình. - Thống kê SV thôi học. - Thống kê tỷ lệ SV có việc làm sau khi TN. - Tập hợp minh chứng theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn 10,11.	CTSV, Trung tâm XTĐT&DH.	
5	Các phần chung của báo cáo	- Thu thập thông tin và viết báo cáo về các nội dung: + Phần I: Khái quát + Phần III: Kết luận + Phần IV: Phụ lục	- HD tự đánh giá CTĐT CNSH. - Thành viên nhóm 5 - Đơn vị phối hợp: Phòng Khảo thí & ĐBCL; Phòng đào tạo; Phòng QTTB; Phòng CTSV; Phòng KHCN; Trung tâm xúc tiến TS; Phòng TCCB	14/5/2018 - 31/7/2018

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nguồn cung cấp	Kinh phí thực hiện	Thời gian
----	------------	---------------	----------------	--------------------	-----------

1	Tiêu chuẩn 1,2,3	- Khảo sát nhu cầu thị trường lao động - Khảo sát doanh nghiệp, cựu SV về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT	- Công ty, doanh nghiệp - Cựu SV - Viện nghiên cứu	Phòng Tài chính kế toán	14/5/2018 - 31/7/2018
2	Tiêu chuẩn 10	- Khảo sát doanh nghiệp, cựu SV, SV về CTĐT minh chứng cho việc thị trường lao động tham gia vào thiết kế CTĐT (Khảo sát, Hội thảo...)	- Công ty, doanh nghiệp - Cựu SV - Viện nghiên cứu	Phòng Tài chính kế toán	14/5/2018 - 31/7/2018

7. Kế hoạch thuê chuyên gia: Không

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Từ 10-30/4/2018	Họp ban chỉ đạo đánh giá các chương trình đào tạo (CTĐT) năm 2018 (theo QĐ số 406/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 09/3/2018) để thảo luận mục đích, phạm vi, kế hoạch và đề xuất giải pháp triển khai tự đánh giá CTĐT. Viện đề xuất CTĐT thực hiện tự đánh giá trong năm 2018 và danh sách các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm Công tác chuyên trách của mỗi CTĐT. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.
Từ ngày 02-	Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT (lần 1): - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;

Thời gian	Các hoạt động
11/5/2018	- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách (CTCT); - Thảo luận về kế hoạch tự đánh giá CTĐT để trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch tự đánh giá của mỗi CTĐT.
Từ 12/5/2018- 01/3/2019	Các nhóm CTCT thực hiện các công việc: - Phân tích nội hàm của các tiêu chí; - Thu thập, nghiên cứu thông tin và minh chứng; - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; - Viết báo cáo TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đã được phân công.
Từ 02/3- 15/6/2019	Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT (lần 2): - Thảo luận về những vấn đề phát sinh trong quá trình viết báo cáo; - Xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung;
Từ 16/6/2019- 31/5/2020	Các nhóm CTCT tiếp tục thực hiện thu thập minh chứng và viết báo cáo dưới sự chỉ đạo của Hội đồng TĐG.
Từ 01/6- 31/7/2020	1. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT (lần 3): - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 2. Ban thư ký các Hội đồng TĐG tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Từ 1/8-	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự

Thời gian	Các hoạt động
30/8/2020	đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa. Các nhóm CTCT tiếp tục sửa báo cáo TĐG. 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Từ 1/8-31/8/2020	1. Các nhóm CTCT tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý. 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp (lần 4) thông qua báo cáo tự đánh giá và nộp báo cáo cho Ban chỉ đạo đánh giá các CTĐT để nghiệm thu.
Từ 1-15/9/2020	1. Hội Ban chỉ đạo đánh giá các CTĐT để nghiệm thu các Báo cáo TĐG. 2. Các HĐ TĐG chỉ đạo hoàn thiện các báo cáo TĐG.
Từ 16/9-30/9/2020	Công bố bản báo cáo TĐG (đã hoàn thiện) trong nội bộ Trường ĐHLN và đơn vị thực hiện CTĐT.
Từ 1/10-30/10/2020	1. Nhà trường gửi các báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ NN&PTNT, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường, Viện bảo quản báo cáo tự đánh giá , lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban giám hiệu;
- Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNCBLS;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu: VT, Viện CNG, Phòng KT&ĐBCL.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Quang Bảo